

SAN FRANCISCO PUBLIC LIBRARY



3 1223 09920 9414

VIỆT NAM HẢI NGOẠI
TÂY BẮC HOA KỲ

BÚT HOA

TUYỂN TẬP VĂN



Painted Hills: Oregon
ảnh: Bùi Mỹ Hoa LRPS

2005

INTERNATIONAL CENTER

JAN 5 - 2012

VĂN BÚT VIỆT NAM HẢI NGOẠI
TRUNG TÂM TỰ DO HẢI NGOẠI

BÚT HOA
TUYÊN TẬP VĂN

VĂN BÚT VIỆT NAM HẢI NGOẠI
KHU VỰC TÂY BẮC HOA KỲ
HOÀNG XUYỀN ANH
5304 Swainsons Ct.
Concord, CA 94521

(415) 685 9553

JAN 4 - 2012

INTERNATIONAL CENTER



THE UNIVERSITY OF CALIFORNIA
LIBRARY
1000 UNIVERSITY AVENUE
LOS ANGELES, CALIF. 90024-1545

(1975-76) 227

**VĂN BÚT VIỆT NAM HẢI NGOẠI
TRUNG TÂM TÂY BẮC HOA KỲ**

BÚT HOA

TUYỂN TẬP VĂN

2005

VĂN BÚT VIỆT NAM HIỆN NGƯỜI
TRÌNH TẬP TẬP BẮC HOA KỲ

BÚT HOA

TUYỂN TẬP VĂN

BẮC GIANG

- Tên Thật: Phạm Đức Dũng
- Bút hiệu: Bắc Giang
- Ngày sinh: 19/2/1945
- Nơi sinh: Bắc Giang - Hà Nội Việt Nam.
- Nghề nghiệp: Dược sĩ
- Hiện cư ngụ tại: Oakland, Bắc California.

Thử So Sánh

THANH TÂM TÀI NHÂN

Với

Đại Thi Hào NGUYỄN DU

Bắc Giang

Trong văn chương Việt Nam nói đến truyện Kiều không phải là một điều mới mẻ hay xa lạ, truyện Kiều đã ăn sâu vào tiềm thức người dân Việt không khác gì ca dao, tục ngữ, mọi người từ giới thức giả cho đến đám bình dân ai ai cũng biết, cũng nhớ một vài câu không ít thì nhiều, kể cả dân quê ta từ các ông già bà lão ở những miền đồi núi xa xôi hẻo lánh cho đến những người chưa từng cắp sách đến trường, cũng truyền nhau, cũng thuộc lòng một vài câu Kiều, cũng biết ê a:

Trăm năm trong cõi người ta

Chữ tài chữ mệnh khéo mà ghét nhau

Thậm chí trong lúc ru em, hát hò ở những hội hè đình đám, bạn bè họp mặt, chén chú chén anh, truyện Kiều cũng được mang ra nào là lấy Kiều, bói Kiều, đố Kiều, giải Kiều, tuồng hát

Kiều, lập hội Kiều, kỷ niệm Kiều, có nhiều người thuộc Kiều đến nỗi có thể đọc thuộc lòng hơn ba ngàn câu một cách dễ dàng không vấp vấp. Truyện Kiều cho đến nay không còn bị giới hạn trong phạm vi giải trí, văn chương mà còn là vấn đề văn hóa của một dân tộc. Truyện Kiều không những chỉ phổ biến ở nước ta mà lại còn được dịch ra hàng chục thứ tiếng khiến nhiều người ngoại quốc khi đọc qua cũng phải thán phục, khen ngợi. Có nhiều giả thuyết về nguồn gốc của nó nhưng

chúng ta ai ai cũng biết Nguyễn Du viết truyện Kiều dựa vào một trong hai tác phẩm của Trung Hoa sau, đây:

1/ Nguyễn Du tình cờ đọc một truyện ngắn có tên Phong Tình Cổ Lục rút trong Ngu Sơ Tân Chí của Dư Hoài mà viết ra truyện Kiều hay ĐTTT bằng thể thơ lục bát, đây là một truyện ngắn chỉ có khoảng hơn kém 1100 chữ, viết bằng văn xuôi, kể lại cuộc đời phong ba của nàng Vương Thúy Kiều, nên ngay trong hai câu mở đầu Nguyễn Du đã xác nhận nguồn gốc đó:

Cảo thơm lần giở trước đèn

“Phong tình cổ lục” còn truyện sử xanh

Nhưng trong Phong tình cổ lục, Dư Hoài chỉ viết đến đoạn Thúy Kiều tự vẫn trên sông Tiền Đường, hơn nữa Thúy Kiều của Dư Hoài chỉ là cô bé hát dạo tầm thường gặp một chàng hào hoa ăn chơi cho đến khi giặc giã nổi lên mới kết duyên cùng tên giặc bề Từ Hải.

2/ Sau khi đọc kỹ Bản Phưởng của Phạm Quý Thích và Bản Kinh của vua Dực Tông, Trần Trọng Kim và Bùi Kỷ đã cho rằng Nguyễn Du nhân đọc một tiểu thuyết của Thanh Tâm Tài Nhân là Kim Vân Kiều truyện, kể về một cô bé mang tên Vương Thúy Kiều tài sắc vẹn toàn nhưng gian truân khổ sở, dựa vào quyển sách này mà tiên sinh viết ra Đoạn Trường Tân Thanh, ta thấy có chữ “Tân” có nghĩa là “mới” để so sánh với bản “cũ” của Thanh Tâm Tài Nhân.

Nhưng cũng còn nhiều giả thuyết khác cho rằng Kim Vân Kiều truyện của Thanh Tâm Tài Nhân cũng chỉ kể lại từ một câu chuyện có thật do Mao Khôn, một người thuộc quân đội của Hồ Tôn Hiến ghi lại trong sách “Kí tiểu trử Từ Hải bản mặt”. Câu chuyện này về sau cũng được nhiều người kể lại tuy có nhiều điểm khác nhau nhưng đại loại đều tương tự thí dụ như Lý Thúy Kiều truyện của Đới Sĩ Lâm, Kim Vân Kiều truyện của Dư Hoài v..v.

Hầu hết các sách giáo khoa của chúng ta đều cho rằng giả thuyết của Trần Trọng Kim và Bùi Kỷ có nhiều bằng chứng xác đáng, có thể chấp nhận được. Vậy ta thử so sánh một vài đoạn trong Kim Vân Kiều truyện và ĐTTT xem vì lý do nào tác phẩm này lại nổi tiếng, được nhiều người ưa chuộng và tác phẩm nào mới thực sự là tác phẩm đưa truyện Kiều lên tột đỉnh của danh vọng. Nếu trong văn chương Việt Nam, ĐTTT của Nguyễn Du là một kiệt tác, làm say mê hàng triệu triệu người từ thế kỷ này sang thế kỷ khác, thì trong văn chương Trung Hoa hầu như không mấy ai biết tới Kim Vân Kiều truyện và Thanh Tâm Tài Nhân cũng chỉ là một nhà văn trung bình bởi vì lời văn của Thanh Tâm Tài Nhân rất thô sơ, tầm thường, không gây được cảm hứng cho người đọc. Ta hãy thử mở Kim Vân Kiều truyện để xem lối hành văn của Thanh Tâm Tài Nhân khi giới thiệu sắc đẹp hai chị em Thúy Vân, Thúy Kiều:

(dịch theo bản số A.593 E.F.E.O)

“Con gái lớn là Thúy Kiều, con gái nhỏ là Thúy Vân, sinh ra đã có vẻ đẹp dễ thương, tính nết diễm đạm. Cả hai người đều thông thạo thơ phú”

Phần mở đầu thật đột ngột, tầm thường, lối hành văn rất thô sơ, ấu trĩ, câu văn vừa nhát gừng, vừa quê mùa như là một thể loại văn nói hơn là văn viết. Nói thì nói sao cũng được miễn là người đối thoại có thể hiểu, nhưng viết thì đòi hỏi phải ra câu, ra cú có đầy đủ chủ từ, động từ, tĩnh từ, văn phạm phải nghiêm chỉnh, phải có những câu chuyển tiếp, tác giả dùng quá nhiều dấu chấm, dấu phẩy làm ý tưởng cũng như lời văn không còn liên tục, bị ngắt quãng từng đoạn, nên văn phong rời rạc. Chỉ mới đọc qua đoạn ngắn mở đầu người đọc đoán rằng đây có thể do một cậu học trò nhà quê nào đó tập tễnh viết văn chứ không phải của một văn sĩ, đừng nói đến một nhà văn nổi tiếng.

Trong khi cùng một ý đó, để giới thiệu sắc đẹp hai chị em Thúy Vân, Thúy Kiều, Tiên Điền đã dùng bốn câu lục bát êm ái

nhẹ nhàng mà lại bóng bẩy, nồng nàn:

*Đầu lòng hai ả Tố Nga
Thúy Kiều là chị, em là Thúy Vân
Mai cốt cách tuyết tinh thần
Mỗi người một vẻ mười phân vẹn mười*

Bốn câu giới thiệu này thật tuyệt vời, thật linh động, thật quyến rũ, giả thử chúng ta chưa hề gặp mặt hai chị em Thúy Vân, Thúy Kiều, nhưng chỉ mới đọc qua đoạn tả trên cũng thấy đam mê, hào hứng,

Tiên Điền đã dùng những chữ mà không một nhà thơ nào có thể tìm ra được chữ khác hay hơn, trong sáng hơn như chữ “Tố Nga” để tả một người đẹp như chị Hằng Nga trên cung Quảng, cốt cách quý phái sang trọng như mai vàng ngày tết, tinh thần thanh khiết như tuyết trắng trên đồi. Mỗi người cao sang lộng lẫy khác nhau như những Tiên Nga giáng thế. Cách dùng chữ, dùng âm điệu của Tiên Điền rất nên thơ, từng câu, từng vần vang dội như nhạc sĩ xử dụng cung bậc của âm thanh khi trầm khi bổng để lôi cuốn người nghe, tạo cho người nghe một cảm giác say mê, thanh thoát, bay bổng ..

Bước sang phần tả tài sắc của hai ả Tố Nga này, Thanh Tâm Tài Nhân viết:

“Duy Thúy Kiều vốn người phong lưu yếu điệu, tính tình hào hoa và thích âm luật rất giỏi đàn hồ cầm. Thúy Vân vốn tánh điềm đạm, thấy Thúy Kiều ham chơi hồ cầm, lúc nhàn rỗi thường can gián rằng: “Âm nhạc không phải việc của người con gái chốn khuê môn, nếu người ngoài nghe thấy sẽ không tiện. Thúy Kiều cũng biết vậy nhưng không theo, thường làm bài ca “Bạc mệnh oán” đem phổ vào hồ cầm, âm điệu rất ai oán khiến ai nghe thấy cũng phải rơi lệ”

Lối diễn tả sơ sài, nhạt nhẽo, cục mịch, làm người đọc không tưởng tượng ra được cái tài, cái sắc của cả hai chị em, diễn tả

một trang tuyệt sắc không phải chỉ nói cô ta đẹp đã là đủ, diễn tả một người có tài không thể chỉ nói cô ấy biết đánh đàn hồ cầm, biết chơi âm nhạc, làm cho người nghe phải rơi lệ là đủ cho người đọc thán phục tài năng của Thúy Kiều! Văn chương nếu chỉ giản dị như vậy thì ai ai cũng có thể trở thành văn sĩ một cách dễ dàng! Khác xa với Nguyễn Du khi nói về tài đức của Thúy Vân Thúy Kiều thì dùng thể so sánh với mai, với tuyết, với trăng rằm như “ mai cốt cách, tuyết tinh thần” hoặc “ khuôn trăng đầy đặn” , “ mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da” , chẳng cần phải nói hai nàng là những người con gái đẹp mà chỉ cần biết cái đẹp ấy rõ ràng đã làm cho:

Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh

Viết văn, làm thơ là một thiên khiếu , viết làm sao để lôi cuốn người đọc từ trang này sang trang khác, lời văn nhẹ nhàng thanh thoát , tình tiết éo le, bố cục vững chắc, làm cho câu chuyện càng ngày càng hấp dẫn là cái tài của nhà văn, nhà thơ. Thật khác xa, khi mở ĐTTT ta sẽ thấy cái tài của đại thi hào Nguyễn Du, để tả tài sắc của hai chị em Kiều, tả tài sắc của Thúy Vân trước rồi sau đó đến Thúy Kiều làm nổi bật nhân vật chính, sắc sảo hơn, mặn mà hơn, còn phong cách của Thúy Vân thì đoan trang, dịu dàng, phúc hậu, tươi như hoa nở, ngọt ngào như dòng suối trong khi Thúy Kiều lại thông minh hơn, một hai nghiêng nước nghiêng thành, sắc đã là vậy, tài còn gấp đôi. Thêm vào đó với lời thơ trong sáng, phong phú, chữ dùng chính xác, bay bướm làm cho người đọc có cảm tưởng được xem một bức tranh của một danh họa vẽ hai giai nhân liễu yếu đào tơ, cảnh vàng lá ngọc .

Lối diễn tả của Nguyễn Du làm cho người đọc như muốn dừng lại ở từng chữ, từng câu đang nhẩy múa trước mắt mà hưởng trọn vẹn cái đẹp, cái tài của trang quốc sắc thiên hương. Trong đoạn diễn tả cái đẹp của Thúy Vân, Nguyễn Du dùng những câu nhẹ nhàng trong sáng như “ trang trọng khác vời”, “

khuôn trắng đầy đặn” “ngọc thốt đoan trang” “mây thua nước tóc” “tuyết nhường màu da” , làm cho người đọc như lạc vào cõi tiên với người trinh nữ trong trắng. Còn về tài sắc của Thúy Kiều, nhân vật chính mà tác giả muốn nhấn mạnh thì Nguyễn Du dùng thể so sánh như một họa sĩ dùng màu sắc đối chọi làm nổi bật hầu người thưởng lãm thấy được cái mịn màng, đoan trang, thơ ngây của một cô gái đang tuổi dậy thì. Chúng ta hãy dừng chân lại ở từng cung điệu, từng nét chấm phá đang hòa theo nhạc khúc nghe thường để thấy cái đẹp, cái quyến rũ của hai trang tuyệt sắc giai nhân này:

*Vân xem trang trọng khác vời
Khuôn trắng đầy đặn nét ngài nở nang
Hoa cười ngọc thốt đoan trang
Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da
Kiều càng sắc sảo mặn mà
So bề tài sắc lại là phần hơn
Làn thu thủy nét xuân sơn
Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh
Một hai nghiêng nước nghiêng thành
Sắc đành đòi một, tài đành họa hai*

Ta để ý thấy Nguyễn Du dùng những câu rất bóng bẩy như “sắc sảo mặn mà” “làn thu thủy nét xuân sơn” “hoa ghen thua thắm” “liễu hờn kém xanh” “Nghiêng nước, nghiêng thành” thật tượng thanh, tượng hình , dễ lôi cuốn người đọc, làm cho người đọc như chìm đắm trong cái đẹp, cái thanh tao của vũ trụ, của thiên nhiên, của con người. Khác xa lối dùng chữ của Thanh Tâm Tài Nhân quê mùa, mộc mạc ..

Qua một đoạn khác, ta hãy xem Thanh Tâm Tài Nhân tả cảnh từ biệt giữa Kim và Kiều trong lần hội ngộ đầu tiên nhân ngày hội Thanh minh:

“ Kim Trọng ngậm ngất cả người , xiêu xiêu cả tinh thần,

bụng bảo dạ: “Thế này thì mình đến tương tư chết mất” rồi chàng lẩm bẩm tự thề không lấy được Thúy Kiều thì suốt đời không lấy ai nữa. Vì vương có Vương Quan ở đấy, không tiện nán lại ở lâu, Kim Trọng đành phải nói qua loa rồi cáo từ lui gót.

Vương Viên Ngoại cũng sai người đến đón hai nàng lên kiệu.”

Chàng Kim này quả thật táo bạo, mới gặp nhau lần đầu đã bị cú sét ái tình đánh trúng không còn dấy dựa gì được, thề thốt lung tung, giả thử nếu không có Vương Quan ở đó dám chàng ăn tươi nuốt sống con gái nhà người ta!! Thanh Tâm Tài Nhân dùng lời văn trắng trợn, thô lỗ, nếu không muốn nói là sống sượng!

Cùng cảnh già biệt ấy, Tiên Điền dùng tám câu lục bát nhẹ nhàng, kín đáo mà làm cho cảnh vật bên ngoài cũng phải mỗi lòng buồn bã:

Người quốc sắc, kẻ thiên hương
Tình trong như đã, mặt ngoài còn e
Chập chờn cơn tỉnh, cơn mê
Rón ngời chẳng tiện, rút về chốn khôn
Bóng tà như giục cơn buồn
Khách đà lên ngựa, người còn ngoái theo
Dưới cầu nước chảy trong veo
Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha.

Tâm sự “kẻ ở người đi” thật là buồn bã, giờ chia tay thật náo nùng cho những kẻ mới yêu nhau, mặc dù đôi uyên ương còn đang đắm chìm trong cơn mê muội nhưng vẫn còn biết giữ lễ giáo, nho phong “Tình trong như đã, mặt ngoài còn e”, để rồi khi giờ chia tay đã điểm, hai kẻ yêu nhau như còn trong cơn nửa tỉnh nửa mê, luyến tiếc:

Khách đà lên ngựa, người còn ngoái theo .

Buổi chia ly nào cũng vấn vương, cũng buồn bã, lối diễn tả

của Nguyễn Du đâu có thua gì lỗi diễn tả của Đặng Trần Côn trong Chinh Phụ Ngâm Khúc ở đoạn già biệt của chàng tuổi trẻ với người chinh phụ trên cầu sông Vy:

Nhủ rồi tay lại trao liền

Bước đi một bước lại vin áo chàng

Hay là:

Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy

Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu

Ngàn dâu xanh ngắt một màu

Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai

Bây giờ chúng ta hãy lần dở những trang cuối cùng của Kim Vân Kiều truyện, sau mười lăm năm lưu lạc, biết bao thương nhớ, khổ nhục, đắng cay để xem Thanh Tâm Tài Nhân tả cảnh Kim Kiều

Tái ngộ thật sỗ sàng như sau:

“Thúy Kiều đề thơ xong , trao cho Kim Trọng , nói: đây là tình yêu em tặng anh, xin anh vui nhận. Kim Trọng đọc thơ, nói: đây thật là tấm tình chí thiết, chân thật và trung trinh. Anh đâu phải chỉ ưa thích mối tình hèn yếu, xin em hãy quên thứ tình đó. Nghe vậy Thúy Kiều sung sướng. Thế rồi đôi tình nhân vào giường khép màn: muôn vàn khoái lạc thỏa thuê, chỉ trừ một việc mây mưa cuối cùng.”

Thật là kinh hoàng, thật là thô lỗ , tôi nghĩ Thanh Tâm Tài Nhân hơi quá tay, người đọc có cảm tưởng đang đọc đoạn trích trong một “dâm thư” hơn là đọc một tác phẩm văn chương có giá trị, thực tình ông muốn tả một cặp trai gái bình thường hay chỉ muốn tả cảnh phòng the của một ..Liều Hạ Huệ!! Làm sao có được cảnh : “ Thế rồi đôi tình nhân vào giường khép màn, muôn vàn khoái lạc thỏa thuê, chỉ trừ việc mây mưa cuối cùng???” , mà dù có trừ việc mây mưa ấy đi chẳng nữa , thiết tưởng tác giả

cũng không nên nói ra, nói ra chẳng nâng cao được giá trị đạo đức của đôi trai tài gái sắc, mà chỉ làm cho người đọc ghê sợ!!!

Cũng một ý tưởng ấy, ta hãy so sánh với những vần thơ trong sáng sau đây của Tiên Điền:

Mấy lời tâm phúc ruột già
Tương tri đường ấy mới là tương tri
Chở che đùm bọc thiếu gì
Trăm năm danh tiết cũng vì đêm nay
Thoắt thôi tay lại cầm tay
Càng yêu vì nét, càng say vì tình
Thêm nến giá, nổi hương bình
Cùng nhau lại chúc chén quỳnh giao hoan.

Ta thấy cùng tả một cảnh cái đêm hôm ấy sau mười lăm năm lưu lạc mà Tiên Điền lại khéo léo, nhẹ nhàng, thơ mộng Không trắng trợn, không lộ liễu như Thanh Tâm Tài Nhân.

Trong văn xuôi cũng như văn vần (thơ) cái khó nhất của người viết là phần đối thoại, đối thoại phải làm sao ngắn gọn, nhưng đủ diễn tả hết ý, không cầu kỳ, không khoa trương. Ta hãy lắng nghe Nguyễn Du viết phần đối thoại của hai nhân vật Kim Trọng và Thúy Kiều trong lúc Kim Kiều hội ngộ (từ câu 305-358)

Đoạn này diễn tả cảnh Kim Trọng sau lần gặp gỡ Thúy Kiều vào ngày hội Thanh Minh trở về bị tương tư rồi tìm cách thuê căn phòng của thương gia Ngô Việt ở gần nhà Thúy Kiều:

Có cây, có đá sẵn sàng.
Có hiên Lãm thúy, nét vàng chưa phai

Ngày ngày chàng chờ mong được gặp Thúy Kiều cho thỏa lòng mong nhớ :

Tường đông ghé mắt ngày ngày hằng trông

Tình cờ một hôm nhìn ra ngoài sân thấy một bóng hồng

thước tha, chàng Kim vội vàng chạy ra thì nàng đã biến mất nhưng còn thoang thoảng đâu đó hương thơm nồng nàn:

Hương còn thơm nức, người đã vắng tanh

Thì hóa ra nàng Kiều đã lẫn trốn đâu đó và cố tình để lại chiếc trâm vàng:

Trên đào nhác thấy một cành kim thoa

Biết Thúy Kiều còn ở đâu đó vì còn e lệ chưa dám ra mặt, chàng Kim liền ướm hỏi:

“Thoa này bắt được như không (305)

Biết đâu hợp phố mà mong châu về?”

Ý chàng muốn trả lại cây trâm vàng mà không biết ai là chủ, thì bỗng chợt bên kia bức tường có tiếng trả lời:

“Ôn lòng quân tử xá gì cửa rơi (308)

Chiếc thoa nào của mấy mươi

Mà lòng trọng nghĩa khinh tài xiết bao!”

Đây là cơ hội ngàn vàng của một chàng trai si tình, ta hãy theo dõi chàng Kim tán tỉnh nàng Kiều cùng những lời từ chối khéo léo của một tiểu thư khuê các:

“Tiện đây xin một hai điều (329)

Đài gương soi đến dấu bèo cho chẳng?”

Ngần ngừ nàng mới thưa rằng:

“ Thôi nhà băng tuyết, chất hằng phỉ phong

Dù khi lá thắm chỉ hồng

Nên chẳng thì cũng tại lòng mẹ cha

Nặng lòng xót liễu vì hoa

Trẻ thơ đã biết đâu mà dám thưa”

Nàng Kiều là một con nhà trâm anh thế phiệt , e lệ thẹn thùng, tuy trong bụng đã bằng lòng nhưng mặt ngoài còn ngại ngần chờ quyết định của mẹ cha, trước sự tấn công vũ bão của

chàng Kim, nàng như bị khuất phục:

Rằng: “ Trong buổi mới lạ lòng (349)
Nể lòng có lẽ cầm lòng cho đang
Đã lòng quân tử đa mang
Một lời vâng tạc, đá vàng thủy chung!”

Nghe xong những câu gấn bó, đa tình của nàng Kiều, chàng Kim lòng như mở hội vội vàng đề nghị trao đổi tín vật làm tin:

Được lời như mở tấm lòng (353)
Giở kim thoa với khăn hồng trao tay

Và cuối cùng chúng ta hãy yên lặng để thưởng thức giây phút nghiêm trọng của tình yêu, của những thề nguyện gấn bó, của những gì thiêng liêng nhất trong cuộc đời những kẻ yêu nhau:

Rằng: “ Trăm năm cũng từ đây (355)
Của tin gọi một chút này làm ghi!”
Sấn tay bả, quạt hoa quì
Với cành thoa ấy tức thì đổi trao (358)

Phải thú thật, ta không thể tìm thấy một cuộc tình nào lãng mạn hơn, tình tứ hơn, đam mê hơn mà tất cả lại được đóng khung trong vòng lễ giáo Khổng Mạnh, không xô xàng, không bỡn cợt, không xuống xã, không kịch cỡm như đoạn văn sau đây của Thanh Tâm Tài Nhân:

- “Cành phương thoa này không biết con gái nhà ai đánh rơi để mà đem trả. Lại không thấy có người nào cả, ta tìm mà chẳng thấy có lối nào. Làm sao được, làm sao được? Chàng nói to hai lần như thế, bỗng nghe ở đầu tường có tiếng con gái se sẽ đáp rằng:

- Thoa ấy là của cháu đánh mất, người quân tử đã có lòng tốt như thế, thì xin trả lại cho cháu.

Kim Trọng vội đáp rằng:

- Té ra là của tiểu thư ở hàng xóm đấy à? Lẽ tôi phải trả chứ

- Chàng mà trả lại cho thì cảm bội vô cùng.

- Đã là của tiểu thư thì tôi đâu dám không trả, xong tiểu thư phải xem cho kỹ mới khỏi lầm. Cô kia ở bên kia tường lại nói:

- Thoa của cháu là thoa kim phụng trên có ba viên bảo thạch, chín hạt trân châu, không cần xem nữa chính của cháu rồi.

- Cô nói thế quả không sai, lẽ tôi phải trả, nhưng cũng phải trao tay cho cô thì mới ổn chứ.

Người con gái ấy nghe nói đến đó, đứng nghĩ một hồi, không biết làm sao, đành phải đứng lộ ra một nửa mình và ra mặt mà nhận. Kim sinh thấy chính là Thúy Kiều, lòng mừng hí hửng mà nói:

- Thoa này thế ra là của Vương tiểu thư đánh mất mà tôi lại may mắn bắt được, khiến tôi lại nhờ nó mà thấy được phương dung, thực là hạnh phúc quá. Thúy Kiều cũng biết đấy là Kim Trọng, bèn mừng thầm mà nói:

- Chàng Kim ơi. Sao lại nói như vậy? Đó là may mắn cho em mà thoa ấy lại là chính anh bắt được. Anh trả lại cho, cái cao nghĩa ấy của anh biết lấy gì mà hồi báo được?

Kim sinh nói:

- Cái thoa là của mấy mươi mà cần phải hồi báo? Duy từ khi tiểu sinh bắt được cái thoa này chỉ ôm một mối khổ tâm, chẳng biết cô có thấu cho chăng?

Thúy Kiều nói:

- Em mất thoa chỉ vì ham hái hoa đào mà vương mất có phải là hữu ý đâu? Nay anh bắt được cũng là việc ngẫu nhiên, có gì mà lại khổ tâm?

Kim Trọng nói:

- Chính vì chuyện được thoa, mất thoa đều là xuất ư vô tâm, nay nhân việc được mất mà bỗng gặp nhau, há chẳng phải là duyên xui khiến hay sao? Thúy Kiều nghe xong bất giác má đỏ bừng, đứng một hồi không nói được, bỗng thở dài một tiếng mà nói:

- Sao mà chàng đa tình thế? Song thiếp là con gái có dám tự chủ đâu. Chỉ vì chàng nặng vì tình, thiếp phải nể lòng không lẽ cầm lòng choặng. Chàng chưa vợ, thiếp chưa chồng, sao chúng ta lại không tính việc trăm năm? Song ví bằng nhân ái mà sinh tình, nhân tình mà làm lỡ, thì không phải là điều thiếp sở nguyện đâu. Kim sinh nói:

- Cô đã nhận cùng nhau giai lão, thì tiểu sinh cũng xin vâng theo, lẽ nào còn dám nghĩ điều bất tiểu nữa? Chỉ xin phát thệ để thỏa lòng khát mộ bấy lâu ..”

Đến đây tôi không dám lạm bàn thêm và cũng vì muốn tôn trọng tính khách quan trong lúc phê bình, tôi xin mượn lời của học giả Đào Duy Anh :

“ Lối đàm thoại trong nguyên văn đã sỗ sàng mà lại dài dòng và tũn mủn quá, khiến ta lấy làm khó chịu khi thấy Thúy Kiều quá dạn dĩ và có vẻ lẳng lơ, khiêu khích, và thấy cặp trai gái này chỉ ưa nói lý sự vụn.”

(Trích trong Khảo luận về Kim Vân Kiều)

Quả thật nếu đem so sánh đoạn văn xuôi trên của Thanh Tâm Tài Nhân với những vần thơ của Tiên Điền Nguyễn Du thì thật thua xa cả về cách hành văn, từng lời đối thoại cho đến giá trị văn học, giá trị đạo đức, một đẳng thanh cao, tao nhã, lời nói nhẹ nhàng, bóng bẩy, cao sang, bố cục gọn gàng, lớp lang một đẳng quê mùa, cái lương như những lời đối đáp của cặp nhân tình ít học, rườm rà, lủng củng. Những câu đối đáp của Tiên

Điền có lúc nhẹ nhàng bóng bảy, có lúc lễ phép đoan trang, không như những lời đối đáp của Thanh Tâm Tài Nhân lúc lảng lơ, phàm tục, lúc lộ liễu, trơ tráo. Không thể một người con gái mới mười mấy tuổi đầu con nhà gia giáo, thắm nhuần Nho học mà có thể nói được câu: “ *Chàng chưa vợ, thiếp chưa chồng, sao chúng ta không tính chuyện trăm năm?* ”, nhất là ở thời buổi mấy trăm năm về trước, năm Gia Tĩnh triều Minh (1522) rất là cổ hủ, khó khăn “ Nam nữ thụ thụ bất thân ”.

Giá trị của ĐTTT không phải là ở những lời ong, tiếng ve, tiếng khen, tiếng chê của những nhà phê bình, nhà nghiên cứu văn học mà tự nó như một bức tranh thủy mặc vẽ trên tấm lụa mỏng quý giá với một cặp tình nhân, một vành trăng, một khóm trúc, một giòng suối, một cảnh hoa khe khẽ lung lay trước gió đã thu hút và khiêu gợi cảm xúc người đọc. Nguyễn Du không những chỉ nói lên cái đẹp của một cuộc tình đầy sóng gió, truân chuyên mà còn đưa ra một triết lý của cuộc sống, một giá trị về luân lý đầy tình tự dân tộc.

Nói tóm lại, nếu đem so sánh tác phẩm Kim Vân Kiều truyện Của Thanh Tâm Tài Nhân và ĐTTT của cụ Tiên Điền thì khác xa một trời một vực cả về giá trị văn chương lẫn giá trị đạo đức. Ngô Đức Kế và Huỳnh Thúc Kháng kết luận ĐTTT là một dân thư, hơi quá đáng. Nhận xét này này đáng lẽ phải nhường lại cho “Kim Vân Kiều truyện” của Thanh Tâm Tài Nhân mới đúng! Như chúng ta đã thấy từ nguyên bản của Thanh Tâm Tài Nhân có phần còn sơ sài, phi đạo đức hơn nhiều. Komatsu Kiyoshi, người đã dịch ĐTTT ra Nhật ngữ từ nguyên bản Pháp văn của Nguyễn văn Vĩnh đã phải công nhận: “ Nguyễn Du nhân bản hơn Thanh Tâm Tài Nhân, Nguyễn Du đã nêu lên tất cả các đặc tính nhân văn: trung thành, kính tâm, hiếu tâm, ái tâm và trinh thảo ” (Kim Van Kieou, Tokyo: Toho, 1943, trang 341). René Crayssac, một trong nhiều người đã phiên dịch ĐTTT ra Pháp ngữ cũng đã viết: “ Ang thơ kiệt tác của Nguyễn Du có thể so

sánh mà không sợ kém văn chương kiệt tác của bất cứ thời nào, nước nào” (Kim vân Kiều, Rene Crayssac, trang LXX) .

Hơn thế nữa, Gs Hà Như Chi đã nhận định khách quan như sau: “ CỤ NGUYỄN DU đã giữ y nguyên sự tích của “Kim Vân Kiều truyện” mà không thêm bớt gì . Nhưng nguyên văn thì tự thuật rườm rà, tỉ mỉ, có đoạn hơi thô lỗ, kết cấu lại quá dễ dãi rời rạc, trái lại ĐTTT là một công trình nghệ thuật cân đối, hoàn hảo, kết cấu chặt chẽ sít sao, tình ý đậm đà khéo léo, văn chương tươi đẹp, thấm đượm màu sắc Việt Nam và đầy dẫy thi vị”. Đa số các dịch giả khi dịch ĐTTT sang tiếng ngoại quốc đều dùng bản của cụ Nguyễn Du chứ không ai dùng bản của Thanh Tâm Tài Nhân và đa số trong chúng ta mặc dù đam mê truyện Kiều nhưng có nhiều người chưa hề đọc bản của Thanh Tâm Tài Nhân và cũng không biết có sự hiện hữu của nó trong chốn văn chương! Như vậy, chúng ta thấy Nguyễn Du mới thực sự là người đã đưa ĐTTT lên tột đỉnh của đài danh vọng!

Để kết luận, tôi xin mượn hai câu sau đây mà không biết rõ tác giả :

Thùy tri nhất bách dư niên hậu

Thiên hạ mạc vô mộ Tố Như

Dịch:

Ai ngờ mới quá trăm năm lẻ

Thiên hạ ai không mến Tố Như ?



Diêu Tần

Tên thật : Nguyễn Tinh Vệ; bút hiệu: Tinh Vệ, Diêu Tần, Triều Khê

- Sinh năm 1932 tại Hải Dương
- Khóa 5 SVSQ Trừ bị Thủ Đức, ngành Công Binh
- Bắt đầu viết văn từ 1955. Cộng tác với nhật báo Tiền Tuyến và nguyệt san Tiền Phong

Trước năm 1975:

- Viết nhiều kịch dài và kịch ngắn, đã trình diễn trên VTTH Sài Gòn và Quân đội.
- Giải thưởng văn học: Giải Nhất thoại kịch Văn nghệ Toàn Quân, 1957, vở kịch "Bão Lạn", đã được trình diễn ở Huế, Pleiku, Sài Gòn, That Luang
- Giải Nhất thoại kịch Văn Chương Toàn Quốc 1966-1969, vở kịch "Cơn Lốc".

Tác phẩm đã xuất bản sau 1975:

- * Trên Bờ Kinh An Hạ, tập truyện xb 1988
- * Cơn Mưa Đầu Mùa, tập truyện xb 1990
- * Hoa Đào Năm Ngóai, tập truyện xb 1996
- * Kéo Da Non, truyện dài xb 1994

TUYỂN TẬP VĂN

- * Sơ Lược về Ngôn Ngữ, biên khảo xb 2000.
 - Giáo sư phụ giảng tại Viện Ngôn ngữ Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ - - Cộng tác với báo chí: Có truyện ngắn và trích biên khảo đăng trên các báo ở bắc và nam California, Washington State, D.C., Texas, Minnesota, Georgia.
 - Giới thiệu và nhận xét các tác phẩm văn, thơ vùng bắc California.
 - Hiện định cư tại San Jose, California.

DÒNG SÔNG CHIA CẮT

DIỆU TẦN

Lũ chúng tôi không bắt chước họa sĩ Hoàng Lập Ngôn, năm 1950 - 1951 lập dị quay quay theo bánh xe tăng sống trên xe bò với bà vợ, vừa là mái nhà, vừa là xưởng vẽ bỏ túi lang thang lẫn bánh gang hồ. Chúng tôi là ban kịch lưu động “không chuyên”, thuộc ngành lính thợ, chẳng muốn tranh nghề với những đoàn kịch Võ trang Tinh thần của đại đội Văn nghệ Quân đội, hoặc của Bộ Thông tin, Chiêu hồi. Ban kịch tay ngang nhưng lại nổi tiếng ở Huế và mấy tỉnh Miền Trung vào những năm 57, 58.

Đầu mối là do ông Anh Bằng, tức Trần An Bường diễn kịch “Nát Tan” thời gian ông còn ở trong quân đội, do ông sáng tác và thủ vai chính quá hay ở một Tiểu đoàn Công binh dưới Quy Nhơn, rồi lôi kéo dây dưa đến tôi. Tôi bị xách cổ ra Huế để làm báo, rồi trời xui đất khiến nhảy bổ vào cái nghề kịch cớm! Chúng tôi không đi xe bò, nhưng ngồi trên xe GMC biến cải thành xe có mui tôn chở người, nhân số chừng một tiểu đội. Một sĩ quan, ba hạ sĩ quan, một dân chính chơi Guitare điện, một diễn viên binh nhì nhỏ con, trắng trẻo giả vai nữ, vài nhạc cụ nhẹ, một máy phát điện nhỏ, vài tấm phông màn loang lổ... và với tấm lòng phơi phới, tươi trẻ, tin tưởng, có lệnh là leo lên xe đi. Chẳng mấy chú ý đến nơi ăn chỗ ở, chẳng màng đến tiền trợ cấp Sự Vụ Lệnh đi công tác. Nơi nào có công trường công binh là đến ca hát, chọc cười, nhảy múa, gây được những tiếng cười thoải mái, gạt được những giọt nước mắt theo nỗi buồn đau với diễn viên trên sân khấu.

Chúng tôi xuống Hội An, vô Mộ Đức, vào Quy Nhơn, rồi ngược ra Quảng Trị, chúng tôi trực chỉ ra vùng giới tuyến. Đến đâu cũng được đón tiếp chân tình. Vốn liếng để trình diễn không nhiều, nhưng chọn lọc và mang nhiều ý nghĩa, hợp với cảm quan khán giả thời bấy giờ. Hai ba vở kịch ngắn, một vài màn nhạc kịch, dân ca, vọng cổ, vài màn độc diễn guitare, khẩu cầm. Tối đầu, quận xã địa phương cũng đã chuẩn bị sẵn sân khấu bỏ túi. Một nền đất cao, một sân khấu dã chiến bằng tre tươi, vài chiếc bàn lớn ghép lại, trồng mấy cột gỗ đơn sơ với những tấm lá gồi, lá dừa nước cũng là nơi trình diễn.

Chiếc xe GMC ị ạch vào tất cả những con đường đất nào có thể đi tới được. Tôi đã vào Hưng Hoá và có qua thăm Khe Sanh. Biết đâu rằng chỉ 11 năm sau, vùng này xảy ra những chuyện đẫm máu. Với những đôi Hamburger thương vong nhầy nhụa, những trận Làng Vây, Khe Sanh âm vang cả thế giới. Khu Khe Sanh nước độc không kém gì Ba Tư của Quảng Ngãi. Tôi đã thấy nhiều người Thượng và con nít Thượng gầy còm phơi ra cái bụng ỏng đen bóng hay mốc thối, quen gọi là bụng có báng, hậu quả của bệnh sốt rét rừng. Người dân Quảng Trị nghe đến Khe Sanh, Lao Bảo cũng lắc đầu e ngại. Sau một đêm trình diễn tại một xã đông người Việt, anh cán bộ thông tin xã định dẫn tôi đi thăm nhà tù Lao Bảo ngày xưa. Rất tiếc có nhiều nơi mời ban kịch đến trình diễn, lịch trình diễn khá bận, không có thời gian nghỉ, tôi lỡ mất dịp đến thăm nơi này.

Nhưng tôi có dịp đi theo quốc lộ số 9 bước qua đất Lào. Tại đây tôi được gặp vài sắc đẹp sơn cước Ai Lao, ngồi trên nhà sàn thoáng mát và nếm thử cơm lam. Cũng trên con đường đẫm máu lịch sử chiến tranh này, chúng tôi ngược về Cam Lộ để trở tài làm vui lòng khán giả, một xã trù phú gần quận lỵ. Quốc lộ 9 sau này đã được mở rộng để tiện thông thương với Thái Lan, Xê-pon, Mường-Phin nối liền với Đông Hà và ăn thông xuống phía Nam bằng đường số 14 đến Huế. Với cửa biên giới này nước

Lào ở thế lép vế, bốn phía biên giới không có chỗ nào tiếp giáp biển. Sau này, nghe nói cửa khẩu Lao Bảo là nơi bán hàng lậu mang từ Thái qua. Cũng từ đây, đường dây buôn lậu do công an hoặc bộ đội yểm trợ hoặc đỡ đầu. Sông Thạch Hãn, mồ hôi của đá, bây giờ đổi tên thành Quảng Trị, cũng như tỉnh lỵ không còn là Quảng Trị mà đưa lên Đông Hà.

Chúng tôi bỏ qua những quận tiền đường Quốc lộ 1 là Hải Lăng, Triệu Phong, Đông Hà, vì nói chung dân chúng mấy nơi đó đã được coi kịch hoặc phim ngoài trời của Thông tin tỉnh. Chúng tôi đậu xe nghỉ tạm bên ngoài cổ thành Quảng Trị, năm đó là nơi Sư đoàn Khinh chiến (sau này là Sư đoàn 1 BB) trú đóng của đại tá Lam Sơn. Ông đại tá lên chuẩn tướng muộn màng Phan Đình Thứ không hổ danh dòng dõi Phan Đình Phùng. Chuyện ông tát tai cố vấn Mỹ vừa mới diễn ra còn nóng hổi, khiến ông nổi danh, và cũng từ đó ông không bao giờ được nắm chức tướng, trừ thời gian làm chỉ huy trưởng quân trường Thủ Đức.

Rất tiếc là tôi chưa được vào cổ thành để sau này nhớ lại, vẽ lại trong trí một cổ thành từng từng chiến đấu can trường 81 ngày năm 1972. Tôi được gặp ông Lam Sơn một lần trong dịp trình diễn mẫu hàng *mưu sinh thoát hiểm* ở quân trường. Có thể nói ông thuộc mạng hỏa, cầm tinh con cọp. Lính nhà trường sợ ông như sợ cọp, ông có vóc người xương xương khắc khổ, lưỡng quyền cao, nước da nâu, đứng hình bóng một võ tướng. Dường như ông chỉ có cương, thiếu cái nhu, lính dưới quyền nhìn ông khiếp hãi và người ta nói cấp chỉ huy nên được lính thương yêu, kính nể hơn là để lính sợ hãi mình. Sau đó lại xảy ra một tai nạn chết người ở dinh Pleiku với người quản gia gốc Miên, con đường binh nghiệp của ông càng chập lại.

Tôi nhận được chỉ thị phải chú trọng đến Cam Lộ, Hương Hóa và nhất là Gio Linh. Tại quận Cam Lộ trong chuyến đi này là nơi có mấy đêm trình diễn thành công nhất về số lượng khán

giả và sự chiêu đãi chu đáo nhất. Ngay buổi chiều mới xuống xe, chúng tôi đã được chính quyền xã, ấp đón mừng trịnh trọng. Địa phương đãi chúng tôi bữa cơm chiều tuy dân dã nhưng có nhiều món lạ nhà quê chưa bao giờ được ăn. Sau buổi kịch về khuya, chúng tôi còn được mời ăn chè cho mát giọng.

Cũng tại đây còn theo lối sinh hoạt của Việt Minh, chẳng hạn đứng xem văn nghệ cũng phải chia chỗ theo từng đoàn thể, thiếu nhi, phụ nữ, v.v... Trước khi mở màn có mục giới thiệu các chức sắc, cá nhân, đoàn thể rồi cùng vỗ tay đồng loạt. Sau khi bế mạc ban tổ chức kiểm điểm, rút ưu khuyết điểm. Anh phụ trách thông tin quận cũng có ý định mời tôi đến thăm Tân Sở, nơi Tôn Thất Thuyết mời vua Hàm Nghi lên tạm lánh để mưu đồ cần vương chống Pháp.

Chiếc xe mui tôn kín lại về Đông Hà để theo quốc lộ 1 qua thị trấn Gio Linh đưa ban kịch chúng tôi vào vùng Phi Quân sự (Phạm Duy đã sáng tác bản Bà Mẹ Gio Linh từ thời kháng chiến); Do đó mọi người đều phải thay quần áo dân sự, có mấy khẩu các-bin cũng bị Cảnh sát Dân sự có trách nhiệm tại đây buộc phải tạm giao lại cho họ. Vùng phi quân sự là dải đất dọc sông Bến Hải, mỗi bên tính vào phần đất của mình 5 cây số, có bảng cấm viết bằng tiếng Pháp và tiếng Việt. Cũng từ đồn cảnh sát, ngồi nghe kể chuyện phía cộng sản bịa chuyện rắc rối do mấy anh công an nhân dân bờ bên kia xúi dân gây nên. Thường thường thì có những cuộc “đi bờ”, tức là cảnh sát bên này và công an gặp nhau, họp hành, đi kiểm soát bờ sông chung với ban đại diện Kiểm soát Đình chiến Quốc tế. Những bưu thiếp trao đổi hai bên Bắc Nam cũng được trao cho nhau vào những dịp gặp gỡ.

Lần đầu tiên qua bờ Bắc, một anh cảnh sát dân sự mua quà bánh gì đó, trả bằng tiền ‘cộng hòa’ bị dân la lối thưa gửi công an. Người bán đòi trả tiền ‘bác Hồ’ mới chịu.

Cũng như chuyện ghe thuyền đậu ở Cửa Tùng là cửa sông

đổ ra biển của sông Bến Hải. Hiệp định Genève có ghi rõ biên giới hai bên, lấy mức tướng tượng chính giữa sông làm chuẩn. Điều rắc rối là tại cửa biển thì khó phân định được lần mức. Do đó thuyền Miền Nam sơn màu vàng, Miền Bắc sơn màu đỏ để phân biệt. Chuyện lộn xộn là thuyền phải di chuyển, đâu có đậu mãi một chỗ, hễ di chuyển đi tới đi lui là có chuyện bất hòa. Vì những chung đụng dễ sinh cơ sự, cứ phải nhờ Ủy ban Đình chiến phân xử lật vặt những chuyện thật là “trẻ con”. Có điều là anh công an bờ Bắc ngửi khói thuốc lá thơm của cảnh sát bờ Nam thì thèm lắm, nhưng không dám mở lời hỏi xin. Ngược lại, anh cảnh sát phe ta cũng được dặn dò là chớ có mời “địch” hút thuốc lá thơm, sẽ bị nó lên mặt mắng mỏ mình. Nó sẽ nói như sau”:

- A, các anh định tuyên truyền hả. Các anh có mưu đồ hủ hóa tôi hả. Tôi không thèm hút thứ thuốc lá của đế quốc, của bù nhìn Miền Nam và của bọn can thiệp Mỹ...

Dân vùng phi quân sự phía ta ăn mặc tươi sáng, có màu sắc hơn. Đứng từ xã Hồ Xá nhìn qua bờ bên kia, quan sát thấy rõ ràng là dân nghèo hơn. Người lớn trẻ con đều thấy mặc áo quần màu chàm xanh. Bên này cảnh sát di chuyển bằng xe jeep sơn màu xanh trắng, hoặc xe mobilette, bên kia cán bộ cấp cao thì cưỡi ngựa. Đạo đó có trò thi dựng cột cờ cao hơn cờ vàng bên này. Chính quyền “Phe ta” lại phải dựng một cột cờ không những cao bằng mà còn cao hơn. Cũng nhờ chuyện thi đua này, một kỹ sư miền Bắc đã vượt biên êm thấm mà bọn công an tức, nhưng không làm gì được. Kỹ sư này đến bờ Bắc có nhiệm vụ kỹ thuật là dựng cột cờ cao hơn, lửa khi lùi ra xa trên cầu để ngắm nghía, kỹ sư này đã vượt qua vạch sơn chia đôi cầu để tìm tự do. Trước sự hiện diện của một uỷ viên trong Ủy hội Quốc tế, bọn công an không dám lôi kéo hoặc bắn hạ anh kỹ sư; Bởi đã có quy lệ là bước qua được vạch sơn trên cầu là đã thuộc về bên này hoặc bên kia rồi.

Đây là cầu tạm dã chiến Bailey của Mỹ bằng sắt loại kép

đơn (double simple) do công binh Pháp phóng năm 1950 có 7 nhịp và 6 trụ giữa, dài khoảng 278 mét. Theo hiệp định Genève, chiếc cầu biên giới này cũng được chia đều mỗi bên một nửa bằng cách đánh dấu một vạch sơn trên mặt cầu. Tại hai bên đầu cầu tất nhiên có Công an nhân dân và Cảnh sát dân sự canh gác. Chỉ có xe jeep của Ủy hội Quốc tế mới có quyền chạy qua cầu, cũng như hai bên gặp nhau đi bờ, trao đổi bưu thiếp bằng ca-no của Ủy hội.

Vào khoảng năm 60, 61 phía cộng sản giở trò tuyên truyền bằng cách sơn lại cầu. Họ đã chuẩn bị sẵn, tập trung nhân lực và vật liệu để xây bất ngờ nên bắt đầu sơn rất nhanh. Bên bờ Nam bị chơi với phải gọi đến công binh. Anh bạn cùng khóa với tôi, Nguyễn Văn Dần dẫn trung đội với chuyên viên thiện nghệ chạy cấp tốc ra Bến Hải để thi đua sơn cầu. Tất nhiên hai bên đều là công binh cả, nhưng phải mặc thường phục. Muốn cho nước sơn bóng, đẹp phải cạo gỉ sét và phải cạo bỏ lớp sơn cũ là màu sơn xám nhạt đi. Máy móc và xe cộ ở Huế và Đà Nẵng sẵn có, nhưng kẹt một chuyện là thứ dung dịch xít vào làm tróc sơn cũ không tìm thấy ở miền Trung. Các giới chức từ nhỏ tới lớn có trách nhiệm công tác sơn lại cầu bị đốc thúc lo chạy cuống cuống. Để giúp sơn cầu nhanh hơn đối phương, một chuyến máy bay từ Saigon cấp tốc chở dung dịch này ra Quảng Trị.

Nhờ đó bên này khởi công sau, nhưng lại hoàn tất trước nhờ máy móc, cơ giới mới và tốt hơn. Bờ Bắc ra tay trước, họ sơn cầu màu xanh, tỏ ý ưa chuộng hòa bình. Bờ Nam phải sơn màu gì bây giờ? Sơn màu xanh thì lộ ý muốn hiệp thương, bắt tay. Nó sơn xanh, đã vậy mình sơn đỏ để đối chọi lại. Nhưng màu đỏ là màu cờ của họ, màu máu, màu chết chóc, hiếu chiến. Sau đó chúng ta quyết định sơn màu vàng. Tuy đã được căn dặn đủ điều, lính công binh bên này quen sống trong không khí cởi mở đã lên tiếng chế nhạo, chọc tức lính bên kia. Bên kia đành ‘mách bu’, thưa với Ủy hội Quốc tế là bị khiêu khích, bị tuyên truyền.

Nhưng rồi mọi chuyện cũng huê cả làng.

Cũng tại cầu Hiền Lương này, miền Nam đã tổng xuất ba cán bộ nằm vùng hoặc thân công sản ra Bắc, trong đó có một bác sĩ thú y. Bên cộng sản được thông báo trước vụ “đuổi cổ”, họ tổ chức đón tiếp rênh rang. Dư luận có những ý kiến khác nhau về vụ này. Người đồng ý vụ tổng xuất cho rằng phải dùng biện pháp mạnh như thế để những kẻ thân cộng phải sợ không dám hoạt động nữa, tổng xuất cho ở với cộng sản ba anh sẽ làm cho ba vạn anh sợ. Người không đồng ý, cho rằng đó là hành động nổi hững, không sâu sắc tạo tác dụng ngược.

Hiền Lương là tên cầu, còn dòng sông mang tên Bến Hải, nhưng có người cho biết tên đúng phải là Bến Hối. Giống như các con sông ở miền Trung, vì đất hẹp, trên nguồn chỉ là con suối nhỏ càng đổ dốc ra biển sông càng rộng. Vào mùa khô, nhiều khúc sông khô cạn, nước chỉ ngập đầu gối và chỉ cần lội khoảng 9, 10 mét nước là đã thoát, đặt chân lên phần đất tự do rồi. Từ trên nguồn Bến Hải bên Lào có tên là Bo Ho Su, sau đó có tên là Bảo Thanh, rồi mới có tên Bến Hải. Nơi rộng nhất là 200 mét. Từ năm 1954 cho đến 1958, không có vụ vượt sông nào từ Nam ra Bắc, ngược lại có nhiều trường hợp lợi hay bơi từ Bắc qua Nam. Có những vụ thành công và có những vụ thất bại. Công an xả súng bắn chết người đang bơi qua sông, vu cáo nạn nhân là gián điệp. Ủy hội Quốc tế không đủ nhân viên, bắt lực, đứng khoanh tay làm ngơ.

Một chuyện khác đáng chú ý là người dân ở giới tuyến hai miền Nam Bắc, ngày đêm được nghe ra-đi-ô miễn phí quá nhiều. Dường như miền Nam chưa chú trọng lắm về mặt thông tin tuyên truyền. Có lúc tiếp vận được đài Sài-Gòn, còn không chỉ là tiếng nói từ đài phát thanh Huế, so với phía bên kia tiếng nói âm thanh rõ ràng hơn. Hai bên chỗ loa lớn sang nhau, dân không muốn nghe cũng không tắt tiếng đi được. Ai cũng thấy được nhược điểm của miền Nam đối với vùng giới tuyến.

Ban kịch chúng tôi ra sau phái đoàn của Phó tổng thống Nguyễn Ngọc Thơ mấy ngày, nghe anh em thông tin xã kể lại là bọn họ đứng bên này sông đếm người trong phái đoàn, rồi đưa lên đài nói trúng phóc số người đi theo ông Nguyễn Ngọc Thơ. Bàn về tuyên truyền, cũng nên nhận rằng mình yếu hơn cộng sản. Vào thời điểm từ 55 đến 58, bên kia cầu họ dựng cổng chào bên trên có con chim hòa bình và những biểu ngữ như: *Nam Bắc một nhà, đoàn kết chống Mỹ*. Còn bên này không có con chim hòa bình nào hết và trưng hai biểu ngữ: *Triệt để áp dụng luật 10/58* (luật trừng trị công sản); *Toàn dân tố cáo tiêu diệt công sản*. Rất nhiều người biết cộng sản chỉ nói giỏi như vẹt, không thể tin được, nhưng cũng có rất nhiều đồng bào ở nông thôn nhẹ dạ tin cộng sản và cho rằng phía chúng ta sắt máu, không ưa thích hòa bình.

Một thí dụ khác để thấy hai bên thi hành hai chính sách đối chọi nhau qua việc xem trình diễn thể thao hay văn nghệ. Khi có đội bóng chuyển từ thành phố lớn miền Bắc, như Hà Nội, Nghệ An vào đấu bóng biểu diễn bên kia sông, họ dùng loa mời bà con bờ Nam đứng coi. Dân bờ Nam nếu rảnh rỗi cứ tự nhiên đứng coi thoải mái. Mỗi khi có văn công đến biểu diễn cũng vậy, cứ đứng coi ké tự do. Ngược lại, họ sẽ kiểm soát để dân bên đó không thể đứng coi kịch miền Nam được.

Quả nhiên trong hai buổi diễn ở xã Hồ Xá và Hướng Lập, thấy chúng tôi đến chuẩn bị sân khấu hướng về phía bắc sát bờ sông, anh em thông tin đã chỉ cho tôi biết những bóng công an bên kia kín đáo theo dõi. Theo thông lệ, thông tin xã cũng gọi loa mời bà con bờ Bắc đón coi văn nghệ. Khoảng 5 giờ chiều đã có léo nhéo tiếng loa bên kia gọi dân đi thi hành gì đó. Trong khi chúng tôi trình diễn, không có dân bên kia đứng coi, chỉ có vài đốm lửa thuốc lá lập lờ. Anh thông tin xã cho biết đó là những công an, cán bộ đang đứng coi.

Sau buổi diễn chúng tôi dọn đồ nghề vào mấy căn nhà dân

ngủ nhờ. Một ông già thấy chú lính dựng ảnh tổng thống Ngô Đình Diệm dưới nền nhà đã căn nhắc: - Tại sao lại đặt ảnh Ngô Tổng Thống như vậy. Phải đặt lên trên nóc tủ này chứ! Sáng hôm sau, đồng bào ghé lại trò chuyện với anh em chúng tôi. Qua những câu chuyện trao đổi ý kiến, họ đưa ra những nhận xét rất xác đáng. Đồng bào rất thích những màn trình diễn nói lên chính nghĩa, nói lên lẽ phải. Họ nói:

- Phải có kịch tích cực, dứt khoát như vậy mới được, còn kịch “hâm nước mắm” nhạt và vô bổ.

Họ hỏi chúng tôi bao giờ sẽ trở lại. Khi nghe trả lời là “không biết đến bao giờ”, họ buồn lắm. Họ rất thèm xem kịch, xem chiếu bóng, rất tin tưởng vào chính phủ quốc gia. Tại một xã sâu trong biên giới Lào, đêm đó đang diễn kịch, trời mưa to. Chúng tôi khát với khán giả để tối mai diễn tiếp, họ không chịu. Chúng tôi đề nghị đợi tạnh mưa sẽ tiếp tục, sợ đồng bào bị mưa ướt, họ cũng không chịu. Thế là diễn viên đội mưa lạnh run diễn tiếp tục màn kịch, khán giả đứng dưới mưa thản nhiên coi và vỗ tay tán thưởng nồng nhiệt.

Sáng hôm sau, một diễn viên nói: - Cứ cái điệu này chắc phải sấm áo mưa đi trình diễn quá!

Tôi trả lời:

- Đêm qua đã được ăn xúu dề (ăn khuya) cháo gà cho ấm bụng, còn muốn gì nữa?

Sau chuyến lưu diễn bảy ngày, khán giả vùng nam vĩ tuyến 17 gửi thư hoan hô chúng tôi nhiệt liệt, chính quyền tỉnh, quận, xã gửi thư khen tặng và cảm ơn.

Tôi nghĩ chính chúng ta và những người lãnh đạo đã tự làm hỏng đại cuộc bảo vệ lãnh thổ miền Nam và duy trì chính nghĩa. Phải đến tận các thôn xóm hẻo lánh vùng giới tuyến những năm 56, 57, 58 miền sơn cước Quảng Nam, Quang Ngãi mới thấy tình

thần chống cộng của dân chúng, lòng yêu mến người lính cộng hòa lên cao đến mức nào.



ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG

- Tên thật: Đào Đức Chương. Bút hiệu Đào Đức Chương, bút hiệu khác: Việt Thao.
- Sinh năm: Đinh Sửu.
- Nguyên quán: Vinh Thanh, Phước Lộc, Tuy Phước, Bình Định.
- Trước 30/4/1975: Dạy học và làm Giám học.
- Từ ngày 08/7/1993: Định cư tại San Jose, California.
- Giải nhì về thơ Hội Tết Giáp Tuất (1994) ở Bắc California, do Liên Hội Người Việt Quốc Gia tổ chức.
- Biên tập viên tạp chí Làng Văn (Canada) từ năm 1994 đến nay. Thường xuyên viết biên khảo và thơ.
- Cộng tác với Việt Nam Nhật Báo, tạp chí Thế Kỷ 21.
- Gia nhập Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại năm 1996.
- Tác phẩm xuất bản (viết chung với Mộng Bình Sơn, tức Phan Canh):
 - * Nhà Văn phê bình (1996).
 - * Thi ca Việt Nam thời Cần Vương (1997).
- Hiện định cư tại San Jose, California Hoa Kỳ.

NHÀ TÂY SƠN QUA CA DAO

ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG

Triều Tây Sơn chỉ có 24 năm (1778- 1802), ngắn nhất trong lịch sử Việt Nam nhưng có công mở đầu việc thống nhất đất nước sau 217 năm Trịnh Nguyễn phân tranh, lấy sông Linh Giang làm ranh giới. Tuy thời Tây Sơn đất nước không chia cắt rõ rệt nhưng vẫn có hai kinh đô: thành Hoàng Đế ở phủ Qui Nhơn cho vua Thái Đức (1778- 1793), thành Phú Xuân (Huế) cho vua Quang Trung (1788- 1792) và vua Cảnh Thịnh (1793- 1802).

Chúa Định Vương Nguyễn Phúc Thuần lên ngôi (1765), liền phong cho Trương Phúc Loan làm Quốc phó. Chúa chỉ lo việc vui chơi, mặc cho Trương phúc loan chuyên quyền, các quan không phục, dân tình ta thán. Năm Kỷ Sửu (1769), Hàn lâm Nguyễn Quang Tiễn tiên đoán “Không quá năm sáu năm nữa ở Quảng Nam sẽ có binh nổi dậy” [1].

Cũng theo *Xứ Đàng Trong* của Phan Khoang, quan Nội hữu Thái phó Trương Văn Hạng bị Trương Phúc Loan giết. Trương Văn Hiến là môn khách của Thái phó sợ bị vạ lây, trốn vào phủ Qui Nhơn (Bình Định) mở trường dạy học ở An thái (nay thôn Mỹ Thạnh, xã Nhơn Phúc, huyện An Nhơn), nuôi chí báo thù. Thấy anh em Tây Sơn có chí khí, Giáo Hiến đem lời sấm “*Tây khởi nghĩa, bắc thu công*” nói với người anh cả là Nguyễn Nhạc.

Năm Tân Mão (1771), Nguyễn Nhạc lập căn cứ ở Tây Sơn Thượng. Chiêu mộ hầu hết thanh niên miền núi vào lực lượng Tây Sơn:

Thượng du lớn nhỏ đồng tình

Theo ông Hai Nhạc luyện binh tháng ngày

Lập đoàn cung thủ rất hay

Đợi khi lâm trận sau này ra oai.

Theo Nhà Tây Sơn của Quách Tấn và Quách Giao, Nguyễn Nhạc và bộ tham mưu đóng ở ngọn núi phía nam, Nguyễn Huệ và ban quân sự đóng ở ngọn núi phía bắc. Hai núi này cao và rậm, nằm phía đông đèo An Khê, địa đầu Tây Sơn Trung, giáp Tây Sơn Thượng. Các địa danh núi Ông Nhựt (Nhạc nói trại), núi Ông Bình có từ đây và đi vào lịch sử:

*An Khê đất rộng đẹp thay
Biết bao thắng cảnh mê say lòng người
Non Bình có hang Tối Trời
Lại thêm núi Nhựt cao vời nẻo xa*

Nơi đây là đất dụng võ, hào kiệt theo về rất đông:

*Cây cây khỉ cổ ngân nga
Từng bưng chiêm trống kéo ra đây đường
An Lũy có An Khê trường
Là nơi tụ hội mười phương anh hùng.*

Lập kế hoạch nuôi quân, Nguyễn Nhạc cho phá rừng Mộ Điều ở Tây Sơn Thượng thành đồng lúa màu mỡ, rộng hàng ngàn mẫu, giao cho người vợ thứ, con của vị đầu mục người Ba Na cai quản, quen gọi là đồng Cô Hầu, nay thuộc Tú An:

*Cánh đồng Cô Hầu
Đàn trâu ông Nhạc
Ngựa lạc vang rừng
Voi dừng Tượng Đầm.*

Để có vũ khí trang bị quân đội và đủ nông cụ đáp ứng nhu cầu sản xuất, Nguyễn Nhạc tập trung các thợ rèn ở xóm Ké và chiêu mộ thêm thợ rèn ở đồng bằng, lập công binh xưởng:

*Ai lên xóm Ké An Khê [2]
Hỏi thăm các bác thợ rèn khỏe không?
Rèn dao, rèn cuốc, rèn chông
Bám luôn buôn Thượng lâu không thấy về.
Muốn lên cách trở sơn khê
Đèo cao mấy lớp, mây che mấy tầng.*

*Thương nhau chẳng quản xa gần
Sợ gặp “Ông Xám” thọt chân chặn đèo.*

Thiên thời, địa lợi, nhân hòa đã đến, cần thêm sức mạnh tâm lý để củng cố nhân tâm. Tương truyền Nguyễn Nhạc được Ngọc hoàng ban chiếu phong vương ở hòn Trưng Sơn (cao 422 mét, nay thuộc thôn Phú Lạc, xã Bình Thành, huyện Tây Sơn). Một hôm, trên đường từ đèo An Khê về Kiên Mỹ (thuộc xã Bình Thành) Nguyễn Nhạc tình cờ thấy kiếm báu ở núi Ngang tức Hoành Sơn, còn gọi là hòn Kiếm (thuộc thôn Trinh Tường, xã Bình Tường), rồi lại được ấn vàng ở hòn Giải, còn gọi là hòn Ấn (núi nhỏ nằm trước núi Ngang):

*Ấn vàng kiếm bạc
Nguyễn Nhạc trời trao
Mũ áo đại trào
Ai vô rừng cấm
Thấy tám biển đề:
“Nguyễn Huệ vì tướng
Nguyễn Nhạc vì vương”
Đồn đại bốn phương
Tây Sơn dấy nghĩa.*

Tiếng đồn “Tây Sơn dấy nghĩa” lan rộng khắp vùng, Trương Phúc Loan cử Nguyễn Khắc Tuyên, viên quan văn võ song toàn vào trấn thủ Qui Nhơn. Nguyễn Nhạc cho thám tử về miền duyên hải theo dõi tình hình. Một mật lệnh từ An Khê nhấn xuống Thị Nại:

*Anh về dưới Giã chiều hôm
Gánh phân đổ ruộng gió nồm bay lên [3].*

Thám tử vội lên báo cho Tây Sơn biết, quan trấn thủ được tăng viện, chuẩn bị tấn công An Khê. Nguyễn Nhạc không để cho Nguyễn Khắc Tuyên ra tay trước.

Rằm tháng tám năm Quý Tỵ (tháng 9- 1773), Nguyễn Nhạc làm lễ xuất quân, lập đàn tế cáo trời đất giữa đèo An Khê, nơi ngọ Cây Khế có trăng đất rộng rợp bóng mát của hai cổ thụ,

tục gọi là cây Ké và cây Cây. Nguyễn Nhạc cho quân trực chỉ hướng đông, dừng chân nghỉ đêm ở thung lũng chân núi Bà Phù, mở tiệc khao quân và đãi yến các tướng lãnh. Nhân đấy, Nguyễn Nhạc cải danh núi Bà Phù là Tâm Phúc, nay ở địa phương vẫn quen gọi thung lũng này là Hóc Yến:

*Cây Ké phát cờ
Cây Cây giống trống
Tiền hô hậu ứng
Đất thũng đá nhào
Quân khao Hóc Yến
Thăng tiến Linh Lương
Đầy đường bụi cuốn
Ruổi xuống Hòn Ngang
Vượt sông Đá Hàng
Đồ Bàn náo động [4].*

Nguyễn Nhạc chiếm ấp Kiên Thành, truyền hịch khắp nơi kể tội Trương Phúc Loan và bày tỏ lý do khởi binh tôn phò Hoàng tôn Dương; rồi chia quân đánh chiếm các huyện. Quân Tây Sơn khi lâm trận thường la ó, áp đảo tinh thần địch quân. Bấy giờ có câu hát thời sự, phân biệt quân của hai phe:

*Binh triều là binh Quốc phó,
Binh ó là binh Hoàng tôn.*

Cơ cấu hành chánh đầu tiên của chính quyền Tây Sơn, theo *Đại Nam chính biên liệt truyện* (quyển 30, trang 2b và 3a), Nguyễn Nhạc tự xưng là Đệ nhất trại chủ quản trị hai huyện Phù Ly (nay là hai huyện Phù Cát, Phù Mỹ) và Bồng Sơn (nay là huyện Hoài Nhơn, Hoài Ân, An Lão). Nguyễn Thung làm Đệ nhị trại chủ, cai quản huyện Tuy Viễn (nay là huyện Tây Sơn, Vĩnh Thạnh, An Nhơn, Tuy Phước, Vân Canh). Huyền Khê làm Đệ tam trại chủ lo việc quân lương.

Sau khi mật bàn với các tướng lãnh và cất đặt mọi việc nghiêm minh, Nguyễn Nhạc tự ngồi vào cũi, sai thủ hạ khiêng đến thành Qui Nhơn nộp cho Tuần phủ Nguyễn Khắc Tuyên. Quan trấn thủ

tướng thật, mở cửa thành cho vào. Nửa đêm, Nguyễn Nhạc tháo cũi, cùng các thủ hạ giết lính gác, mở cửa thành và đốt pháo hiệu cho quân Tây Sơn tràn vào chiếm phủ thành:

*Cây Ké phát cờ
Cây Cây gióng trống
Hòn Chiềng vang động
Hòn Trống đổ hồi
Lên ngôi Vương soái
Quan ải đập bằng
Cuốn phăng hào lũy
Phủ ly Qui Nhơn
Oán hờn đất dẫy
Cờ phát quân reo
Dân theo chiếm phủ [5].*

Thừa thắng, Nguyễn Nhạc chiếm hai kho lương quan trọng Càng Rang và Nước Ngọt ở huyện Phù Ly (nay thuộc Phù Cát), rồi tiến quân ra Quảng Ngãi. *Đại Nam thực lục tiền biên*, quyển 11 chép: “Chúa sai bọn Chưởng cơ Nguyễn Cửu Thống (con Nguyễn Cửu Thông, lấy Công chúa Ngọc Huyền), Nguyễn Cửu Sách (con Nguyễn Cửu Pháp, lấy Công chúa Ngọc Anh), Cai cơ Phan Tiến, Cai đội Nguyễn Vệ, Tổng nhung Tống Sùng, Tán lý Đỗ Văn Hoảng đem quân đi đánh không được. Sùng và Hoảng đều chết ở trận” [6]. Quân Nguyễn đại bại, Tây Sơn tiến quân đến Bản Tân, giáp Quảng Nam (1773).

Mùa đông năm Quý Tỵ (1773), Nguyễn Nhạc mở thêm mặt trận phía nam, sai Ngô Văn Sở, Lê Văn Hưng và Nguyễn Văn Lộc vào chiếm Phú yên, Diên Khánh và Bình Thuận:

*Thạch Thành voi ngựa kéo ra
Eo Gió kéo xuống quân đà hội quân
Chúa Chàm, Bà Hỏa chỉ nhân
Giúp ông Hai Nhạc định phần Phú yên.
La Hai quyết chiến đôi bên
Phước Hiệp trúng kế chạy liền vô Nam.
Sa trường gươm giáo ngổn ngang*

*Thây phơi thành lũy máu loang gò đồi
Giữa vòng đạn lạc tên rơi
Xót thương nữ chúa vội rời ba quân [7].*

Mặt trận Phú Yên khá sôi nổi, giành qua giết lại nhiều lần, tổn hao xương máu rất nhiều nhưng lòng dân ngưỡng mộ Tây Sơn, sẵn sàng hy sinh cho đại cuộc:

*Ơn vua Thái Đức chí tình
Cù Mông vắng vẻ nhưng mình cứ đi [8].*

Nguyễn Nhạc lợi dụng tối đa lá bài Hoàng tôn Dương, gả con là Công chúa Thọ Hương cho Thế tử, xin lập ngôi chúa, dàn cảnh tôn phò trước mặt sứ giả [9]. Tổng Phước Hiệp cả tin, bị Nguyễn Huệ đánh úp bất ngờ, thua to, bỏ Phú Yên chạy ra Hòn Khói năm 1775.

Mặt trận phía bắc, tháng tư năm Ất Mùi (1775), Hoàng Ngũ Phúc vượt đèo Ai Vân vào Quảng Nam. Tập Đình lãnh tiên phong, Lý Tài lãnh trung quân, Nguyễn Nhạc đem quân hậu tập, đón đánh quân Trịnh ở Cẩm Sa (huyện Hòa Vinh) nhưng bị thua to, bèn bỏ đất Quảng Nam lui quân về giữ Bản Tân.

Để tránh lương đầu thọ địch, Nguyễn Nhạc sai Phạm Văn Tuế đem vàng bạc đút lót Hoàng Ngũ Phúc và đưa thư xin hàng, xin lãnh 3 phủ Quảng Ngãi Qui Nhơn Phú Yên làm tiền khu đánh Nguyễn. Bấy giờ vào tháng 6, quân Trịnh bị lam chướng, chết dịch rất nhiều, nên Hoàng Ngũ Phúc thuận cho, phong Nguyễn Nhạc làm Tây Sơn hiệu trưởng Tráng tiết tướng quân. Sai Nguyễn Hữu Chỉnh đem cờ ấn, sắc phong, gươm lệnh và áo mão cho Nguyễn Nhạc. Rồi Hoàng Ngũ Phúc rút quân về Thuận Hóa.

Năm 1775, Nguyễn Nhạc sửa sang và mở rộng thành Đồ Bàn, chu vi lớp thành ngoài lên đến khoảng 7400 mét tây. Nguyên thành có 4 cửa: Đông, Tây, Nam, Bắc; giờ mở thêm một cửa nữa ở phía nam, gọi là Tân Khai, đã một thời vang bóng:

*Chiều chiều nghe sáo nghe oanh
Tuồng kèn lệnh tập bên thành nhà vua.*

*Tân Khai nay vắng bóng cờ
Nào đâu tướng soái thuở xưa ra vào.*

Tháng 2 năm Bính Thân (1776), Nguyễn Nhạc xưng Tây Sơn Vương, đóng đô thành Đồ Bàn, đúc ấn vàng, tổ chức triều chính, phong Nguyễn Huệ làm phụ chính, Nguyễn Lữ làm thiếu phó:

*Lạy trời cho cả gió lên
Cho cờ vua Bình Định bay trên kinh thành.*

Năm Đinh Dậu (1777), Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ đem quân thủy bộ đánh Gia Định, đuổi bắt được Định Vương và Tân Chính Vương tại Long Xuyên (tức An Giang), rồi giết cả hai. Nguyễn Phúc Ánh (cháu Định Vương) chạy thoát, được các tướng tôn làm Đại nguyên súy Nhiếp quốc chính lo việc khôi phục Gia Định.

Năm Mậu Tuất (1778), Nguyễn Nhạc lên ngôi vua, đặt niên hiệu là Thái Đức, đổi tên Đồ Bàn là Hoàng Đế thành, phong Nguyễn Huệ làm Long Nhương tướng quân, Nguyễn Lữ làm Tiết Chế.

Từ năm Nhâm Dần (1782), mỗi lần quân Tây Sơn vào đánh Gia Định, Nguyễn Ánh bỏ chạy. Lần nào Tây Sơn cũng thắng nhưng không dứt được Nguyễn Ánh. Bấy giờ miền Qui Nhơn có câu hát phản ánh nỗi lòng của người vợ lính:

*Đồng Nai xa lắm anh ơi
Gởi thơ, thơ mất; gởi lời, lời quên.*

Trở lại mặt trận phía bắc, nhờ có Nguyễn Hữu Chỉnh bỏ Trịnh theo Tây Sơn, kế hết tình thế Bắc Hà, vua Thái Đức quyết định chiếm Phú Xuân. Tháng 5 năm Bính Ngọ (1786), Nguyễn Nhạc sai Nguyễn Huệ làm tiết chế, giao Võ Văn Nhậm lãnh tả quân, Nguyễn Hữu Chỉnh lãnh hữu quân ra đánh Thuận Hóa, đất thuộc về chúa Trịnh từ năm 1774. Phó tướng thành Phú Xuân là Hoàng Đình Thễ cùng hai con và tì tướng Vũ Tá Kiên ra ngoài thành chống giữ, hết thuốc đạn lại bị chánh tướng Phạm Ngộ Cầu đóng cửa thành không tiếp ứng nên tử trận cả. Phạm Ngộ

Cầu treo cờ trắng, mở cửa thành ra hàng, bị bắt giải về Qui Nhơn. Nguyễn Nhạc cho là bất trung, đem chém. Nhân đấy người đời có câu hát:

*Làm tôi thì ở cho trung
Chớ có hai lòng mà hóa dở dang.*

Thừa thắng, quân Tây Sơn vượt sông Gianh tiến ra vùng Thanh Nghệ như vào chỗ không người. Các trấn tướng như Bùi Thế Toại, Tạ Danh Thùy bỏ cả binh sĩ chạy thoát thân, dân chúng có câu hát:

*Bấy lâu họ Trịnh gian tà
Binh kêu dân oán ắt là bại vong.*

Cánh quân Nguyễn Hữu Chỉnh tiến vào sông Vị Hoàng, đổ bộ Nam Định chiếm kho lương hơn mấy triệu斛 lúa, dễ như trở bàn tay. Trần Nhị Hà, Đinh Tích Nhưỡng lăm kế Tây Sơn, bắn vào thuyền lính giả, hết sạch tên đạn đành phải tháo chạy. Trần Tây Long, đích thân Trịnh Khải thúc trống chỉ huy; quân Tây Sơn dùng hỏa hổ phun lửa, nhờ gió nam thổi mạnh, quân Trịnh rối loạn hàng ngũ phải thua tan.

Trịnh Khải chạy đến huyện Yên Lãng, Nguyễn Trang thay vì dẫn chúa đi trốn, lại bắt nộp Tây Sơn, chúa bức thế tự sát.

Ngày rằm tháng 7 năm Bính Ngọ (1786), Lê Hiễn Tông lập đại trào ở điện Kính Thiên [10], Nguyễn Huệ đem tướng vào lạy và dâng sổ quân dân. Vua phong Nguyễn Huệ chức Nguyên soái phù chính dực vận Uy quốc công và gả công chúa thứ 21 là Ngọc Hân, mới 16 tuổi [11]:

*Gió đưa mùi sáu lá xoài
Có chồng Bình Định cho dài đường đi.*

Ngày 17 vua băng, thái tôn Duy kỳ nối ngôi tức Lê Mẫn Đế. Ít lâu sau Nguyễn Nhạc ra Thăng Long đem Nguyễn Huệ vào nam. Đêm 17 tháng 8, lúc canh ba, Nguyễn Nhạc sai người vào cáo biệt Lê Mẫn Đế rồi bí mật rút toàn bộ thủy lục quân. Tây Sơn thấy Nguyễn Hữu Chỉnh xảo quyệt nên bỏ lại Bắc Hà.

Sáng hôm sau Nguyễn Hữu Chỉnh hay tin, vội thuê thuyền buôn theo vào Nghệ An. Nguyễn Nhạc không nỡ bỏ, cho ở lại giữ đất Nghệ An (quê hương của Chỉnh) cùng với Nguyễn Huệ. Dân Bắc Hà có lời nhạo báng Chỉnh:

Đi cùng bốn biển, chín chu

Trở về xó bếp, chuột chù gặm chân!

Anh em Tây Sơn tiếp tục lên đường về Thuận Hóa. Đường về quê chồng xa với vợ, Công chúa Ngọc Hân với nỗi lòng:

Ngựa thồ thay mối xích thằng

Ông Tư bà Nguyệt dẫu giằng chẳng ra.

Một ngày một vắng quê nhà

Sáng từng từng nhớ, tối tà tà trông [12].

Đến Phú Xuân, Nguyễn Huệ xin ở lại trấn thành để giữ mặt Bắc, Nguyễn Nhạc về Qui Nhơn.

Năm Đinh Mùi (1787), vua Thái Đức phong cho Nguyễn Huệ làm Bắc Bình Vương, giữ Quảng Nam, Thuận Hóa và khống chế Bắc Hà. Phong cho Nguyễn Lữ làm Đông Định Vương giữ Bình Thuận, Đà Lạt, Đồng Nai, Hà Tiên. Còn Thái Đức là Trung ương Hoàng Đế đóng ở Qui Nhơn thống trị Quảng Nam, Qui Nhơn, Nha Trang [13].

Cũng năm đó, vua Thái Đức và Bắc Bình Vương có sự bất hòa. Nguyễn Huệ đem binh vào vây thành Hoàng Đế, Nguyễn Nhạc lên mặt thành kêu khóc. “*Bì oa chữ nhục, đệ tâm hà nhẫn*”. Nguyễn Huệ động lòng khóc theo, rồi ra lệnh rút quân. Nhân đấy, người đời có câu hát:

Lỗi lầm anh vẫn là anh

Nồi da nấu thịt sao đành hờ em!

Nguyễn Hữu Chỉnh ở Nghệ An chiêu mộ dũng sĩ và hương binh, nuôi mộng chiếm xứ này. Ngoài Bắc, Trịnh Bồng nhờ vua Lê thắng được Trịnh Lệ, rồi lại hiếp đáp vua. Lê Chiêu Thống bèn gọi Nguyễn Hữu Chỉnh về đánh đuổi được Trịnh Bồng, vua phong làm Bình chương quân quốc trọng sự, Đại tư đồ, tước

Bằng trung công. Dân gian thừa biết Chỉnh xảo quyết và tham vọng nên có câu hát cảnh cáo:

*Ai đem con sáo qua sông
Cho nên con sáo sổ lồng bay cao
Bay cao thì mặc bay cao
Lưới trời đã rộng thoát nào được đâu!*

Nắm trọn quyền chính, Nguyễn Hữu Chỉnh muốn nổi nghiệp chúa Trịnh. Sai người vào Nghệ An thông đồng với Nguyễn Duệ cướp đất, lấy Linh Giang làm ranh giới, sửa lũy Hoàn Sơn, phục hồi lãnh thổ Bắc Hà y như thuở trước. Công việc bại lộ, Nguyễn Duệ trốn về Qui Nhơn, còn Nguyễn Huỳnh Đức vào Gia Định. Bắc Bình Vương sai Võ Văn Nhậm trấn thủ Nghệ An và theo dõi tình hình miền Bắc.

Giải pháp quân sự không thành, Nguyễn Hữu Chỉnh chuyển qua đường lối ngoại giao. Chỉnh xúi vua Lê đòi lại đất Nghệ An. Mùa xuân năm Đinh Mùi (1787), sứ bộ lên đường có Trần Công Sán, Ngô Nho và hoàng thân Lê Duy Hiên (ông chú của Chiêu Thống). Nguyễn Huệ biết mưu ấy của Nguyễn Hữu Chỉnh, càng căm ghét, phải trừ hấn. Chỉ tội cho 3 vị sứ thần và 18 người tùy tùng, chuyển về bị đắm thuyền ở cửa biển Đan Nhai (thuộc Nghệ An), chết cả. Nguyễn Huệ không muốn thả họ về Bắc, tiết lộ việc nội biến (anh em bất hòa) ở Nam Hà.

Bắc Bình Vương sai Ngô Văn Sở và Lê Văn Lân đem quân ra Nghệ An hợp với trấn tướng Vũ Văn Nhậm, trị tội Cống Chỉnh. Đoạn phim thời sự này phản ánh qua câu:

*Ai ra ngoài Bắc nhẩn chim Bằng
Lông cánh bao nhiêu dăm vẩy vùng
Lồng lộng lưới trời sao thoát được
Rồi ra ta bắt bỏ trong lồng.*

Quân Tây Sơn đánh tan lực lượng tiền phương của Bắc quân ở Thanh Hóa, giết chủ tướng là Lê Duật. Ở Ninh Bình, hơn 2 vạn tinh binh tan rã, chủ tướng Nguyễn Như Thái phi ngựa chạy, bị bắn chết. Nguyễn Hữu Chỉnh và con là Nguyễn Hữu Du tự

cầm cầm quân ra trận, thua nặng, bỏ Thăng Long chạy đến Bắc Giang thì bị bắt. Chính chịu cực hình tứ mã phân thân, quả đúng như bài *Tràng pháo* mà ông đã cảm tác:

*Xác không, vốn những cây tay người,
Khôn khéo làm sao đốt cũng rời.
Kêu lắm lại càng tan xác lắm!
Thế nào cũng một tiếng mà thôi.*

Vua Lê Chiêu Thống chạy lên Kinh Bắc, vào Thanh Hóa, lại ra Kinh Bắc, rồi sai Lê Duy Đản và Trần Danh Ấn sang Tàu cầu viện. Thái hậu và Hoàng tử cùng các thị thần như Nguyễn Huy Túc, Lê Quýnh cũng gõ cửa nhà Thanh kêu cứu.

Vua Càn Long sai Tổng đốc Lương Quảng Tôn Sĩ Nghị thống lĩnh 20 vạn quân tiến vào Thăng Long bằng 2 ngả, từ Cao Bằng xuống do Sầm Nghi Đống chỉ huy, từ Lạng Sơn xuống do Tôn sĩ Nghị trực tiếp chỉ huy [14]. Theo lời bàn của Ngô Thì Nhậm, ngày 20- 11 Ngô Văn Sở cho lui quân về giữ Tam Điệp (đèo Ba Dội), thủy quân về đảo Biện Sơn (trong vùng biển Thanh Hóa Nghệ An) và cấp báo Phú Xuân.

Lê Chiêu Thống theo quân Thanh về Thăng Long, không lo trị nước an dân, chỉ một việc đền ơn trả oán, giết hại những người theo Tây Sơn. *Việt Nam sử lược*, trang 371 chép “Tiếng là làm vua mà phải theo niên hiệu của vua Tàu, việc gì cũng phải bẩm đến quan Tổng đốc, thế thì có khác gì đã là nội thuộc rồi không?” và “Tôn sĩ Nghị thì càng ngày càng kiêu ngạo thêm, coi việc binh làm thường, lại thả quân lính ra cướp phá dân gian, làm lắm sự những nhiễu. Vì thế nên lòng người mất cả trông cậy”, dân chúng chỉ còn biết than trời:

*Đời ông cho chí đời cha
Đời nào cực khổ cho qua đời này.*

Nhận tin cấp báo, ngày 25 tháng 11 năm Mậu Thân (22-12-1788) Nguyễn Huệ làm lễ lên ngôi Hoàng đế ở Bàn Sơn (phía nam núi Ngự Bình) thì ngày 29- 11 vua Quang Trung cùng đại binh có mặt tại Nghệ An. Ở đây 10 ngày để lấy thêm quân và

hội kiến với La Sơn Phu Tử. Ngày 20 tháng chạp, Quang Trung đến núi Tam Điệp, mở tiệc khao quân, vua nói: “Bữa nay hãy ăn Tết Nguyên Đán trước, sang xuân, ngày mồng 7, ta sẽ vào thành Thăng Long, mở tiệc ăn Tết Khai Hạ. Các người cứ nhớ lấy lời ta, xem có đúng không?” [15]. Quân dân một lòng tin tưởng và quyết chiến :

*Thùng thùng trống đánh quân sang
Chợ Già trước mặt, quán Nam bên đàng
Qua Chiềng thì rẽ về Giàng
Qua quán Đông Thổ vào làng Đình Hương
Anh đi theo chúa Tây Sơn
Em về cày cuốc mà thương mẹ già.*

Quang Trung chia quân làm 3 đạo: Hữu quân [16] cùng Thủy quân có Đại Đô đốc Lộc và Đô đốc Tuyết đi đường biển, theo sông Lục Đầu tràn lên đất liền. Cánh quân của Tuyết đổ bộ Hải Dương, tiếp ứng mặt trận miền đông. Cánh quân của Lộc tràn lên Bắc Ninh, Bắc Giang, đóng chốt từ Yên Thế đến Lạng Giang, chặn đường về của giặc.

Tả quân kiêm lĩnh tượng, kỵ binh giao cho Đại Đô đốc Bảo và Đô đốc Long [17] đi bọc đường núi đánh tạt cạnh sườn vào phòng tuyến địch. Cánh quân của Bảo dùng tượng binh từ huyện Sơn Minh (Ứng Hòa, Hà Đông) đánh vào các căn cứ địch ở Đại Áng (Thanh Trì, Hà Đông). Cánh Quân của Long vòng lên hạ các trại giặc tại huyện Chương Mỹ (Hà Đông), đâm thủng phòng tuyến ở làng Nhân Mục (Thanh Trì, Hà Đông), tiến đến Khương Thượng, tiêu diệt quân của Sầm Nghi Đống đóng ở chùa Bộc, cạnh Đống Đa.

Còn chính nhà vua thống lĩnh đại binh gồm ba doanh Tiền, Trung, Hậu quân; có Tư mã Sở và Nội hầu Lân làm mũi nhọn tiên phong. Đám tân binh Nghệ An sung vào Trung quân do nhà vua trực tiếp chỉ huy. Hậu quân do Hồ Hổ hầu (không rõ tên họ, chỉ biết chức đô đốc, tước hầu) thủ vai đốc chiến và đề phòng hậu tập. Ngày 30 Tết, đại quân của Quang Trung vượt bến đò Gián Khuyết (Ninh Bình), ngược chiều tiến quân của giặc, lần

lượt hạ các đồn Thanh Liêm, Nhật Tảo, Phú Xuyên, Hà Hồi, Ngọc Hồi, Văn Điển, Khương Thượng, Đống Đa. Vào giờ thân (khoảng 4 giờ chiều) mồng 5 Tết Kỷ Dậu, Hoàng Đế Quang Trung, áo ngự bào sạm đen thuốc súng, với 80 thớt voi, ung dung tiến vào kinh thành Thăng Long sớm hơn hạn định 2 ngày, lời vua đã hứa trước ba quân trong ngày 20 tháng chạp:

*Tây Sơn khởi nghĩa anh hùng
Cứu dân quét sạch quân Thanh bạo tàn.*

Thiên tài quân sự thần tốc của Nguyễn Huệ sáng chói nhất trong lịch sử Việt Nam. Không chỉ có trận Đống Đa mà còn trận Rạch Gầm Xoài Mút ở Mỹ Tho, khúc sông Tiền Giang nối với hai rạch ấy. Ngày mồng 8 tháng chạp năm Giáp Thìn (18-1-1785), Nguyễn Huệ đánh tan 2 vạn quân Xiêm và 300 chiến thuyền, chỉ còn sống sót vài ngàn tháo chạy về nước. Trong vòng 3 năm (1775- 1788) hai lần đại thắng ngoại xâm và những lần tiến quân từ Nam ra Bắc xóa bỏ lần ranh chia đôi đất nước:

*Thành ngoài, thành giữa, thành trong
Hoàng thành còn dấu rêu phong thuở nào.
Voi gầm, ngựa hí lời trao
Vào Nam ra Bắc cờ đào ruổi quân.
Nguyễn Huệ tài giỏi hơn thần
Đuổi Xiêm, đại phá quân Thanh Ngọc Hồi.
Quang Trung Hoàng Đế lên ngôi,
Nhất vương nhị đế một thời lừng danh.*

Năm Nhâm Tý (1792), Quang Trung đang chuẩn bị lực lượng 30 vạn quân đánh Gia Định cho dứt điểm [18]. Ngoài ra vua còn sai sứ sang Tàu xin cầu hôn và đòi lại đất Lưỡng Quảng. Không ngờ vua bị huyến vận và mất ngày 29 tháng 7 năm Nhâm Tý [19], niên hiệu Quang Trung thứ 5, đặt miếu hiệu là Thái Tổ Vũ Hoàng Đế.

Vua Quang Trung băng hà là sự mất mát lớn của đất nước. Triều Tây Sơn đang hưng thịnh nhưng không có người lãnh đạo tài ba thay thế, khó tránh khỏi suy vong:

Nguyễn Huệ là đấng anh hào
Tận trung dưới trướng biết bao kỳ tài:
Văn thời Kỷ, Nhậm hòa hai
Lại thêm Phu Tử ở ngoài giúp vô,
Võ thời Tư mã họ Ngô,
Quang Diệu, Văn Dũng, nữ đô họ Bùi.
Triều đình văn võ toàn tài
Tưởng bề dựng nước lâu dài quản bao
Nào ngờ đứt gánh tài cao
Con thơ nên nổi Tây trào vội suy.

Quang Toàn lên ngôi mới có 10 tuổi, niên hiệu Cảnh Thịnh cho đến năm Tân Dậu (1801) kinh đô thất thủ, đổi là Bảo Hưng.

Từ năm Nhâm Tý (1792), cứ đến tháng 3, gió mùa tây nam thổi mạnh, Nguyễn Ánh, từ Gia Định đem binh thuyền ra đánh Qui Nhơn, dân trong vùng quen gọi là Giặc Mùa:

*Gió nồm thổi rộ tháng ba
Giặc Mùa trong ấy kéo ra hải hùng.*

Năm Quý Sửu (1793), Nguyễn Ánh sai Tôn Thất Hội, Nguyễn Huỳnh Đức, Nguyễn Văn Thành dẫn bộ binh đánh lấy Phan Rí và tiến quân ra Qui Nhơn. Vương cùng với Nguyễn Văn Chương và Võ Tánh đem thủy quân đánh lấy các phủ Diên Khánh, Bình Khang rồi đến Phú Yên. Triều đình Thái Đức đã suy yếu, nên dù cố sức chống đỡ cũng không ngăn nổi bước tiến quân Gia Định, chỉ tốn hao xương máu và dân phủ Qui Nhơn phải lao dịch chiến trường quá nặng nề :

*Tiếng ai than khóc nữ non
Là vợ chú lính trèo hòn Cù Mông.*

Thừa thế, Nguyễn Vương cho thủy quân đổ bộ vào Thị Nại, Thái tử Nguyễn Bảo dàn quân chống cự, không ngờ có bộ binh của Tôn Thất Hội từ Phú Yên ra kịp, đánh tập hậu nên thua nặng. Thành Hoàng Đế bị uy hiếp, vua Thái Đức cầu viện Phú Xuân. Vua Cảnh Thịnh sai Phạm Công Hưng, Nguyễn Văn Huấn, Lê Trung, Ngô Văn Sở đi đường bộ và Đặng Văn Chân đi đường

biển vào cứu Qui Nhơn. Nguyễn Ánh biết không địch nổi, rút quân về Gia Định.

Quân Phú Xuân giải vây được rồi, chiếm luôn thành trì, tịch biên kho tàng. Nguyễn Nhạc uất ức quá, thổ huyết chết. Cảnh Thịnh truất Thái tử Nguyễn Bảo làm Hiến công, cho ăn lộc một huyện, gọi là Tiểu triều.

Lỗi lầm của triều Cảnh Thịnh là làm mất đoàn kết nội bộ. Lại nữa, vua nghe lời dèm pha, giết nhiều tướng tài như Lê Trung, Nguyễn Văn Huấn, lòng người chán nản:

*Lạy trời cho chóng gió nổi
Cho thuyền chúa Nguyễn thẳng buồm chạy ra.*

Năm Kỷ Ty (1799), Nguyễn Ánh lấy thành Qui Nhơn, cải danh là thành Bình Định. Năm sau, tướng Tây Sơn là Trần Quang Diệu vây chặt thành Bình Định và Võ Văn Dũng nắm thủy quân, giữ cửa Thị Nại. Để quân lính đỡ nhớ nhà, ngày mồng 1 và mồng 2 Tết, tướng Diệu và Dũng dùng bãi đất rộng sát núi Úc (tên chữ là Hàm Long) và sông Cần, thuộc làng Phong Thạnh (nay thuộc thị trấn Tuy Phước, tỉnh Bình Định), cho vợ con binh sĩ đến thăm, có tổ chức trò chơi vui xuân và nhóm chợ. Truyền thống Chợ Gò, nay vẫn còn:

*Chợ Gò Phong Thạnh Mỹ Cao
Gần sông gần núi biết bao nhiêu tình
Nhớ quan Thiếu phó quang minh
Nhớ quan Đô đốc trung trinh trọn đời.*

Năm Tân Dậu (1801) Nguyễn Vương chiếm Thị Nại, nhưng không giải cứu được thành:

*Mai chiều gió ngạt ngào hương
Ai hay rằng bãi chiến trường ngày xưa
Đôi bên quyết chiến hơn thua
Cần Úc sừng nổ, gươm đưa máu trào
Quan quân phát ngọn cờ đào
Can tràng há để ai vào nơi đây.*

Trong thành, hết cả lương thực, quân Gia Định sắp chết đói, quan trấn thủ Võ Tánh tự đốt mình ở lầu Bát giác, quan Hiệp trấn Ngô Tùng Châu uống thuốc độc tự tử. Tấm lòng trung kiên ấy, bia miện ngàn đời khắc ghi:

*Ngó lên hòn tháp Cảnh Tiên
Cảm thương quan Hậu thủ thiềng ba năm.
Ba năm quan Hậu thủ thiềng
Thành cô lửa dậy tôi hiền gởi thân.*

Nguyễn Ánh thừa lúc chủ lực của Tây Sơn đang vây thành Bình Định, ngày mồng 3 tháng 5 năm Tân Dậu (1801) Vương chiếm kinh đô Phú Xuân, triều đình Cảnh Thịnh chạy ra Bắc.

Ngày mồng một tết Nhâm Tuất (3-2-1802), quân Tây Sơn dồn hết lực lượng thủy bộ gần 3 vạn quân, mở mặt trận Trấn Ninh [20], cố giành lại phần đất đã mất. Nguyễn Quang Thùy tiến đánh lũy Trấn Ninh. Bùi Thị Xuân lãnh chức Đại tướng, đem 5000 quân bản bộ tấn công lũy Đồng Hới. Quân Nguyễn bắn như cát vãi nhưng cờ lệnh của bà vẫn chực hắt xuống, dấu hiệu tiến không lùi. Bỗng nghe tin thủy quân Tây Sơn ở cửa Nhật Lệ bị vỡ, lại thêm tướng Nguyễn Văn Kiên ra hàng địch, vua Cảnh Thịnh và các tướng nãn lòng. Bà liền sai một đội quân đến chiêu dụ bọn làm phản, rồi giành lấy dùi trống thúc quân liên hồi. Một lúc sau mới biết trên mặt trận chỉ còn quân dưới quyền bà, các cánh quân khác đã hỗn loạn tháo chạy. Bà vẫn bình tĩnh giữ vững hàng ngũ, bảo vệ vua Cảnh Thịnh rút lui an toàn. Nỗ lực cuối cùng đó không thành nhưng để lại dấu ấn trong lịch sử Việt Nam về lòng can trường của nữ tướng Bùi Thị Xuân và đội nữ binh:

*Truyền rằng có đội nữ binh
Phò Bà đánh giặc quyền sinh đến cùng.
Chị em tả đột hữu xung
Tay đao tay kiếm nữ hùng kém ai.*

Tháng 6 năm Nhâm Tuất (1802), quân Nguyễn vượt sông Linh Giang tiến ra bắc, bằng cả hai đạo thủy bộ, không gặp sức kháng cự nào mãnh liệt, chỉ trong một tháng đã đến Thăng Long.

Vua Cảnh Thịnh cùng các Hoàng đệ và cận thần sang sông Nhị Hà chạy lên trấn Kinh Bắc, đến huyện Phượng Nhãn thì bị dân địa phương bắt nộp quân Nguyễn. Sự kiện lịch sử diễn tiến đúng với câu sấm truyền:

*Nguyễn ra rồi Nguyễn lại về
Giặc đến Bồ Đề [21], thời giặc lại tan.*

Hai mươi bốn năm về trước, Nguyễn Nhạc xưng đế (1778), đặt niên hiệu là Thái Đức. Bấy giờ, trong nước có 3 thế lực Trịnh, Tây Sơn, Nguyễn tranh giành nhau; có người chiết tự chữ *Thái Đức* mà đoán số mệnh nhà Tây Sơn không bền:

*Tam nhân tranh nhất thủy
Thập tứ niên vong.
Quang Trung Nguyễn Huệ, Hoa Bằng dịch:
Ba người tranh một nước
Mười bốn năm nữa sẽ mất.*

Quả nhiên, triều đình Qui Nhơn, Nguyễn Nhạc làm vua 15 năm (1778- 1793), bị xóa sổ. Triều đình Phú Xuân cũng chỉ 14 năm (1788- 1802) thì chấm dứt.

Lại nữa, năm 1788, Nguyễn Huệ lên ngôi Hoàng đế lấy niên hiệu Quang Trung; năm 1892, Quang Toản nối ngôi đặt niên hiệu Cảnh Thịnh. Các nhà hào sảng thấy chữ *Quang* (trong chữ Quang Trung) có chữ *tiểu* trên đầu, nên gọi là *đầu cha*. Chữ *Cảnh* (trong chữ Cảnh Thịnh) có chữ *tiểu* ở dưới, nên gọi là *chân con*, rồi truyền ra câu:

*Đầu cha lấy làm chân con
Mười bốn năm tròn, hết số thì thôi.*

Họ còn kết hợp giữa chiết tự và dịch nghĩa để có câu:

*Cha nhỏ đầu, con nhỏ chân
Đến năm Nhâm Tuất thì chân chẳng còn.*

Không rõ các câu trên là lời tiên tri hay sự kiện có rồi, người ta mới nghĩ đến. Dù sao, chữ nghĩa vẫn là điều hệ trọng, đáng suy ngẫm.

Một điều đáng nói, tạo hóa có luật bù trừ, nhà Nguyễn với chính sách dài hạn xóa bỏ tàn tích của Tây Sơn, các sử quan triều Nguyễn khi viết đến Tây Sơn cũng chỉ khái quát. Thế nhưng, văn chương truyền khẩu đền bù lại. May mắn cho lịch sử, đất Bình Định là cái nôi của bài chòi, hát hò, hát bả trạo, hát bội; vì thế sinh sản nhiều câu hát dân gian. Cuộc khởi nghĩa Tây Sơn xảy ra ở Bình Định, được dân chúng hết lòng hưởng ứng và truyền lại qua ca dao không thiếu một sự kiện quan trọng nào.

Tóm lại, thời Tây Sơn (1771- 1802) là giai đoạn lịch sử đặc biệt, có nhiều cái nhất, tốt xấu đều nhất cả.

Vua Quang Trung đánh đuổi ngoại xâm trong thời gian ngắn nhất và trước thời hạn ấn định : Trận Đống Đa đánh tan 20 vạn quân Thanh trong 5 ngày, trận Rạch Gầm Xoài Mút tiêu diệt 2 vạn quân Xiêm chỉ 1 ngày. Quang Trung còn được nhà Thanh nể nang nhất, xóa bỏ lệ cống người bằng vàng, vua Càn Long rút rượu mời giả vương.

Một thời đại nội chiến triền miên, từ Nam Bắc triều (1533-1592), đến Trịnh Nguyễn phân tranh (1558-1775); khốc liệt nhất là cuộc chiến giữa Tây Sơn – chúa Nguyễn (1771- 1802) và Tây Sơn – Trịnh (1775- 1786).

Một thời đại, cùng lúc có nhiều vua chúa. Thời điểm cao nhất là năm 1778, nước ta có 2 vua và 2 chúa: ở Thăng Long vua Lê Hiến Tông còn tại vị, chúa Trịnh Sâm đang quyền hành; ở Qui Nhơn Nguyễn Nhạc xưng đế; miền Gia Định, sự nghiệp chúa Nguyễn chưa dứt vì có Nguyễn Ánh thay thế.

Và thời đại có nhiều biến cố nhất, bất ổn nhất nhưng lại lắm nhân tài. Có thể mượn câu thơ của Chí sĩ Phan Bội Châu [22] để luận cứ cho giai đoạn lịch sử này:

*Nếu phải đường đời bằng phẳng hết
Anh hùng hào kiệt có hơn ai.*

ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG

GHI CHÚ

[1] Phan Khoang, *Xứ Đàng Trong* (Sài Gòn, Khai Trí, 1970), trang 253.

[2] Nguyễn Xuân Nhân, *Văn học dân gian Tây Sơn* (Sài Gòn, nxb Trẻ, 1999), trang 12, ghi lời kể của cụ Phan Tổ (ở An Điền Nam, Cửu An, An Khê): Nhóm thợ rèn người Kinh lên đây hành nghề, bán nông cụ cho người Thượng, lập ra xóm Ké, nay thuộc thôn Thượng An, xã Song An, huyện An Khê.

[3] Sách đã dẫn, trang 25: ông Tư Quỳnh (ở Phước Bình, An Cửu, An Khê) cho rằng câu này là một trong các mật lệnh tình báo của Tây Sơn.

[4] Các địa danh trong câu này gồm:

- Hóc Yến ở chân đèo An Khê, một thung lũng hẹp, nằm giữa hòn Phòng và hòn Bằng Lãng.

- Lĩnh Lương, tên ngọn núi ở thôn Tả Giang, xã Bình Giang, sát quốc lộ 19. Theo *Văn Học Dân Gian Tây Sơn*, trang 22, nơi đây Nguyễn Lữ phát lương cho quân sĩ.

- Đá Hàng là phụ lưu quan trọng của sông Côn, bờ phía tây là thôn Trinh Tường, bờ đông là thôn Phú Phong, từ đèo An Khê xuống phủ lý Qui Nhơn (tức thành Đồ Bàn) phải qua sông này.

[5] Hòn Một tức hòn Trống, hòn Dải tức hòn Chiêng, là hai núi nhỏ ở xã Bình Tường. Tương truyền thời Tây Sơn treo trống, chiêng ở hai núi này đánh báo hiệu cho tiếng vang xa.

[6] Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục tiền biên*, Nguyễn Ngọc Tỉnh dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, tập 1, trang 243.

[7] Các địa danh trong câu này gồm:

- Thạch Thành, làng miền núi thuộc tổng Hòa Lạc, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; có nữ chúa Chăm là Bà Hỏa đem quân giúp Tây Sơn và bị tử trận.

- Eo Gió, đèo nằm trên đường từ Vân Canh (tây nam Bình Định) vào La Hai (huyện Đồng Xuân, Phú Yên).

[8] Đèo Cù Mông cao, dốc, quanh co, hiểm trở, nằm giữa Bình Định và Phú Yên.

[9] Hoa Bằng, *Quang Trung Nguyễn Huệ* (Glendale CA, Đại Nam tái bản, không ghi năm), trang 48.

[10] Trần Trọng Kim, *Việt Nam sử lược* ghi: “ngày 7 tháng 7”; Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* ghi: “ngày rằm tháng 7”.

[11] Thân mẫu của Ngọc Hân là Nguyễn Thị Huyền, người xã Phù Ninh, tổng Hạ Dương, phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

[12] Thơ của Nguyễn Thời Thấu, lan truyền trong dân gian và được ca dao hóa.

[13] Nguyên trong *Sử ký Đại Nam Việt*, Giáo hội xuất bản, Sài Gòn 1898, trang 59; Hoa Bằng chép trong *Quang Trung Nguyễn Huệ*, trang 99.

[14] Trần Trọng Kim, sách đã dẫn, trang 370, ghi là quân Thanh sang nước ta làm 3 ngả: Cao Bằng, Tuyên Quang và Lạng Sơn.

[15] Hoa Bằng, sách đã dẫn, trang 183.

[16] Trần Trọng Kim (*Việt Nam sử lược*, trang 372) chép là Hữu quân, Hoa Bằng (*Quang Trung Nguyễn Huệ*, trang 189) chép là Tả quân, và ngược lại.

[17] Trần Trọng Kim (Sách đã dẫn, trang 372) chép là Đô đốc Mưu.

[18] Lam Giang, *Vua Quang Trung* (Sài Gòn, nxb Thanh Niên, 2001), trang 199.

[19] Hoa Bằng, sách đã dẫn, trang 333.

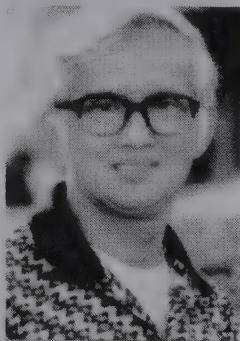
[20] LũyTrấn Ninh thuộc xã Trấn Ninh, sau đổi là Phù Ninh, huyện Phong Lộc, phủ Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

[21] Bến đò ở xã Phú Viên, huyện Gia Lâm, tỉnh Bắc Ninh (nay thuộc thành phố Hà Nội), ngày xưa có hai cây bồ đề cổ thụ nên đặt tên là Bồ Đề (theo Đinh Xuân Vịnh, *Sổ tay địa danh Việt Nam*, trang 68).

[22] Nguyên văn 2 câu kết bài thơ Phan Bội Châu tặng Mai Lão Bạng là: “*Giả sử tiền đồ tận di thần, Anh hùng hào kiệt đã dung thường*”, Đào Trinh Nhất dịch.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đinh Xuân Vịnh; *Sổ tay Địa danh Việt Nam*; Hà Nội, nxb Lao Động, 1996.
- Kiêm Đạt, *Đi tìm lại vết tích của thành Hoàng Đế*; nhật báo Cali Today (San Jose) số 113, thứ sáu, ngày 5- 2- 1999 và số 114, thứ bảy, ngày 6- 2- 1999.
- Hoa Bằng; *Quang Trung Nguyễn Huệ* (Hà Nội, nxb Tri Tân, 1944), Glendale CA, Đại Nam tái bản, không ghi năm.
- Lam Giang Nguyễn Quang Trứ; *Vua Quang Trung*; Sài Gòn, nxb Thanh Niên, 2001.
- Ngô Gia văn phái; *Hoàng Lê nhất thống chí*, bản dịch của Nguyễn Đức Vân và Kiều Thu Hoạch; Hà Nội, nxb Văn Học, 2001.
- Nguyễn Đình Đầu; *Nghiên cứu Địa bạ triều Nguyễn, tỉnh Phú Yên*; Sài Gòn, nxb TP/HCM, 1997.
- Nguyễn Trúc Phương; *Văn học bình dân*; Sài Gòn, nxb Sống Mới, 1964.
- Nguyễn Văn Mại; *Việt Nam phong sử*, bản dịch của Tạ Quang Phát; Sài Gòn, Phủ Quốc vụ khanh đặc trách Văn hóa xuất bản, 1972.
- Nguyễn Xuân Nhân; *Văn học dân gian Tây Sơn*; Sài Gòn, nxb Trẻ, 1999.
- Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc sưu tập; *Tục ngữ phong dao*, 2 tập (Hà Nội, Vĩnh Hưng Long thư quán, 1927), Garden Grove (CA), Tú Quỳnh tái bản, không đề năm.
- Phạm Văn Sơn; *Việt sử tân biên*, quyển 3; Sài Gòn, tác giả xuất bản, 1959.
- Phan Khoang; *Việt sử: Xứ Đàng Trong (1558- 1777)*; Sài Gòn, Khai Trí xuất bản, 1970.
- Quách Tấn; *Nước non Bình Định*; Sài Gòn, nxb Nam Cường, 1967.
- và Quách Giao; *Nhà Tây Sơn*; Sài Gòn, nxb Trẻ, 2000.
- Quốc sử quán triều Nguyễn; *Đại Nam thực lục tiền biên*, Nguyễn Ngọc Tỉnh dịch, Đào Duy Anh hiệu đính; Hà Nội, nxb Sử Học, 1962.
- ; *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, 47 quyển; Hoa Bằng và 2 người khác dịch, ấn hành thành 2 tập; không đề nơi, nxb Giáo dục, 1998.
- Sưu tầm một số tài liệu về ca dao ở các địa phương.
- Trần Trọng Kim; *Việt Nam sử lược*, in lần thứ 7; Sài Gòn, nxb Tân Việt, 1964.
- Vụ Bảo tồn Bảo tàng; *Niên Biểu Việt Nam*; Hà Nội, nxb Khoa học Xã hội, 1984.



NGUYỄN TẤN ÍCH

- Sinh năm: 1939 tại Quảng Ngãi.
- Bút hiệu: Hạo Nhiên Nguyễn Tấn Ích.
Bút hiệu khác: Mai Đàn, Nguyễn Tấn Ích.
- * Trước 1975: Giáo chức. Sĩ quan CTCT.
- Trưởng ban biên tập: BNS Quyết Tiến. TK/Quảng Ngãi.
- * Hoạt động văn học tại Hoa Kỳ:
- Trong ban biên tập: Tạp Chí Văn Học Nghệ Thuật
TINH HOA.
- Phụ trách Giai Phẩm Xuân Quảng Ngãi.
- Cộng tác với tạp chí KBC hải ngoại. Tạp chí Văn Nghệ Utah...
- Hội viên Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại/ TT/TBHK.
- * Giai thưởng văn học:
 - 1 Giai truyện ngắn 2002 do Ủy Ban Cứu Người Vượt Biển, CLB/ Văn Học Nghệ Thuật vùng Hoa Thịnh Đốn, Nguyệt San Kỷ Nguyên Mới tổ chức.
 - 2 Giải thi viết về nước Mỹ 2003 do Việt Báo tổ chức.
- * Sách đã xuất bản:
 - Từ Đó Em Yêu (thơ).
 - Lưu dấu ngày xưa (tuyển tập truyện ngắn).

BA MƯỜI NĂM SAU

Hạo Nhiên Nguyễn Tấn Ích

Chuông điện thoại reo vang, Hào vội vàng bắt phon :

- Alô, tôi nghe ?

- Xin cho gặp ông Trần Thái Hào.

- Vâng, tôi là Hào , xin lỗi ai đầu dây ?

- Anh Hào, em đây !

Tiếng người phụ nữ bên kia đầu dây khựng lại, hình như vì xúc động. Một khắc yên lặng, giọng nói run run lại cất lên:

- Anh không nhận ra tiếng em sao, hả Hào? Mộc Linh đây mà. Em gọi từ Canada.

Hào thật sự sửng sốt trước sự việc xảy ra quá bất ngờ. Chàng mất hẳn tin tức về Mộc Linh đã hai mươi mấy năm rồi. Nàng qua bên ấy bao giờ và đi theo diện gì. Hào vừa hồi hộp cũng vừa nôn nóng, vội bảo nàng cho số phon rồi cúp máy để chàng gọi lại.

- Alô, em nghe.

- Linh khỏe không, qua bên đó hồi nào vậy ?

- Cảm ơn anh, em vẫn mạnh. Em đến đây vừa đúng hai tuần, theo diện hợp đồng giữ trẻ. Hiện giờ em sống với một gia đình người Việt. Họ muốn em chăm sóc hai đứa nhỏ, một lên bốn và đứa kia chưa đầy một tuổi, thời hạn từng năm một.

- Thế chồng và con em ?

- Bọn em đã ly dị mấy năm rồi. Ông ấy càng ngày càng hư đốn, bỏ bê gia đình. Nền đạo đức học đường mỗi ngày mỗi xuống cấp. Thầy giáo nhậu nhẹt với học sinh, thầy trò say xỉn ôm nhau ngủ dưới gốc cây giữa ban ngày ban mặt. Nhà trường phê bình, kiểm điểm mãi mà vẫn chứng nào tật nấy, cuối cùng ông ấy bị

đẩy lên tận miền núi dạy đám học sinh vùng kinh tế mới. Con em, đứa lớn đã đi làm có thể lo cho em nó mới năm đầu đại học. À, còn phần anh thế nào ?

- Chị và mấy cháu ra sao ?

- Các con anh đều lớn cả rồi, đứa út đang học đại học, thằng lớn sắp ra trường. Còn mẹ chúng nó...

Hào ngập ngừng chẳng biết nói với Mộc Linh thế nào đây, bởi từ khi đến Mỹ, hai người chỉ gặp nhau trên phon vài ba bận. Hào đành trả lời qua loa:

- Ủ thì bà ấy vẫn khỏe Linh à.

- Còn phần anh có vất vả lắm không ? Muốn em viết thư cho anh không, hả Hào ?

- Cảm ơn em, phần anh thì sáng đi làm, chiều vào lớp học ngồi cho hết ngày, cuộc sống phẳng lặng chai lỳ. Anh có bao giờ chán đọc thư em đâu, cho anh địa chỉ được không?

- Chưa được anh ạ, lát nữa em hỏi chủ nhà rồi gọi lại anh sau.

- Thôi nhé, đã đến giờ anh phải đi làm. Tạm biệt em . Hẹn gặp sau.

Hào gác phon, nhanh chân vào phòng tắm làm vệ sinh sơ sài rồi vội vã thay quần áo lái xe đi làm.

*

Mộc Linh và Thái Hào yêu nhau từ lúc còn trung học. Hai người học cùng trường, nhưng nàng học dưới chàng hai lớp. Ngày Hào thi đậu tú tài toàn phần thì Mộc Linh vừa lên lớp đệ nhị. Chàng nộp đơn thi tuyển vào đại học sư phạm tại Sài Gòn nhưng tranh không nổi với đám thí sinh lớn lên và ăn học ở giữa lòng thủ đô, nơi quy tụ các trường nổi tiếng nhất miền Nam. Phần lớn trong số họ rất giỏi sinh ngữ và toán, còn Hào là dân miền Trung chân ướt chân ráo mà đã vội vàng muốn đi “hĩa bảy dặm” nên thất bại là điều không tránh khỏi. Tuy nhiên, Hào lại trúng tuyển vào khóa Giáo Học Bổ Túc hai năm của trường Sư phạm Sài Gòn. Mỗi khóa tuyển chừng 400 giáo sinh mà thí sinh nộp đơn

vượt lên trên số 7000. Họ tranh nhau không phải muốn trở thành một giáo viên tiểu học mà thực tế trước mắt một số muốn khởi vào quân trường. Với Hào, chàng rất trân trọng nghề dạy học, không phải là hạng người mượn mái trường để che chắn tấm thân.

Cùng trong ngành, nhưng các thầy dạy trung học cũng phân biệt triệt để “chiếu trên chiếu dưới”. Vì vậy giáo viên tiểu học luôn bị mặc cảm nằm cấp thấp nhất của ngành giáo dục. Có ai nhận chân được tầm quan trọng của những cô thầy có trách nhiệm khai mở trí tuệ của tuổi măng non. Hình ảnh của các thầy cô giáo tiểu học sẽ khắc sâu trong tâm hồn trong trắng của các em. Vì vậy, mẫu mực của một giáo viên luôn luôn đi đôi với câu châm ngôn “Tiên học lễ hậu học văn”.

Ngày Thái Hào tốt nghiệp ra trường thì Mộc Linh cũng vừa lấy xong bằng tú tài và nằng theo gia đình vào sinh sống luôn ở Sài Gòn vì ba nàng, giáo sư Dung được bổ nhiệm làm chánh văn phòng thứ trưởng bộ giáo dục. Hào về giữ chức hiệu phó tại một trường tiểu học ngay tỉnh lỵ Gia Định. Linh theo học một khóa luyện thi đặc biệt để thi vào đại học sư phạm và năm sau nàng trúng tuyển một cách dễ dàng. Tình yêu của Hào và Linh mỗi ngày mỗi thắm thiết. Họ đã cùng nhau phác họa một mái ấm gia đình sau khi nàng tốt nghiệp. Tuy nhiên, cái viễn tượng tương lai “chiếu trên chiếu dưới” vợ giáo sư, chồng giáo viên nên Hào đã ghi tên vào đại học Văn khoa và quyết tâm lấy cho xong bằng cử nhân văn chương để chuyển lên bậc trung học. Nhưng trời không chiều lòng kẻ cố chí, vừa lấy được hai chứng chỉ thì Hào bị động viên khóa Sĩ quan Trừ bị Thủ Đức.

Thời gian huấn nhục, Chủ nhật nào Linh cũng vào quân trường thăm Hào. Sau ngày gần alpha, sinh viên sĩ quan được đi phép cuối tuần nên hai người lại gặp nhau ở Sài Gòn. Lúc dạo sở thú, khi vườn Tao Đàn rồi dắt nhau vào rạp chiếu bóng hoặc tiệm kem. Những ngày tháng đó tình của hai người thật thơ mộng.

Gặp thời điểm chiến trường Trị Thiên đang sôi động, Bộ Tổng Tham Mưu ưu tiên bổ sung quân số cho Quân đoàn I Vùng I Chiến thuật, nên Hào cùng với số đông tân sĩ quan vừa mãn

khóa được điều động ra tận vùng giới tuyến. Những tháng ngày cách trở, Hào và Linh vẫn gửi thư cho nhau, đều đặn. Bất hạnh thay, trận Tết Mậu Thân, Hào bị địch bắt sống và đơn vị báo tin về gia đình là chàng bị mất tích.

Năm 1973, hiệp định Paris bắt đầu có hiệu lực, Hào được trao trả tù binh trở về quân ngũ. Mộc Linh đã lập gia đình. Cam chịu số mệnh, Hào âm thầm ôm nỗi đau của mối tình đầu dang dở. Để khỏi buồn lòng cha mẹ, chàng lấy vợ theo mong ước của ông bà muốn có cháu đích tôn nối dõi tông đường...

*

Có được địa chỉ chính xác, Thái Hào lợi dụng giờ nghỉ ăn trưa ở sở làm, vội vàng viết thư cho Mộc Linh và kèm theo cái séc 200 đô-la để nàng tiêu dùng. Thư đi trên mười ngày, hôm nay Hào mới nhận được thư hồi âm của Mộc Linh gửi đến :

Vancouver , ngày...

Anh yêu thương,

Cảm ơn anh đã gửi thư và tiền cho em. Đọc thư anh mà nước mắt em chảy ràn rụa làm ướt đầm cả bức thư. Ký ức gợi nhớ những cánh thư của anh gửi cho em từ chiến trường Trị Thiên năm nào giờ đây như lập lại trước mắt em. Thuở ấy, cách nay đã gần ba mươi năm mà em thấy gần gũi thân thương quá. Em nuốt từng chữ từng lời cho niềm rung cảm tràn ngập trái tim em. Em yêu anh, yêu biết chừng nào Hào ơi. Lời yêu thương này em viết cho anh, nó hoàn toàn không phù hợp với hiện tại bởi anh đã có vợ con kề bên. Nhưng biết làm sao hở Hào, khi mà trái tim em đập rộn ràng như thuở ban đầu hai đứa mình yêu nhau.

Những ngày mất anh, từng đêm trong giấc ngủ em luôn mơ thấy anh. Anh đến với em cũng vòng tay đó, cũng bờ môi ấm nồng của những nụ hôn ngọt ngào đó và bao giờ anh cũng đưa em vào cơn say đắm. Em cảm thấy mình đang sống trong cảnh hạnh phúc êm đềm không phải bên người chồng mà là anh trong giấc mộng! Đến khi giật mình thức giấc chợt lòng em thấy trống vắng lạ thường mặc dầu Đ. đang nằm bên em bình yên trong giấc ngủ.

Ngày em nhận được tin anh mất tích, nỗi đau đớn như bóp

nát trái tim em. Em đã ngất lịm bao nhiêu lần khiến má cũng phải đau lòng. Người đã phải gượng gạo an ủi con gái mình rằng định mệnh đã an bài. Nhưng định mệnh nào lại tàn nhẫn cướp mất của em nguồn sống. Em thẫn thờ như người mất trí. Hình ảnh anh cứ chồn vờn mãi trong tâm trí em. Từ đó, em cứ ngỡ anh đã bỏ em mà đi, miên viễn rời khỏi cuộc đời này.

Cách đây hai năm, em tình cờ đọc trong tuyển tập thơ Cụm Hoa Tình Yêu của một người bạn gái mang về từ Canada. Em nhìn thấy tên anh và cả hình ảnh anh nữa. Ôi, em có cảm tưởng như mình đang nằm mơ. Em đọc bài thơ anh viết mà nước mắt em rơi lã chã. Bạn em ngạc nhiên hỏi có tâm sự gì thế? Em bảo: "Tác giả bài thơ này có tâm trạng giống mình quá." Hào ơi, em không ngờ anh vẫn còn ấp ủ hình bóng em và những kỷ niệm mối tình của hai ta. Anh có biết không, ngay trong giờ phút đó, con tim đã bắt đầu thôi thúc em phải tìm mọi cách để gặp anh. Em vẫn biết ý định ấy thật ngông cuồng, nhưng con tim thì có lý lẽ của nó. Và em cũng rất giận anh, tại sao không một lần tìm đến em sau khi sống sót trở về với gia đình. Có thể anh không đủ can đảm nhìn thấy hạnh phúc của em hoặc là anh không chịu đựng nổi cơn đau vò xé khi mất em. Nhưng như thế là nhẫn tâm với em bởi anh cứ để cho nỗi tiếc thương âm ỉ cắn rứt trong lòng em.

Hào ơi, em muốn được một lần gặp anh. Muốn được anh ôm em vào lòng cho em nhớ lại hơi thở nồng nàn của ngày xa xưa ấy. Em đã tìm đến với anh đây rồi nhưng hoàn cảnh của em bây giờ như con tàu mắc cạn... Xin hãy đẩy thuyền em đến dòng sông may ra vượt qua bên kia tìm được bến bờ hạnh phúc. Thôi nhé, đêm đã quá khuya rồi em tạm ngừng, hẹn anh thư sau.

Hôn anh,
em Mộc Linh.

Canada, ngày...

Anh yêu,

Lẽ ra em không nên viết cho anh, tuy nhiên, những điều anh nói qua điện thoại đã làm cho em buồn lắm. Anh bảo sẽ tìm cho

em một người đàn ông đã có quốc tịch Hoa Kỳ. Người ấy phải có tấm lòng, có nghĩa khí sẵn sàng bao bọc chở che em suốt quãng đời còn lại. Người ấy sẽ đứng ra làm hôn thú hợp pháp để bảo lãnh em qua sống trên mảnh đất trù phú và đầy cơ hội này.

Hào ơi, em vượt trùng dương qua đây, điều cốt yếu là em muốn gặp lại anh, dù chỉ để nhìn anh mà đau. Em không cần một người chồng để yên ấm tấm thân em. Vẫn biết giờ đây anh không còn vòng tay nào nữa dành cho em. Như anh đã từng nói: “Vòng tay anh bây giờ chật hẹp quá, mong manh quá. Vòng tay anh ngày xưa, thời trai trẻ đầy sinh lực đã dành cho em với bao tháng năm đợi chờ cô đơn khắc khoải. Vòng tay anh bây giờ hụt hẫng cả tình yêu lẫn hôn nhân. Con tim và lý trí ít khi nào hòa thuận. Con tim muốn chiếm giữ tình yêu độc quyền nhưng lý trí lại đòi hỏi thực tế bởi hoàn cảnh anh hiện tại vượt ngoài tầm tay với”. Em thật sự hiểu anh muốn nói gì. Em cảm thông và càng thương anh điều đó. Em đã đi hết nửa cuộc đời đầy đắng cay và bất hạnh, có lẽ em không còn đủ can đảm để bước thêm bước nữa nhưng em sẵn sàng đi bên lề cuộc đời của anh. Hào ơi, em van anh đừng bao giờ nhắc đến chuyện ấy nữa, bởi em có cảm tưởng rằng anh xem rất nhẹ tình yêu của em dành cho anh. Lòng em xoắn xang không chịu được mỗi lần nghĩ đến cái “giải pháp” hoàn toàn nghịch lý với con tim.

Canada, ngày...

Hào yêu dấu,

Em đã nhận được thư anh. Xin cảm ơn những điều anh viết, nhưng xin lỗi anh, em không thể nghe theo lời khuyên của anh được dù anh có trách em là người cố chấp. Và em cũng xin được tỏ bày cùng anh, rằng đời em đã trải qua bao nỗi thăng trầm trái ngang, dù rằng đối với anh, em không có sự lựa chọn nào ngoài nỗi đơn độc thiệt thòi, em vẫn thấy bình yên khi biết rằng tình yêu của anh vẫn còn dành cho em ngọt ngào và sâu đậm. Không một ai có thể thay thế được mối tình đã kết đọng suốt ba mươi năm. Thì anh ơi, tại sao em lại không chọn lấy sự bình an dưới bóng mát tình anh. Em vẫn tự nguyện làm chiếc bóng đi bên anh của phần đời còn lại. Em không thể dối lòng em để sống với một người mà

em không hề yêu. Như thế đấy. Những điều quyết liệt em viết từ trái tim em, mong anh hiểu cho.

Những bức thư liên tiếp của Linh khiến cho Hào nhiều đêm trằn trối. Nàng đã dành cho chàng những tình cảm cháy bỏng, đam mê suốt một thời thanh xuân cho đến bây giờ vẫn còn nguyên vẹn tình nồng thắm, thiết tha. Hào không ngờ qua bao nhiêu trái ngang, sóng gió cuộc đời mà tình của nàng vẫn còn bền chặt như xưa.

Những ngày lịch sử đen tối của đất nước hằn sâu trong tâm thức chàng mang những vết sẹo của nỗi đau chung và những mất mát riêng tư. Mậu Thân Sáu Tám, chiến trường khốc liệt đã đẩy chàng mất Linh. Rồi tháng Tư Bảy Lăm, tàn cuộc chiến đã đẩy Thụy xa chàng. Giờ đây Thụy, vợ chàng đang sống chung với một người đàn ông tại một thành phố nào đó ngoài tiểu bang California. Hàng tháng nàng dành vài ngày về nhà gần gũi với các con và quét dọn nhà cửa, vườn tược.

- Ngày chàng đến Mỹ theo diện HO, Thụy và con đến đón tại phi trường. Nàng đi xe riêng còn chàng lên xe cùng với hai đứa con về tại căn chung cư một phòng do Thụy mượn dành riêng cho Hào. Con chàng vẫn thản nhiên trước cảnh người cha bị tách rời khỏi cái tổ ấm mà họ đã tạo dựng từ mười mấy năm nay trên đất Mỹ. Lúc chia tay nàng chỉ nói với chàng một câu vắn tắt : “Hãy cố gắng thích ứng với hoàn cảnh mới, sẽ thảo luận với anh sau”.

Trước ngày miền Trung mất, Hào gọi vợ và hai con vào Sài Gòn rất sớm. Sau đó, nàng đã lên được tàu của hải quân VNCH đến Phi Luật Tân. Hai mươi năm trên xứ người, nàng vừa đi học vừa đi làm nuôi con còn nhỏ dại, giữ tròn bổn phận của một người mẹ là điều cao quý. Hào không có lý do nào để trách cứ nàng. Ngược lại, chàng rất thông cảm với nỗi cô đơn của người đàn bà sống vò vố xa chồng. Thụy có yêu, có lấy một người đàn ông khác cũng là điều dĩ nhiên. Những ngày đầu mới đến, Hào cảm thấy đôi chút cô đơn và buồn tủi trước thái độ dửng dưng của Thụy đối với chàng. Hào nghĩ : “Cho dù hai mươi năm xa cách nhưng tình nghĩa vợ chồng đã đầu ấp tay gối có với nhau

hai mặt con thì làm sao tình cảm đó mau phai đến thế.” Nhưng rồi dần dà công việc cuốn hút, tâm tư phiền muộn của Hào cũng lắng dịu dần. Chàng đã tìm lại sự bình thản khi đối diện với Thụy. Trái tim chàng không còn thấy nhức nhối, xốn xang. Phải chăng, tình vợ chồng đã chuyển đổi qua tình bạn mà chính Hào không để ý. Hình như đó là diễn tiến tất yếu của cuộc hôn nhân không trải qua tình yêu. Cũng có thể là mối tình đầu của chàng và Linh đã làm thương tổn đến tình vợ chồng giữa hai người.

Con chàng, Thái Tú và Thái Bình xa cha từ thuở bé, lớn lên trong tình thương của mẹ và ảnh hưởng nếp sống của nền văn hóa đa chủng. Vì vậy, tình phụ tử của chúng đối với chàng cũng không lấy gì mặn nồng cho lắm. Mới đầu, mỗi tuần chúng đến thăm cha một lần. Thời gian sau này những lần thăm viếng ấy cũng thưa đi. Riêng Hào lại năng lui tới thăm con trong những ngày nghỉ học. Phần Thụy, năm thì mười họa mới gặp chàng trênophon.

*

Hào lấy một tuần lễ nghỉ phép đi Vancouver. Mộc Linh rất muốn qua Mỹ nhưng nhất định từ chối giải pháp kết hôn với người khác. Chuyển đi này Hào muốn gặp lại người yêu cũ để cố gắng thuyết phục nàng. Hào thật sự bối rối trước hoàn cảnh nan giải này. Chàng mới định cư ở Hoa Kỳ chưa đủ thời gian thi quốc tịch, vả lại tình trạng hôn nhân giữa chàng và Thụy chẳng biết như thế nào. Đã mấy năm rồi mà nàng không hề đề cập đến chuyện ly dị.

Hào lấy vé máy bay đi Vancouver vào sáng thứ Bảy, trưa Chúa Nhật tuần sau sẽ về lại California. Còn năm ngày nữa, chờ đặt được phòng của khách sạn gần khu Linh ở, chàng sẽ gọi thông báo cho nàng hay để sắp xếp thời gian hai người có thể gặp nhau.

Như thường lệ, trên đường đi làm về, Hào ghé thăm hộp thư. Hôm nay lại có thư của Mộc Linh. Chàng lưỡng lự khi trông thấy địa chỉ ghi ngoài bì thư không còn là Vancouver ở Canada nữa mà là một địa chỉ khác thuộc tiểu bang Oregon, Hoa Kỳ. Vào trong xe, chàng vội vàng mở thư đọc :

Portland, ngày...

Anh yêu,

Em ngồi đây viết cho anh với tất cả niềm hạnh phúc. Anh không thể biết được em vui sướng đến độ nào khi em được đặt chân trên vùng đất mơ ước này. Thế là từ nay em được gần anh hơn, gần anh trong khoảng cách không gian nhưng với thời gian có rút ngắn được thêm chút nào chưa biết được.

Hào ơi, suýt nữa là em xa anh vĩnh viễn rồi. Giờ phút xe ngừng kiểm soát nơi cột mốc biên giới CANADA - THE UNITED STATES OF AMERICA, em nằm khoanh tròn trong thùng sau xe thay chỗ đặt chiếc laptop của em. Tim em như ngưng đập vì lo sợ. Hơi thở em khô khè vì thiếu dưỡng khí. Nếu thời gian kiểm tra kéo dài thêm mười phút có lẽ em chết mất. Anh biết không, lúc ấy em chỉ nghĩ về anh, nghĩ đến tình yêu của chúng ta, nghĩ đến giờ phút được gặp anh, được anh ôm em vào lòng sau bao nhiêu năm chờ đợi. Lúc bấy giờ em chỉ còn biết van vái, nguyện cầu đấng thiêng liêng phò hộ cho em tai qua nạn khỏi. Em nhủ thầm : “Mộc Linh ơi, hãy kiên trì và phấn đấu như những tháng năm ở quê nhà mấy sắp quy ngã vì những khổ đau dồn dập để đứng dậy vững vàng cho đến ngày hôm nay. Mộc Linh ơi, hãy gắng gượng thêm chút nữa, chẳng còn bao lâu nữa sẽ được thỏa lòng vì ước mơ đã thành tựu. Thái Hào ơi hãy tiếp hơi thở cho em ! Đó là ý nghĩ của em trong giờ phút cực kỳ nguy khốn.

Mạnh, người em họ của em đã vực em dậy trong trạng thái bất tỉnh khi xe đã qua được bên này biên giới thuộc tiểu bang Washington. Mồ hôi ướt đầm cả người em mặc dù thời tiết lạnh dưới không độ. Tuyết đổ trắng xóa trên mọi nẻo đường của dải đất Bắc Mỹ này. Mạnh đã đưa em về tiểu bang Oregon trong ngày Chúa nhật vừa qua. Giờ này, mọi người đã đi làm hết cả rồi, còn mình em ngồi co ro trong phòng. Cây cối run rẩy dưới mưa. Mưa vồn trên mặt cỏ. Mưa phủ trên luống bông hồng làm rơi rụng những cánh hoa sắp tàn. Và anh ơi, mưa cũng làm tê lạnh hồn em. Ước gì giờ này có anh bên cạnh, có chết trong vòng tay anh em cũng thấy thỏa nguyện. Anh đừng cho em là cường điệu. Nếu một ai có cùng chung tâm trạng của em trong giờ phút này thì sẽ thấy điều em viết không ngoa chút nào. Em nhớ anh đến cồn cào ruột

gan. Hào ơi, đừng để em cô đơn trong những năm tháng sống bất hợp pháp thế này nhé. Em cảm thấy hụt hẫng và vô cùng lo âu. Em đợi anh cho em những lời khuyên thiết thực.

Hào hết sức bối rối trước sự việc đã rồi. Mộc Linh ở Canada trong tình trạng hợp pháp, đã vội vàng trốn qua Mỹ để trở thành di dân bất hợp pháp. Do đó, không có cách nào giải quyết ổn thỏa ngoại trừ quay về lại Canada hoặc trốn chui trốn nhủi trên đất Mỹ. Nàng không thể thi lấy bằng lái xe, không thể xin việc làm hợp lệ trong các hãng xưởng và chẳng có quyền lập hôn thú kết hôn với một ai trên đất Mỹ. Người em họ đưa nàng qua đây không biết anh ta có nghĩ đến những điều bất lợi đó không. Kế hoạch của chàng bỗng đứng đổ vỡ. Có lẽ Mộc Linh quá nôn nóng muốn gặp chàng. Tình yêu tăng thêm sức mạnh nhưng sự liều lĩnh làm rối rắm mọi tính toán cho tương lai.

Thái Hào đành bỏ chuyến máy bay đi Vancouver, thay vào đó chàng quyết định thuê xe và tự lái đi Portland, một thành phố lớn thuộc tiểu bang Oregon.

*

Trời chưa hừng sáng, Hào đã lên xe trục chỉ xa lộ A5. Sau mười hai tiếng đồng hồ mờ mẫm trên bản đồ, Thái Hào đến được Portland lúc trời đã về chiều. Chàng tìm đến địa chỉ ghi trong thư của Mộc Linh gửi cho chàng mà không ghi số điện thoại. Một chuyến đi bất ngờ ngoài dự kiến, Mộc Linh không hề được thông báo và Hào chỉ được bảy ngày phép nên không thể đợi chờ.

Nhà của Mạnh, em họ Linh nằm trong khu biệt thự khá sang trọng. Vách tường màu trắng, chung quanh là bãi cỏ xanh rờn. Một luống hoa hồng khoe màu rực rỡ làm nổi bật những khung cửa sổ có treo rèm màu xanh lá chuối non. Đậu xe bên lề đường trước mặt nhà, chàng nhìn lại địa chỉ một lần nữa rồi mở cửa xe bước ra. Hào tiến thẳng đến khung cửa chính đưa tay bấm vào nút chuông, hồi hộp đợi chờ.

Cánh cửa từ từ hé mở, một người đàn bà cỡ tuổi trung niên đứng trong khung cửa nhìn ra. Một khuôn mặt trái soan, màu da trắng mịn nhưng tiêu tụy xanh xao. Dù tuổi đời không còn non

trẻ và ánh mắt thoáng gợn chút u buồn nhưng vẫn ngời lên ánh tự tin của một tâm hồn cứng cỏi.

- Thưa, ông tìm ai? Nàng lên tiếng.

- Thưa bà, có phải đây là nhà ông Mạnh không ạ? Hào ngập ngừng hỏi.

Người phụ nữ mở rộng cửa tiến về phía Hào đang đứng chờ. Bất chợt nàng nhào tới ôm chầm lấy Hào thốt lên : “Ôi, Thái Hào, em Mộc Linh đây mà ! Có phải em nằm mơ không nhỉ ? Dù đã ba mươi năm em vẫn nhận ra anh mà”.

Hào bỏ chiếc cặp xuống bên chân, một tay ôm vai Linh tay kia vuốt mái tóc nàng rồi nâng đầu nàng ra khỏi vai chàng. Nước mắt ướt đầm khuôn mặt vàng vọt. Chàng đặt môi hôn trên cặp mắt đầy lệ, đôi mắt đen tuyền long lanh đã bám riết cả cuộc đời chàng.

- “Kìa, sao lại có chuyện lạ lùng như thế ông Hào, bà Linh”

Một phụ nữ ăn mặc sang trọng đột ngột xuất hiện bên trong khung cửa. Bà kinh ngạc khi nhìn thấy hai người ôm nhau, bực dọc thốt lên:

Hai người buông tay nhau, Hào giật mình khi nhận ra người mới hỏi là Thụy, vợ chàng. Vừa khi đó một chiếc xe hiệu Lexus bóng loáng chạy từ từ vào garage lúc cửa tự động đang cuốn lên . Người đàn ông trong xe bước ra vồn vã hỏi:

- Ai đó chị Linh ?

- Mạnh à, đây là anh Hào người yêu của chị đã thất lạc nhau gần ba mươi năm mà chị đã tâm sự với em từ Canada, anh tìm đến đây thăm chị.

Mạnh lịch sự tiến đến bắt tay Hào :

- Hân hạnh gặp anh.

Hào xiết chặt tay Mạnh và tự giới thiệu :

- Tôi là Trần Thái Hào, chồng cũ của bà Dương Bảo Thụy.

Mạnh và Linh đều sững sờ. Trong giây phút bất ngờ cả hai cùng thốt lên :

- Thế à !

Chợt nhìn thấy Thụy đang đứng sững bên trong khung cửa, Mạnh bước vào tươi cười bảo:

- Thụy, em mời khách vào nhà đi chứ.

Vừa nói Mạnh vừa ôm hôn Thụy rồi vui vẻ mời Hào vào phòng khách. Sự ngỡ ngàng làm văng vất người Thụy, nhưng nàng cũng gắng gượng ngồi bên Mạnh tiếp Hào. Ngược lại, khuôn mặt Linh tươi sáng hẳn lên. Nàng bung bốn ly nước ngọt trên khay đặt lên bàn mời mọi người rồi khép nép ngồi vào chiếc xô-pha đối diện với Hào.

Mạnh bung ly nước uống một ngụm rồi lên tiếng :

- Tôi có nghe Thụy nói anh qua Mỹ theo diện HO. Đã khá lâu mà chưa có dịp gặp anh. Công việc nó làm mình bận rộn luôn nên không có cơ hội đến Cali thăm bạn bè. Vừa rồi tôi qua Vancouver thăm đứa con trai của tôi do bà vợ trước nuôi dưỡng. Bất ngờ gặp chị Linh là con bà dì của tôi đang được vợ cũ tôi mượn giữ hai đứa con thuộc đời chồng sau của nàng. Chị Linh có tâm sự với tôi là chị mong muốn được qua Mỹ và có ý hướng tìm anh. Tôi cũng không ngờ người yêu của chị mang tên Hào lại là chồng cũ của Thụy, là cha của hai đứa con trai của bà ấy hiện ở Cali. Tôi và Thụy mới lấy nhau trong vòng bốn năm thôi, sau khi tôi ly dị bà vợ bên Canada. Sự gặp gỡ của anh và chị Linh đã tạo ra bao nhiêu là bất ngờ nhưng lại khá thuận lợi để chúng ta có dịp trao đổi với nhau một vài rắc rối giữa anh và Thụy. Chúng tôi cưới nhau trên đất Mỹ này có hôn thú hợp pháp vì vậy theo nguyên tắc pháp lý, anh và Thụy chẳng có gì ràng buộc nhau. Tôi và cả vợ tôi nữa rất lấy làm vui mừng trong cuộc tái hợp ngày hôm nay của anh Hào và chị Linh. Tôi hy vọng chúng ta sẽ trở thành là người thân trong gia đình.

Hào đưa mắt nhìn Linh khi nàng đang cúi xuống để dấu những giọt lệ đang lăn tròn trên má. Một khoảng thời gian yên lặng nghe rõ mồn một tiếng tích tắc của chiếc đồng hồ treo trên tường. Bất chợt Mạnh đồng dục lên tiếng:

- “Coi như xong rồi, ngay bây giờ chị Linh và Thụy vào

phòng sửa soạn, tôi mời mọi người đi nhà hàng. Chúng ta dự một bữa cơm thân mật xem như bữa tiệc mừng anh chị Thái Hào – Mộc Linh đoàn tụ...”.

*

Trong một quán kem giữa thành phố Portland, Hào và Linh ngồi kể cho nhau nghe những khổ lụy cuộc đời mà hai người đã trải qua. Nỗi nhớ nhung và đau khổ của mối tình kéo dài 30 năm. Trong dịp này, Hào đã thuyết phục được Mộc Linh đồng ý trở lại Canada. Hai người hẹn nhau cùng về Việt Nam làm thủ tục kết hôn. Sau đó Hào sẽ nộp hồ sơ bảo lãnh nàng qua Mỹ theo diện đoàn tụ. Nhưng trước khi quay về Vancouver, Mộc Linh nằn nì Thái Hào cho nàng cùng về tiểu bang California để đi xem vài thắng cảnh, đồng thời được gần gũi chàng một thời gian ngắn cho thỏa lòng nhớ thương. Mặc dầu Hào lo ngại có thể gặp rủi ro cho nàng nhưng không thể chối từ trước niềm thiết tha mong đợi mà nàng đã ấp ủ trong mấy năm qua.

Hào lái xe quay về tiểu bang California ngay trong đêm. Chuyến đi này chàng không còn cô đơn nữa, kế bên là Mộc Linh đắm đắm nhìn chàng âu yếm. Chiếc xe phóng nhanh dưới bầu trời lấp lánh sao đêm. Ánh đèn đường vàng nhạt, loáng thoáng những cánh rừng thông dọc hai bên xa lộ khiến Linh nhớ đến lần hẹn hò đầu tiên thuở nàng vừa tròn mười sáu, Hào mười tám. Chợt nàng cất tiếng hỏi :

- “Anh còn nhớ cái đêm lửa trại do Liên trường tổ chức trên đồi thông Hạnh Phúc?”

Hào nắm tay nàng thì thầm :

- “Nụ hôn đầu tiên trong đêm hôm đó cách đây đã ba mươi năm mà tưởng chừng như mới ngày hôm qua”!

Linh xúc động nhìn Hào rồi ngả đầu lên vai chàng.

Chiếc xe phóng đi trên đường đêm hun hút bóng tối mịt mù.

HUỲNH VĂN PHÚ

- Tên thật và bút hiệu: Huỳnh Văn Phú.
- Sinh năm: 1940, tại Nha Trang.
- Khóa 19 Võ Bị Đà Lạt. Binh chủng TQLC.
- Định cư tại: Philadelphia, Pennsylvania.
- Tác phẩm đã xuất bản trước 1975:
 - * Mùa Xuân Âm Thầm (tập truyện xb 1969)
 - * Cuộc Tình Dấu Mặt (tuyển tập văn viết chung với 4 tác giả khác)
 - * Chiến Trường Trị Thiên và Những Người Lính Mũ Xanh (phóng sự chiến trường, tháng 4 năm 1975 chưa kịp phát hành).
- Sáng tác sau 1975:
 - * Ở Một Nơi Dễ Tìm Thấy Thiên Đường (tập truyện xb 1995)
 - * Giày xoki, Nói Phét, Đàn Bà (ký phiếm xb 1997)
 - * Quỷ Ma và Học Trò (tập truyện và phiếm xb 1999)
 - * Cõi Người Trong Văn Chương Bình Dân (biên khảo, phiếm xb 2000).

Nha Trang, như một cơn mê

Huỳnh Văn Phú

Tôi trải qua hầu hết thời gian của tuổi ấu thơ và tuổi “mới-lớn-và-đã-biết-yêu” ở Nha Trang. Tôi rời thành phố quê hương này của tôi khi trái tim tôi đã “thủng vài lỗ” và chỉ thỉnh thoảng trở lại một thời gian ngắn rồi lại từ giã nó ra đi. Quý vị nghe nói trái tim thủng vài lỗ, chắc quý vị nghĩ rằng lúc bấy giờ tôi đã 3, 4 bó rồi chẳng ? Không phải thế đâu, khi ấy tôi mới có 2 bó thôi, nghĩa là vừa xong cái Tú Tài 2. Sở dĩ nó “thủng” là vì tôi biết yêu quá sớm, nói theo ngôn ngữ của mấy bà Bắc Kỳ giết giặc là mới nứt con mắt ra đã “thành tinh” rồi. Chẳng hiểu mấy “nhân vật” cùng quê với tôi như Huỳnh Văn Mạnh, Nguyễn Văn Trí, Nguyễn Xuân Hoàng, Hạo Chu vv.. biết yêu từ lúc mấy tuổi chứ tôi thì 14 tuổi đã biết “vớ va vớ vẩn” rồi. Mỗi lần nhớ và nghĩ đến Nha Trang, tôi vẫn có cảm tưởng như mình vừa qua khỏi một cơn mê dài. Vâng, Nha Trang đối với tôi mãi mãi là một cơn mê...

Cho đến bây giờ tôi vẫn nghĩ rằng nhờ tình yêu mà cuộc đời tôi đã bước sang một ngã rẽ khác. Cha mẹ tôi mất sớm nên tôi không có cái diễm phúc cấp sách đến trường như một số đồng bạn bè cùng lứa. Chú tôi cho tôi đi học nghề sửa xe lửa ở nhà hỏa xa Tháp Chàm từ năm 1951, lúc tôi 11 tuổi đang học lớp Nhì nhỏ, rồi sau đó đổi về nhà hỏa xa Nha Trang. Đến năm 1955, lúc tôi vừa 15 tuổi, thời gian này những người Bắc di cư vào cư ngụ tại Nha Trang khá đông. Hàng ngày trên con đường đi làm từ nhà đến sở hay từ sở về nhà, tôi luôn để ý đến một cô nàng xinh xắn thường ra quét sân trước nhà. Cái hình ảnh tôi nhớ nhất trên con người của nàng là mái tóc cuốn lên rất gọn gàng lộ ra cái gáy thật trắng và cái cần cổ khá cao. Tôi dò la biết được nàng

tên X. đang học lớp đệ lục ở một trường tư. Tôi thương thầm nhớ trộm nàng. Tôi yêu nàng ghê lắm, yêu đơn phương thôi, một mình mình biết, một mình mình hay chứ chẳng dám bày tỏ cùng ai. Cuối cùng thì tôi tự quyết định rằng, nàng đi học chữ mà ta đi học nghề là không có được. Ta phải đi học như nàng thì mới xứng. Thế là tôi nuôi cái mộng cấp sách để trở thành một cậu học trò “mắt sáng với môi tươi” như...người ta. Và tôi bỏ ngang việc học nghề mà tôi đã theo đuổi trong bốn năm trời để chuẩn bị đi học lại mặc dù anh chị trong gia đình phản đối. Suốt mùa Hè năm ấy, tôi đi học thêm Pháp văn ở trường Công Thương trên Mả Vòng hoặc nhờ các bạn bè hướng dẫn, chỉ bảo cho các môn như Anh văn trong cuốn Sixième Bleu, hình học, đại số, cách đặt và giải phương trình một, hai ẩn số $x, y...vv...và vv...$ Lúc này, trường tư thực Lam Sơn đang khởi công xây cất sát bờ biển do mấy ông thầy giáo di cư vào Quảng cáo rầm rộ, tôi bèn ghi tên vào “học đại” lớp đệ Ngũ (cốt để theo kịp nàng X.). Trong tình hình lo ổn định những người di cư từ Bắc vào nên chẳng ai đòi tôi phải xuất trình học bạ, học biếu gì cả. Vậy là tôi nghiễm nhiên trở thành một cậu học trò không theo đúng nguyên tắc quy định, bởi vì tôi đã bỏ bằng một lúc đến 3 lớp là các lớp nhất, lớp đệ thất và đệ lục. Tôi xin cảm ơn đời và cảm ơn tình yêu đã cho tôi cơ hội ấy. Cũng nhờ được làm một cậu học trò nên bi giờ tôi mới có chuyện...”ái tình bữu giám” của học trò để kể hầu quý vị nghe cho vui rồi bỏ...

Năm tôi học đệ Nhị trường Võ Tánh, tôi cũng bắt chước bạn bè tìm bạn bốn phương. Tôi không nhớ hồi đó tôi đã tự “bày hàng” về mình như thế nào nhưng giá như bây giờ thì tôi sẽ giới thiệu tôi như sau : “*Thanh niên 18 tuổi, đệ nhị B trường công lập Võ Tánh, chưa một lần yêu đương, chưa một lần dang dở, đêm đêm lấy sách vở và ánh đèn làm bạn, lấy giường và gối làm người tình, hỏi ai là bạn tri âm, cùng chung cảnh ngộ, xin tung cánh nhạn về...Nguyễn Văn Nói Phét, số 35 Trần Quý Cáp, Nha Trang. Ưu tiên dành cho những thư có kèm ảnh, tuy nhiên sẵn sàng hồi âm dù thư có đến muộn.*”

Rồi ma đưa lối quỷ dẫn đường kiểu nào mà tôi quen được một nàng ở xứ sương mù Đà Lạt. Nàng học đệ Tứ ở một trường Đạo và lại là một ca sĩ trong ca đoàn của một nhà thờ ở đây. Nàng có cái tên rất đẹp như con người nàng : “Hương P.”. Thư đi thư lại với nàng gần ba tháng gì đó, tôi nhận được tấm ảnh nàng gửi tặng. Phải nhận rằng nàng rất đẹp, nhất là đôi mắt y hệt như người Tây phương. Tôi dán tấm ảnh của nàng trên tấm lịch trước bàn học để ngắm nàng mỗi ngày và tôi không nghĩ rằng sẽ có ngày nào đó tôi dám đi lên Đà Lạt thăm nàng. Cho đến một buổi trưa, tôi cùng các bạn mình trần trùng trục, mỗi thằng chỉ có cái quần xà lỏn trên người đang đá banh ở công viên sân cỏ trước nhà ga xe lửa Nha Trang (nhà tôi ở gần ga xe lửa), mồ hôi thằng nào thằng nấy nhễ nhại, trông không giống con giáp nào. Bỗng thằng em tôi chạy ra báo tin :

- Anh về ngay, có cô Hương P. ở Đà Lạt xuống thăm anh. Đang đợi anh ở nhà đó.

Tôi đành về nhà với cái y phục “đơn giản như đang giỡn” nghĩa là chỉ có chiếc quần xà lỏn trên người để gặp nàng. Tôi không nhớ rõ tâm trạng tôi lúc đó ra sao nhưng rõ ràng là tôi chẳng thấy mắc cỡ hay thấy “dị hợm”, kỳ cục gì đối với sự gặp gỡ lần đầu tiên giữa hai người trong hoàn cảnh như vậy. Tôi bước vào nhà, chào nàng và xin lỗi về cái sự “trần trụi” của tôi, quên bẵng đi việc hỏi nàng xuống thăm thành phố biển này từ lúc nào, tại sao không báo trước. Nàng nhìn tôi, không tỏ vẻ gì ngạc nhiên mà lại nheo mắt cười, rồi chào tôi bằng câu hỏi:

- Anh mê đá banh lắm hả ?

Tôi cười đáp lại câu hỏi của nàng :

- Cũng mê ngang với việc học.

Sau đó tôi bảo nàng ngồi chờ tôi đi tắm rửa và thay y phục để tiếp nàng. Chúng tôi, mỗi người nói về thành phố mình đang sống, tuyệt nhiên không ai đề cập đến việc học hành. Nàng ca ngợi thành phố Đà Lạt với những đồi thông, những hồ Than

Thở, hồ Xuân Hương, thác Cam Ly, rừng Ái Ân, vườn Bích Câu vv..., còn tôi thì mở “kho đạn” cho “nổ” về thành phố quê hương tôi nên thơ và tuyệt diệu như thế nào với Tháp Bà cổ kính phủ đầy rêu, sự tích một mối tình đầy nước mắt giữa hai người Việt và Chăm liên quan đến cái tháp cổ ấy, với Hòn Chồng, cầu Đá, hồ Ba Bể cùng Suối Tiên vv... Rồi tôi mời nàng đi uống nước mía ở cái xe bán nước mía phía bên kia đường Độc Lập. Rất may cho tôi, chiều hôm trước bà chị tôi có cho tôi mấy chục dẫn túi nên tôi mới có thể mời nàng đi ăn chè đậu đỏ bột lọt ở rạp Tân Tiến và bảnh hơn nữa là tối hôm ấy tôi đưa nàng đi xuống bãi biển, ngồi dựa lưng vào gốc thông ăn bò khô trộn đu đủ, nhìn ra đại dương sóng vỗ rì rào.

Nàng xuống Nha Trang ngụ tại nhà bà Dì của nàng ở đâu khu vực Xóm Mới mà lúc ấy còn hoang vắng với những bãi cát trắng trải dài cho đến tận cuối phi trường, trên đó mọc đầy những bụi cam đường và các chú kỳ nhông chạy lằng quằng. Nàng nói với tôi nàng xuống Nhatrang có việc riêng của gia đình và ngày hôm sau phải về lại Đà Lạt. Tôi gặp nàng lần đầu và cũng là lần cuối kể từ hôm ấy. Về Đà Lạt nàng không còn thư từ gì cho tôi nữa, và hai chúng tôi âm thầm “cắt đứt dây chuông”. Tôi có suy nghĩ về nguyên do cái sự “thuyền ra cửa biển”, “River of No Return”, một đi không trở lại của nàng là, có lẽ khi viết thư cho nàng, tôi “nói phét” cũng như “ba hoa chích chòe” nhiều quá nên khi gặp tôi, nàng vỡ mộng. Nàng vỡ mộng là phải, là đúng vì sự chiêu đãi đầu tiên của tôi là đã mời nàng uống nước mía trên lề đường (Chuyện này tên bạn vàng Hạo Chu của tôi có ý kiến ý ong cho rằng làm thân học trò ở thời buổi ấy mà mời bạn gái uống nước mía, ăn chè đậu đỏ bột lọt là “cha” trên đời rồi đó, còn đòi cái gì nữa. Nàng phe phẩy bạn ta có lẽ vì bạn ta vừa “cà chớn” vừa không đẹp trai lại thêm phần nói phét vung tí mọt chứ không phải vì nước mía hay chè đậu đỏ gì sất). Vậy là lần đầu tiên trái tim của tôi bị thủng một lỗ, máu nhỏ từng giòng ! Còn nàng X. người mà tôi yêu thầm nhớ trộm và là nguyên cớ đưa tôi đến việc trở thành một tên học trò cấp sách trở lại ấy thì không

hiếu vì sao hình ảnh cái gáy trắng, cái cần cổ cao và mái tóc cuốn gọn lên không còn ngự trị trong lòng tôi nữa.

Như đã nói, nhà tôi ở gần ga xe lửa, trước ga là một công viên sân cỏ với những trụ đèn gắn bóng néon rất sáng. Thủa ấy, tuyến đường xe lửa Sài Gòn-Huế còn chạy rất yên. Tôi nhớ cứ vào khoảng 3 giờ sáng mỗi đêm là đoàn xe từ Huế về đến ga Nha Trang, ngừng ở ga này một tiếng đồng hồ rồi lại tiếp tục xuôi Nam. Tôi thức rất khuya để học bài và thường hay ra ngồi dưới mấy cái trụ đèn sáng ấy để học. Trước sân ga là một dãy xe xích lô đón khách và các cô các bà bán cà phê, bánh mì, chè cháo đủ loại. Năm tôi học thi tú tài, đêm nào cũng vậy, tôi và thằng em ra công viên ngồi học cho mát. Tôi thường hay mặc cái quần sọt vải ka ki, chiếc áo bà ba màu nâu sòng đã bạc thếp và đội cái mũ rơm rách. Khi xe lửa đến, tôi để sách vở cho thằng em tôi trông nom, tôi đến trước cổng ra vào nhà ga đón khách, đóng vai trò của một người đạp xích lô. Tôi chỉ lựa khách là một cô nào trẻ, xinh đẹp mới tiến đến hỏi cô có đi xích lô không. Nhìn cách ăn mặc của tôi như vậy thì hẳn nhiên khách phải tin tôi là người đạp xích lô. Nếu cô gật đầu thì tôi mau lẹ xách vali cho cô rồi dẫn cô ra một trong những chiếc xe xích lô đậu sẵn trước sân ga giao người khách ấy cho người đạp xích lô rồi tôi lại trở về ngồi dưới trụ đèn học tiếp, có khi đến 4 giờ sáng mới chịu về nhà ngủ.

Một buổi tối nọ, tôi cũng ra ga đón khách như thường lệ. Vừa nhác thấy một cô nàng xách va li ra cửa, tôi định nhào tới hỏi cô có đi xích lô không thì hỡi ơi, cô nàng này không ai khác hơn là cô Hồng Đ., người đang yêu tôi tha thiết. Tôi biết là cô yêu tôi lắm nhưng tôi thì chưa hề bao giờ nói rằng tôi yêu cô, tôi chưa bày tỏ bất cứ một cử chỉ hay thái độ nào chẳng hạn như cầm tay cô hay hôn cô vv... Ngược lại cô săn sóc tôi rất kỹ, cô thêu áo gối tặng tôi và nhiều kỷ vật đáng kể khác. Cô thường tâm sự với bà chị tôi cũng như tuyên bố với nhiều người rằng chúng tôi yêu nhau. Nói có trời chứng giám cho tôi, tôi rất cảm

kích cái tình cảm cô dành cho tôi nhưng trong tận đáy lòng tôi, tôi thấy hình như có một màn sương ngăn cách nhau. Vì thế, tôi đành cứ im lặng theo cái kiểu ngày hôm nay cũng như...ngày hôm qua.

Gặp cô quá bất ngờ nên tôi không cách nào trốn được nữa. Trước đó cô có cho tôi hay là cô về Qui Nhơn thăm nhà nhưng tôi không hỏi ngày nào cô về. Cô lộ vẻ ngạc nhiên khi thấy tôi ăn mặc rách rưới như thế và lại làm cái chuyện mà cô không ngờ đến. Cô hỏi tôi :

- Anh làm cái gì kỳ vậy ? Anh đi đạp xích lô từ bao lâu rồi mà sao anh không nói cho em biết ?

Tôi đành cười trừ :

- Chuyện này là chuyện “giỡn chơi” của anh mà. Anh đón khách rồi đưa họ ra cho mấy ông xích lô ngồi đợi khách ở trước sân ga chứ anh có xe xích lô đâu mà chở họ đi.

- Ai bảo anh làm như vậy ?

- Chẳng có ai bảo hết, anh thích đóng vai trò một người đạp xích lô để được xách va li cho mấy người đẹp chơi vậy thôi.

Nàng nhìn cách ăn mặc của tôi, nhăn mặt :

- Anh ăn mặc như thế mà coi được à ?

- Ủa, em nói thật lạ. Mình phải đóng cho đúng vai trò chứ. Em không biết đấy thôi chứ đêm nào anh cũng ra ngồi học ở dưới mấy cái trụ đèn ở công viên, và cứ đến giờ này là anh vào ga rước khách. Em biết tính anh vốn hay giỡn mà.

Và tối hôm ấy tôi cũng xách va li của nàng đưa ra cho một ông xích lô y như tôi đã từng làm trong những đêm trước đó. Ngày hôm sau, chuyện tôi ra ga rước khách được “báo cáo” cho bà thím tôi biết. Thím tôi hỏi tôi có thật như thế không ? Tôi đành thú nhận với bà là tôi chỉ giỡn chơi cho vui thôi. Bà thím tôi là một người đàn bà Bắc Kỳ đúng nghĩa, mỗi lần bà chửi là chửi

rất có vấn đề. Tôi rất “hãi” khi phải nghe những điều bà “đay nghiến” anh em tôi. Lần này, bà nghiêm trang nói:

- Tôi biết tách anh rất nông, nhưng cũng nông một vừa hai phải thôi. Anh nên chú tâm vào việc học để còn thi cử có kết quả chứ không nên phí thì giờ vào mấy cái chuyện vô bổ như thế. Anh cũng nên hiểu rằng thiên hạ có thể đồn đại rằng tôi không nuôi nấng các anh đảng hoàng khiến anh phải đi đập xích lô kiếm sống. (Khi cha mẹ tôi qua đời, các anh em tôi được chú thím tôi đem về nuôi và chúng tôi coi ông bà như cha mẹ).

Tôi im lặng nghe bà nói, không trả lời bà thêm một lời nào như là một hình thức nhận lỗi nhưng trong thâm tâm tôi, tôi vẫn nghĩ rằng bà không thể nào hiểu được vì sao tôi đã có những hành động đùa giỡn như vậy. Bà lại càng không biết rằng đã có lúc tôi tự động mua chiếc vé 3 đồng vào sân ga (loại vé dùng để vào cửa chỉ để đón thân nhân về hay đưa thân nhân đi) nhìn hành khách lên xuống các toa tàu rồi nhìn con tàu chuyển bánh để tưởng tượng rằng mình cũng vừa trải qua một chuyến đi ! Hay có lúc tôi dán tem vào một cái phong bì gửi thư về ngay địa chỉ người nhận là chính tôi để tôi mang cái cảm giác rằng tôi có nhận được thư. Tôi nghĩ rằng đó chính là cái lãng mạn rất “dỏm đời” và kỳ cục của một thằng con trai “bất hạnh”, mồ côi quá sớm không có được cái tình thương yêu của cha mẹ như tôi.

Xong tú tài phần hai, tôi rời Nha Trang để vào Sài Gòn học tiếp và chỉ trở về Nha Trang vào những dịp nghỉ hè. Ở Nha Trang vài ngày tôi lại vô Ba Ngòi, Cam Ranh ở luôn cho đến hết hè rồi vào lại Sài Gòn. Đến cuối năm 1962 tôi vào Võ Bị Đà Lạt và từ đó ít có dịp về Nha Trang. Tôi nhớ năm 1963, khi bà Nội tôi mất, tôi từ Đà Lạt về Nha Trang chịu tang, tôi gặp lại nàng Hồng Đ. Nàng đang có bầu, cái bụng có phần “vượt mặt” chút đỉnh, chắc cũng dăm bảy tháng gì đó rồi. Tôi không biết nàng lập gia đình từ lúc nào và với ai. Gặp lại tôi, nàng khóc và chỉ có khóc chứ không nói điều gì hơn ngoài những giọt nước mắt đang chảy dài xuống má. Tôi mừng cho nàng đã có hạnh phúc, bởi vì tôi

biết rằng tôi không thể nào mang lại hạnh phúc cho nàng được. Tôi tự bào chữa rằng mình đang là người lính, đời sống của tôi sẽ nay đây mai đó với những xô dịch di chuyển cùng những bất trắc ở chiến trường...Thật lòng mà nói, thời gian đó tôi còn có những hình bóng khác đang ám ảnh tâm trí tôi. Trước ngày tôi lên lại Đà Lạt, bà chị tôi hỏi tôi có gặp nàng Đ. không, tôi trả lời có gặp. Cái tật “cà rỡn” của tôi vẫn không bỏ, tôi nói với chị tôi :

- Chị à, em thấy cô ấy hình như đang phục vụ trong một ban nhạc “biểu diễn trống” gì đó phải không chị ?

Bà chị tôi lộ vẻ ngạc nhiên, hỏi lại :

- Cái gì biểu diễn trống ? Cô ấy có chồng bây giờ chỉ ở nhà thôi chứ có đi làm văn nghệ văn gừng gì đâu.

Tôi cười :

- Ủa, em thấy cô ấy đang có bầu thì phải biểu diễn “trống” chứ?

Bà chị tôi cũng cười :

- Em thì lúc nào cũng giỡn được.

Tôi nói như tâm sự với chị tôi :

- Chị cũng thấy đó, không phải em tệ bạc gì nhưng cô ấy thì đoan trang, nghiêm chỉnh và thật lòng còn em thì nhìn đời thấy cái gì cũng có sự khôi hài trong đó, hai tính cách ấy làm sao hòa hợp nhau được. Cho nên, em thấy cô ấy có hạnh phúc là em rất mừng. Và em vẫn tin rằng em không hề làm điều gì xúc phạm đến cái tình yêu của cô ấy dành cho em cả.

Những hình ảnh trong cơn mê về thành phố quê hương Nha Trang của tôi là những kỷ niệm vui, trong sáng và êm đềm như đã kể. Tôi cho rằng đó cũng là một hạnh phúc. Đã có lúc tôi nghĩ rằng nếu như sau ngày rời khỏi trường Võ Bị, tôi được về phục vụ một đơn vị nào đó ở Nha Trang rồi cưới vợ, lập nghiệp luôn tại thành phố này thì ắt hẳn ngoài những kỷ niệm về tuổi

nhỏ, tôi sẽ không sao tránh khỏi có thêm những kỷ niệm buồn chán, thất vọng và biết đâu có thể có cả đắng cay. Tôi dám nói thế bởi vì khi đã trở thành “một người lớn” nhập vô cái giòng chảy xã hội với lắm nỗi nhiều khê rắc rối mà ta cần phải tranh đấu, đối phó hàng ngày thì đời sống không còn giản dị êm đềm như những ngày còn cắp sách đến trường.

Năm 1995, khi tôi sang Cali ra mắt tập truyện “Ở Một Nơi Dễ Tìm Thấy Thiên Đường”, tôi gặp lại chị B., bạn học chung lớp rất thân. Gặp tôi, nhắc lại những kỷ niệm cũ, chị vui lắm. Chị bảo tính tình tôi không có gì thay đổi, vẫn đùa giỡn như ngày xưa mặc dù bây giờ tóc đã bạc và răng muốn rụng gần hết. Chị nhắm tính cái gì đó rồi nói với tôi một câu tuy rất bình thường nhưng trong đó tôi thấy có sự cảm động:

- Nè, anh Phú, dễ cũng hơn 35 năm rồi mới gặp lại nhau nhỉ?

Trước đó, chị bảo tôi vẫn giỡn như xưa nên khi nghe chị nói thế, tôi bèn trả lời rất “giỡn” ngay:

- Ồ, 35 năm mới gặp lại nhau chứ nếu gặp nhau thường xuyên thì giờ này chắc cũng phải có thêm “dăm bảy đứa” nữa là ít.

Chị nguyền tôi một cái thật dài và “phán” một câu nghe rất “đã” cái lỗ tai :

- Anh đúng là một “ông già mắc dịch” !!



KATHY TRẦN

- Tên thật: Trần Thị Khương, bút hiệu Kathy Trần
- Cựu nữ sinh Trưng Vương. Sinh viên Luật khoa. Văn khoa. Sư phạm. Giáo chức.
- Tốt nghiệp ngành Thảo Chương Vi Tính tại Đại học Des Moines.
- Viên chức Sở Xã Hội Hoa Kỳ.
- Tác phẩm đã xuất bản:
 - * Đàn Ông Đàn Bà (truyện phiếm xb1997)
 - * Được Vay Nụ Cười (truyện dài xb1989)
 - * Nửa Gánh Sơn Hà (truyện dài xb1999)
 - * Không Cần Đàn Bà (truyện phiếm xb 2000)
 - * Ngọc Hân (đã sử xb 2001)
- Có nhiều truyện đăng trên các nhật báo, tuần san, đặc san và diễn đàn internet ở Hoa Kỳ, Canada và Đức.
- Hiện định cư tại San Jose, California.

VĂN CHƯƠNG

Kathy Trần

Ngày còn nhỏ, tiểu muội học thơ Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu thấy thi sĩ than thở:

Văn chương hạ giới rẻ như bèo...

Lớn lên, cứ thấy các ông nhà văn nhà báo than thở nghèo khó, là không đủ tiền để ăn uống đầy đủ cho đủ sức khoẻ hoặc hơn nữa, cung ứng cho phù dung tiên tử (1) để có hứng mà viết lách. Lâu lâu nghe tin các ông bà văn nghệ sĩ chết trong nghèo khổ cô đơn, lặng lẽ, đôi khi tới vợ con cũng chẳng biết tới, nghe buồn thối ruột.

Lại có lần nghe ông Nguyễn Hiến Lê tính toán tiền bạc khi ông sống thuần túy bằng ngòi bút: ngày viết ít ra là tám tiếng, rồi lập nhà xuất bản để in sách riêng mà vẫn sống đời đạm bạc, thì lấy làm thương lắm.

Các ông nhà văn, nhà thơ hay ví cuộc đời các ông như ca sĩ hay kiếp ve sầu, kiếp tằm nhả tơ, nhả hết tơ là chết ngay, chẳng còn tí tài sản nào cho riêng mình ngoài những tài sản tinh thần để lại cho hậu thế. Tài sản các ông có đủ giá trị cho hậu thế đón nhận hay không lại là chuyện khác.

Nghe rồi thì cứ tin bằng chết rằng các *nàng thơ*, *nàng văn* bạc bẽo lắm, không nên đại dốt chọn làm bạn đời, chọn làm một cái nghề. Chỉ nên coi *nàng thơ*, *nàng văn* như tri âm, một thú vui tinh thần để yêu thương, để tương tư, để mơ ước, để thưởng thức mà thôi, chớ mắc phải mấy *nàng* này là mắc nghiệp đấy, chẳng quý hoá chi đâu!

Tin rồi lại băn khoăn, thắc mắc: Tại sao các ông nhất định kỳ thị cho rằng *thơ văn phải là nàng*? Y hệt các ông đặt tên cho

các cơn bão toàn bằng tên người đẹp cả! Ra ý rằng đàn bà tuy xinh đẹp như mơ, như mộng nhưng lại là thiên tai đấy, khó lòng tiên đoán được như những trận cuồng phong và nguy hiểm đến chết người nữa cơ.

- Tại sao không gọi thơ văn bằng chàng?

Các ông cãi ầm lên: - Thơ văn thì phải du dương, ngọt ngào, phải xinh đẹp, phải gợi tình, gợi cảm chứ cho một ông lực lưỡng đứng giữa chiều thơ văn thì khác gì cho anh chàng đánh cá Vọi của cô Hiền trong Trống Mái, mặc áo dài đi giầy Gia Định ngồi luận bàn thơ phú?

- Quan niệm vậy hơi hẹp hòi quá chăng? Hãy nghe những bản hùng ca, trong đó có yếu điệu thực nữ tí nào đâu, toàn những tiếng sắt tiếng vàng chen nhau đấy chứ. Còn những bản nhạc mới, dù nhạc tình, nhiều bài họ cũng gào thét khiếp đảm lắm, nghe chẳng khác gì tiếng mèo gào nhau trong đêm lạnh! Có giống tiếng đàn bà con gái thơ văn thủ thỉ đâu?

Hay chỉ vì ngày xưa chỉ có các ông viết thơ, viết văn nên tha hồ tưởng tượng, mộng mơ? Còn đàn bà con gái mà rờ vào văn thơ thì chỉ để lãng mạn, đa tình, không nên? Tuyệt đối không nên?

Nhưng chuyện nàng Thơ hay chàng Thơ, nàng Văn hay chàng Văn cũng không có gì quan trọng.

Bước sang giới văn chương ngoại quốc thì thấy khác hẳn: Văn nghệ sĩ khắp thế giới họ giàu quá trời vì họ may mắn được biết đến ngay khi còn sống, không phải đợi đến khi chết mới được khóc thương vay.

Những nước lớn còn có Hàn lâm viện lập ra để ghi nhận tài năng, công lao các ông bà tác giả với quốc gia, với nhân loại, tiện thể cũng là một cách đền đáp rất thực tiễn: Các ông bà trong các Hàn lâm viện được trả lương để khỏi lo lắng tới cơm ăn, áo mặc mà yên chí suy tư, đi tìm triết lý hoặc nhả ngọc,

phun châu cho nhân loại được nhờ. Nhưng ...hình như đa số các ông, các bà vào Viện hàn lâm rồi thì bị cụt hứng nên ít có sáng tác nào lũy lừng như thuở hàn vi!

Phải chăng thiếu những đau thương, nghèo khổ dằn vặt thì những tác phẩm không còn phản ánh sâu sắc được tâm hồn con người? Hay cái hào quang “Hàn lâm viện” to quá, nặng quá, làm các ông bà quần áo chỉnh tề, đi ra, đi vào trịnh trọng quá nên mất cả hứng thú văn chương? Phải chăng Hàn lâm viện đã mặc nhiên trở thành một nơi công nhận những giá trị đã qua của người được đề cử?

Tháng 8 năm 2000, Quốc hội Hoa Kỳ quyết định bổ nhiệm **Stanley Kunitz** làm **Thi sĩ Quốc Gia (poet Laureate)**, một tước thi sĩ được Quốc gia công nhận và do Thư viện Quốc Hội Hoa Kỳ bổ nhiệm mỗi năm vào tháng mười, nhiệm kỳ là 1 năm.

Thi sĩ có văn phòng riêng tại thủ đô và lương tháng là 35 ngàn Mỹ kim chỉ để phục vụ ...thơ văn. Thi sĩ không bị bắt buộc phải làm bất cứ bài thơ nào theo lệnh chính phủ hay bất cứ của ai.

Stanley Kunitz mới có ...95 tuổi, và đã cho biết cách phục vụ tốt nhất của ông là cứ... *từ từ làm thơ như ông đã làm từ trước*, ngày chưa có chức, chưa có lương Thi sĩ Quốc Gia! Thế thôi, chẳng cần cố gắng làm nhiều, làm ít chỉ cho mệt và *có năm ông chỉ làm có mấy bài thơ!*

Thế mới biết quan niệm về thi nhân của Mỹ thiết rộng rãi, thiết khỏe! Nhìn lại số lương của Thi sĩ Quốc gia Mỹ thì nào phải ít ỏi mà việc làm thì coi bộ khỏe quá, chỉ phiền là họ chọn có mỗi một người một năm nên coi bộ ta muốn chen chân vào cũng... khó!

Giá họ chọn nhiều nhiều một tí, Mít ta thế nào cũng chen chân vào được, chẳng năm nay thì năm tới, năm tới, tới nữa, gấp gáp gì mà sợ, đằng nào ta chẳng sống chết ở đây?

Thử nghĩ coi, 35 ngàn đô một năm, **Thi sĩ ty nạn ta** sáng tác được bao nhiêu bài thơ và in ra bao nhiêu cuốn thơ? Số thơ này

mà phát không, dân ty nạn yêu thơ đọc không cũng mệt nghỉ, đỡ bao thì giờ cãi cọ nhau.

Chỉ tiếc là tiền chẳng tới tay thi sĩ mình! Bên Anh, Thi sĩ Quốc Gia sẽ làm việc trọn đời cho Hoàng tộc, sáng tác và trình diễn thơ văn cho Hoàng gia sử dụng trong những dịp lễ lạc.

Vai trò thi sĩ có vẻ như công chức hơn là nghệ sĩ. Nói hẹp hòi theo kiểu tiểu nhân một tí thì hơi có vẻ... thi nô, làm thơ văn theo đơn đặt hàng của Hoàng gia, tức là “*ăn cơm chúa, múa tối ngày*”!

Riêng tại xứ “*Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, đàn ông đứng trước, đàn bà đứng sau*”, thi sĩ ... đảng đình hay thi ... nô, văn... nô được trả công bằng những quyền lợi to lớn như ông Xuân Diệu xuống tới vài ba cân gạo hay khoai lang, khoai mì, miếng thịt lợn, ký đường trắng vào những ngày lễ lạc!

Lễ lạc, kỷ niệm hay chiến dịch chi chi đó, các thi nô, văn nô cứ những nhân vật nhà nước chỉ định, cứ những chiến dịch nhà nước phát động mà hát cho thật to, thật kêu, thật ồn ào là đủ, ai nghe hay không cũng mặc. Thật ra thì ai cũng phải nghe vì những “tác phẩm phục vụ nhân dân” đó được “đăng ưu ái” phát thanh ra rả đêm ngày trên mỗi cái loa treo đầy đường phố, chỉ có người điếc mới không nghe được thôi. Chỉ có thế mà cũng phải tranh dành, đấu tố nhau để được nhận vào hội Văn Nghệ Sĩ Nhân Dân. Thật xót xa cho thân phận văn nghệ sĩ dưới triều đại Cộng sản!

Nói chuyện thơ xong thì phải nói chuyện văn: Bà văn sĩ **J. K. Rowling**, chuyên viết chuyện tuổi thơ lừng lẫy với bộ chuyện *Harry Potter* ra cuốn thứ tư: *Harry Potter and the Goblet of fire* trong tháng 8 năm 2000. Ngay xứ ta cũng có bản dịch ra tiếng Việt và ăn khách không kém các xứ khác, dĩ nhiên sách để con nhà khá giả đọc, còn dân nghèo, cơm không có mà ăn lấy đâu ra sách chuyện để đọc?

Cuốn chuyện đạt kỷ lục về số in trên khắp thế giới lên tới cả chục triệu ấn bản với nhiều thứ tiếng! Số tiền bản quyền tác

giả đã thu về sau bốn cuốn sách cũng đủ để bà sống sung sướng suốt đời để phục vụ văn chương!

Tháng 11 năm 2001, cuốn “Harry Potter and the sorcerer’s stone” đã in thành phim, đạt kỷ lục bán tới 93 triệu tiền vé! Cứ nghĩ tới số tiền bản quyền của bà cũng đủ nhức đầu và bà đã được vào danh sách những người giàu nhất thế giới nhờ vào bản quyền của bà!

Cuộc đời các văn, thi sĩ xứ người sao mà sung sướng vậy? Dĩ nhiên họ rất, rất có tài nhưng các văn thi sĩ ta cũng thiếu gì người có tài? Cụ Nguyễn Du, Nguyễn Trãi, bà Đoàn Thị Điểm, Bình Nguyên Lộc, Võ Phiến, Doãn Quốc Sĩ, Chu Tử chẳng có tài sao nhưng chỉ khổ vì sinh chẳng đúng nơi đó thôi.

Văn chương hạ giới nào phải ở đâu cũng rẻ như bèo? Phải chăng chỉ tại tiếng Việt Nam khốn khổ nên dù văn thi sĩ có đi tản khởi đất nước cũng vẫn chịu cái cộng nghiệp chung?

Bây giờ hãy nói tới văn nghệ sĩ Việt Nam chung chung. Thôi, hãy cứ nói rõ ra là các nghệ sĩ sáng tác đã: Các nhà văn, nhà thơ và các nhạc sĩ. **Thơ và Nhạc** thường đi với nhau một cách đề huề, âu yếm như đôi uyên ương: Trong Nhạc có thơ hoặc Thơ được sinh ra để nhạc chấp cánh cho thơ bay cao và xa tới người thưởng ngoạn.

Thơ là hồn của nhạc và nhạc là bề ngoài, là phương tiện của thơ. Nói thế có vẻ trọng thơ hơn nhạc nhưng nếu chỉ có cái hồn thì thơ bị hạn chế rất nhiều. Những bài thơ phổ nhạc làm hồn thơ sống dậy, âm điệu tuyệt vời của nhạc làm sáng chói hồn thơ, làm người thưởng ngoạn chột tỉnh cơn mơ mà bàng hoàng:

- Không ngờ bài thơ hay vậy!

Nói riêng về thơ, bởi vì bây giờ thơ quá nhiều nên những bài thơ dù xuất sắc nếu không có đôi cánh âm nhạc giúp cho bay bổng thì khó mà nổi bật khỏi những bài thơ khác. Nói cách khác *Nhạc làm thơ thăng hoa!*

Một *phương tiện* khác của nhạc hay thơ phổ nhạc là *ca sĩ*. Người ca sĩ đem tình ý của nhà thơ, đem tâm tình của nốt nhạc tới với người thưởng ngoạn qua giọng ca thiên phú của mình. Không có thơ thì hơi ... thiếu hồn nhạc, không có nhạc thì không có ca sĩ.

Trong ba phần kết hợp chặt chẽ đó, người *ca sĩ* là người *hưởng hết quyền lợi về vật chất và rất nhiều phần tinh thần qua những yêu mến, ái mộ của giới thưởng ngoạn*.

Nhạc sĩ và thi sĩ chia nhau phần tinh thần còn sót lại rất khiêm nhường. Có khi những trung tâm sản xuất băng nhạc còn quên ghi luôn tên tác giả bài thơ và bản nhạc mà chỉ ghi tên ca sĩ trình bày! Ít nhất, người ta phải có chút lương tâm ghi tên người đã sáng tác, đã phổ nhạc bài thơ chứ.

Thơ được nhạc yêu quý, nâng đỡ, được lợi về phần tinh thần thì lại bị thiệt to về phần vật chất: Thơ in ra bây giờ gửi bán các nhà sách còn chề, không thêm nhận chứ đừng nói tới chịu mua, chịu phát hành, phổ biến tới người đọc trừ những thi sĩ “lớn” (?)

Văn xui xẻo hơn, văn đứng riêng một cỏi. Văn có đi với thơ, có đi với nhạc cũng là những đoạn trích thơ hay nhạc để nêu ý mình. Văn không thể “cộng tác”, không thể dùng thơ hay nhạc như phương tiện chấp cánh đưa Văn mình tới người thưởng ngoạn được. Thơ và Nhạc cũng nhất định không chịu giúp đỡ Văn.

Nói như thế không phải vì Văn cao sang hơn nên không thể kết hợp được với thơ và nhạc được mà chỉ vì Văn ...nhiều lời quá. Dù nhiều bài văn êm đềm và đẹp như những bài thơ tuyệt tác nhưng không có cách chi phổ nhạc cho Văn được! Gần đây Mỹ có loại nhạc RAP nghe hơi giống như lối đọc văn hay thơ có vần có điệu chứ không phải là nhạc nhưng cũng không thể gọi là ...phổ văn được. Văn vì thế bị hạn chế số người thưởng thức.

Văn một mình tả xung hữu đột để tìm đường đến với người đọc. Viết mà không có người đọc như người đầu bếp đem hết tinh thần và nghệ thuật nấu bữa cơm thật ngon rồi lủi thủi ngồi

ăn một mình, không người thưởng thức, chia xẻ.

Nhà văn bèn tìm tới người bạn thân từ thuở còn mặc quần thủng đấy là **nhà báo** để chia xẻ cùng nhau. Họ cộng tác mật thiết vì rất nhiều khi nhà văn cũng là nhà báo. Nhà văn rút ruột tằm nhả tơ, đem chuyện riêng, chuyện tư, chuyện tình, chuyện tiền, chuyện mình, chuyện người bày lên từng trang chữ; Nhà báo đem gan ruột nhà văn phơi lên trang báo, phổ biến cho người đọc cùng chia xẻ buồn vui.

Đến đây thì gặp “*ngã rẽ của lòng*”! Nhà báo muốn tiếp tục sống còn (riêng ở Hải Ngoại) thì phải có lời. Chữ lời này thực tế là tiền, không có tiền làm sao ra báo? Nhưng chữ tiền phàm tục rất nhiều khi làm đau lòng nhà báo, nhà văn, nhà thơ không ít.

Ai bảo tiền là vật chất không đáng nói đến? Ai bảo tiền không thuộc về tinh thần? Người ta chẳng đền nhau món nợ tinh thần bằng một đồng bạc đấy sao? Cầm tiền nhiều, người ta thấy tinh thần lên phơi phơi!

Riêng về khoản này, nhà thơ chịu thua nhà văn! Có thơ đăng lên báo, lên “lưỡi” là vui rồi, không dám mơ tưởng tới tiền nhuận bút hay tiền bán thơ như ông Tản Đà ngày trước! Thế nên chỉ còn *nhà văn và nhà báo nhúng nhằng, nhì nhằng cãi cọ với nhau về vấn đề bản quyền, vấn đề nhuận bút.*!

Nhà báo cần tiền, nhà văn cũng cần tiền. Hai người cùng cần tiền thì ở với nhau thì ... hơi khó. Chỉ một người được quyền hưởng thôi chứ và người đó chắc chắn không phải là nhà văn!

Rất nhiều khi nhà văn không hề biết mặt, nghe tiếng nhà báo, thấy mặt tờ báo mà chỉ biết là bài vở của mình cứ được cho nằm rất đàng hoàng, rất phây phây trên báo! Nghĩa là bài cứ được chôm chĩa rất tự nhiên!

Chơi với nhà báo hoài mà vẫn... nghèo, nhà văn bèn tìm tới **nhà xuất bản, nhà phát hành sách**! Hai nhà này, ngày xưa tuy hai mà một, và ngày nay vẫn có nhiều lúc vẫn giữ tình keo sơn tuy một mà hai như vậy.

Những tác giả lâu năm, những tác giả đã chết, những tác giả không có mặt để đòi tác quyền hoặc những tác giả chịu đủ những điều kiện của nhà xuất bản hoặc những cuốn sách chắc ăn là để ra tiền thì nhà xuất bản nhận in và phát hành luôn, trả cho nhà văn một số tiền hay một số sách nào đấy.

Thường *nhà văn in sách lấy*, lo từ A tới Z: Đánh máy, sửa bài, trình bày, tìm bìa, đưa in. In xong, ôm em bé tinh thần, say mê chiêm ngưỡng, vuốt ve em cho thoả lòng mong ước xong mới bước sang phần nặng ký: Lặt đóng thùng, lè lưỡi khiêng qua bưu điện, gửi đến nhà phát hành hay các tiệm sách!

Ai bảo văn nghệ bay bướm? Riêng phần này, *văn nghệ trở thành nặng ký quá trời*, kể cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng. Mỗi cuốn sách dày cỡ 350 trang, in 1000 tới 2000 bản. Mỗi thùng chứa chừng 40 cuốn. Mỗi tựa sách, nhà văn có từ 25 tới 50 thùng to như thùng đựng quần áo đi giặt đồ hay thùng đựng đồ khi dọn nhà!

Ghe gồm quá! Nặng nề quá! Khiếp đảm quá!

Khiêng vác không cũng đủ chết nhà văn hoặc “cái nửa kia” của nhà văn nếu nhà văn đại dột trên lại thuộc loại “nàng văn”! Tiền in sách, tiền gửi đi nhiều khi nhà văn sạt nghiệp.

Gửi xong, nhà văn yên chí (hay rung đùi, hút thuốc lảo vặt, nếu là các ông), ngồi chờ. Gặp nhà phát hành có lương tâm thì đỡ, không thì coi như may rủi. Sách bán chạy thì... một năm sau, nhà văn nhận đủ tiền từ nhà phát hành.

Sách bán yếu thì coi như vốn liếng tinh thần và vật chất được nhà phát hành cho đi “*học tập cải tạo*” đâu đó trên cõi đời ô trọc, không thấy nhà sách hay nhà phát hành hỏi han tới, cứ làm như sách từ trên trời rớt xuống cho các ông bán chơi vậy!

Nhưng cũng tội, *các nhà phát hành cho biết có cuốn cả năm chẳng có người hỏi tới thì làm sao thanh toán tiền cho tác giả được?* Thời gian đó nhà văn ráng mà... tu tiên, khỏi ăn uống làm gì cho mệt.

Trong vấn đề phát hành thì Văn thắng hơn Thơ một hiệp: Văn còn được nhà phát hành nhận, nhà sách mua để bán lại. Thơ thì chịu chết, nhà sách và nhà phát hành đều chê, không chịu nhận, nhờ thế nhà thơ hay rộng rãi, hào phóng và rất dễ thương. Làm thơ chỉ để đăng báo chùa và in ra tặng không.

Thời xưa người ta yêu văn chương đến chết vì nghiệp văn chương: Nghèo đói, rách rưới, ốm đau, bệnh hoạn cũng vẫn ôm chặt nghiệp báo văn chương. Hãy coi *Tú Mỡ, Trần Tiêu, Tản Đà, Đinh Hùng, Nguyễn Tất Nhiên...*

Ngày nay, các nhà văn, nhà thơ rút kinh nghiệm, thực tế hơn, không mơ mộng, đại dột nữa. Hãy kiếm lấy một nghề đi đã. *Có thực mới vực được... thơ văn! Sống bằng lợi tức từ nghề tay phải, chắc bụng rồi hãy rút ruột tằm nhả tơ. Bụng đói, lấy đâu ra tơ mà nhả?*

Muốn lãng mạn thơ văn? Hãy đi làm, để dành tiền làm văn nghệ. Hãy dùng nghề tay phải nuôi nghiệp tay trái, tha hồ mà in sách, in thơ, tha hồ mà lãng mạn, làm văn nghệ, văn gừng! *

Tiểu muội có nhiều ông bà bạn văn rất mê man văn... nghiệp. Nhưng riêng ông *N. P. Đ.*, phải chịu là ông mê viết lách, văn chương kinh khủng. Ông đã quá tuổi về hưu, lại bị bệnh đau tim lên đau xuống, mấy lần xe cứu thương hú còi âm ỉ hộ tống ông đi cấp cứu nhưng ông cứ nhất định đeo đuổi nàng văn dù bà xã ông sợ ông *"lao tâm nhiều không tốt"* nên muốn ông bỏ nghề cầm ... computer. Ông tâm sự với con:

- Bả muốn tao bỏ gì cũng được nhưng bỏ viết văn thì nhất định là không. Bả buồn thì tao chịu chứ biết làm sao? Ông là người rất "nể vợ" mà còn dám phát ngôn thế, đủ biết ông mê man nàng văn đến thế nào. Ông nhất định viết, nhất định in sách, có tiền là ông in sách liền.

Năm 2000, cuốn sách đầu tiên của ông có những chuyện ngắn tình cảm rất tế nhị, những bài chống Cộng rất sâu sắc, dí dỏm. Năm 2001, cuốn thứ nhì in bằng tiền ông vất vả sớm khuya bỏ báo!

Năm 2002, ông bạn vàng vong niên đánh buá văn chương thứ ba! Riêng bài viết về con tim “cà chớn” của ông nó hăm he, dụ dỗ, khuyến khích ông trong việc viết lách thì đúng ời là đúng và vui ời là vui!

Ôi, những con tim cà chớn của những nhà văn, nhà thơ Việt Nam lưu vong!

Rất nhiều khi nó hành người ta ngất ngư trong khi nó cho người ta rất ít phần thưởng, thế mà người ta cứ mê man, nghe lời nó bằng chết!

Có những vị đã già, không đi làm được thì kêu gọi con cháu: - Thay vì mảy mua quà cho ba thì đưa tiền ba để dành, bao giờ đủ tiền ba sẽ in thơ (hay sách) của ba.

Vợ con cần năn: - Ba (Ông) viết làm chi? Bây giờ có mấy ai chịu mua sách, mua thơ về đọc đâu? Báo cho, báo chợ, báo trời thiếu gì!

Ông thông thả: - Bởi vậy những ***những người chịu đọc sách, chịu bỏ tiền ra mua sách mới đáng quý, mới là tri kỷ của mình.*** Có người cả đời không hề mua một cuốn sách, trong khi đi ăn thì họ ăn mỗi ngày. Nếu ăn mà sung sướng thì ba (tôi) không nói, đằng này ăn mà lòng cứ lo ngay ngáy chuyện ung thư với chuyện mạch máu bị nghẹt vì dư mỡ mà vẫn cứ ăn những món ăn vật chất chứ không chịu thử những món ăn tinh thần mới là kỳ. Nhưng thôi, đó là chuyện của họ. Ba (Tôi) biết ba(tôi) viết có người đọc là được rồi.

Đúng là cái nghiệp, mà đã gọi là nghiệp thì dứt sao được?

Ghi chú: (1). Thuốc phiện



KIM VŨ

- Tên thật: Vũ Mạnh Phát, bút hiệu: Kim Vũ.
- Sinh tại: Hà Nội
- Học ngành Kiến Trúc tại Hoa Kỳ từ năm 1959- 1964.
- Viên chức ngành Kiến Trúc và Thiết Kế Đô Thị.
- Tu nghiệp ngành Quan Sát, tham dự hội thảo ngành tại nhiều nước Đông Nam Á.
- Động viên vào trường Sĩ quan Thủ Đức, Saigon.
- Định cư tại Milpitas, California.
- Tác phẩm đã xuất bản:
 - * Tình Anh Như Thế Đây (tập thơ xb 2001)
 - * Khi Yêu Em (tập thơ song ngữ Anh Việt xb 2002)
 - * Những Áng Thơ Tuyệt Tác Hiện Đại (tuyển tập thơ song ngữ xb 2003 đã được giới thiệu và làm quà tặng cho một số đại biểu trong Đại Hội Văn Bút Quốc Tế kỳ 69, tại Mexico City, 2003)
 - * Hạnh Ngộ Mong Manh (tập truyện xb 2004).

CHIM NON

Kim Vũ

‘Lớp đi học chế. câu thanh đi chế. đi chế nửa tiến...’

Sissi đã viết dòng chữ đó trên tấm bảng dạy học lớn kẻ khuôn-nhạc trong phòng khách, nơi ông Khoát dùng làm chỗ dạy kèm học-trò tại tư-gia. Con bé mới sáu tuổi, vừa bắt đầu vào lớp một. Rất chăm học, và có một khiếu hài-hước đặc-biệt.

Dĩ nhiên những chữ viết sai chính-tả của Sissi không phải do nó có ý hài-hước, nhưng ông Khoát thấy chúng mới ngộ làm sao. Con bé sinh ở Sài Gòn, nói tiếng Sài Gòn, vậy mà cách viết của nó pha kiểu Bắc Hà-Nội ngày xưa trông thấy, thêm một chút phong-vị Nam-Bộ ở cái dấu hỏi thay vì dấu ngã. Lại còn cái vụ chấm chấm ở cuối câu nữa chứ!

Ông Khoát đã phải bật cười khi nhìn thấy dòng chữ trẻ con thật dễ thương đó ở trên bảng. Ông đang đợi học-trò, và để khỏi mất thời-giờ, ông đang mải-miết đọc một cuốn truyện dài về Van Gogh. Sissi đã biến vào phòng từ lúc nào rồi. Nó như một con mèo, thoát biến thoát hiện, lúc nào cũng bất ngờ.

Hiện giờ, nơi phòng trong, chắc nó đang học đánh vần, hoặc đang xem cuốn sách hình “Sophie” của Pháp, hoặc chơi với mấy con búp-bê mà nó xếp hàng dài dọc bờ tường sát trên giường ngủ, bắt chước cô-giáo dạy học trò búp bê đánh-vần hoặc làm bài-tập toán. Đôi khi nó cũng bày trò nấu ăn cho lũ búp-bê nữa, y như hồi nó học bán-trú nơi trường mẫu-giáo.

Hôm đầu khóa-học của ông khai-giảng cách đây hơn hai tháng, sau khi nghe lỏm những lời ông Khoát dặn học trò, Sissi đã viết lên bảng dòng chữ như sau:

“ Phải đi học đúng giờ, không được đi muộn, không được nói chuyện trong lớp.”

Những nét chữ còn to và vụng, nhưng ý-nghĩa thì đâu ra đấy, và đánh-vần thì thật chính.

Làm sao có thể viết ‘nửa tiến’ để chỉ nửa giờ học, mà từ hai tháng trước đã có thể viết được chữ ‘chuyện’ chính-xác đến thế? Ông Khoát đã thắc-mắc. Nhưng rồi ông chợt nhớ ra. Chẳng là vần này tình-cờ lại đúng là vần của tên Sissi, “Mai-Uyên”. Mẹ nó đã tập cho nó viết tên mình ngay từ những ngày đầu trường cấp một.

Một hôm khác, sau lớp học, một buổi mà ông Khoát khá mệt và khó-chịu với học trò, Sissi đã viết dòng chữ sau lên bảng:

“ Hôm nay lớp nói chuyện nhiều quá.”

Các nhà ngôn-ngữ-học chắc cũng không thể bắt bẻ cách viết chữ “quá” như trên của Sissi.

Cũng lại như một con mèo. Làm lúc nào không ai hay. Khi ông Khoát nhìn thấy dòng chữ thì nó đã lại biến vào phòng trong, đọc vần hoặc vẽ.

Tuổi trẻ mới dễ thương làm sao. Ông Khoát đặc-biệt yêu con nít, và điều hạnh-phúc cho ông là chúng cũng có vẻ rất hợp với ông. Một bữa cách đây đến gần hai mươi năm, hồi ông còn trẻ, khi đến nhà bà chị bác-sĩ có phòng-mạch tư để chào tạm-biệt trước một chuyến đi xa, một đứa nhỏ con trai rất kháu-khỉnh và nghịch-ngợm, nhất-định không chịu theo mẹ bế để cô y-tá chích cho một mũi thuốc ngừa tê-liệt, không hiểu sao khi nhìn thấy ông đã xà vào lòng, và cô y tá đã chích được cho nó một mũi thuốc thật dễ-dàng. Sau đó nó nhất-định không chịu rời ông, làm bà mẹ đỏ mặt ngượng-ngùng. Nàng đẹp lắm, có những nét rất thanh-tú, thông-minh. Ông cũng còn trẻ, và mặt mày có lẽ cũng không đến nỗi quá dãn-độn. Thế là hình-ảnh bà mẹ xinh-đẹp và đứa con trai kháu-khỉnh cứ vướng vất trong tâm-

hôn ông suốt cuộc hành-trình.

Bữa trước Sissi ngồi lật rau giúp mẹ, và khi ông Khoát khen nó chăm làm, nó đã nhận xét:

- Nhà này Mẹ lúc nào cũng có việc làm. Sissi cũng làm giúp Mẹ. Chỉ có bác Khoát là tối ngày đọc sách và hút thuốc lá.

Thế mà chiều nay nó đã lại nhắc bác Khoát của nó quấn thêm sẵn những miếng thuốc lá sợi mà hút. Và nhớ cấm một miếng vào bàn thờ ông Địa “cho có tiền.”

Bố Sissi vượt-biên cách đây gần sáu năm, khi Sissi còn ở trong bụng mẹ, và bị mất-tích. Những năm đầu sau khi mới sinh, trông nó thật buồn và thật xấu. Tệ hơn cả đứa con trai. Mặt thì phì phì, môi trề xuống, đôi mắt nhú lại, y hệt như bố xấu trai. Đầu thì cao trọc lốc. Trông nó y như con heo con. Thế mà chỉ cần mấy năm, sống trong tình-thương đầm-thấm và sự chăm-sóc ân-cần, nó như thay-đổi hẳn. Bây giờ nó lanh-lẹ vui-tươi, da trắng sáng, và miệng lúc nào cũng cười, khoe mấy chiếc răng sún thật dễ thương và một cái răng gẫy ngay ở cửa. Nó trông không đẹp nhưng thật có duyên. Mắt một mí nhưng rất tinh-anh, trên trán vẫn còn dấu vết một cục u do té đụng vào tường từ mấy năm trước nhưng vẫn chưa tan hẳn, hồi đó “to bằng quả chanh”, bây giờ đã lặn hết nhưng khi nó nhú mày vẫn thấy hiện lên. Cái đặc-điểm của nó là cằm nhọn, mặt trái đào, làn da trắng, và mớ tóc mượt quăn y như là được uốn cẩn-thận. Và giọng nói trong trẻo thánh thót, “không khàn khàn vệt đục như chị Trâm”. Và tài múa thể-dục nhịp-điệu rất điệu. – “Tí Điệu của Ông Ngoại”. Và tài vẽ tranh phong-cảnh, lúc nào vẽ cũng phải có ông mặt trời cười, dù là cảnh trời mưa.

Ong Khoát thích bế Sissi ôm chặt vào lòng và hôn lên má, lên trán, lên tóc nó, nhiều khi cả trên mũi nó khi nó sửa soạn đi học buổi sáng. Ở nó toát ra một mùi hương thơm lạ, hương thơm có mùi sữa của trẻ con, tuy Sissi đã nghỉ uống sữa từ lâu. Nó còn chưa nặng lắm, và còn đủ bé-bỏ để ông có thể ôm sát nó

vào lòng và cảm thấy cái ngây-thơ tinh-khiết của một nụ hoa mới đơm chồi nảy lộc. “Thưa Bác Khoát Sĩ đi học” – mỗi buổi sáng nó khoanh tay nói với ông như thế trước khi rời nhà, và nhiều khi ông ôm nó vào lòng không muốn dời ra.

Ông Khoát đã sạt nghiệp vì những canh bạc đỏ đen với số-mệnh, nên cho đến giờ vẫn tay trắng. Có một căn nhà nhỏ mà ông đã phải ky- cốp trong hơn mười năm lao-động cật-lực mới mua được, vừa qua cũng đã theo những canh bạc bay đi. Giờ thì ông rỉ-rả qua ngày với số tiền ít ỏi kiếm được từ việc dạy kèm. Mừng được một cái là ông vẫn còn chỗ trú chân và một cái giường nằm qua đêm nơi căn phòng nhỏ trong ngôi nhà mà cô em gái làm chủ nhường tạm cho ông anh. Và với Sissi như niềm vui bất-tận của một con chim non, ông không thấy cần phải có thêm gì nữa. Ông đã có thể chấp-nhận cuộc đời chật-vật một cách dễ dàng.

Dĩ-nhiên là ông không tài nào nuôi nổi Sissi. Nhưng đôi khi ông vẫn còn có thể mua cho nó cái bánh choux hay thưởng cho nó một ký-lô cà-rem, khi ông chợt nổi hứng hay khi nó từ thứ hạng 18 của tháng học đầu tiên nhảy vọt lên thứ 5 trong lớp. – Nó nhận quà và nói: “Cám ơn Bác Khoát” –

Sissi có một trí-nhớ rất tài, và một óc nhận-xét tinh-tế. Nó nhớ không sót một tên tất cả bạn học cùng lớp từ hồi đi trường mẫu-giáo. Và đặc-biệt bạn bè ai cũng yêu thích nó, tuy chẳng bao giờ con bé được bầu đến chức trưởng-lớp, vì chẳng có uy chút nào với bạn bè.

Về đến nhà sau lớp học là Sissi riu-rít kể chuyện ở trường. Và một lần thật là lý-thú, nó đã kể chuyện một đứa bạn gái trong lớp tâm-sự với nó là bố mẹ con bé ly-dị nhau như thế nào, chia con cái như thế nào, và bố nó đã dẫn bồ về nhà ra sao, bỏ bồ nó như thế nào. Cả một câu chuyện “tình-cảm xã-hội” lâm-ly hấp-dẫn cũng rất có thể dựng nên thành một cuốn tiểu-thuyết thời-đại bán được khối tiền.

Riêng Sissi, không phải là nó đã có đủ mọi thứ. Có lẽ nó còn thiếu rất nhiều những thứ mà một đứa bé con nhà khá-giả thời nay thường có. Trong nhà không có Tivi, tủ lạnh, Honda. Nhưng ông Khoát nghĩ rằng nó không cần phải tội-nghiệp cho nó. Quần áo lành lặn, sạch sẽ tuy không sang trọng. Ăn uống đầy đủ chất bổ tuy không thừa mứa. Nhà vẫn có một nguồn chi-viện từ nước ngoài, tuy không nhiều, nhưng cũng đủ xài. Và có một cái nó có thể yên-tâm biết được rõ là của riêng nó, không ai lấy đi được: tình-thương của mọi người.

“Mai Mẹ đi vắng cả ngày, Bác Khoát đưa Si đi học rồi đến mười giờ đón Si về, rồi ăn cơm trưa tự túc nhe!”

“Thế Si ăn gì, với ai?”

“Bác Khoát khỏi lo, Mẹ đã mua sẵn bánh mì ngọt và phô-mai bò-cười cho Si rồi, Si ăn rồi ngủ trưa bên nhà mấy chị.”

“Mấy chị” đây là ‘*câu thanh*’ mà Si đã viết câu phê-bình ‘*đi chế*’ lên trên bảng, hai người hàng xóm của Si.



LINH VANG

- Tên thật: Bùi Mimi Lệ. Bút hiệu Linh Vang.
- Qua Hoa Kỳ năm 1975.
- Tốt nghiệp kế toán thương mại tại University of Puget, Bang Washington, năm 1986. Đang là chuyên viên tài chánh cho tiểu bang.
- Tác giả của khoảng 100 truyện ngắn, tùy bút và tạp văn.
- Đã cộng tác: Đất Mới, Tiểu Thuyết Nguyệt San, Cỏ Thơm, Văn, Hoa Kỳ.
- Đang cộng tác với Việt Nam Nhật Báo San Jose,
- Thành viên Nguyệt San Kỷ Nguyên Mới, Maryland.
- Hội viên Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại/ Trung Tâm Tây Bắc Hoa Kỳ.
- Hội viên Câu Lạc Bộ Văn Học Nghệ Thuật vùng Washington DC.
- Hiện cư ngụ tại University Place, Washington state.

CHIẾC BÓNG BÊN ĐƯỜNG

Linh Vang

Đạo trước Châu vẫn cười nhỏ Linh Chi vì cái tánh lừng chừng, không biết mình muốn gì của nó, hay để bạn lôi cuốn chứ không tự quyết định việc cho mình, không muốn đi những chỗ nháy đầm, nhưng rồi lại đi, để rồi đến nơi trong khi thiên hạ vui chơi thì nó lại ngồi nhàm chán, ngáp dài. Có ai bắt nó phải đi?

Châu bây giờ cũng thế, biết là mình đã qua cái lứa tuổi học trò, không còn say mê những buổi *party* đông người ồn ào nhưng rồi sợ một tối thứ bảy nằm nhà buồn nản, Châu đã theo cô bạn đi dự tiệc sinh nhật của một người bạn khác. Đến nơi, Châu thấy ngay mình lạc lõng trong đám đông, tay chân lúng túng, Châu mới hối tiếc là đã đi. Nhưng hình như chẳng ai để ý đến sự lúng túng của Châu. Từng cặp, từng đôi lả lướt. Khung cảnh ấm cúng.

Trong khi đó lại có người đàn ông cứ để ý cô gái ngồi lẻ loi trong góc phòng. Ông thấy không phải là cô không có ai để ý. Vài thanh niên tới mời cô nhảy, nhưng cô cứ lắc đầu, nên họ đành để cô yên. Cô ngồi gõ nhịp mấy ngón tay trên thành ghế.

Người đàn ông đó là ông anh của cô gái đang ăn mừng sinh nhật. Ông và bà vợ đã vui vẻ phụ em tiếp đãi đám khách trẻ. Vợ ông là Mỹ trắng. Bà đem bánh mời Châu vì thấy nàng chưa có bánh. Nàng còn chần chừ thì bạn nàng là cô gái đang mừng sinh nhật chạy lại nói, nếu bồ chưa thích ăn bây giờ thì để tui bỏ hộp cho bồ mang về nhà, ăn thử tí bánh trái cây cho vui mà?

Khuya về, Châu ngồi gác chân lên xa-lông vừa ăn bánh vừa xem TV. Tối thứ bảy mà chẳng có phim gì hay! Châu cứ vắn hết đài này qua đài khác. Cuối cùng, nàng cũng bắt được phim *Roman Holiday*, một phim tình cảm nhẹ nhàng kể về một nàng công chúa chán cuộc sống cung điện và những buổi lễ nghi gò bó nên đã trốn ra ngoài chơi, gặp và thương một anh chàng nhà

báo. Đoạn cuối, anh nhà báo đã tặng cô công chúa những tấm hình về cuộc đi chơi của hai người mà không dùng chúng vào việc thương mại có lợi cho mình. Coi phim cảm động quá, nàng chỉ muốn khóc. Tưởng nàng không còn khóc được nữa. Nàng thở dài, nhớ về mối tình cũ của nàng. *Chia tay cả năm mà tôi vẫn chưa quên anh ấy!*

Một tuần sau, trong cuốn album của cô em, có hình cô gái đó. Cô em chỉ tấm hình nói với ông anh:

-Châu, bạn em, nó đẹp mà buồn quá, cứ thủy chung chờ một gã đàn ông chẳng còn yêu nó! Anh có nhớ bữa sinh nhật của em không, anh đã thấy nó rồi? Cái con nhỏ ngồi một chỗ, không nhảy đó!

Cô gái trong hình như nhìn ông, với đôi mắt to và buồn. Người đàn ông có vợ muốn nói với cô em:

-Cho anh xin tấm hình này!

Nhưng khó mở lời quá, ai mà hiểu được ông xin để làm gì. Không dám xin hình, ông cố giữ hình ảnh cô gái trong trí nhớ của ông. Giữ nơi đó thì không ai biết cả! Ông không biết nếu ông cứ nghĩ về cô gái thì có phải ông đang ngoại tình trong tư tưởng không đây? Là tình yêu trai gái hay là tình cảm của một người dành cho một người đồng hương với mình?

Tháng sáu đã có những ngày nóng 80 độ. Hôm nay trùng vào một trong những ngày nóng đó. Không ai ngờ! Vì vùng Tây Bắc thường cũng phải tháng bảy, tháng tám mới là hai tháng nóng nhất. Cuối cùng thì cái lễ ra mắt ông bà, thưa gửi hai bên cũng đã xong, và nhà trai đang rước cô dâu đi. Trong đám đông khách khứa, họ hàng, bạn bè, Châu đang nhón gót và cố nhìn cô dâu, chú rể qua cái vai cao của một người đàn ông đang đứng trước mặt cô. Vô ích: ông ta quá cao và bờ vai ông ta quá rộng. Ông ta choáng hết khoảng trống trước mặt Châu. Ông ta cũng điếc nữa! Hai lần Châu nói xin lỗi, kêu ông ta nhích qua một tí để Châu nhìn được chú rể mở cửa đưa cô dâu vô xe, mà ông ta đã không nghe. Lần này Châu nói lớn tiếng:

-Xin lỗi!

Châu định làm gan đưa tay đẩy ông ta, nhưng ông ta đã nghe, ông ta lách người nhường qua một bên để Châu tiến tới. Châu nói cảm ơn mà không buồn xoay đầu nhìn mặt người đàn ông. Châu chỉ muốn nhìn cô dâu chú rể một lần, nhưng quá muộn, đoàn xe rước dâu đã rời bánh rồi. Châu lo là bạn sẽ giận mình, bạn sẽ nghĩ là mình đã không đến dự đám cưới của bạn. Giờ giấc rời nhà đã tính trước, ai dè có một cái tai nạn trên xa lộ, liên quan tới nhiều chiếc xe, làm nguyên cái hướng đi về hướng Nam bị tạm thời đóng hai tiếng đồng hồ, Châu bị kẹt trong luồng xe cộ đó, rồi cảnh sát mở đường cho đi, thế là Châu đến trễ, không kịp chào cô dâu chú rể. Châu quay nhìn người đàn ông còn đang đứng bên cạnh. Ông bèn lên tiếng:

-Cô đừng lo, thế nào rồi tối nay cô cũng gặp họ ở nhà hàng mà!

Người đàn ông chắc là đã thấy nét thất vọng trên khuôn mặt Châu nên mới nói như vậy. Và ông ta cũng vừa nhận ra nàng là cô gái mà ông đã gặp ở bữa tiệc sinh nhật của cô em. Đêm đó, khuôn mặt cô thật buồn. Nhưng hôm nay thì khác. Hai má cô hồng, đôi mắt tinh anh. Cô trông còn trẻ lắm, chưa tới ba mươi. Có lẽ vì cô trang điểm thật nhẹ. Một chút phấn hồng, một chút môi son. Cô có làn da mỏng mịn.

-Nhưng tôi lại không đi dự tiệc được! Lát nữa tôi phải ra phi trường rồi!

Ông cảm thấy như là thân thiết với cô gái nên ông mới nói đùa:

-Cô làm gì mà đi dự đám cưới như chạy giặc vậy?

-Ông không biết đâu, đáng lẽ thì tôi đã đi chuyển sớm rồi nhưng vì muốn dự lễ cưới của Băng Như nên mới đổi chuyến đi trễ hơn. Tôi lo bạn tôi sẽ giận.

Người đàn ông mỉm cười, nói rồi bạn cô sẽ hiểu mà không giận cô đâu. Không hiểu sao Châu đã thấy hết giận ông ta. Thì ra nàng cũng dễ quên. Ông vốn vã tử tế, hỏi cô uống gì, tôi đi lấy

cho? Bây giờ nàng mới biết là nàng khát nước. Nàng gật đầu. Trời nóng quá. Chắc phải xin chai nước lạnh rồi chuẩn bị đi phi trường là vừa, hy vọng là không bị kẹt xe lần nữa. Rồi nàng cứ khẳng khẳng phải đi ngay, không cách nào người đàn ông giữ nàng ở lại lâu hơn, vì lúc này người đàn ông không tìm ra một lý do gì chính đáng để giữ nàng cả.

Trong đầu ông: *Chắc cô không nhớ tôi, nhưng tôi thì nhớ rõ gặp cô bữa sinh nhật.*

Một năm đã trôi qua từ bữa sinh nhật đó. Hiện giờ, người đàn ông vừa bị vợ ly dị. Không phải lỗi của ông có mèo mỡ gì cả. Đúng ra là lỗi của người vợ. Nhưng xứ này chuyện ly dị xảy ra như cơm bữa mà không cần lỗi phải của ai. Cứ muốn thôi nhau thì cứ thôi dễ dàng. Người vợ, ông quen và lấy thời hai người còn học đại học. Khi miền Nam sắp mất, ông một mình chạy được. Thuở đó, gái Việt ở nước ngoài còn hiếm, chưa có những đợt vượt biên, đợt đoàn tụ gia đình, đợt HO nên lập gia đình với người khác chừng là chuyện khó tránh khỏi. Họ có chung một đứa con trai mười tuổi. Bao năm, người vợ không đi làm. Đến khi bà đi làm

thì bà gặp rồi yêu thương người khác, và đòi ông trả lại sự tự do cho bà. Người vợ cũ theo tình nhân mới cùng màu da trắng với bà, không dẫn con theo. Chú bé ở lại với người đàn ông.

Không trở ngại gì, vì xưa nay chính ông là người gần gũi săn sóc nó. Cuộc hôn nhân dĩ chừng sống với nhau lâu, càng ngày càng xa cách, nếu người vợ không đòi chấm dứt thì ông cũng nghĩ là ông sẽ sống tới ngày răng long tóc bạc với bà, vậy mà sau khi ký giấy tờ ly dị, ông lại cảm thấy cõi lòng trống vắng lạ thường. Ông quan niệm dù sao lúc còn vợ cũng coi như còn một gia đình. Người ngoài đâu ai biết được gia đình đó có êm ấm hay không. Mất vợ, ông như hụt hẫng.

Những ngày này ông lại nhớ nhiều về cô gái. Ông nghĩ là ông đang tương tư cô. Cứ như cậu học trò mới lớn. Ông buồn cười với ý nghĩ đó. Rồi ông chắc chắn là ông sẽ có cách tìm lại cô.

Khi Châu đi công tác ba tuần trở về thì cô dâu chú rể đi hưởng tuần trăng mật cũng chưa về. Cái “mét sệt” của Băng Như để lại trong máy nhắn nhà Châu:

Đi dâu mà vợ thế? Châu ơi, có người đã trách như thế đó. Tau chỉ làm nhiệm vụ nhắn lại thôi. Mi làm chi thì làm, nhớ đừng hốt hồn ông anh tau.

Châu chưa gọi cho Băng Như thì ngay thời gian đó, người tình cũ trở lại, làm Châu không có dịp thắc mắc hồn ông anh nào mà cô bạn sợ Châu hốt mất. Nhân như trưởng thành chín chắn ra sau vài năm xa cách. Nhân cũng thú thật là anh có một đứa con với một phụ nữ da trắng. Anh nói hối tiếc, tưởng cô ta đã uống thuốc ngừa thai! Hằng tháng anh phải gửi ba trăm tiền nuôi đứa nhỏ. Anh xin nàng thứ lỗi việc trước đây anh đã bỏ rơi nàng, và nếu bây giờ nàng còn yêu anh thì anh sẽ là của nàng vĩnh viễn. Châu có buồn chuyện Nhân có con rơi, nhưng yêu anh, Châu chấp nhận quên đi lỗi lầm của anh. Họ lại yêu nhau tưởng như sợ mất nhau lần nữa.

Sau đó, trong vài lần nói chuyện với bạn, Như cũng quên không nhắc lại lời nhắn đó vì Như thấy Châu đã trở lại với người tình cũ, cô thấy cũng không ích gì mà nhắc.

Người đàn ông chần chừ tới mấy tháng trời, cuối cùng mới lấy đủ can đảm gửi cho Châu một cái thư. Ông giở cuốn sổ địa chỉ màu đen. Cái địa chỉ của nàng đã được ông cẩn thận cất trong đó. Viết thư thì dễ hơn gọi phon. Vừa đọc thân trở lại, ông còn lạ lùng, bỡ ngỡ với cách làm quen với phái nữ. Gửi thư đi rồi, ông cứ thấp thỏm lo. Viết ngắn quá, sợ không gây được sự chú ý nào của cô. Mà viết dài thì ông cũng ngại, biết viết gì đây?

Kỳ trước chưa kịp hỏi tên cô. Nhưng không sao, tôi đã hỏi cô em của tôi. Tôi tên là Định. Xin lỗi đã đường đột gửi thư cho cô, mong cô không giận. Chờ tin cô.

Chỉ viết được có thế. Nếu ông may mắn được cô hồi âm thì khi đó ông sẽ có ý mà viết dài hơn, ông tự nhủ.

Châu coi xong, vô tình theo thói quen nàng xé thư quảng

vào sọt giấy rác. Phải thôi, nàng cũng không có ý định trả lời. Lúc này Châu đang bận rộn với tình cảm cũ đang được làm mới lại. Nhân vừa hỏi nàng làm vợ và nàng cũng vừa bằng lòng. Anh sẽ đưa nàng đi chọn nhẫn cưới. Cái thư không làm nàng bận tâm mấy.

Nàng sắp lấy chồng. Nàng gửi thiệp cưới cho cô bạn. Cô bạn không nhớ gì tới ông anh. Một hôm chỉ vô tình cô nói với ông:

-Anh Định à, anh còn nhớ nhỏ Châu không? Nó điên thì thôi! Lấy ai không lấy lại đi lấy cái thằng cha cà chớn! Em ái ngại cho nó lắm, em có khuyên nó hãy suy nghĩ cho chín chắn trước khi có quyết định gì. Nó lại nói nó biết trái tim của nó chỉ yêu có một người. Biết nó thích thơ, chả lại tán tỉnh nó với bao vần thơ, toàn là thơ của ai, chứ đâu phải của chả, chả làm gì biết làm thơ! Nghĩ lại, em biết em cũng không nên bức tức gì cả, vì không phải chuyện của mình, em không nên xía vô.

Nghe tin Châu đi lấy chồng, người đàn ông chỉ biết thở dài một mình:

-Chắc là chúng mình không có duyên phần!

Rồi một thời gian không lâu sau đó, người đàn ông cũng đi lấy vợ. Ông không thích đời sống độc thân, bếp núc tẻ lạnh. Ông đã từng nhủ khi ông lập gia đình lần nữa thì ông sẽ kiếm một cô vợ VN; như vậy thì mới hy vọng ông không bị vợ bỏ. Người quen làm mai cho ông một cô gái khá lớn tuổi con của một gia đình HO mới qua Mỹ. Vì thời cuộc, cha đi cải tạo, cô đã phải nghỉ học sớm, phụ mẹ lo gia đình, lo các em, cô bỏ mất tuổi thanh xuân của cô. Cô không đẹp và lạnh lẽo bằng Châu là một người đã ở Mỹ lâu năm và đã cập nhật được đời sống mới. Người vợ ngoan ngoãn, chập chững đi khép nép bên người chồng nhờ chồng chỉ dẫn từng ly từng tí. Ông lại lấy đó làm vui. Họ đều an phận trong vai trò họ đóng. Ông ăn cơm Việt mỗi ngày, để nhạc Việt nghe trong xe. Ông trở về sinh hoạt với cộng đồng Việt.

... Dòng đời đưa đẩy rồi có một ngày chớm thu, Châu đưa con đi chơi công viên nơi bờ hồ. Lúc này, Nhân đã bỏ hẳn mẹ

con nàng chạy theo một bóng hình khác. Châu làm bà mẹ độc thân nuôi con. Tưởng như đổi lại thời gian ngắn làm vợ của Nhân, Châu lời được một đứa con-là bé Thanh, rất ngoan. Còn nỗi buồn, nỗi cô đơn thì vẫn như xưa. Vẫn dính theo nàng!

Châu gặp một cặp vợ chồng Việt cũng dắt một đứa con gái nhỏ. Nàng thấy người đàn ông quen quen, mà không nhớ là đã gặp ở đâu. Tóc ông đã hoa râm, bà vợ cũng không còn trẻ mà con của họ còn nhỏ lắm. Dưới mắt nàng, cái gia đình tí hon đó trông hạnh phúc. Còn người đàn ông thì nhận ra Châu ngay, ông nghĩ nét mặt Châu vẫn buồn buồn như lần đầu ông gặp. Chỉ khác lần này Châu đã là thiếu phụ với một con nhỏ. Cô bé cũng cỡ tuổi con ông.

Hai đứa bé chẳng mấy chốc làm quen nhau. Chúng vui đùa đẩy nhau ở ghế xích đu. Lú lo dùng tiếng Mỹ nói với nhau. Cũng có vài đứa trẻ con Mỹ. Cha mẹ hay ông bà nội ngoại gì đó đưa chúng ra đây chơi. Tiếng cười giòn của tụi nhỏ làm náo nhiệt một khu công viên. Vợ chồng người đàn ông ngồi ở ghế đá phía bên này, nhỏ to điều gì không rõ. Châu ngồi lặng yên một mình ở ghế đá phía bên kia. Cả cặp vợ chồng đó và Châu đều đưa mắt theo dõi hai đứa trẻ đang chơi với nhau. Nửa tiếng sau, Châu kêu con và sửa soạn dắt con ra về. Con bé chạy quật lại chào bạn của nó. Hai đứa bé quyến luyến, dăn dò sẽ gặp lại. Rồi bóng Châu và con xa dần.

Nghe con gái mét là bạn mới của nó không có ba, người đàn ông cảm thấy ái ngại cho thiếu phụ. Trong thâm tâm, người đàn ông vẫn muôn đời nhớ về cô gái năm nào.

-Chẳng lẽ cả cuộc đời mình cứ đuổi bắt nhau như thế này?

Thật sự thì cũng đã có một thời điểm mà người đàn ông và cô gái đều lẻ bóng. Chỉ là họ đã không có dịp may mắn để tìm hiểu nhau ở thời điểm đó thôi. Cần một chút xê xích, họ có thể là đôi vợ chồng tốt số, nếu ngày đó Nhân không trở lại và Châu bỏ thì giờ ra trả lời lá thư của ông. Biết đâu! Biết đâu! Nhưng tất cả bây giờ đối với nhau, họ chỉ là những chiếc bóng bên đường.

MINH ANH

- Sinh năm: 1941 tại Quảng Bình (Cảnh Dương).
- Trước năm 1975 có bút hiệu: Hoàng Minh.
- Viết truyện ngắn đăng trên Nguyệt san Tiền Phong của QL/ VNCH.
- Có truyện ngắn đọc trên Đài phát thanh Sài Gòn và một chương trình phát thanh khác (của một binh chủng...) trên Đài tiếng nói Quân Đội.
- Đến Mỹ đổi bút hiệu: Minh Anh. Viết truyện ngắn đăng trên tuần báo Mỡ, Saigon Nhỏ, KBC hải ngoại, Radio Bolsa...
- Tác phẩm đã xuất bản: * Những Giọt Nước Mắt Vàng * Tập truyện ngắn: Sống Đời
- Tác phẩm sắp xuất bản: Tập truyện ngắn * Chiếc Nón Bài Thơ.
- Hiện là: Giám Đốc Nhà xuất bản Sống Đời.
- Hội viên Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại/ Trung Tâm Tây Bắc Hoa Kỳ.
- Hiện định cư tại: Oakland, California Hoa Kỳ.

TÌNH YÊU

Minh Anh

Mùa Xuân hải ngoại với hoa thơm khoe sắc thắm, xác pháo hồng ngập tràn lối đi. Tuấn tiến vào Hội Tết với tâm hồn trải rộng chào đón chúa Xuân. Chàng gặp lại những hình ảnh thân thương của quê hương, những phong tục tập quán dễ thương, tất cả đã đem Tuấn trở về với nhiều kỷ ức xa xăm của tuổi ấu thơ.

Bên trong Hội Tết, các gian hàng trang trí đẹp mắt, gian hàng báo chí trưng bày đầy đủ các loại sách báo, gian hàng thương phế binh, gian hàng cao niên... Cạnh các gian hàng xin xăm và bầu cua là gian hàng của các Tiểu bang xa bày bán các mặt hàng lưu niệm. Tuấn qua lại nhiều lần trước gian hàng Hawaii, ngập ngừng muốn hỏi nhưng lại thôi. Hình ảnh người đàn bà đứng bán hàng bên cạnh cô gái trẻ, có nét hao hao giống với người vợ của bạn chàng trong đơn vị Biệt kích. Tuấn phân vân vì người đàn bà này tuy khuôn mặt có nhiều nếp nhăn, nhưng đôi mắt thì đúng là đôi mắt của chị, lúc nào cũng như mặt nước hồ thu, ướt buồn ẩn hiện làn hơi sương của một nỗi u sầu. Khi chàng trả tiền, chị ngẩng đầu lên bắt gặp ánh mắt của người đàn ông đang chăm chú nhìn mình, chị lại cúi đầu xuống. Tuấn cất tiếng đánh tan sự ngỡ ngàng:

- Tôi có một người quen rất giống chị.

- Chú Tuấn phải không ?

Tiếng nói của chị quen thuộc như âm thanh năm nào chàng cùng chồng của chị trở về sau những năm tháng dài công tác trong lòng đất địch. Niềm vui gặp gỡ bùng lên sau bao nhiêu năm trời lưu lạc với các câu hỏi và trả lời, về cuộc sống hiện tại của chị với cửa hàng ăn uống ở Hawaii, với cháu Ngọc Lan đang theo học năm cuối của ngành Y khoa. Tuấn không ngờ câu hỏi tiếp của chàng mang lại nỗi đau xót như đám mây đen chụp

xuống trên tâm hồn của hai mẹ con chị Lành.

- Chị có biết anh Lành chết trong trường hợp nào không?

Bao nhiêu năm trời xa cách người chồng yêu dấu, chị thường an ủi con, ba con có chuyển đi công tác dài hạn, nhưng chưa bao giờ chị cho con câu trả lời giải tỏa ẩn số về chuyển đi biệt tích của chồng mấy chục năm qua chưa thấy trở về. Ngày đêm tâm tư khép kín, u sầu rĩ rượi, chỉ có thanh âm rì rào của sóng biển Hawaii vỗ về. Nửa đêm thức giấc chị thì thầm tên chồng cho đỡ nhớ. Chị kể cho con nghe cuộc đời binh nghiệp hào hùng nhưng âm thầm của người lính Biệt kích. Chồng chị thật xứng đáng là người trai thời loạn với biết bao nguy hiểm đang đợi chờ khi nhảy xuống đất Bắc xâm nhập vào lòng địch. Chị tin chồng chị rất am tường những bài học mưu sinh thoát hiểm mà Trung Tâm Huấn Luyện Yên Thế đã dạy cho chàng. Rồi những khóa chiến tranh ngoại lệ, cách phá hoại, đào tẩu trong cơn nguy cấp... đều là những bài học nằm lòng, làm sao chồng chị có thể bị giết hay bị bắt được. Chị tự tìm câu trả lời để an ủi bản thân và để sống qua ngày. Chị mơ tưởng một ngày tái ngộ. Chồng chị nhất định sẽ sống sót và sẽ trở về !

Tuấn nhìn cặp mắt mở rộng ngạc nhiên, hốt hoảng của chị. Sắc mặt chị tái dần, rồi toàn thân từ từ rũ xuống. Giọng Tuấn vang lên buồn thảm:

- Chị ơi, tôi là người đã vuốt mắt cho anh Lành trong một trại tù cải tạo ở ngoài Bắc.

Hai mẹ con chị Lành gục đầu vào nhau, tiếng khóc âm thầm trong bao năm trời xa cách, giờ thốn thức khóc nức thành tiếng. Có ai hiểu được nỗi lòng cô đơn của người thiếu phụ trẻ. Tình yêu trang đầu mới hé mở đã là trang cuối của thiên tình sử nào nùng. Tám năm trời cưới nhau chỉ có tám lần gặp gỡ. Con chào đời chưa tròn bốn tuổi là nàng đã phải dẫn con xuống thuyền vượt biên. Hành trang của nàng là chiếc nhẫn cưới trong một buổi lễ đơn sơ ở nhà thờ Xóm Đạo, chiếc nhẫn được nàng nâng niu suốt bao tháng ngày xa vắng. Nàng thường nghĩ, yêu thật sự là chết cho tình yêu thiêng liêng, thể xác không là gì cả. Dù thân

thể chồng ở ngoài tầm tay nhưng tình yêu của nàng đối với chồng là tình yêu trường cửu, cao quý. Nàng đã hy sinh tuổi thanh xuân, hiến dâng tất cả cuộc sống cho chồng con. Nàng nhớ đến câu nói của chồng trong lần chia tay: “Đời anh không có gì cả, chỉ có tình yêu dành cho Thiên Chúa, cho Tổ Quốc và cho em mà thôi”. Nàng chỉ mong có ngày được sưởi ấm trong vòng tay của chồng, nhưng đâu ngờ! Nàng lau nước mắt, thở dài ngao ngán.

Giọng Tuấn trầm buồn, kể tiếp:

- Hôm đó là đêm cuối đông năm một chín bảy hai, trời lạnh buốt, gió thổi mạnh, toán chúng tôi gồm mười hai người được trang bị đầy đủ vũ khí, đạn dược, truyền tin và lương thực để nhảy vào đất địch. Anh Lành làm trưởng toán, còn tôi phó toán. Địa điểm chúng tôi nhảy xuống là một ngôi làng nhỏ ở vùng Thượng du Bắc Việt. Vì thời tiết quá xấu, thay đổi quá nhanh ngoài sự dự liệu của các chuyên viên khí tượng, chúng tôi không tìm ra tổ chống đối dưới đất của những người bất mãn chế độ hỗ trợ cho chúng tôi. Thay vào đó, chúng tôi lại rơi vào bẫy phục kích của kẻ thù. Anh em chúng tôi chiến đấu dũng cảm, nhưng đạn dược mang theo cạn dần trong khi quân địch quá đông. Chúng tôi đã phải sử dụng đến những quả lựu đạn “mini” cuối cùng để tìm cách vượt khỏi vòng vây nhưng vẫn không thoát. Chúng tôi bị bắt làm tù binh và bị nhốt mỗi người ở một trại khác nhau. Một hôm chúng tôi được loan báo là sẽ đón nhận thêm trại viên mới, nhưng sau đó, cùng với tiếng hô “trốn trại” là nhiều phát súng nổ. Bọn chúng đã bắn chết anh Lành. Anh đã lợi dụng lúc chuyển trại để trốn chạy, nhưng kiệt sức vì ăn không đủ no, bệnh tật hành hạ, thân thể ốm yếu, anh không thoát nổi bàn tay tàn bạo của chúng. Chúng tôi vuột mất anh, chôn anh cạnh bụi dứa của ngọn đồi Nghĩa Lộ, Yên Bái.

Kể xong, Tuấn rút từ trong ví một mảnh giấy nhỏ đã bạc màu đánh dấu nơi an nghỉ của người anh hùng Biệt kích mang tên Lành.

Thời gian trôi nhanh, sáu tháng sau, Tuấn đang mong biết tin về chuyến về Việt-Nam của hai mẹ con chị Lành đi tìm mộ

chồng, thì nhận được thư chị Lành cho biết, dù đã cố gắng vẫn không tìm ra được nơi chôn cất của anh. Cũng trong thư này, chị mời Tuấn đến tham dự buổi trình diễn của Ngọc Lan, con chị, trong ngày Đại hội Sinh viên và sẽ cho chàng biết rõ ràng hơn về chuyến đi của chị.

Những tràng pháo bông mở rộng khoảng sáng trên bầu trời nhiều sao đêm. Ánh sáng lấp lánh tỏa rộng các màu xanh-trắng-đỏ (màu cờ Hoa-kỳ) và vàng-đỏ (màu cờ Việt-Nam Cộng-Hòa) bao phủ khuôn viên đại học. Tiếng reo hò hòa trong tiếng pháo chào mừng đêm họp mặt của hàng ngàn sinh viên Việt-Nam thuộc các đại học trên đất Mỹ kỷ niệm ngày Chính phủ và Quốc hội Hoa-kỳ chấp thuận chương trình định cư cho người Á-đông, báo hiệu giờ khai mạc đã đến. Bên trong đại sảnh đường chỉ còn vài chiếc ghế trống. Tuấn cố gắng chen chân vào gần sân khấu, nơi có màn ảnh rộng để xem cho rõ các thành phố Hoa-kỳ đã ra nghị quyết công nhận lá cờ vàng-ba-sọc đỏ là biểu tượng của người Việt tỵ nạn. Tuấn và mọi người tham dự đều xúc động, hãnh diện khi nhìn cảnh các Thị trưởng Mỹ tuyên đọc và đưa cao bản nghị quyết. Một giọng nói êm ái bên tai Tuấn:

- Hãnh diện quá phải không chú Tuấn ?

Tuấn gật đầu khi nhận ra âm thanh của một người đàn bà lúc nào cũng mang mùa đông ảm đạm đi theo mình.

- Lát nữa cháu Ngọc Lan sẽ diễn tả chuyến đi Việt-Nam qua cây đàn tranh.

- Cháu dùng âm thanh để diễn tả cảm xúc của một chuyến đi ?

Thay cho tiếng trả lời, chị Lành gật đầu. Tuấn sửa lại dáng ngồi, nhìn lên sân khấu. Ngọc Lan trong chiếc áo dài màu vàng thêu hoa mai, đang khoan thai tiến đến cây đàn tranh được đặt giữa sân khấu. Vóc dáng của nàng cao ráo, trang nhã như một người mẫu thời trang. Nàng cúi đầu chào cử tọa rồi lướt nhẹ những ngón tay búp măng trên phím đàn. Âm thanh đàn tranh réo rắt, lúc cao lúc trầm tựa hồ chất chứa tất cả những nét cao quý của quê hương và dân tộc Việt-Nam. (Đối với Tuấn, chàng

vẫn thích tiếng đàn tranh hơn tiếng vĩ cầm, vì tiếng đàn tranh phát ra nhiều âm hưởng, tỏa được cái sâu sắc của âm điệu ngũ cung, diễn tả rõ nét tâm trạng của con người nơi trần thế hay nhắc nhở con người lên cao). Ngọc Lan đang đưa người nghe về thăm những cánh đồng lúa chín, nghe tiếng gàu tát nước đêm trăng, tiếng sáo diều đê mê huyền hoặc. Xa xa, những con sông rạch chỉ chút với tiếng sóng vỗ nhẹ lên mạn thuyền, tiếng sóng biển gầm thét như muốn cuốn phăng đi rác rưởi của một thời đại lầm than.

Vừa thưởng thức âm thanh độc đáo từ cây đàn tranh, Tuấn vừa miên man suy nghĩ: Trong nghệ thuật, dù âm nhạc hay văn, thơ, họa, tất cả mọi cảm xúc đều phát ra từ con tim. Ngọc Lan với tâm hồn đơn sơ trong sáng, diễn tả được cái đẹp lãng mạn, cái nét hùng vĩ của quê hương, giúp chúng ta hướng tâm hồn chiêm ngưỡng kỳ công của Đấng Tạo Thành. Sau những âm thanh lơ lửng của đồng quê trong mùa lúa chín, giờ đây âm thanh bỗng lên cao vút, lướt nhẹ theo dãy Trường Sơn, uốn cong theo những triền đồi thoải thoải điểm màu hoa sim tím lẫn nhụy thông vàng. Bất chợt tiếng đàn chùng xuống, trầm buồn như tiếng thở than từ Hòn Vọng Phu của người thiếu phụ ngóng trông chồng biển biệt ra đi, không hẹn ngày trở lại.

Ngọc Lan lau nước mắt, kết thúc bản nhạc trong bài ngùi xúc động, nhớ đến người cha đã hy sinh cho Tổ quốc. Ngọc Lan chưa bao giờ và vĩnh viễn không bao giờ thấy được khuôn mặt người cha thân yêu. Tất cả mọi người đồng loạt đứng lên vỗ tay tán thưởng Ngọc Lan. Vài phút sau, Ngọc Lan tiến đến ghế ngồi của mẹ và Tuấn.

- Chú Tuấn thấy cháu đàn như thế nào ?

- Thật xuất sắc. Nhưng khi cháu diễn tả tiếng chuông ngân dài trên quê hương, chú thấy âm thanh chùng lại như đứt quãng. Phải chăng trong chuyến về Việt-Nam cháu đã thấy được cái khúc mắc trong vấn đề tự do tín ngưỡng ?

Ngọc Lan nhìn vào khoảng không trước mắt, hồi tưởng lại chuyến đi, những nơi chùa chiền nhà thờ nàng đã có dịp đi qua

để nghe tiếng chuông ngân vang trong nỗi u uất đau buồn của quê hương. Từng hồi chuông ngân dài tựa hồ muốn thức tỉnh những ai đang đưa con người rời xa Thượng Đế, rời xa đạo làm người bằng những hành động tàn bạo như bắt bớ, cầm tù các vị lãnh đạo tinh thần. Một bầu không khí ảm đạm đang bao trùm Quê hương ! Nghĩ đến đó, Ngọc Lan nói:

- Cháu nghĩ con tìm mọi người cần biết rung động trước lẽ phải, biết tôn trọng phẩm giá con người, biết giải thoát con người khỏi tội lỗi u mê. Bồn phận của con người là phải biết sống công bằng, bác ái, biết tìm ra chân lý để tôn thờ. Con người không thể để lục căn thấp hèn kéo xuống, không thể củng cố quyền lợi và địa vị bằng cách chà đạp phẩm giá của cả một dân tộc.

Nhìn các bạn trẻ chung quanh, Ngọc Lan nói tiếp:

- Cháu và các bạn luôn luôn nhớ đến những người đi trước như chú và ba mẹ cháu cũng như biết bao anh hùng chiến sĩ đã hy sinh cuộc đời mình để chúng cháu có được những gì tốt đẹp như hôm nay. Con tim của giới trẻ chúng cháu luôn luôn có những suy tư khắc khoải về bản thân, quê hương và thế giới. Chúng cháu có ý chí vươn lên, học hỏi, tìm hiểu những điều mới lạ, muốn đem những hiểu biết của mình giúp đời giúp người bằng một tình yêu chân thật. Đó cũng là lý do tại sao cháu chọn ngành Y khoa.

- Và cháu đã chọn cây đàn tranh làm bạn ?

Ngọc Lan nhìn Tuấn mỉm cười, trả lời:

- Ba năm qua, cháu dùng tiếng đàn để tâm sự cùng Quê hương và nhắn gửi đến ba con đang ở một nơi nào đó trên quả địa cầu. Có một động lực nào đó đã thúc đẩy chúng cháu dành tình yêu sâu đậm cho Quê hương. Trong ngành âm nhạc, càng học hỏi, nghiên cứu, cháu càng thấy các nhạc cụ của Việt-Nam tuy thô sơ nhưng rất độc đáo. Thêm vào đó, cung điệu của lời ca tiếng hát cũng giúp con người thêm phấn chấn, quên đi những đau khổ tủ nhục để hăng hái vươn lên.

- À, chú thấy cử tọa đứng dậy vỗ tay nhiều lần khi cháu đàn

vọng cổ rồi dùng tiếng đàn thay thế các điệu hò hoặc tiếng ru con của ba Miền. Tiếng đàn của cháu thật là điêu luyện.

Đêm về khuya, sân trường đại học vắng lặng. Bây giờ đến phiên chị Lành kể về chuyến đi tìm mộ chồng.

- Lúc mẹ con tôi đến nơi theo bản đồ chú cho, dù đã cố gắng lục lọi tìm kiếm, chúng tôi không thấy bụi dứa, chỉ thấy cây cỏ mọc um tùm. Đang lúc lo âu đau buồn, chúng tôi gặp một cụ già râu tóc bạc phơ. Cụ ngược mặt nhìn trời rồi nhắc lại câu Kinh Thánh: “Phúc thay ai bị bách hại vì sự công chính, vì Nước Trời là của họ”. Sau đó cụ nhìn chiếc nhẫn rồi nhìn mẫu Thánh giá tôi đang đeo, cụ hỏi:

- Có phải chiếc nhẫn con được đeo trong lễ cưới tại nhà thờ, phải không?

Tôi gật đầu. Ông cụ nói tiếp:

- Các con đã được ơn trên ban cho tình yêu, đó là tình yêu đích thực bền vững đời đời ở Nước Trời, một tình yêu thật sự liên kết hai người với Thiên Chúa. Sau này, một lúc nào đó con sẽ được Ngài gọi về và con sẽ gặp chồng con ở cõi Thiên đàng. Các con đừng buồn sầu khóc than nữa, mà hãy nhìn tương lai trước mặt để đi nốt đoạn đường trần gian. Phải luôn luôn cầu xin bình an và nuôi dưỡng hy vọng.

Giữa núi đồi trùng điệp, lời ông cụ như dòng suối mát giải tỏa được phần nào nỗi nhớ thương đang chất chứa trong lòng hai mẹ con chị Lành. Chị và con ra về, lòng bớt nặng trĩu muộn phiền. Giờ chị đã hiểu tình yêu Thiên Chúa là chân lý vĩnh cửu. Được sống đời đời ở Nước Trời là diễm phúc, còn cõi trần gian chỉ là tạm bợ. Chị nhìn lên trời cao thấy mây đen đang từ từ trôi vào khoảng không gian vô tận. Chị mỉm cười. Ngày mai trời lại sáng.



NGUYỄN ÁI LỮ

- Tên thật: Nguyễn Duy Nhâm, bút hiệu: Nguyễn Ái Lữ.
- Sinh năm: 1933, tại Hà Nội.
- Viết văn – Sĩ quan ngành CTCT. Hội viên Văn Bút/VNCH trước năm 1975.
- Định cư tại Oakland, California.
- Tác phẩm đã xuất bản trước năm 1975:
 - * Sóng Gió (tập truyện) * Đường Tự Do (tùy bút xb1965)
 - * Ngõ Hẹp (tập truyện xb1958)
 - * Gió Nổi Cát Bay (truyện dài xb1966)
 - * Đi Trên Nỗi Buồn (tập truyện xb1969, có tái bản)
 - * Xuôi Giòng (truyện dài xb1971) .

Tác phẩm xuất bản sau năm 1975:

- * Lửa Hương (tập truyện và thơ xb1999)
- * Tuyết Hoa (tập thơ xb 2002) .

Tuyển tập thơ đã tham gia:

- * 2 tuyển tập thơ của Thi Đàn Lạc Việt .
- * 2 tuyển tập thơ Anh ngữ của The International Library of Poetry 2002.

ĐOÁ HỒNG NHUNG

Nguyễn Ái Lữ

Sau cơn mưa chiều, con đường Nguyễn Thái Học mát lạnh. Hàng cây me thẫm dần trước mầu hoàng hôn vàng ửng ở phía tây. Mấy chục năm về trước, Hưng đã quen thuộc với con đường này; bây giờ thì nó xa lạ đến ngỡ ngàng vì mầu vôi của các căn nhà đã bạc thếch, hàng quán mở đầy trên vỉa hè làm mất vẻ trầm lặng của dãy phố. Mùi long não thơm hoắc bên đường đưa chàng trở về với những buổi trưa chàng đi học qua con đường có mùi thơm này, một con đường mà những vết chân lịch sử chưa bị xoá mờ trong ký ức chàng.

Hưng trầm nghĩ:

-Mùi long não không thay đổi, vẫn thơm hắc như ngày trước.

Chàng lại nhớ đến Thuần, đến những lúc hai người đi xe đạp bên nhau sau giờ tan học, trước khi nàng về tới nhà. Hồi đó mái tóc đen lánh của Thuần sau lưng áo dài mầu trắng trông đẹp đến mê hồn, còn đẹp hơn cả thứ *tóc mây* mà các ông nhà thơ, nhà văn thường ca tụng. Hưng cũng thấy mê mái tóc ấy từ khi Thuần mới xuất hiện ở trong lớp vào đầu niên học. Nhưng mái tóc đẹp đã làm Thuần khổ sở không ít. Vào giờ văn, trong lúc giáo sư giảng Kiều thao thao bất tuyệt như lôi cuốn các nữ sinh ngồi dãy bàn trên, mấy cậu học sinh ngồi dưới tung những trái ké khô lên tóc mấy cô, trong đó có

Thuần là người hứng nhiều nhất vì mái tóc dài. Những trái ké nhỏ có gai khi đã bám vào tóc thì khó gỡ, nên sau giờ tan học, các cô phải đứng lại trong sân trường mười phút để gỡ ké cho nhau. Ấy vậy mà tóc Thuần vẫn còn dính hai trái ké. Hưng đến bên cạnh nàng, vui vẻ nói:

- Để tôi gỡ giùm. Gai ké có thể làm chảy máu tay người đẹp cơ đấy.

Thuần ngượng ngùng nhìn Hưng. Nàng đỏ mặt nói:

Mấy cậu nghịch ác quá. Ai lại ném cả chùm ké lên đầu mình.

Hưng vừa giơ tay gỡ ké, vừa cười nói:

- Học sinh bây giờ tinh quái lắm. Lần sau Thuần cứ quàng cái khăn voile lên đầu là yên chuyện.

Thuần hé đôi môi mỏng để lộ hàm răng trắng như ngà, mỉm cười bảo:

- Quê lắm. Ai lại ngồi trong lớp mà chùm voile như bà lão. Thiên hạ chế mình cho bằng thích.

Hưng gật đầu bảo:

- Ừ nhỉ. Thôi cứ để tóc như thế này cho thiên hạ ngắm.

Họ chỉ trêu các cô cho giờ văn đỡ buồn tẻ đấy thôi.

Hưng đưa Thuần ra ngoài cổng trường, rồi đạp xe từ phố Hàng Than theo nàng về đến đường Nguyễn Thái Học. Không thấy cậu nào theo sau nàng để trêu chọc, chàng cảm thấy yên tâm. Thuần biết Hưng ở phố Hàng Đũa gần nhà mình, nên thỉnh thoảng hai người lại gặp nhau trên đường đi học.

Bây giờ cũng trên quãng đường có mùi long não này, qua khu Văn Miếu có những cây cổ thụ, Hưng chẳng thấy bóng dáng Thuần đâu. Chàng tạm quên những điều làm vẩn tâm trí chàng, như chiến tranh, tù đầy và những mặc cảm về mình để thu nhận những gì đang diễn ra ở quanh chàng. Chàng muốn nhìn lại một Hà Nội cũ, một Hà Nội mà mình đã sinh ra và lớn lên với những hoài bão thiết tha của tuổi trẻ. Chàng cũng muốn được thấy tận mắt cô bạn học ngày xưa bây giờ thay đổi ra sao và suy nghĩ thế nào về cuộc sống. Những phút rung động đầu đời mà Thuần đem lại cho chàng cũng là những kỷ niệm khó quên của thời học sinh, thời mà những ước mơ bắt đầu cất cánh.

Trái với điều chàng nghĩ khi chưa nhìn thấy Hà Nội; thành phố bây giờ nhếch nhác và ảm đạm như bị bỏ quên sau mấy chục năm chiến tranh, buồn hơn cả lúc chàng từ giã nó

để vào Nam. Có lúc chàng ngờ vực con mắt mình, nhưng càng nhìn thì Hà Nội càng cũ đi nhiều, già đi nhiều và thiếu náo như một con bệnh thiếu máu.

Đến một căn nhà góc đường, Hưng dừng chân lại, ngó vào bên trong, rồi cứ đi đi lại lại vài lần như chờ xem có bóng dáng cô bạn học cũ của mình xuất hiện không.

- Nhà Thuần ở đây. Hưng nghĩ thầm trong đầu.

Vẫn cái cổng sắt cũ, hàng lan can thấp bám đầy rêu, có chỗ lớp vữa bên ngoài bị mưa gió bóc trần, trơ cả lớp gạch bên trong. Ngoài trời, ánh sáng cuối cùng của buổi chiều còn đọng trên tàng cây cao. Hưng chợt thấy một người đàn bà khoảng trung niên, khuôn mặt trái xoan, nước da trắng mịn, dáng người mảnh khảnh như Thuần, đang bước ra cửa.

Chàng chào bà ta rồi hỏi:

- Tôi hỏi thăm đây có phải là nhà cô Thuần ?

Người đàn bà ngạc nhiên hỏi chàng:

- Ông là ai ?

- Tôi là bạn học cũ của cô ấy, từ trong Nam ra đây.

Như chợt nhớ ra hình ảnh của Hưng ngày nào, người đàn bà đổi giọng, thân mật nói:

- Tôi là chị của Thuần. Thuần bây giờ ở khu chung cư Kim Liên. Để tôi cho địa chỉ nhé.

Người đàn bà đi vào trong nhà. Hưng cũng vừa nhớ ra chị Hạnh mà chàng đã gặp ở căn nhà này đôi lần. Một lát sau, chị Hạnh đi ra và trao cho Hưng một mẩu giấy có ghi địa chỉ của Thuần. Chị kể:

- Tôi vừa ở trong Nam ra đây thăm ba tôi. Tôi đã vào làm việc cho cơ quan tài chánh ở trong đó. Nhà tôi ở khu cư xá Mạc Thị Bưởi, gần đường Đồng Khởi, chú biết chỗ ấy chứ ?

- Tôi biết nơi chị ở. Ngày trước đường Đồng Khởi là đường Tự Do. Thế chị vào Nam đã lâu chưa ?

- Được hai năm.

- Còn cô Thuần thì sao ?

- Thuần ở ngoài này, đã có chồng và hai con.

Chị Hạnh vừa nói dứt lời, Hưng tỏ ý ngại ngùng:

- Tôi đang phân vân không biết có nên đến thăm Thuần không ?

Chị Hạnh ân cần nói:

- Chú đã cất công từ trong Nam ra đây mà không đến thăm Thuần thì uổng quá. Vả lại Thuần có lần nhắc đến chú đấy.

Nghe giọng nói chân tình của chị Hạnh, Hưng như được khuyến khích đến thăm Thuần. Chàng sẽ đến thăm nàng với tình bạn ngày xưa, với người cùng khu phố, mà chuyện gia đình sẽ không là một yếu tố ngăn cách giữa hai người. Nghĩ như vậy, chàng nói với chị Hạnh:

- Vâng, thế nào thì tôi cũng đến thăm Thuần theo lời chị.

Hưng chào chị Hạnh rồi bước đi. Chị đợi chàng đi khỏi rồi mới trở vào trong nhà.

Ngày xưa, Thuần chơi đàn piano trong căn nhà chàng vừa được nhìn lại. Trời vào cuối thu, nàng dạo bản nhạc Đêm Đông của nhạc sĩ Nguyễn Văn Thương nghe buồn đến nỗi lòng người đánh đàn lẫn người nghe. Không chỉ nghe những nốt nhạc rót sâu vào lòng mình mà Hưng còn chăm chú nhìn các ngón tay mềm mại của Thuần nhảy múa trên phím đàn. Hình ảnh ấy đến nay vẫn còn in rõ trong tâm khảm chàng.

Hưng vào quán cà phê ở cuối đường Sinh Từ ngồi hút thuốc. Chàng không còn nghĩ đến Thuần mà để ý đến những người ngồi uống cà phê xung quanh. Họ cũng chỉ như chàng, lặng lẽ nhìn khói thuốc bay lớn vờn trong căn nhà nhỏ vàng vọt ánh đèn. Nếu ở trong một quán cà phê Saigon thì không khí ồn ào khác hẳn. Ý tưởng của chàng bị cắt ngang lúc chàng nhớ đến lời bà mẹ nói vào hôm trước:

- Tôi có gặp cô Thuần một lần ở đầu phố, lúc cậu đã đi rồi. Cô ta bảo anh Hưng hiền. Suýt nữa thì con là con dâu của mẹ

đấy. Tôi không hiểu rõ cô ta nói thật hay đùa, làm cho tôi cứ băn khoăn mãi. Nghe câu nói của mẹ, Hưng cảm thấy trong lòng áy náy một cách khó hiểu. Chàng đâu cố ngờ Thuần muốn chàng tiến tới, mà chàng lại ngập ngừng dừng bước như sợ mình không với tới những ước vọng của nàng. Chàng lại nghe phong thanh có một sinh viên đến làm quen với nàng, nhưng chàng không hiểu giữa hai người có tình ý gì không. Thế rồi nàng cứ chờ đợi mà không thấy chàng đến một cách thiết tha như lúc ban đầu. Chắc hẳn nàng trách chàng có vẻ rụt rè, chỉ yêu nàng có một nửa, không chiếm trọn trái tim nàng vì không hiểu được tâm hồn nàng, hay lại có ý ngờ vực nàng cũng nên.

Chiều hôm sau, Hưng thuê bác xích lô chở mình đến khu nhà tập thể Kim Liên. Hà Nội vẫn tràn đầy ánh nắng thu nhưng mất đi những nét thơ mộng. Những chiếc nón cối, áo bốn túi màu xanh rêu trên thân hình các thiếu nữ đã thay thế những mái tóc trần và tà áo dài tha thướt của những thiếu nữ thời xưa. Hưng cảm thấy lạc lõng khi những màu sắc tươi tắn và nếp sống cũ quen thuộc với mình đã biến mất. Qua hình ảnh chị Hạnh mà chàng mới thấy lại hôm qua, chàng có cảm tưởng cuộc sống đã làm chị mau già với mấy nếp nhăn trên trán. Ý nghĩ này làm chàng liên tưởng đến Thuần; đến thời gian và cuộc sống gian truân đang tàn phá nhan sắc của cô nữ sinh đẹp có tiếng ngày nào. Hai chị em có những nét hao hao giống nhau, từ khuôn mặt trái xoan đến dáng người mảnh khảnh, chỉ khác nhau ở mái tóc, chị cắt tóc ngắn từ thời con gái, còn em để tóc dài. Sau bao nhiêu năm ly cách, chàng không thể hình dung ra sự thay đổi mái tóc của Thuần vào lúc này.

Đọc đường có nhiều xe đạp và xe gắn máy, nhiều hơn cả thời Hưng còn sống ở Hà Nội. Người dân các tỉnh đổ về đây làm cho Hà Nội xô bồ, đường phố chật chội và ngột ngạt. Khi bác xích lô dừng xe trước con đường nhựa dẫn vào khu tập thể Kim Liên, mồ hôi bác vã ra trên vầng trán sạm đen. Con đường từ nhà Hưng đến đây khá xa, bác xích lô ngồi thở dốc trên yên xe. Hưng trả tiền cho bác rồi bước vào khu tập thể,

trong tay chàng có gói trà Blao làm quà cho Thuần. Tới nhà số 5 khu A, Hưng dừng chân lại. Vài chiếc lá bàng khô chạy loảng quăng quanh chiếc ghế đá ngoài hiên. Chàng gõ cửa trong giây lát thì Thuần bước ra. Nàng ngẩng người nhìn Hưng nhưng cũng nhận ra người bạn học cũ. Chàng ôn tồn nói:

- Nhờ chị Hạnh cho địa chỉ, tôi mới biết Thuần ở đây.

Thuần già đi nhiều, mái tóc nàng cắt ngắn làm chàng ngạc nhiên. Tuy vậy ở nàng vẫn còn đôi chút duyên dáng. Nàng cười tươi bảo Hưng:

- Thế là anh đã gặp chị Hạnh rồi. Mời anh vào nhà.

Hưng nhìn Thuần, khẽ hỏi:

- Anh ấy có nhà không ?

Thuần gật đầu bảo:

- Nhà tôi có nhà. Để tôi giới thiệu anh với nhà tôi.

Khi Hưng ngồi xuống ghế trước chiếc bàn mây tròn, Thuần đổi ý:

- Nhà tôi mất trí, nên tôi có giới thiệu anh thì nhà tôi cũng chẳng phán đoán anh là ai.

Rồi nàng kể tiếp:

- Anh ấy ở trong phòng, quanh quẩn với đồng sách vở hết cả ngày. Cũng có lúc anh ấy ra ngồi trên chiếc ghế đá mà tâm hồn cứ để ở mãi đâu.

Hưng tò mò hỏi:

- Anh ấy làm gì ?

Thuần chậm rãi đáp:

- Giáo sư. Viện sĩ.

Nói xong, Thuần rót nước trà ra chiếc tách nhỏ mời Hưng. Chàng chợt thấy chiếc đàn piano cũ để ở góc phòng. Sau khi hỏi chuyện về gia đình Hưng, Thuần dăm chiêu kể:

- Khi anh đi Nam rồi, tôi vào sư phạm. Nhà tôi ở Thanh ra gặp tôi. Sau đó anh ấy đi Liên Xô lấy bằng tiến sĩ rồi về làm công tác nghiên cứu. Được một thời gian thì anh ấy mất trí,

phải về hưu non. Có điều lạ là căn bệnh đã thay đổi con người anh ấy; lãnh đạm và thờ ơ với cuộc sống xung quanh. Có lần anh ấy tâm sự với tôi là người ta giao cho mình công tác nghiên cứu chủ nghĩa Mác mà mình không tìm ra lối giải quyết hợp lý cho sự thay đổi xã hội, chỉ dựa vào sách vở thì không khác gì anh xẩm. Bây giờ đám mây mù đã bao vây não bộ anh ấy rồi; người ta chẳng cần đến anh ấy nữa. Đôi lúc tôi cũng cảm thấy buồn cho nhà tôi. Một tài năng đã bị mai một.

Hưng thấy đôi mắt Thuần nhìn xuống như để che dấu nỗi buồn của chính nàng. Chàng khẽ hỏi:

- Thế còn hai người con của Thuần ?

- Các cháu đã học xong đại học, cháu trai vào Nam làm việc, còn cháu gái ở ngoài này với chúng tôi.

Hưng nhấp một ngụm trà nóng hơi chát, rồi nhìn Thuần nói:

- Tôi có gói trà Blao tặng Thuần và ông xã.

Nét mặt Thuần trở lại vui vẻ. Nàng bảo:

- Chị Hạnh mỗi lần về phép cũng mang theo trà Blao về làm quà. Ba tôi đã già lắm rồi, chỉ còn làm bạn với trà và mấy chậu lan.

Hưng nhớ ba của Thuần ngày xưa là ông giáo dạy trường tiểu học, tính tình vui vẻ, điềm đạm. Chợt Thuần nhìn Hưng, thắc mắc nói:

- Tôi tưởng anh không còn ở lại miền Nam.

Hưng phân trần:

- Tôi còn vướng mắc chuyện gia đình. Tương lai thì chưa biết thế nào.

Hai người nhắc lại chuyện ngày xưa, thừa còn đi học trung học. Hưng bỗng hỏi đùa Thuần một câu:

- Nếu phải làm lại từ đầu, Thuần sẽ làm gì ?

Thuần cười bảo:

- Giữ lại mái tóc dài. Tôi đã phải cắt mái tóc khi họ về

tiếp quản Hà Nội. Tôi tiếc mái tóc thời đi học vô cùng.

Hưng bùi ngùi nói:

- Tôi cũng cảm thấy tiếc vì đã được đặt tay lên mái tóc Thuần để gỡ hai trái ké.

Thuần mỉm cười làm Hưng nhớ lại nụ cười tươi của nàng ngày xưa như vừa thoáng hiện qua làn môi mỏng.

Rồi chàng nói tiếp:

- Thuần còn giữ được chiếc đàn piano.

- Vâng, nhưng để cho con gái học đàn. Tôi không còn biết dạy đàn cho ai nghe nữa.

- Còn một điều tôi muốn hỏi Thuần.

- Điều gì, Thuần sẵn sàng trả lời.

- Thuần nghĩ gì về cuộc chiến đã qua, theo ý nghĩ của riêng mình ?

Biết Hưng ngày trước có viết văn, viết báo với mấy người bạn trong lớp, Thuần chưa chút đáp:

- Chẳng giải quyết được gì, còn gây bao cảnh ly tán. Hưng đồng ý chứ ?

Hưng trầm ngâm ngó Thuần. Nàng khẽ thở dài:

- Chị Hạnh có một đứa con mất tích ở trong Nam.

- Vậy à.

Lúc đó người chồng của Thuần từ trong phòng bước ra. Ông ta gầy gò, mái tóc bạc không chải chuốt, vẻ mặt dờ dẩn. Hưng chào ông ta; Thuần giới thiệu chàng là bạn của gia đình song ông ta chỉ gật đầu mà không nói năng gì. Sau đó ông ta lại bước vào trong phòng. Thuần rót tách nước trà đem vào phòng cho chồng. Lúc trở ra, nàng phàn nàn với Hưng:

- Tội nghiệp, nhà tôi sống như một cái bóng !

Hưng không biết nói gì để an ủi Thuần. Chàng uống cạn tách nước trà rồi bảo nàng:

- Tôi phải về. Được gặp lại Thuần hôm nay là điều tôi không thể ngờ tới.

Thuần cảm động nói:

- Tôi cũng cảm thấy như thế.

Hưng nhìn vào phía trong, rồi nhỏ nhẹ nói:

- Cho tôi gửi lời từ biệt anh ấy.

Nét mặt Thuần có vẻ xúc động. Nàng gượng cười bảo:

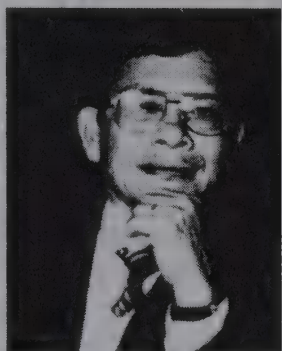
- Tôi gửi lời thăm chị và các cháu.

Thuần tiễn Hưng ra ngoài cửa. Nàng đứng dựa vào chiếc ghế đá, nơi thỉnh thoảng người chồng ra ngồi ngắm cảnh trời mây. Có lẽ một nguồn xúc cảm nào đó len lỏi vào tâm hồn làm đôi má nàng đỏ hây hây.

Hưng đứng nán lại trong giây phút. Chàng thấy Thuần đứng yên lặng như chờ đợi một cử chỉ âu yếm; một cái hôn bên má hay một cái bắt tay nồng nàn. Chàng chợt nhớ nụ hôn đầu tiên chàng đặt trên má nàng khi hai người rủ nhau vào làng Ngọc Hà mua hoa cho ngày tết. Đó là dịp hai người đi với nhau được lâu mà không ai để ý, và có được những bông hoa đẹp mua tại vườn của người trồng hoa.

Bước vào vườn hồng, Hưng ngắt một bông hồng nhưng đỏ sẫm trao cho Thuần, rồi nhẹ nhàng hôn bên má nàng. Trời tháng chạp trở lạnh mà má Thuần cảm thấy nóng bừng. Nàng đợi cho Hưng chọn một bó hồng nhưng cho nàng và một bó cẩm chướng cho chàng, rồi bẽn lèn theo chàng ra về. Đây cũng là cái kỷ niệm sâu xa nhất mà hai người giấu kỹ ở trong lòng cho đến giờ phút này. Cho nên Hưng cố nhín lòng mình, không muốn lập lại cái cử chỉ âu yếm cũ, dù chỉ là cái nắm tay, mà cốt để cho Thuần có cơ hội hồi tưởng như chàng.

Đi được một quãng, Hưng ngoảnh lại thấy Thuần còn đứng cạnh chiếc ghế đá. Những chiếc lá bàng khô vẫn lác đác rơi xuống lề đường vắng, âm thanh nghe rời rạc, khô khan vào lúc chiều xế bóng.



NGUYỄN PHÚC SÔNG HƯƠNG

- Sinh quán: Huế.
- Bút hiệu: NGUYEN PHUC SONG HUONG
- Hoạt động văn học 1960- 1965:
 - * Vùng tử nhục (tập truyện, xb 1965)
- Tại hải ngoại từ: 1991- 1998, góp mặt trong các tuyển tập
 - * Cùm Hoa Tình Yêu 1, 2, 3. * Gửi Người Dưới Trăng.
 - * Tiếng Thơ Thời Lưu Lạc.
 - * Tuyển tập Đường Xuôi Nẻo Ngược.
 - * Tác phẩm thơ Anh ngữ: Among People (xb 1995)
 - * Giải nhất thi thơ mùa hạ 1994.
 - * Giải Diamond Homer 1995.
- Nhiều thơ văn đăng trên các báo khác nhau.
- Hội viên hội International Society of Poets.
- Tổng Thư Ký Hội Thơ Tài Tử Việt Nam.
- Hiện định cư tại California.

TRĂNG TRÊN SÔNG HƯƠNG

Nguyễn Phúc Sông Hương

Chuyến xe ngựa có tám hành khách, hai thầy trò như thư sinh lên sau nên ngồi phía ngoài cùng, đối diện với hai bà cháu, cô cháu khoảng tuổi trăng tròn trong chiếc áo dài lụa màu mỡ gà khiêm tốn, khiến vẻ đẹp dịu dàng phúc hậu của khuôn mặt trái soan càng dịu dàng hơn.

Cỗ xe ngựa không chạy nhanh vì hình như gã xà ích vẫn đang còn ngây ngậy với hương vị điều thuốc Lào vừa hút bước lên chỗ ngồi của mình. Hoặc là gã không muốn vội vàng trong một buổi sáng đẹp trời với gió thu nhẹ nhẹ và nắng ấm đang rải vàng con đường dọc theo sông Hương, từ bến chợ Phú Xuân đến chùa Thiên Mụ.

Có lẽ vì thức dậy quá sớm để đưa hàng cho kịp phiên chợ nên bốn người đàn bà ngồi phía trong cứ ngủ gà ngủ gật. Hai bà cháu và hai thầy trò thư sinh trông có vẻ thoải mái bởi không khí trong lành buổi ban mai. Cậu bé tiểu đồng lột giấy cái bánh đậu xanh mới chủ, mời bà lão và mời cô gái, nhưng ai cũng cảm ơn chối từ. Cậu ta đưa cái bánh cứng lên miệng cắn nghe kêu một tiếng. Mùi bánh đậu xanh thơm phức cả lòng xe.

Từ khi lên xe cho đến khi xe qua khỏi chiếc cầu gỗ nhỏ, hành khách chỉ thỉnh thoảng nhìn nhau, nhưng chưa ai nói lời nào. Thật ra thì chàng thư sinh nhiều lần định mở lời thăm hỏi sức khỏe bà lão để nhân đó trò chuyện với cô gái xinh đẹp, nhưng không hiểu sao chàng cứ mãi ngập ngừng. Đến lúc sắp sửa định nói thì đã quá muộn vì xe vừa qua chiếc cầu gỗ nhỏ, đến chợ Kim Long rồi dừng lại.

- Đến rồi hả con? Bà lão hỏi.

- Dạ thưa mẹ đến rồi. Cô gái trả lời nhỏ nhẹ và bước xuống bục xe.

- Mẹ cẩn thận. Cô gái nói rồi đưa tay đỡ bà lão.

Bà khom người bước xuống, một bàn chân vô tình dẫm lên vạt áo gấm dài của mình khiến bà suýt ngã về phía trước, nếu người thanh niên thư sinh ngồi cạnh cửa không kịp nhanh tay giữ bà lại.

- Mẹ, mẹ có chi không mẹ? Cô gái hoảng hốt và đưa cả hai bàn tay ra đỡ bà lão, vô tình, năm ngón tay ngọc lan của cô chạm vào lưng bàn tay người thư sinh. Cô lúng túng co tay lại, đôi má ửng hồng e thẹn.

- Cám ơn, may mà nhờ có ông. Cô gái nói trong hơi thở.

- Không có chi thưa cô. Người thư sinh nói và bước xuống xe theo bà lão.

- Ủa, thưa thầy, không phải là mình đi viếng chùa Thiên Mụ sao? Thầy nói thầy cần gặp sư trụ trì... Cậu tiểu đồng hỏi.

- Xem chợ Kim Long một chút rồi sẽ đến chùa Thiên Mụ sau. Từ đây đến chùa Thiên Mụ không xa lắm.

- Dạ! Chú bé tiểu đồng dạ, dấu nụ cười tinh nghịch.

- Cậu cũng xuống xe ở đây à? Chắc cậu phải là người quanh đây phải không? Bà lão hỏi.

- Thưa mẹ, cháu trọ ở kinh thành. Cháu định đến viếng chùa Thiên Mụ trước Tết Trung Thu vì sợ ngày Ngươn Tiêu khách thập phương đi lễ đông đúc, nhân qua đây cũng muốn ghé Kim Long cho biết.

- Nãy chừ mà quên cám ơn cậu, nếu không có cậu nhanh tay đỡ lấy thì chắc già đã bổ xuống, đè cả con cháu này. Bà lão nói vui vẻ.

- Người thư sinh mỉm cười đáp lễ bà lão rồi nhìn cô gái:

- Cũng nhờ có cô đây đứng dưới, một mình cháu chắc đỡ không lịp.

- Phải đó, nó là cháu nội gái của tui, tên Thùy Như. Ông cố nội nó trước kia có làm chức quan nhỏ dưới thời ngài Thái Tổ Cao Hoàng Đế, những đời sau này đều là dân giả làm nông,

nuôi tằm dệt lụa. Riêng cháu Thùy Như thì được cái chịu khó vừa học một ít chữ nghĩa của thánh hiền vừa dệt lụa.

- Mẹ ơi, đừng...cháu... không.

- Bà lão móm mém nhai miếng trầu vừa cho vào miệng, nở nụ cười vuốt ve cháu gái, rồi vừa đi vừa nói với chàng thư sinh đang bước song song bên cạnh:

- Thôi, thầy trò cậu đây còn phải đi Kim Long cho biết, nhà bà cháu chúng tôi ở tận trong xóm, khi nào thuận tiện mới thầy trò cậu ghé chơi. Cứ đi thẳng theo con đường đất này, khi mô thấy cái hồ bên tay phải, trên bờ có phơi lụa, nhà mẹ cháu tui ở gần đó.

Ngày hôm đó hai thầy trò chàng thư sinh thay vì lên xe ngựa viếng chùa Thiên Mụ như dự định, cả hai đã thơ thẩn khắp xóm làng Kim Long cho đến khi chiều xuống. Xóm làng Kim Long cũng như bao xóm làng Việt Nam khác với lũy tre bao quanh, với ruộng đồng xanh tươi bát ngát, những vườn tược Kim Long đẹp hơn vì đa số nhà đều lợp ngói âm dương, rất ngăn nắp, nhìn chung như một trang trại giàu có của một vị quan viên ngoại dựng lên. Đặc biệt xóm làng Kim Long có nhiều hồ do dân cư tự đào, dẫn nước từ một nhánh sông nhỏ của sông Hương chảy vào. Nổi bật trên bờ hồ hay giữa vườn bóng mát là những tấm lụa màu được phơi đó đây.

Một điều đáng ngạc nhiên hơn hết là hầu như đàn bà con gái ở đây đều đẹp, đẹp tự nhiên nguyên thủy, không trang điểm phấn son. Đẹp màu hồng phấn những đôi má, đẹp đỏ ngây ngất nhữ đôi môi, đẹp đen tuyền những sợi tóc, đẹp tròn xoe mắt nai đen nhánh khi nhìn khách lạ. Hầu như cô gái nào cũng thích mặc áo lụa và đội nón trắng bài thơ trong vườn dâu hay bên bờ sông sóng nhẹ vỗ.

Hai thầy trò đã ngồi trong quán chợ nhìn cảnh bên dưới thuyền, gọi ăn trưa bằng mấy đĩa bánh bèo, uống nước chè tươi. Mãi đến khi sắp sửa ra về hai thầy trò mới theo con đường đất bà lão đã hướng dẫn để tìm nhà hai bà cháu cô gái. Tìm cho biết chứ chưa dám vào. Căn nhà gạch đã già như tuổi bà lão, nhưng

mảnh vườn thì trẻ với lụa màu phơi như màu hoa khoe sắc. Có lúc nào đó chàng thư sinh thấy có bóng Thùy Như ngồi đọc sách sau cửa sổ, hay thấp thoáng trong vườn. Thùy Như! Cái tên đẹp và dịu dàng như con người. Trái tim nàng hẳn phải thùy mị lắm.

Chiều hôm đó chàng thư sinh lên chuyến xe ngựa cuối về thành nội với niềm vui trong lòng.

Những lần chàng đến thăm sau đó đã đưa nàng đến gần chàng hơn, và rồi họ thăm yêu nhau. Chàng là ai? Nàng chưa bao giờ hỏi. Nàng chỉ biết chàng là một người có tư chất, phong thái của một con người đầy tính văn nhân và cũng đầy tính hiệp sĩ đến đây để thêm hương vị cho đời. Đời chàng và đời nàng. Chàng là người tìm đến, nàng là kẻ chờ đợi. Nàng là gái Kim Long, khuê các ban đêm trong tiếng đàn tranh kê bên trang sách, đoan trang thùy mị ban ngày trong màu lụa phơi trong nắng mai, trong từng nụ cười e ấp tuổi dậy thì.

Họ yêu nhau, họ có thể cho nhau tất cả. Thế nhưng chàng chưa từng bước vào khuê phòng của nàng bởi cả hai trái tim đều chứa đầy sự ngưỡng mộ, quý trọng lẫn nhau.

Chỉ vài hôm nữa là Tết Trung Thu nên kinh thành Phú Xuân rộn rịp kẻ mua người bán, ngựa xe quan chức quyền quý, cậu ấm cô chiêu, công nương mỹ nữ ngược xuôi. Chàng thư sinh áo trắng thảnh thơi cũng có mặt trong dòng người. Tiết trời thu dịu dịu mát, nhưng chàng vẫn phe phẩy chiếc quạt giấy bình dân trong tay, vì lòng chàng xốn xang. Chân chàng bước trên đường phố kinh thành, nhưng tâm hồn chàng ở tận Kim Long. Chàng muốn đôi chân mình bước trên đường phố Kim Long, nhưng chàng biết chàng không thể làm điều đó. Chàng đang có những chuyện hệ trọng phải suy tư, bứt rứt. Chàng cũng không thể đến Kim Long vì vùng tả ngạn sông Hương từ Kim Long lên Thiên Mụ đã bị bao vây. Quân Pháp bảo hộ do lệnh khâm sứ là Lévecque đang cô lập vùng đó bởi có nguồn tin từ đảng Cần Vương của vua Hàm Nghi ngày trước còn sót lại đang có âm mưu tấn công tòa Khâm Sứ Pháp và lật đổ ngai vàng.

Tấn công đánh đuổi quân Pháp là ý muốn của toàn dân, dĩ

nhiên tong đó có chàng. Có thể nói đôi với chàng đó là lý tưởng sống mà chàng thư sinh đã ôm ấp bao năm qua. Chàng vân du đây đó để khuấy khoả nỗi buồn của một con người bất lực trước thời cuộc, đi tìm những con người nghĩa khí cho lý tưởng mà chàng đang đeo đuổi, tìm một tình yêu cho tâm hồn ẩn nấu giữa những xô bồ hào nhoáng nhưng lựa kinh thành. Cho nên trong nỗi buồn thương nhớ, ngọn lửa trong lòng chàng đang thêm khát được cùng cháy bùng lên với ngọn lửa dân tộc để tiêu hủy tất cả đồn lũy của bọn người xâm lược.

Mấy ngày qua ở Kim Long, Thùy Như cũng nóng ruột không kém. Xóm làng vắng hoe, không ai ra khỏi nhà vì lệnh cấm. Thỉnh thoảng nghe tiếng sùng từ hướng chùa Thiên Mục vọng lại, Thùy Như càng thêm lo lắng. Quen chàng, yêu chàng, nàng đã âm thầm hiểu được là những lần chàng viếng thăm chùa Thiên Mục không chỉ mang ý nghĩa thuần túy của một người ngoạn cảnh chùa, lễ Phật mà thôi.

Đêm Trung Thu, kinh thành Phú Xuân rực rỡ ánh đèn. Người dân phố thị như quên hẳn việc lòng sục của quân lính tìm bắt các nghĩa sĩ Cần Vương mấy ngày trước nay. Họ kéo nhau đứng dọc theo hai bờ sông Hương trước hoàng thành để chờ xem hoa đăng và thuyền rồng thưởng trăng của vua và hoàng tộc. Việc tổ chức thưởng trăng đêm Trung Thu không phải năm nào cũng có như các cuộc du xuân trong mấy ngày Tết Nguyên Đán.

Khác với kinh thành, Kim Long đêm rằm chỉ leo lét ánh đèn. Vạn đồ Kim Long, hình như cũng không màng đến vẻ đẹp huyền ảo của trăng vàng trên sông. Chưa khuya lắm, nhưng bến Kim Long như đã ngủ yên, không ai nghe tiếng động mái chèo của một chiếc thuyền đang ngược dòng lên phía thượng nguồn. Người chèo thuyền là một lão già đang cố đưa mái chèo thật nhẹ để không làm khuấy động sự tĩnh mịch của đất trời, trăng nước. Ba người khách đi thuyền ngồi yên như ba pho tượng. Hình như họ cũng không muốn tiếng thì thào của mình làm xao động mặt nước sông thu. Lâu lắm, khi thuyền đã qua khỏi Thiên Mục, vào vùng sông nước mênh mông Bãng Lãng, mới có tiếng người thanh niên ầm ập vang lên:

- Tiểu đồng, thả mười hai hoa đăng để sáng thêm tuổi mười hai của người.

Khi mười hai hoa đăng lững lờ trôi bên nhau, tiếng người thanh niên lại vang lên nhẹ nhàng:

- Thùỵ Như, bây giờ đến phiên em, em muốn thả bao nhiêu hoa đăng?

- Còn anh? Cùng thả hoa đăng với em đi.

- Em muốn anh thả bao nhiêu hoa đăng?

- Bằng tuổi hai đứa mình cộng lại. Thùỵ Như nói và ngã đầu vào vai người mình yêu.

- Ba mươi sáu hoa đăng, vừa đủ cho chúng ta đêm nay. Thư sinh cảm khái nói.

- Có phải người ta thả hoa đăng để làm đẹp thêm ánh trăng trên sông không anh?

- Trăng tự trắng đẹp lắm rồi. Người ta thả hoa đăng để dẫn đường cho vua Đường lên nguyệt điện tìm Dương Quý Phi. Vua Đường khi say thường giống Lý Bạch không nhận ra trăng trên trời mà chỉ thấy trăng dưới đáy nước.

- Và cũng để cho nàng tiên cá thấy đường lên trần gian tìm hoàng tử nữa phải không anh?

Ngước nhìn người yêu, Thùỵ Như thì thầm:

- Hình như thiên hạ đàn ông đều muốn được say như vua Đường. Còn anh! Em chưa bao giờ thấy anh uống rượu.

Hôn mái tóc người yêu, thư sinh nói:

- Nhất tuyền giải thiên sầu. Thiên hạ đàn ông lắm kẻ sầu, anh không có sầu thì đâu cần uống rượu, huống chi anh đã có nàng tiên cá bên mình, cần gì phải say vì rượu phải không?

Trầm ngâm một chút, chàng lại tiếp:

- Thật ra thì đôi lúc anh cũng cần rượu, nhưng sợ trái tim mình đầy thêm nhục tửu sau khi đã hết cơn say, nhưng mà thôi, anh không muốn em buồn trên sông trăng bởi chuyện sông núi

nhân gian...

Hương về lão chèo thuyền, thư sinh nói vừa cho lão đủ nghe:

- Nước đang xuống, dừng động mái chèo, lão cứ thư thả cho thuyền trôi theo dòng, bao giờ đến Kim Long thì báo cho ta...

Một tháng sau đêm Trung Thu, vua Thành Thái bị khâm sứ Pháp thông đồng với Hội Đồng Thượng Thư triều đình Huế truất phế với lý do nhà vua bị bệnh điên. Năm đó nhà vua vừa hai mươi.

“Từ nay nhà vua không còn quyền hành, không được ra khỏi Đại Nội bất cứ lúc nào”.

Khâm sứ Pháp nói với vua bằng lời lẽ hỗn xược như thế. Ông ta cũng như các quan tay sai trong triều tức giận vì nhà vua đã không ngự giá cùng họ thưởng trăng trên sông Hương trong đêm Trung Thu, để mấy chiếc thuyền rồng đợi mãi mà không được rời bến.

Thật ra đó không phải là lý do chính yếu bởi vì triều đình Huế ai cũng biết vua Thành Thái là nhà vua trẻ, thích vi hành, vân du đây đó. Họ biết rất rõ nhà vua có mối tình ở Kim Long. Họ cũng biết nhà vua không bao giờ muốn làm một ông vua bù nhìn. Vua Thành Thái đã có mục đích riêng trong những chuyến đi: Hiệu triệu muôn dân để giành lại độc lập tự do. Tình yêu chỉ để làm vơi bớt những cô đơn đau đớn trong lòng ông vua trẻ nhìn giang sơn đang mất vào tay người.

Sau gần năm mươi năm bị đi đày ải khỏi quê hương, từ Cap Saint Jacques đến quần đảo Reunion bên Phi Châu, năm 1953 nhà vua được về thăm Huế. Thùy Như nhiều năm ngồi chờ ở bến Kim Long, tóc bạc mỗi mơn, không còn chờ đợi được một đêm Trung Thu thứ hai với người năm cũ. Năm 1953, nhà vua cũng ra đi vĩnh viễn để tìm người tình xa xưa.

* *



NGUYỄN TRUNG DŨNG

- Tên thật và bút hiệu: Nguyễn Trung Dũng
- Sinh năm: 1936, tại Phú Thọ.
- Sinh viên Sĩ quan Trừ bị Thủ Đức khóa 14. Ngành Truyền tin. Phục vụ tại phòng 6/ Bộ TTM và đơn vị Truyền tin.
- 8 năm tù cải tạo. Định cư tại San Jose, California.
- Tác phẩm đã xuất bản trước 1975:
 - * Trong Thành Phố Ngoài Mặt Trận (tập truyện xb 1966)
 - * Bên Này Sông Bên Kia Sông (tập truyện xb 1968)
 - * Vết Đạn Thù (truyện dài, bản cũ xb 1969).
- Tác phẩm xuất bản sau năm 1975:
 - * Vết Đạn Thù (truyện dài, bản mới viết thêm và tu chính xb 2004).
- Có nhiều Truyện ngắn và Thơ đăng trên các nhật báo, tuần san, nguyệt san.
- Tham gia tuyển tập Thơ & Truyện của 4 tổ chức Văn Học Nghệ Thuật, trong đó có tuyển tập thơ của VB/TBHK.

CƠN BÃO MÙA ĐÔNG

NGUYỄN TRUNG DŨNG

Cậu bé và con chó đùa rờn ở sân sau vườn nhà, trong lúc bà mẹ cậu đang đứng ở bếp để sửa soạn cho bữa ăn tối. Từ ngôi nhà nhìn xuống sườn đồi phía dưới, cây cối phần lớn lá đã rụng. Cành nhánh của chúng chìa lên bầu trời nom như những cái que dài khẳng khiu. Giữa mùa đông, buổi chiều có gió. Mây màu chì. Trên cây, với lá phe phẩy mỗi khi không khí nhiều động, kinh nghiệm cho biết thời tiết như có vẻ biến đổi bất thường. Đúng như thế. Đó là triệu chứng sắp có bão. Một cơn bão đang chuyển mình từ xa kéo về.

Cậu bé và con chó vẫn nô đùa vui vẻ ở sân trong vườn nhà. Với trái banh màu đỏ, với trò rượt đuổi trái banh đó, cuộc chơi xem ra rất hứng thú cho cả hai. Ở cửa sổ căn nhà bếp, bà mẹ cậu đôi khi để mắt dòm chừng đứa con, trong khi đang bận tay với món khoai tây chiên và thịt bò nấu đậu. Bà thực sự yên tâm khi thấy đứa con chỉ quanh quẩn ở trong sân, nơi có hàng rào cao ngang bụng, bảo đảm an ninh tối thiểu để không cho bất kỳ người lạ nào nếu có ý muốn xâm nhập vào sân nhà, thì sẽ không thể xâm nhập dễ dàng được.

Vẫn với quả bóng, cậu bé và con chó hết đá rồi tung lên cao, người hò hét, chó thì sủa, vui trò chơi của buổi chiều như mọi ngày.

Bỗng, con chó bỏ trái bóng mà nó đang rượt theo, sủa một tiếng, rồi với cái phóng chính xác, nó đã qua cái hàng rào, chụm bốn cẳng để rượt theo một con thỏ rừng. Con thỏ màu lông trắng. Phản ứng tự nhiên, nhanh như một con chim cất, cậu bé cũng mở cửa vườn chạy theo, miệng rồi rít gọi chó, nhưng con chó mãi miết bám con mồi, nó không còn nghe theo lệnh chủ.

Xuống hết dốc đồi là rừng. Rừng với những cây cối thân gốc to và cao. Cỏ ống sậy và cỏ đuôi chồn mọc rậm. Cái bóng của con thỏ chỉ còn là một vệt trắng, lúc ẩn lúc hiện, như một con bướm nhỏ, chập chờn ở bụi cây này, biến mất ở bụi cây kia, gần xa không thể xác định được. Có lúc, cái vệt trắng đó hoàn toàn không còn nhận ra nữa, giữa những lùm cây um tùm có lá xanh, có dây leo như chỉ rối, thì con chó sục tìm quanh quẩn. Nó đã thất vọng hoàn toàn khi mất dấu con mồi. Đứng và sủa, nó vừa hậm hực, vừa bất mãn, lẫn thất vọng.

Ở một nơi không quá xa ngôi nhà trên sườn đồi, nhưng khi đã vào sâu trong khu rừng, thì cậu bé và con chó đã mất hẳn hướng đi. Vào lúc người và vật về lại con đường cũ, con đường lẽ ra sẽ dẫn đến con dốc quen thuộc mà cậu bé đã biết quá rõ, thì nó lại đưa cậu lạc tuốt xuống một con suối, suối có nước chảy xiết vào mùa mưa. Những cây cối mọc ở hai bên bờ, lúc này, cây phần lớn lá đã đổi màu. Không phải là cuộc đi ngoạn cảnh, nên cậu bé chẳng mấy quan tâm đến đám cây rừng ở trước mắt. Cậu đi theo con chó như một người mù được con chó dẫn đường, mà đôi ba lần, cậu đã thấy ở phố xá. Cậu đi theo con chó vì cậu đặt tin tưởng vào con chó, ít ra nó cũng có khả năng đưa cậu ra khỏi khu rừng để trở về nhà. Phải trở về trước khi ánh nắng thoi thóp đã tắt trên ngọn cây, và trước khi bóng tối ủa tối bao phủ kín bầu trời. Nếu cứ luẩn quẩn loang quanh trên những con đường vòng vèo quanh co ở khu rừng, cậu sẽ không còn cách nào ra khỏi nơi này đêm nay. Ý nghĩ thường gây ra sự sợ hãi, khi ý nghĩ đó lớn mãi theo sự tưởng tượng không bị ngăn cản đang phát xuất trong đầu cậu, và tưởng tượng thường vẽ ra nhiều cái ghê sợ quái đản về hình ảnh những con quỷ nanh nhọn, những con ma không đầu, những con dơi quạ hút máu người, những con trăn đầu có mào đỏ, những con gấu có móng nhọn như móc sắt ở chân ... mà cậu thấy trong những cuốn sách cậu có ở nhà.

Tinh thần cậu suy sụp trong trạng thái hoảng sợ như thế, thì cũng là lúc ở nhà, bà mẹ cậu đứng trong bếp đang nhìn ra bên ngoài. Bà nhận ra trời đất đã sẩm tối. Từ xa, mây đen đùn về. Những tàng lá trên những rặng cây rạp xuống mỗi khi gió ủa

đến. Bà nghĩ ngay đến tin tức dự đoán thời tiết loan báo trên đài truyền hình, người ta đã tiên đoán một cơn bão đang trên đường đi tới trong đêm nay. Không phải là cơn bão bình thường như mọi khi, mà bão còn có thể mang theo tuyết. Nghĩ ngay đến con, bà ra vườn sau nhà để gọi. Bà gọi nhưng không thấy có tiếng trả lời. Bà cũng chẳng thấy đứa con có mặt ở trong sân. Bà không thấy cả con chó nữa. Bà chạy vào trong nhà. Bà mở hết cửa phòng này phòng kia. Bà vừa gọi vừa tìm khắp nơi kể cả những cái tủ áo và góc xó nhà mà bà nghĩ đứa con nghịch trốn ở đó. Kinh sợ, hoảng hốt, bà mất bình tĩnh khi không biết đứa con bà ở đâu nữa. Bà khóc!

Có tiếng xe chạy vào garage. Đây là lúc chồng bà ở sở về. Ông ta bước vào nhà. Và ông nhận ra ngay có chuyện bất thường trên nét mặt của vợ. Một tay chặn ngực để đè nén xúc động, một tay vịn cái tường thấp để khỏi ngã, phải sau một giây bà ta mới lấy lại bình tĩnh, để nói với chồng về đứa con đã mất tích.

“Báo ngay cho cảnh sát”. Ông ta bảo.

Ổng điện thoại đã cầm tay, tay kia ông ta quay số.

“Em không tin kẻ bắt cóc lại bắt cả con chó mang đi. Đó là điều vô lý”.

“Như vậy, em đã không tin có chuyện người ta bắt cóc con mình. Nhưng dù thế nào đi nữa, việc làm trước mắt là phải báo ngay cho cảnh sát”.

Vào lúc này, bóng tối đã nhòe mặt người. Trời đổ lạnh. Nhìn qua kính cửa sổ, cả hai thấy tuyết bắt đầu rơi. Gió thổi khá mạnh. Chính vì bị gió đùa, những sợi tuyết trắng xóa đã bay tung tóe như những bông hoa trắng nom đầy đặc cả. Một cơn bão lớn.

Hơn một tiếng đồng hồ, họ vẫn ngồi đợi cảnh sát. Nhưng cảnh sát chưa thấy mặt. Điện thoại liên lạc cho họ biết, sở cảnh sát đã cử người đi, nhưng chưa tới có nghĩa là trên đường những nhân viên cứu cấp và điều tra đã bị chậm, lý do trở ngại vì tuyết xuống quá dày. Các con đường ở “freeway” đều kẹt cứng xe và do tuyết mù mịt, sự di chuyển rất chậm trên các trục lộ giao thông hầu như khắp các ngã.

Ở trong rừng, vào giờ đó, cậu bé và con chó đã may mắn tìm được một chỗ khá tốt để ẩn. Dưới bóng một thân cây đã đổ, có cành lá che bên trên, nó giống như một cái mái của một ngôi nhà. Vào lúc tuyết tiếp tục rơi, cậu bé chỉ biết ngồi ôm lấy con chó, người và vật đều run rẩy vì thấm lạnh.

Trời đã tối. Đôi mắt nhìn cảnh vật chung quanh, cậu bé chẳng còn nhận thấy gì ở bên ngoài, trừ ra màu trắng của tuyết. Tuyết rơi thưa và mỏng lúc đầu, sau, mỗi lúc càng mau và nhiều hơn. Tai cậu nghe tiếng gió rú rít. Tiếng rú rít giống như tiếng tru của chó rừng. Cậu tưởng tượng ra thế. Từ tưởng tượng, cái sợ xâm chiếm làm mất tính can đảm của cậu.

Nhớ bố mẹ, nhớ cái giường chăn ấm đệm êm trong căn phòng của cậu, nhớ những đồ chơi và những cuốn sách họa hình mà cậu có, ở chỗ ngủ hằng đêm của cậu, bây giờ là lúc cậu ao ước muốn mình về cái nơi chốn đó hơn là nằm trong cái bóng cây đổ trong khu rừng. Nỗi nhớ và điều ao ước có sức mạnh lấn áp ý chí của cậu, khiến tình cảm tràn đầy đầu óc cậu, khiến cậu bật khóc.

Con chó vẫn ngược đôi mắt lên nhìn chủ. Nó hình như cảm thấy hối hận vì nó đã gây ra sự rắc rối làm phiền cho chủ nó lâm vào cảnh khốn cùng ở một nơi lạnh giá của đêm tối với cơn bão tuyết bao phủ chung quanh đây.

Gió ở bên ngoài vẫn rít từng cơn. Cành nhánh cây cối chẳng thể yên ổn với những cơn gió vật vã hung hãn và tuyết rơi mỗi lúc mỗi đậm của một đêm vào mùa Đông thời tiết không bình thường.

Khóc vô ích. Cậu bé hiểu ra điều đó. Cậu lấy lại bình tĩnh để đối phó với hoàn cảnh hiện tại của cậu. Đây là bản năng tự nhiên giúp cậu vực dậy cái mạnh mẽ trong con người cậu, như một người rớt xuống dòng sông nước xoáy, tự cứu lấy, bằng cách cố vùng vẫy bơi hơn là bị chìm.

Cậu nhớ lại những buổi đi trượt tuyết với bố cậu, bố cậu thường luyện tính can đảm cho cậu bằng cách để cậu một mình lao xuống triền dốc đồi, ứng phó với mọi tình huống khó khăn và

đôi khi cả nguy hiểm nữa, mục đích tập cho cậu cái tính can đảm và tự giải quyết trong bất cứ hoàn cảnh nào.

Bây giờ, chính là lúc cậu phải áp dụng cái tính năng động, can đảm, quả cảm từ những bài học đó, để cậu có thể chống trả với thời tiết khắc nghiệt của gió rét, cái nguy hiểm có thể có của kẻ thù ở chung quanh, nếu cậu muốn sống sót và tồn tại.

Từ đám cành lá che phủ ở trên đầu, vài bông tuyết đã lách mình qua những khe hở, bắt đầu rơi xuống đầu tóc cậu. Cái áo dày cậu mặc, giờ cũng đã ẩm ướt chẳng khác gì nó được ướp lạnh. Cậu cảm thấy cái lạnh đó thấm vào da thịt rồi từ da thịt, nó thấm thấu tới tận xương cốt trong người.

Cuối cùng, sự chịu đựng đã cạn kiệt, bởi đói và mệt lả, cậu đã mất sức rồi lả đi. Khi tỉnh, cậu đưa mắt nhìn ra bên ngoài, bóng tối đã loãng. Lúc đó, gió im. Mảng trời phía trước le lói ánh sáng. Cậu biết đấy là rạng đông. Nhưng hầu hết cảnh vật chung quanh cậu, tất cả đều đã trắng xóa, bởi tuyết bao phủ.

Trước lúc cậu bé tỉnh lại, con chó đã lách mình ra khỏi bông cây. Nó không còn đủ sức nhanh nhẹn như mọi khi, nên thay vì chạy, bốn cái chân của nó bước từng bước ngắn, để đi về phía trước. Đi về phía trước, hiển nhiên nó cũng chẳng định hướng được hướng đó là hướng nào sẽ dẫn nó tới ngôi nhà của cậu bé, như ý nó muốn. Cứ mỗi đoạn đường qua những nơi tuyết đã đóng băng, con chó thường bị trượt ngã. Cứ mỗi con dốc đứng, tuyết cũng đã phủ lớp băng mặt phẳng lì, con chó cũng chẳng làm sao bò lên được tới đỉnh, vì chỉ lưng chừng dốc, nó lại lộn nhào trở lại. Dù thế nào đi nữa, nó vẫn cố gắng thắng vượt mọi trở ngại, len lỏi giữa những gốc cây, những tảng đá, để tiến về phía trước, mà phía trước, nó tin là có ngôi nhà.

Có lúc mệt lả, nó phải nằm mọp để lấy lại sức. Giữa lúc tuyết còn rơi và gió còn lạnh, con chó vẫn tận lực phấn đấu, với hi vọng cuối cùng nó sẽ đến cái nơi mà nó muốn đến.

Cũng lúc đó, vượt qua những đoạn đường đầy tuyết đóng trắng xóa, có mấy người trong đội đi cứu người gặp nạn, vẫn bừa ra khắp nơi kiểm tìm. Họ dẫn theo cả chó. Có cả bố của cậu bé

trong số người đó. Với tuyết trắng xóa mọi nơi, việc kiếm kẻ mất tích quả là vô cùng khó khăn và vất vả. Áo ấm trùm kín người, tay đeo găng, mũ chụp đầu, vậy mà cái lạnh vẫn dễ dàng xâm nhập thịt da họ. Thở ra với hơi ở miệng, như khói thuốc lá họ đang hút.

Trong cái không gian bao la của rừng và đồi, với màu trắng của tuyết phủ, việc tìm thấy đứa bé mất tích rất ít hi vọng. Qua một đêm tuyết rơi, nó có thể đã bị chôn vùi dưới lớp tuyết đó như tất cả mọi vật. Cây cối, trừ người ra, mới có khả năng chịu đựng và sống được. Bố của cậu bé đã quan ngại về điều đó khi ông ta nghĩ đến đứa con của ông.

“Tôi thấy ở phía trước, có một con thú đang di động”

Người cầm ống nhòm vừa nhòm vừa nói.

“Tôi không tin đó là con thú mà nó là con chó của tôi thì đúng hơn”

“Để đó tôi coi lại”

Người cầm ống nhòm lại đưa ống nhòm lên cao ngang mắt.

“Con chó thật”

“Nếu đó là con chó thì con chó sẽ cho ta biết đứa con tôi ở đâu. Với hi vọng là, con chó chưa chết”

Toán người trượt theo đường mòn của con dốc tiến về nơi con chó vừa được phát hiện. Họ đến càng gần và tới nơi thì nhận ra đúng là con chó của người đàn ông có đứa con mất tích. Thấy người chủ của nó, con chó vội vẫy đuôi vừa mừng rỡ sủa. Với một bàn tay, ông ta đưa ra vỗ đầu con chó vừa nói:

“Tao cần biết đích xác chỗ của Dick hiện giờ ở đâu. Mà có hiểu tao muốn nói gì không”?

Thay vì nói “hiểu”, con chó vừa sủa vừa cố chạy về phía trước. Chạy hết đoạn đường tuyết phủ, qua mấy rặng cây cũng có tuyết phủ trắng như được trùm khăn, nó dừng lại ở gốc một cây cổ thụ già. Toán người đi cứu cấp đã tìm thấy cậu bé nằm cuộn tròn trong cái hốc, mắt nhắm, ngực thoi thóp thở.

Sau một ngày ở trong căn phòng hồi sinh, cậu bé được đưa về nhà. Buổi tối, ngồi ăn cùng bàn với bố mẹ, Dick trở về giường riêng của cậu nằm. Cậu nhớ lại cái đêm lạc đường, ngủ trong bóng cái cây gốc lớn đã đổ, nghe gió rít, nghe tuyết rơi, nghe tiếng cành cây răng rắc gãy, nghe mọi tiếng động chung quanh ở trong rừng, cậu mới thấy cái nơi ấm cúng tuyệt vời với tấm chăn đắp, cái giường có đệm êm, có bố mẹ trông nom cho giấc ngủ, không còn gì hạnh phúc và bình yên cho bằng dưới cái mái nhà của gia đình, của tình thương, và của sự đùm bọc.

(11.04)



PHẠM NGUYỄN LƯƠNG

- Tên thật: Phạm Nguyên Lương, bút hiệu Dỵ Sĩ
- Sinh năm: 1942, tại Hưng Yên.
- Bác sĩ Y khoa năm 1971.
- Phục vụ tại các Liên Đoàn Quân Y, Quân Y Viện và Trung Tâm Hồi Lực.
- Hậu học Đại học tại Pennsylvania và Oklahoma.
- Có nhiều thơ và truyện đăng trên các nhật báo, tuần san, nguyệt san.
- Hiện cư ngụ tại Irvine, California.
- Sách đã xuất bản:
 - * Người Việt Nam Nhớ về Nguồn Gốc Việt nam (kịch và thơ xb1989)
 - * Anh Hùng và Giai Nhân Việt Nam (kịch thơ và thơ xb1991)
 - * Người Hàng Xóm Mới (tập truyện song ngữ xb1997)
 - * Nắng Sài Gòn, Nắng Hoa Kỳ (truyện dài xb 1998)
- Sắp hoàn thành bộ dã sử Tam Quốc Chí Việt Nam.

MÙA THU KHÓ QUÊN...

PHẠM NGUYỄN LƯƠNG

Khi gia đình của Yến Lan được bảo trợ đến sống ở tỉnh nhỏ Patchogue, tiểu bang New York; cả gia đình được những người bảo trợ dàn xếp cho ở tại hai chiếc mobile home.

Mới từ Việt Nam sang, quen sống với căn nhà nhỏ ở Sài Gòn, vợ chồng ông Hưng thấy loại nhà có thể di động đó có nhiều tiện nghi cho gia đình ông. Hơn nữa, trong khu nhà này có cả chục chiếc trailerhouses khác ở gần nhau, nhà nào cũng có bãi cỏ chung quanh. Khu nhà này được bao quanh bằng hai chiếc hồ khá lớn. Lối đi duy nhất vào chung cư đó phải băng qua một chiếc cầu xi-măng ngắn và hẹp, chỉ vừa hai chiếc xe nhỏ tránh nhau.

Ngay hôm đến chung cư lần đầu, tại một đầu cầu, Yến Lan thấy một bảng nhỏ có đề chữ: “Đừng lái xe qua khi cầu bị ngập nước”. Lúc đó vào mùa hè, trời nóng như thiêu đốt, con lạch dưới cầu, nước xuống thấp ngang với mặt nước ở mặt hồ gần đó. Khó ai có thể tưởng tượng được nước ở con lạch luôn thông với hồ nước đó, lại có thể dâng lên cao, chứ đừng nói là nước trong lạch có thể tràn ngập cây cầu. Trừ trường hợp có mưa lũ làm con lạch đó trở thành sông nhỏ. Yến Lan, năm đó mới 19 tuổi, đang thích được nói chuyện để thực tập tiếng Mỹ. Khi lái xe qua cầu, ông Smith, một trong những người bảo trợ bèn hỏi Yến Lan đang ngồi trên xe ông:

- Lan, cô có biết tại sao người ta lại treo bảng bảo đừng lái xe qua cầu khi có nước ngập cầu không?

Yến Lan thành thật:

- Có lẽ vì mặt cầu lúc có nước dễ bị trơn, khó lái, và dễ bị nguy hiểm, phải không ông Smith?

Ông Smith cười:

- Tôi cũng đoán vậy. Nhưng nhớ rằng ở đây vào cuối hè sang thu mưa rất nhiều. Nước của con lạch này sẽ lên cao vì nước mưa ở các nơi tràn về. Tôi không nghĩ rằng nước ở lạch này có thể lên cao đến tràn qua mặt cầu. Nhưng tôi biết là chỗ này đã có mấy người chết vì tai nạn liên quan đến cây cầu này rồi đó! Yến Lan và gia đình khi đi về qua cầu này phải cẩn thận lắm mới được?

Yến Lan thấy cây cầu đó dù không có bờ cao, chắn hai bên, để giữ an toàn cho người bộ hành cũng như cho các xe hơi qua lại, nhưng mặt cầu khá rộng, trông chắc chắn và rộng hơn nhiều chiếc cầu xi măng ở Việt Nam. Yến Lan nghĩ rằng lái xe trên cầu này mà bị lọt xuống lạch, thì chắc phải lái ẩu lắm mới bị tai nạn như vậy. Nàng liền trả lời:

-Đừng lo cho chúng tôi ông Smith à! Trước nhất, chúng tôi là những người lái xe cẩn thận. Hơn nữa, chúng tôi còn phải nhờ các ông dạy lái, dạy về luật đi đường kia mà!

Yến Lan đã nói thật, đa số người Việt sang được Mỹ từ 1975 thường nhờ những người bảo trợ lo cho đủ thứ. Gia đình ông Hưng dần dần được dàn xếp để mọi người đều có thể được đi học, hoặc đi làm trở lại. Ông Hưng trước kia là công chức cao cấp ở Việt Nam. Sang Mỹ, ông muốn học nghề kế toán để hành nghề kế toán viên. Yến Lan cùng hai anh, Thuởng và Quý từng là sinh viên ở Sài Gòn; nay đi học thêm Anh văn để chuẩn bị vào đại học. Quý vốn giỏi Tae-Kwon-Doe từ ở Việt Nam, sang Mỹ, anh thấy nghề hay nhất có thể giúp anh kiếm tiền là cộng tác với một võ sư đang có trường. Riêng chị Thanh đang có bầu, muốn xin đi làm với chồng, để có tiền lo cho đứa con sắp ra đời. Bà Hưng, trái lại, không đòi hỏi gì cả. Bà quen việc nội trợ, mấy chục năm lấy ông Hưng bà chưa từng đi làm, dù chỉ một ngày! Sang Mỹ bà tội gì phải khổ hơn? Vì thế bà chỉ muốn mau có bằng lái xe, để có thể tự lái như ở Việt Nam. Bà muốn đến thăm một số bạn bè của bà ở Mỹ.

Những ngày bờ ngõ ở xã hội mới, bắt đầu cho gia đình Yến Lan. Ngày nào Lan cũng cùng các anh lái xe đi qua chiếc cầu gần nhà hai ba lần. Ông già Smith bận rộn việc gia đình nên đã

ít có dịp đến chỗ Yến Lan đi học Anh văn như đã hứa. Người có bằng lái xe và được người bảo trợ mua cho chiếc xe cũ đầu tiên là Thường, người con trai lớn nhất. Tiếp đó là Quý, anh ta rất hãnh diện được lái chiếc xe Cadillac cũ, máy lớn. Còn ông Hưng muốn tiếp tục lãnh trợ cấp, để đi học thêm, và khi có việc làm sẽ mua hẳn xe mới!

Ngoài giờ học, nhiều hôm Yến Lan đi dạo chơi với Tammy, đứa con gái 15 tuổi, con ông hàng xóm. Hai cô gái một Mỹ, một Việt, thường đi dọc theo bờ lạch dẫn đến bờ hồ để ngắm cảnh và trò chuyện. Mới sang Mỹ, Yến Lan chưa muốn ăn mặc tự do như Tammy. Mùa hè cô gái này chỉ mặc đồ hai mảnh, đi chân đất hoặc đi dép. Mới 15 tuổi, Tammy đã nẩy nở, to lớn hơn cả Yến Lan. Đôi ngực cô ta rung rinh với chiếc nịt ngực kiểu thể thao. Trong khi đó, Yến Lan mặc quần jean dài, áo pull ngắn màu xanh da trời. Làn da trắng hồng của Yến Lan làm cô gái có vẻ đẹp thùy mị Á Đông. Lan không lộ liễu như Tammy. Nhất là kiểu tóc ngắn, cột thành đuôi ngựa, lộ chiếc gáy trắng ngần của cô gái Việt 19 tuổi xinh xắn...

Phong cảnh chỗ gia đình cô ở gần hồ nước giống như cảnh hồ Than Thở tại Đà Lạt. Mặt hồ không lớn lắm, chung quanh thông mọc rậm rạp, cho cảm giác xanh mát dưới nắng hè. Mỗi lần cùng Tammy ra hồ chơi, Yến Lan lại nhớ cảnh Đà Lạt.

Vào một buổi trưa, mọi người đi khỏi nhà, chỉ còn Yến Lan học bài trong phòng riêng. Bỗng nghe có tiếng xe hơi đến đậu trước cửa. Tiếng xe lạ, khiến Yến Lan ngạc nhiên. Nàng vội đứng nấp sau rèm cửa nhìn ra thấy một thanh niên Việt cao, gầy, đeo kính mát màu nâu đậm đang đẩy cửa xe bước ra. Thanh niên này đầy vẻ thư sinh, khoảng 25 tuổi. Chàng trai nhìn quanh, rồi đến gõ cửa nhà mấy lần. Yến Lan chưa gặp chàng trai ấy bao giờ, nên rụt rè chưa dám mở cửa. Không ngờ chàng trai lại gõ cửa thêm, gọi vọng vào:

- Anh Thường có nhà không? Có Đức lại chơi này!

Yến Lan vẫn còn chần chừ, dù đã 19, cô vẫn không dám tiếp chuyện chàng trai lạ ở trong nhà. Yến Lan đợi Đức gõ cửa

thêm một lần nữa, nàng mới hạ kính nơi cửa sổ có song sắt. Nghe tiếng động, chàng trai liền tiến đến chỗ cửa sổ. Thấy Yến Lan, chàng nói bằng tiếng Việt:

- "Xin lỗi, đây có phải nhà anh Thường, con ông bà Hưng không hở cô?"

Lan ngạc nhiên:

- Anh là bạn của anh Thường phải không ạ?

Chàng trai vui vẻ:

- Vâng, tôi là Đức, bạn cùng lớp với anh Thành, con bác sĩ Bổng. Tôi quen anh Thường qua Thành. Hôm trước, nhân dịp xuống North Carolina ăn cưới bác sĩ Thành và Kiều Mai, tôi mới biết địa chỉ của anh Thường. Anh Thường có nhà không cô? Phải cô là em gái anh Thường không?

Lan vẫn rụt rè:

- Vâng, tôi là Yến Lan. Anh tôi bây giờ đang đi học. Nếu anh muốn gặp, xin trở lại chiều nay, sau bảy giờ!

Chàng trai ngẫm nghĩ:

- Chiều nay tôi phải đi học và đi làm thêm. Vậy chủ nhật sắp tới tôi sẽ đến thăm hai bác và anh Thường. Tôi sẽ gọi điện thoại trước khi đến. Có được không cô Yến Lan?

Giọng chàng đầy vẻ tinh nghịch, khi nói đến tên cô gái. Lan chưa trả lời, chàng đã tiếp:

- Tôi xin lỗi đã đột ngột đến đây ngày hôm nay... Thật ra vì tôi có việc đi qua vùng này. Nhớ lại địa chỉ của anh Thường nên tôi đến thẳng đây. Thôi để chủ nhật này tôi sẽ gọi lại nhé!

Lan lễ phép:

- Vâng, xin mời anh cứ lại chơi!

Chàng trai quay gót ra xe. Chiếc xe loại 4 máy, màu bạc, trông mới hơn nhà Yến Lan. Cô nàng vẫn thích có riêng chiếc xe nhỏ màu sáng như vậy. Tự nhiên Yến Lan thấy có cảm tình với chàng trai. Cô gái từ nhỏ chỉ biết có học hành, vui chơi với bạn bè cùng lớp hoặc vui thú với gia đình. Truyền thống lễ giáo gia

đình, nhất là chưa có dịp quen biết nhưng người khác phái đẹp trai nên Yến Lan chưa biết yêu là gì. Gặp Đức hôm đó, Yến Lan chợt hồi hộp với nỗi vui khó tả. Cô thấy trái tim cô đập nhanh thêm khi nói chuyện với Đức. Yến Lan tự động nảy ra ý kiến mở cửa, chạy ra vẫy tay chào từ biệt chàng trai. Nhưng còn đang chần chờ thì Đức đã lạnh lẽo lái xe đi mất.

Chủ nhật đó, Đức không gọi lại. Người mong đợi gặp lại Đức không phải là Thương mà là Yến Lan. Thương cho cô em biết rằng, từ ở Việt Nam, Đức vừa học rất khá, vừa có tài xoay xở, làm ăn. Ngay ở Sài Gòn, dù còn đang học ở trung học, anh ta đã biết vay tiền để hùn hạp, mở trại nuôi gà ở Thủ Đức! Thương trách Yến Lan đã không lấy địa chỉ, hoặc điện thoại của Đức để liên lạc lại. Thương nói rằng anh chưa biết phải chọn học ngành gì để làm ra được nhiều tiền thật mau ở Mỹ, nhưng có Đức, hẳn sẽ giúp ý kiến. Thấy anh trách, Yến Lan lại càng thêm tiếc đã không nói chuyện với Đức nhiều hơn nữa!

Hai tuần liên tiếp, Đức cũng không gọi lại. Đoán rằng chàng bạn làm ăn, học hành, không nhớ đến lời hứa sẽ đến thăm Thương. Yến Lan chợt thấy giận Đức một cách vu vơ và tìm cớ để quên đi chàng trai. Nhưng rồi hình dáng cao ráo, cặp kính màu nâu đậm của chàng vẫn vờn vờn trước mắt... Ba ngày liên tiếp Yến Lan lại bị nóng lạnh và nhức đầu. Ông Hưng bảo rằng Yến Lan bị trúng nắng, vì trước đó đã đi bơi ở hồ gần nhà với Tammy suốt ngày nên bị lên cơn sốt và ho liên tiếp. Ông Hưng không biết gì về y khoa, nhưng thấy con gái bị ho nhiều, nên sốt ruột, liền gọi bác sĩ gia đình xin khám bệnh cho Yến Lan. Ông dự định sẽ chở Lan đến khám lúc 4 giờ chiều khi ông đi làm về...

Hôm đó bà Hưng có việc gấp phải đi từ sáng sớm, một lần nữa Yến Lan ở nhà một mình, dù đang bị sốt. Khoảng mười giờ sáng, đang lúc nàng ho dữ dội, thì có tiếng xe của Đức đậu trước cửa nhà. Yến Lan bối rối. Bị sốt và ho liên tiếp, nàng đang quá mệt. Hơn nữa đầu bù tóc rối, quần áo nhàu nát, Yến Lan không muốn bị Đức nhìn thấy nàng. Nhưng rồi, nỗi nhớ nhung chàng trai trong mấy tuần qua đã trở lại mạnh mẽ khiến nàng thấy như

khỏe hẳn lại. Yến Lan vội vã ngồi dậy thay áo, rồi vào phòng trong chải sơ lại đầu tóc.

Tiếng gõ cửa ở bên ngoài phải lập lại đến ba lần, Yến Lan mới có thể ra mở cửa. Vì đã được ông anh nói tốt về Đức, nên Yến Lan thấy không cần phải giữ ý khi gặp lại. Cửa vừa mở, Đức ngạc nhiên thấy cô em bạn nét mặt nhợt nhạt, ủ rũ. Dù Yến Lan cố mở nụ cười tươi để đón chào, Đức vẫn thấy vẻ hốc hác của Yến Lan. Chàng kêu lên:

- Cô Yến Lan đang bị nóng lạnh hay sao mà mặt mũi trông nhợt nhạt vậy?

Yến Lan cố giữ mà không nổi, bật lên một tràng ho dài. Nàng cố nói, trong khi nước mắt đang giàn giụa trên má:

- Em bị sốt ba bữa nay. Anh Thường em sắp về, mời anh vào chơi.

Đức lo lắng nhìn Yến Lan :

- Bị sốt ba ngày rồi, lại bị ho dữ dội, sao cô không đi khám bác sĩ? Nhỡ bị sưng phổi thì sao?"

Yến Lan trả lời với giọng mệt mỏi:

- Chiều nay ba em sẽ đưa em đi khám. Anh à!"

Lan vừa nói, vừa ngồi xuống chiếc ghế gần nhất. Mắt nàng hoa lên, đầu nàng trống rỗng, bao nhiêu máu như dồn hết xuống chân. Những cố gắng để mở cửa mời Đức vào đã quá sức nàng! Yến Lan choáng váng ngất xỉu ngay trên ghế Salon. Trong cơn mê sảng, Yến Lan thấy Đức hốt hoảng chạy lại đỡ nàng. Chàng cúi xuống như nghe ngóng hơi thở, nhịp tim của Lan. Rồi Yến-Lan thấy chàng lẩm bẩm nói vào tai nàng: "Lan bị bệnh nặng quá rồi! Lan cần được vào bệnh viện để cứu chữa ngay.

Yến Lan thấy Đức xốc nách nàng đứng dậy, dìu nàng ra cửa. Đức thận trọng khóa lại cửa nhà rồi bồng Lan vào trong xe. Yến Lan như lịm đi trong đôi tay rắn chắc ân cần của chàng trai.

Khi Yến Lan tỉnh lại, nàng thấy mình đang nằm trong phòng cấp cứu của một bệnh viện ở Patchoque. Ngực và tay nàng chằng chịt những sợi dây của máy ghi nhịp tim, nhịp thở, dây truyền nước biển... Nàng thấy bố mẹ đang lo lắng đứng nhìn. Anh Thường

và Đức cũng đứng gần đó. Bà Hưng thấy Yến Lan mở được mắt, liền kêu lên:

— Con Lan đã tỉnh lại rồi kìa! Mở mắt nhìn bố mẹ đi con. Con bất tỉnh đã hơn ba giờ rồi đó!

Bà Hưng nắm lấy tay Yến Lan, cô gái ôm cứng lấy tay mẹ. Đầu nàng nhức nhối, khó chịu. Nàng kêu nhỏ:

— Con nhức đầu và khát nước quá!

Đức nghe xong, mau mắn dịch lại câu nói của Yến Lan ra tiếng Mỹ cho cô y tá. Cô ta liền cầm ly nước có ống hút cho Yến Lan uống, rồi cho uống thêm thuốc trị nhức đầu như bác sĩ đã cho. Yến Lan còn bị nóng lạnh và ho nhiều nữa. Bác sĩ chụp hình phổi và chẩn đoán nàng bị viêm và nhiễm trùng phổi. Lan phải ở trong nhà thương năm ngày, ngày nào Đức cũng ghé thăm cô gái, lại luôn tặng nàng những bông hồng tươi thắm. Nằm trên giường bệnh, Lan rất biết ơn Đức đã đem nàng vào bệnh viện để được chữa trị kịp thời. Tình cảm êm đềm đến với nàng, Lan luôn nói chuyện với Đức một cách trù mến, biết ơn.

Những bờ ngõ ở đất lạ quê người bây giờ đã đổi khác. Yến Lan thấy vui hẳn lên. Từ ngày ở bệnh viện về, cô gái thấy yêu đời một cách kỳ lạ, mắt cô tươi sáng, giọng nói ngọt ngào, êm ái với tất cả mọi người. Càng nghĩ tới Đức, Lan càng thấy lòng nàng rộn lên những tình cảm lãng mạn, khiến đôi khi nàng tự cười thầm vu vơ. Yến Lan bắt đầu bỏ nhiều thì giờ để pha trà hoặc nấu ăn mỗi khi Đức nhận lời đến chơi và ở lại ăn cơm với gia đình nàng. Đức bây giờ vừa là ân nhân, vừa là mẫu người yêu lý tưởng của cô gái.

Trong khi đó, Đức vẫn e dè khi giao thiệp với yến Lan. Anh dễ có những mâu thuẫn tình cảm khi ở gần người đẹp. Kinh nghiệm với những bạn gái cũ khiến anh biết rằng không nên làm những gì khiến người khác hiểu lầm, nhất là đối với bạn bè và thân nhân của bạn. Thực ra anh chỉ mới có cảm tình với Yến Lan, vì thấy cô em gái ngây thơ, hiền lành chứ Đức vẫn chưa thấy lòng mình rung động, chưa thấy tình yêu Yến Lan xuất hiện. Tuy nhiên thấy Yến Lan tươi vui, nhí nhảnh, Đức vẫn muốn tìm hiểu thêm. Để tránh hiểu lầm, anh lấy cớ đến thăm Thường

để bạn bè bàn chuyện học hành, làm ăn, còn chuyện trò với Yến Lan, Đức coi như chuyện phụ.

Yến Lan đã luôn nghĩ khác, nàng như sống với tình cảm chân thật của mình. Mỗi lần Đức đến chơi với anh Thường, Lan luôn quanh quẩn gần hai người. Nàng cố gắng làm những gì để Đức chú ý đến nàng. Đôi mắt Lan núp sau rèm cửa như cảm nhận hơi thở của Đức lan truyền khắp nơi. Mỗi lần đến gần Đức nàng có cảm tưởng hơi ấm của cơ thể chàng lan truyền đến mình làm cho Yến Lan hồng đôi má. Yến Lan phải nhìn trộm chàng trai vì sợ bố mẹ và anh chị em nàng bắt gặp, chế diễu. Tình yêu của tuổi dậy thì đã làm Yến Lan lúng túng mỗi khi đối diện với Đức. Yến Lan tự thấy bức mình khi thấy nàng đột nhiên như nhút nhát trước mặt Đức. Nàng đã không thể nói năng mạch lạc, lưu loát như dự tính khi biết Đức sẽ đến chơi bữa đó. Bà Hưng cũng đã cười thầm khi thấy con gái lộ rõ tình yêu với bạn trai của anh mình, nhất là khi Yến Lan đang nấu những món ăn Việt Nam với mẹ để đãi chàng.

Nghe các con thường ca tụng Đức, bà Hưng cũng tìm cách nói chuyện để tìm hiểu chàng trai. Yến Lan thường rụt rè không biết nói chuyện gì với Đức, bà Hưng hay ra ngồi nói chuyện để giúp Yến Lan. Bà hỏi Đức:

- Bác nghe nói anh Đức bây giờ theo học ngành kỹ sư ở Nữ Uớc. Cháu thấy gì hay thì chỉ cho các em ở đây học với. Mới sang Mỹ, chưa ai biết học ngành nào là có lợi thiết thực về sau, có phải không cháu?

Đức lễ phép:

- Thưa bác, vấn đề chính là như vậy: Ai cũng muốn học đúng ngành nào đó để sau này có nghề cố định, không bị đuổi sỏ khi hết việc làm, lại được lương cao nữa”.

Bà Hưng thắc mắc:

- Bác thấy đa số sinh viên Việt Nam đều muốn học computer vì dễ kiếm việc, vừa phải học ít năm thôi. Phải không cháu?

Đức giải thích:

- Thưa bác, nếu chỉ muốn học ít năm thì tùy khả năng, có

thể học các ngành kỹ sư khác nhau. Em cháu trước định theo học về kỹ sư cơ khí, nhưng học không nổi nên chuyển qua học computer đó bác ạ”.

Bà Hưng cười:

- Thế ngành nào kiếm tiền dễ nhất cậu Đức?

Đức từ tốn:

- Thưa bác, kiếm ra được nhiều tiền có lẽ chỉ đi buôn là làm giàu mau chóng, “phi thương bất phú” mà. Thực ra ở Mỹ muốn làm giàu, nhiều khi cũng nhờ may mắn, hoặc chọn đúng ngành, đầu tư đúng lúc bác à...

Bà Hưng ngạc nhiên:

- Sao lại có thể làm giàu dễ dàng như thế nhỉ?”

Đức hăng hái:

- Các ngành khác cũng dễ làm giàu bất ngờ, thưa bác! Hoặc đầu tư vào bất động sản, hoặc hùn vốn mở xí nghiệp, chế tạo được đúng những đồ dân chúng đang cần. Đầu tư đúng lúc, đúng chỗ là tức thời lợi được bội bạc ngay!

Bà Hưng cười:

- Nghe cậu Đức nói mà ham. Sao cậu rành rẽ như vậy mà lại không tìm cách theo nghề gì để có thể làm ra được nhiều tiền ngay?

Với thời gian Đức bắt đầu có thêm cảm tình với Yến Lan. Chàng nhận ra nàng hiền, theo đúng lễ giáo gia đình. Yến Lan nuôi mộng sẽ trở thành một nhà sĩ. Những câu nói thông minh của Lan đã làm Đức phải chú ý và thích thú. Thật ra, Đức đã có nhiều kinh nghiệm với đàn bà ngay từ hồi trẻ. Với bộ mã đẹp trai, kiến thức rộng rãi, nhất là với cách nói chuyện dí dỏm, sâu sắc, Đức có nhiều bạn gái ngay từ hồi còn ở Việt Nam.

Thuở đó, Đức coi những cô gái chạy đến như tự hiến dâng cho anh, như để anh giải trí, Đức không thích gắn bó với bất cứ cô nào.

Từ ngày sang Mỹ, dù vẫn ở chung với bố mẹ và các em, Đức đã lo lắng học để có mảnh bằng căn bản. Chàng tìm cách

gặp những người tháo vát để xem có thể vừa học vừa hùn hạp làm ăn như hồi ở Việt Nam. Đức đã gặp nhiều cô gái Việt có nhan sắc, nhưng chàng đã dỗi ra ngay vì những đòi hỏi chanh chua, lên mặt, tự coi họ như những cô gái Mỹ bản xứ. Đức chỉ thấy lòng anh chùng xuống khi gặp Yến Lan. Biết gia đình Thuởng không những đạo đức, con cái đều hiếu thảo, chăm chỉ. Được tôn làm ân nhân của cô gái vừa đẹp vừa ngoan khiến tự ái chàng trai được vượt ve. Đức tìm thấy thêm nhiều cái hay, cái đẹp ở Yến Lan, nàng lại luôn tỏ ra nhu mì. Chàng đến thăm Thuởng và Yến Lan nhiều hơn. Ngay cả những ngày biết Thuởng không có ở nhà, chàng trai vẫn đường hoàng lại chuyện trò, tham dự những dịp vui trong gia đình người đẹp. Chàng không còn phải e dè như trước.

Cứ hai tuần một lần gia đình ông Hưng lại rủ nhau đi phố Tàu ở Nữ Ước mua đồ ăn Á Đông. Lan đã được mẹ cho phép đi dạo quanh với Đức. Nhiều bữa, buổi chiều cả hai đi bộ dọc theo con lạch đến bờ hồ hóng mát. Yến Lan đã cảm động run lên khi Đức lần đầu tiên nắm chặt tay nàng. Lắng nghe những câu chuyện dí dỏm của Đức cô gái mới lớn càng thêm xao xuyến với niềm vui khó tả. Cô như nuốt từng lời nói của người yêu. Lan thấy mỗi cử chỉ, lời nói của Đức như luôn dành riêng cho mình. Khi yêu cô gái đã thêm mơ mộng... Hôm thấy mẹ cần mua thêm đồ ăn Á Đông, Yến Lan đã bạo dạn đề nghị với mẹ để Đức lái xe đưa nàng xuống phố Tàu, cách đó gần hai giờ lái xe để mua đồ cho mẹ. Bà Hưng gật đầu bằng lòng ngay. Đây là một bước tiến mới cho mối tình của hai người. Đức thấy gia đình của Yến Lan đang dần chấp nhận anh một cách công khai. Đức càng thấy Yến Lan dễ thương và tự hứa sẽ luôn làm cô gái vui lòng.

Thứ bảy đó, rời nhà lúc hai giờ trưa, Yến Lan cùng Hưng đi loanh quanh ở phố Tàu đến sáu giờ chiều mới mua sắm xong. Thấy còn sớm, Đức rủ Yến Lan đi bộ coi các khu phố Mỹ ở quanh đó. Hè phố Nữ Ước hôm đó đầy người qua lại. Gần đầu đường, lâu lâu lại có xe bán thịt nướng. Mùi thịt gà, thịt lợn nướng xông lên thơm phức giống như hồi còn ở Sài Gòn khi đi ngang qua các quán ăn bán bún thịt nướng. Yến Lan giữ kẽ không đòi hỏi gì cả. Đức trái lại rất tự nhiên, chàng đứng lại mua bánh

mì thịt để cả hai cùng vừa đi vừa ăn. Đi quanh khá lâu trời hết nắng tối dần, Yến Lan giục Đức ra về. Lúc đó họ ở cách chỗ đậu xe gần 10 khu phố, Đức bèn bàn với Yến Lan dùng đường đi tắt đi cho mau về chỗ để xe. Yến Lan chưa bao giờ đi vào những con đường nhỏ và vắng người như vậy, nhưng bây giờ bên cạnh Đức, nàng không thấy e ngại gì cả.

Họ vui vẻ tay trong tay, vừa nói chuyện, vừa rảo bước. Họ không để ý rằng đang đi trong khu phố có đầy những nhà cửa cũ kỹ những khuôn mặt của người Mỹ đen đang lạ lẫm nhìn hai người. Việc bất ngờ đã xảy ra khi Đức vừa dẫn Yến Lan băng qua con phố hẹp thì bị ba tên Mỹ đen trẻ chạy ra chặn lại. Thằng mặc T-shirt đen rách để hở cả rốn, hấn nham nhở bảo Đức:

- Này bạn, bạn có muốn mua cái búa nhỏ của tôi không?

Hắn vừa nói vừa rút từ trong tất lưng ra một cái búa có lưỡi mỏng ở một đầu rồi hung hăng chìa vào mặt Đức. Hai tên đen bên cạnh phá lên cười khi thấy Đức hốt hoảng lùi lại. Đức đã nghe nói bọn Mỹ du đãng ở Mahattan, New York có trò dọa sẽ lấy búa đập vỡ kính xe hơi của những xe qua lại trong khu vực vắng vẻ của chúng để làm tiền. Có người đã nói với Đức rằng, nếu phải đi qua những khu đó, trong túi phải có ít nhất 5 Mỹ kim để cho chúng, lượt về lại cần 5 Mỹ kim khác. Nếu không có chúng sẽ hành hung và đập phá xe... Đức không ngờ, anh và Yến Lan đã đi qua đúng khu của bọn da đen này. Trời đang tối dần, khu phố vắng càng dễ sợ hơn trước vẻ hung dữ của bọn chúng. Đức hiểu là không nên chọc giận chúng, ngập ngừng hỏi tên cầm búa:

- Vậy anh muốn bán cái búa đó bao nhiêu?

Tên đen cầm cần:

- Hai chục Mỹ Kim.

Đức thấy Yến Lan nắm chặt tay anh nói bằng tiếng Việt:

- Em nghĩ mình trả bọn nó tiền rồi đi cho rồi.

Đức chưa kịp trả lời thì thấy một tên lùn khác bên cạnh tên đen đã nhanh tay chụp lấy chiếc ví da của Yến Lan đang đeo trên vai. Yến Lan rú lên vội vàng giằng chiếc ví lại. Thấy thế,

Đức quên cả sợ hãi, vội nhảy đến đâm vào mặt tên đang giật ví để giúp Yến Lan kéo lại chiếc ví. Ba tên đen liền bật lên những tiếng cười man rợ rồi chúng lẫn xả vào đánh đá Đức túi bụi. Yến Lan hoảng hồn vội chạy đứng núp sau cột đèn gần đó. Bình thường, một chọi một, chưa chắc Đức đã có thể đánh được một tên đen, huống chi là cả ba tên xúm lại đánh. Chúng vừa đánh đá túi bụi vừa la:

- Đánh cho chết con chó vàng Đại Hàn đi tụi bây!

Chúng vẫn nghĩ hai người là Đại Hàn. Trong khi đó Yến Lan vẫn tiếp tục la lớn cầu cứu, nhưng chẳng thấy một bóng người nào chạy đến. Có lẽ người chung quanh đã quá quen thuộc với cảnh đánh cướp nên chẳng ai thèm mở cửa ra tiếp cứu. Thấy Đức bị chúng đánh máu mặt, máu mũi ra đỏ lòm, Yến Lan càng kinh sợ. Sực nhớ ra chiếc còi bố mua cho vẫn để trong ví, Yến Lan liền lấy vội ra thổi inh ỏi, kêu la âm ỹ. Chợt có hai chiếc xe hơi từ xa chạy lại, ba tên đen lúc đó mới hòa nhau bỏ chạy.

Đức đã ngất xỉu trên hè phố. Một trong hai xe chạy tới là xe taxi. Thấy Yến Lan thổi còi, tài xế taxi đó lại tưởng có khách huyết gió gọi xe, nên dừng xe lại! Lan vội vàng cùng tài xế đỡ Đức vào xe chạy đến bệnh viện gần nhất xin cấp cứu. Ôm người yêu trong tay, Yến Lan khóc nức nở, nằng lo lắng cho sinh mạng của Đức. Lan sợ rằng, nếu Đức có khỏi thì vết thương cũng sẽ làm biến chứng ở đầu.

Thời gian qua mau, Đức không bị biến chứng đến mất trí nhớ như Yến Lan lo sợ. Anh phải nằm bệnh viện gần một tuần lễ. Sau khi xuất viện, Đức phải uống thuốc mỗi ngày, mãi hai tháng sau mới dứt đau hẳn. Biến cố đó khiến cặp tình nhân thấy rõ cuộc đời chính là những gì đã và sắp xảy ra, thay đổi không ngừng. Một văn sĩ đã so cuộc đời với một ống kính vạn hoa, luôn thay đổi theo không gian và thời gian. Yến Lan và Đức thấy họ đã cứu giúp lẫn nhau, cần thiết phải có nhau. Trong thời gian Đức nằm trong bệnh viện, Lan luôn lo lắng cho người yêu hơn cả lo cho chính nàng.

Sau tai nạn đó, hai người còn nhiều dịp để tận hưởng mùa

hè ở New York. Tay trong tay họ cùng nhảy rớn với sóng biển ở Patchoque. Họ nằm dài phơi nắng như mọi người trong thành phố kéo ra bãi biển đổi gió. Cặp tình nhân đã sẵn sưa trao nhau những nụ hôn nồng thắm. Nhưng Yến Lan không vì thế mà dễ dãi với người yêu, cô luôn nhắc Đức là phải để dành tất cả cho đêm tân hôn và Đức cũng đồng ý như vậy.

Mùa thu đang dần đến. Từng cơn gió lạnh thổi về. Lá cây dọc theo xa lộ đang đổi sang màu vàng. Rừng phong đổi màu, mây về vần vũ, những trận mưa cuối thu ngày một nhiều. Con lạch dưới cầu dẫn vào khu nhà của Yến Lan ngày một nhiều nước, nhưng nước chưa ngập cầu nên nàng vẫn lái xe dễ dàng đến trường học.

Đầu mùa đông, điểm Anh Văn của Yến Lan đã đủ để cho nàng theo học lớp dự bị nha khoa của đại học Stony Brook. Có Đức luôn đến thăm, cô sinh viên như được sức mạnh của tình yêu làm cô thêm mỹ miều, thêm thông minh. Mùa đông ở Nữ Ước năm đó lạnh lẽo không ngờ. Những trận bão đổ tuyết tràn mặt đất, cao đến đầu gối. Bà Hưng bị ngã mấy lần vì ra ngoài lấy đồ trong tuyết, may mà không bị thương. Đức đưa Yến Lan đi coi người ta trượt tuyết trên mặt hồ đã bị đóng băng vì quá lạnh. Sáu tháng mùa đông ở Nữ Ước thật quá lạnh so với Sài Gòn. Mùa đông đó, mấy người bạn đã gửi thư giục ông Hưng nên dọn nhà sang California ở cho ấm áp hơn. Ông Hưng không đổi ý. Ông đã quen với khí hậu ở Nữ Ước nhất là việc học làm kế toán viên của ông cũng như các con đều đang tiến triển khả quan. Tính cách xô bồ của xã hội Mỹ ở các thành phố lớn như San Francisco, Los Angeles đã làm ông ngán ngẩm. Ông đã quen với tỉnh nhỏ Patchogue ở sát ngay bờ biển này rồi.

Từ ngày vào đại học dự bị nha khoa, Yến Lan đã không còn thì giờ đi chơi với bé hàng xóm Tammy nữa. Ông Hưng cũng đã liên lạc được với bạn cũ là bác sĩ Bổng. “Tha hương ngộ cố tri”. Những câu chuyện của những người bạn cũ vui vẻ, ấm cúng giữa mùa tuyết của Nữ Ước. Mỗi lần biết thêm những chuyện không hay của những người chung quanh, nhất là người Mỹ, ông bà Hưng lại nhân dịp bữa cơm tối có đông đủ các con, ông

bà kể lại những câu chuyện đó với ngụ ý để khuyên bảo các con. Bà Hưng lưu ý các con qua câu tục ngữ: “Trâu đồng ta ăn cỏ đồng ta”. Người Việt lập gia đình với người Việt bao giờ cũng vẫn hơn. Những hôm có Đức ở lại ăn cơm chung với gia đình, Yến Lan thường hay nháy mắt người yêu khi mẹ nàng nói đến những chuyện về hôn nhân của người Việt và Mỹ.

Thời gian chậm chậm trôi qua, mãi đến tháng năm mới bắt đầu hết lạnh, dù vẫn còn có ngày bất chợt có tuyết nhẹ. Mùa xuân bắt đầu, cây cối đâm chồi, ra nụ ra hoa cùng loạt với những lá non. Chiều hôm đó, ông Hưng đột nhiên bị đau bụng dữ dội. Cơn đau ở ngay dưới xương sườn bên phải và vòng ra phía sau lưng. Lần đầu tiên trong đời ông Hưng bị đau đến đổ mồ hôi trán. Đau quá đến nỗi ông không thể ngồi thẳng trên ghế mà phải nằm dài, Yến Lan và mẹ thấy bố như vậy rất bối rối. Từ trẻ, ông Hưng không bao giờ bị đau nặng, thế mà nay bị đau quặn như vậy, Yến Lan vội gọi điện thoại cho Đức để hỏi ý kiến. Đức bảo phải gọi phòng cấp cứu để đem ông Hưng vào chữa trị ngay. Anh cũng sẽ gọi cho bác sĩ Bổng để xem ông khuyên phải làm gì?

Ông Hưng được vợ con đưa ra xe lái thẳng đến bệnh viện, bác sĩ phòng cấp cứu chẩn đoán bảo rằng ông Hưng có thể đang bị sạn trong gan. Sau hơn tám giờ trong phòng cấp cứu, chụp quang tuyến vừa gan, vừa ruột, thận, thử máu và nước tiểu. Kết quả chẳng thấy chi là bất thường, trong khi đó ông Hưng vẫn kêu đau liên tiếp. Thay vì cho bệnh nhân nhập viện để tìm cho ra căn bệnh thì bác sĩ điều trị lại gọi bệnh nhân vào văn phòng, ông ta chỉ dẫn các kết quả thử nghiệm cho bệnh nhân rồi quyết định bảo ông Hưng về nhà và cho một ít thuốc giảm đau!

Ông Hưng nghe vậy tái người. Ông biết rất ít về y khoa, nhưng nghĩ rằng bệnh ông đang trở nặng, chắc phải có nguyên nhân nào đó, cần phải chữa trị đến nơi đến chốn. Thế mà chỉ dựa trên vài thử nghiệm và quang tuyến, bác sĩ đó đã từ chối chữa trị tiếp.

Tối đó về lại nhà, ông Hưng lại bị đau dữ dội, tuy mỗi lần uống thuốc bác sĩ cho, ông có bớt đau, nhưng khi lờn thuốc,

thuốc hết tác dụng, bụng ông Hưng lại đau quặn. May cho ông, tối đó bác sĩ Bổng nhờ Đức đã cho biết sơ qua, nên đã gọi lại. Bác sĩ Bổng hỏi ông Hưng:

- Tôi nghe nói anh bị đau nặng ở bụng và lưng, sao anh không xin bác sĩ cho anh được nhập viện để họ chữa trị cho anh?

Ông Hưng phân trần:

- Họ chụp quang tuyến X nhiều lần, thử máu, thử nước tiểu, bảo rằng không có gì bất thường, nên cho tôi về.

Bác sĩ Bổng cười, nói:

- Anh có thể tả cho tôi, anh đang bị đau như thế nào, xem tôi có thể giúp anh được gì không?

Ông Hưng vội tả hết những triệu chứng đau của mình cho người bạn cùng lớp ngày xưa... Bác sĩ Bổng như trầm ngâm trong điện thoại, rồi nói:

- Theo kinh nghiệm của tôi, với những bệnh nhân cỡ tuổi anh, khi bị đau như vậy, có thể do nhiều bệnh rất nặng, nhưng cũng có thể do những nguyên nhân rất giản dị. Tôi đề nghị với anh nên thử lại nước tiểu vào ngay sáng ngày mai. Có gì lạ cứ gọi lại cho tôi biết nhé!

Sáng hôm sau, ông Hưng thấy càng đau nhiều hơn nữa. Cơn đau còn thốn xuống tới bụng dưới. Ông Hưng vội đi đến phòng xét nghiệm để thử nước tiểu. Kết quả cho biết ông bị nhiễm trùng đường tiểu. Ông Hưng liền gọi điện thoại để báo tin cho bác sĩ gia đình biết. Bác sĩ gia đình đã cho ông Hưng uống thuốc trụ sinh. Ba ngày sau ông Hưng hoàn toàn hết đau.

Yến Lan đã thấy từ đầu cách chẩn đoán và chữa bệnh của hai người có cấp bằng bác sĩ. Cô thấy rằng chọn ngành chữa bệnh đúng là “cứu nhân, độ thế”, nhất là có kiến thức chính xác và biết chữa bệnh với lòng nhân ái. Nếu người bác sĩ Mỹ ban đầu tự đặt ông ta vào hoàn cảnh bị đau như ông Hưng và cho ông Hưng nhập viện thì những thử nghiệm tiếp theo trong nhà thương sẽ dễ tìm ra nguyên nhân để điều trị. Do đó, Yến Lan nẩy ra ý định nàng sẽ học y khoa thay vì nha khoa để có thể tự chữa trị khi bị bệnh, cũng như để giúp phòng và chữa bệnh trước

nhất cho những người thân.

Ngày tháng qua mau, cặp tình nhân Yến Lan và Đức ngày càng khấn khít hơn. Tuy nhiên họ vẫn tự giới hạn. Yến Lan vẫn muốn để dành để cho người yêu hưởng thú tuyệt đỉnh của đêm tân hôn. Bà Hưng vẫn thường nhắc con gái “chữ trình đáng giá ngàn vàng”. Bà bằng lòng cho Yến Lan đi chơi nhiều nơi với Đức, nhưng tuyệt đối không cho đi quá khuya, hoặc ngủ qua đêm ở đâu đó. Những lần tham dự dạ vũ, hai người trẻ đã say sưa bên nhau, nhưng Yến Lan luôn nhớ lời mẹ và không làm điều gì hại đến thanh danh của cô và gia đình.

Hầu như mỗi ngày, Yến Lan vẫn đi về qua chiếc cầu, lối đi độc nhất vào khu nhà mobile home đó. Nàng bắt đầu ghi danh vào năm dự bị y khoa. Năm đó Đức đã ra trường, trở thành kỹ sư điện. Thành, con bác sĩ Bổng, bạn của Đức sang Mỹ trước hai năm là người đã khuyên Đức học ngành kỹ sư. Thành bảo rằng, học kỹ sư hiện tại có nhiều cách tiến thân khác nhau: Tức thời, kỹ sư ra trường dễ kiếm việc có đồng lương trung bình và chỉ cần học bốn năm. Thêm nữa, muốn học thêm qua ngành khác, kỹ sư vẫn có thể được nhận vào y khoa hoặc nha khoa nếu có điểm khá.

Đức vốn sẵn có đầu óc làm ăn to tát, anh tính rằng, sau khi đậu kỹ sư sẽ đi làm vài năm để dành tiền cưới Yến Lan, sau đó vợ chồng cùng đi học. Đức muốn học ra làm nha sĩ rồi lập tổ hợp nha sĩ để làm giàu, tuy nhiên, tính toán, lý thuyết và thực tế có nhiều khác biệt. Từ ngày hiểu và yêu Yến Lan, Đức không muốn đi làm việc ở những chỗ xa. Ra kỹ sư rồi anh chỉ đi làm việc ở New York hoặc vùng phụ cận. Đức muốn trông coi diện lực cho những công ty, hãng xưởng lớn. Ở New York to lớn như vậy, nhưng đâu đâu cũng từ chối anh. Sáu tháng liên tiếp Đức không sao tìm ra được việc làm. Đang nản chí thì có Cung, một bạn cũ từ Chicago về nghỉ hè ở New York ghé chơi cho biết: Công ty thủy điện, chỗ Cung đang làm cần tuyển dụng ít nhất là hai kỹ sư điện, lương rất khá, có bảo hiểm y tế, cung cấp chỗ ở v.v...

Đúng là đang nắng hạn lại gặp mưa rào. Đức mừng lắm, định bay qua Chicago ngay để xin việc làm đó, nhưng nghĩ đến Yến Lan, chàng lại dùng dằng. Đức ướm lời hỏi Yến Lan:

- Em nghĩ sao, nếu anh không thể tìm ra job ở đây mà phải đi xa mới tìm ra việc làm?

- Xa là xa ở đâu vậy anh?

- Chicago!

- "Chà, xa dữ à! Em nghe nói cũng phải mất 20 giờ lái xe. Đi máy bay ít lắm cũng gần 3 giờ. Phải vậy không anh? Bộ ở khắp New York này không có chỗ nào cần kỹ sư điện hay sao?

Đức nghiêm trang:

- "Có lẽ anh chưa gõ đúng cửa, vì nếu tìm được, anh đã không phải mất công suốt sáu tháng qua, nay có Cung bạn anh ở Chicago đang làm cho công ty thủy điện này giới thiệu cho anh vào làm chắc họ sẽ cho anh vào làm ở bên đó.

Yến Lan nhìn Đức đầy vẻ rụt rè, nhưng vẫn nói cứng:

Chỗ nào có việc làm hợp với anh thì anh cứ đi, còn chần chờ ở New York làm chi?

Đức trù mến nhìn người yêu:

- Anh chỉ sợ em buồn! Hơn nữa, anh đâu có muốn xa em!

Yến Lan cảm động:

- Em cũng vậy, em không muốn xa anh. Nghe nói ở Chicago có nhiều cô gái đẹp và xấn xồ lắm.

Đức mỉm cười:

- Chưa gì cô bé đã ghen bóng, ghen gió rồi. Đừng cho rằng thấy anh kể hồi trước anh có mấy cô bồ ở Việt Nam mà nghĩ rằng anh không chung thủy đâu nhé! Từ ngày sang Mỹ đến nay, em không thấy rằng, chỉ có em là người điều khiển được con tim của anh thôi sao?

Yến Lan chớp mau đôi mắt:

- Em sợ nhiều thứ lắm, không phải chỉ ghen tuông mà thôi đâu! Các cụ vẫn bảo "xa mặt cách lòng" kia mà!

Đức tần ngần:

- Hay là mình làm đám cưới rồi em theo anh sang bên đó. Ở Chicago cũng có chỗ cho em học vậy!

Yến Lan lộ vẻ sượng sùng:

- Anh này ăn nói mới hay chứ! Anh đã thưa với bố mẹ em lần nào chưa mà đòi cưới em? Hơn nữa, bây giờ đang giữa niên học, nếu em sang bên đó việc học của em sẽ bị dở dang lắm đó!

Đức mỉm cười, chàng ôm hôn người yêu rồi nói nhỏ vào tai nàng:

- Vậy thì chúng mình xin với bố mẹ hai bên cho làm đám hỏi trước để cho em tin anh, em thấy thế nào?

Yến Lan như thấm ý, mỉm cười. Ở Mỹ, sắp cưới hay đã cưới nhau rồi, trai gái vẫn dễ bỏ nhau, huống hồ chỉ làm đám hỏi. Thế nhưng, Yến Lan đã tin tưởng người yêu, nàng biết Đức đã từng có nhiều bồ bịch với những cô gái mới lớn. Yến Lan rất tin tưởng ở sắc đẹp cũng như tình yêu đặc biệt mà nàng dành cho Đức sẽ làm Đức quên hết những cô bồ cũ và chỉ biết có nàng. Yến Lan luôn tin tưởng mình sẽ là người Đức yêu sau cùng.

Đám hỏi đã diễn ra êm đềm. Ông bà Hưng và ba má của Đức đã tổ chức một đám hỏi giản dị, nhưng vẫn giữ được những cổ tục căn bản cho đôi trẻ. Yến Lan rất vui được gặp ba má và các anh em của Đức trong đám hỏi. Nàng thấy những người thân yêu trong gia đình Đức rất đàng hoàng và có cảm tình với nàng. Từ trước, Yến Lan vẫn sợ cảnh “Giặc bên Ngô không bằng bà cô bên chồng”, may mắn là các em của Đức đều còn nhỏ và rất dễ thương.

Sau đám hỏi, Đức liền bay đi Chicago nhận việc làm. Giờ đây hai kẻ yêu nhau mới biết thật sự thế nào là nhung nhớ khi phải xa nhau. Tiền điện thoại viễn liên mỗi ngày một nhiều. Trong hai tháng đầu, không tối nào Đức không gọi cho Yến Lan. Họ có quá nhiều tâm tình để trao đổi cho nhau. Họ cần được nghe tiếng nói của nhau. Ngưu Lang, Chức Nữ tận thời không bị ngăn cách vì giải Ngân Hà mà vì việc làm, việc học, vì không gian...

Sáu tháng đầu khi mới vào làm việc, Đức chưa được phép lấy ngày nghỉ. Nhờ người yêu, chàng đòi mua vé máy bay để Yến Lan đến Chicago với chàng. Yến Lan tính tới^{an}, tính lui, nhưng cuối cùng Lan cũng xin phép bố mẹ để đi thăm Đức vào mùa hè sắp tới để xem chỗ ăn, chỗ ở của Đức như thế nào. Bà Hưng thấy hai trẻ đã làm đám hỏi, bà cũng không cố hủ để ngăn cản ý muốn của con gái. Vì thế, nhân dịp nghỉ lễ lao động, Yến Lan quyết định đến với hôn phu 4 ngày ở Chicago. Ngay từ phút đầu ở phi trường, họ đã có những biểu lộ tình cảm thầm thiết. Nụ hôn dài họ trao nhau thật là say sưa! Sau khi từ phi trường về, tay trong tay, Đức đã dẫn người yêu đi chơi rồi ăn cơm tối ở phố Tàu. Yến Lan thấy phố Tàu ở đây không lớn bằng ở Nữ Ước hoặc San Francisco, nhưng đồ ăn lại rất ngon! Đi trong phố Tàu, cặp tình nhân có cảm tưởng như họ đang đi dạo, đi hưởng tuần trăng mật ở Sài Gòn, Chợ Lớn!

Chỗ ở của Đức là apartment, một phòng ngủ khá sang trọng. Từ cửa sổ Yến Lan có thể nhìn thấy cảnh hồ thơ mộng xa xa. Sau hai tháng xa cách, hai kẻ yêu nhau lại được gặp, họ quấn quít bên nhau, trao nhau những nụ hôn dài tưởng chừng vô tận. Yến Lan như thêm rạo rực, người nàng nóng ran với những điệu nghệ, kinh nghiệm từ xưa của Đức. Đến Chicago, Yến Lan như quên bố mẹ, quên hết những tính toán là sẽ dành cho tối tân hôn. Cô nồng nhiệt dâng hiến hết cho người yêu vào ngay đêm đầu mới gặp Đức ở Chicago.

Bốn ngày ở Chicago đã là bốn ngày thần tiên cho hai kẻ yêu nhau. Họ chẳng có gì để e ngại. Yến Lan và Đức sau lễ hỏi, chàng và nàng coi như chính thức thuộc về nhau. Việc gì cũng vậy, giữ gìn được mới khó, một khi đã quen ăn, rất khó nhịn. Khi Yến Lan đã biết thế nào là hương vị của tình yêu, nàng đã không tiếc gì với chàng trong bốn ngày thần tiên đó. Ngày về đã tới! Cả hai bịn rịn chia tay. Những ngày hạnh phúc quá ngắn! Yến Lan không thể cầm được nước mắt. Đức dỗ dành, hứa rằng khi được nghỉ phép, chàng sẽ bay về ngay New York với nàng.

Những lời hứa của Đức rất dễ, nhưng cũng khó thực hiện. Anh biết tình trạng bấp bênh của công việc anh đang làm. Thật

vậy, là kỹ sư, lần đầu tiên Đức làm việc trong vị thế của người chỉ huy những nhân viên Mỹ khác. Hãng anh là một hãng lớn, chuyên sản xuất và bảo trì nhiều loại máy điện khác nhau. Có làm việc với người da trắng mới thấy tinh thần làm việc chăm chỉ của họ. Càng đi làm lâu, Đức càng thấy nhân viên Mỹ có hệ thống giám thị luôn kiểm soát về cả phẩm lẫn lượng. Các giám thị có tài xã giao, họ hòa mình với các nhân viên chung quanh.

Dù đã có bằng kỹ sư điện, nhưng thực ra Đức chưa có kinh nghiệm làm việc so với những nhân viên đã làm việc lâu năm. Những người này, vì bằng cấp, vì quy định của chủ nhân theo với khuyến cáo của tiểu bang, bị đặt dưới quyền trông coi của người có căn bản bằng cấp và hiểu biết kỹ thuật cao hơn tức là kỹ sư Đức. Nhiều nhân viên đã lộ vẻ không phục tùng, họ tìm những sơ hở của Đức để phá. Chàng kỹ sư Việt như bị lạc lõng giữa những người thợ bản xứ.

Ngay từ ngày đầu được Cung, người bạn đã giới thiệu cho biết, nhiều nhân viên ở đó rất kỳ thị người ngoại quốc. Đức đã cố gắng làm việc và luôn luôn nhường nhịn, nhưng rồi Đức vẫn bị gọi lên ban giám đốc hãng ít nhất ba lần trong sáu tháng đầu vì những khiêu nại của nhân viên dưới quyền. Có nhiều lời than phiền chê trách đã khiến Đức tưởng chừng như từ trên trời rơi xuống vì anh không làm những điều như thế! Đức cố giải thích nhưng hãng vẫn đặt Đức trở lại thời kỳ “on probation”, làm việc với sự giám sát như lúc mới vào và có thể bị đuổi bất cứ lúc nào, nếu phạm thêm lỗi lầm.

Thời gian đó, Đức quá cần công việc, để có thể được nhà băng tín nhiệm, cho vay tiền mua xe mới và mua nhà trước khi anh cưới Yến Lan. Đức không muốn vợ anh bị mặc cảm vì thiếu thốn vật chất. Yến Lan đã bàn với Đức rằng nàng có thể nghỉ học, xin đi làm, để kiếm thêm tiền mua xe, mua nhà. Đức gạt đi, bảo rằng chỉ cần anh có việc làm vững chắc là có thể vay tiền nhà băng được rồi. Đức không muốn Yến Lan phải bỏ học. Dù đã làm trong hãng được hơn sáu tháng, bị đặt lại vào tình trạng làm việc dưới sự giám sát, Đức rất lo âu. Ngoài ra, Đức luôn có tinh thần tôn trọng danh dự chung của người Việt. Anh biết ngoài

anh và Cung, trong hãng có nhiều nhân viên gốc Việt khác. Anh không muốn vì lý do hạnh kiểm, vô kỷ luật v.v... để rồi bị mất việc hoặc bị ban giám đốc nghi rằng người gốc Việt luôn có tính xấu, vì thế Đức luôn chăm chỉ làm việc. Đức nhớ lại những chuyện anh đã thành công khi anh còn ở Việt Nam. Hồi đó, dù còn trẻ, anh đã biết hùn hạp làm ăn và rất phát đạt. Giờ đây, chỉ vì nhu cầu kiếm tiền, anh luôn bị căng thẳng. Chỉ tình yêu của Yến Lan là có thể làm Đức thấy lại thoải mái, nhưng rất tiếc, hiện hôn thê của chàng đang ở quá xa.

Sau chuyến đi Chicago, hai người đồng ý sẽ không điện thoại viễn liên cho nhau mỗi ngày, tiết kiệm để dành tiền mua xe, chỉ khi nào có việc rất cần mới gọi cho nhau. Về lại New York, Yến Lan thấy tỉnh Potchogue, nơi nàng chung sống với bố mẹ quá nhỏ bé và buồn thiu. Yến Lan không thấy hãng hái đi học và đi làm bán thời gian như trước nữa. Đến trường đại học, mỗi khi đi từ tòa nhà này sang tòa nhà khác để chuyển lớp, dù đi giữa thật nhiều sinh viên, Yến Lan vẫn thấy cô đơn!

Nữ Ước đang bắt đầu vào thu. Gió lạnh ngày càng lạnh thêm. Lá cây vàng mỗi ngày một nhiều hơn. Từng đợt lá màu vàng hoặc đỏ ối tung bay theo những cơn gió lạnh... Đêm về thêm buồn bã. Yến Lan thích được ôm chiếc gối tròn ngủ trong chăn ấm. Nàng rung rung nhớ lại những lúc ân ái với Đức.

Mùa thu năm đó mưa nhiều hơn các năm khác làm cho Yến Lan nhớ về Đức nhiều hơn. Nàng cho rằng ông trời đang khóc thương vì thấy Yến Lan và Đức phải sống xa cách nhau. Mỗi buổi sáng đi học, Yến Lan lái xe qua cầu gần nhà, nàng thấy mực nước dưới cầu mỗi ngày một cao hơn vì những trận mưa liên tiếp. Cảnh vật trong mưa thu càng thêm buồn bã. Yến Lan nhớ Đức quay quắt. Mỗi ngày nàng càng thấy như bị mỗi một thêm. Nàng không thích ăn sáng và bỏ cả ăn trưa. Hai tháng liên tiếp Yến Lan thấy vắng bật đường kinh, nàng nghĩ rằng vì mình đang bị ưu tư, buồn chán vì xa Đức nên đã có triệu chứng như vậy. Trước đây mỗi dịp học thi hay bị lo lắng quá nhiều vì việc nào đó Yến Lan cũng bị tắt kinh vài tháng, do đó Yến Lan không mấy quan tâm đến triệu chứng này.

Nhưng rồi ngày lại ngày, Yến Lan thấy trong người nàng như có nhiều khác lạ. Bụng dưới của nàng cò gò căng cứng. Nàng thấy buồn nôn khi ngửi thấy mùi đồ ăn. Chưa có bầu bao giờ, nhưng linh tính cho Yến Lan biết đã có chuyện lớn xảy ra, và thế Yến Lan làm hẹn với bác sĩ để đi thử nghiệm...

Trong khi đó, vào một buổi tối ngày thứ tư, về lại apartment ở Chicago, Đức thêm lo buồn vì ông xếp trực tiếp của anh cho biết có một nhân viên tố cáo Đức chuyện gì đó. Ông ta nhất định dấu tên người nhân viên đó và hẹn tuần sau sẽ có một phiên họp của ban giám đốc về lá thư nói xấu đó. Ông ta muốn Đức phải có mặt trong buổi họp và ban giám đốc sẽ cho biết quyết định của họ ngày hôm ấy. Đang lo buồn thì chuông điện thoại đột nhiên reo vang. Đức giật mình, nhưng rồi anh vui hẳn lên khi nghe tiếng Yến Lan từ đầu máy bên kia. Yến Lan nhí nhảnh:

- Anh đấy hả, em đây. Anh có khỏe không?

Đức không muốn lộ bất cứ chuyện gì làm buồn lòng người yêu:

- Khỏe chứ em. Ở một mình chỉ để đi làm thì chắc chắn là khỏe rồi, chỉ thấy nhớ em thôi!

Yến Lan nũng nịu:

Có thật nhớ em hay nhớ người khác vậy?

- Người khác nào? Cô gái cứ nhõng nhẽo anh hoài! Nhớ em muốn chết được!

- Thật không vậy? Nghe giọng nói thấy dễ ghét quá à!

- Sao lại chả thật?

Giọng nói của Yến Lan làm Đức như quên hết những âu lo trong hăng. Anh như say sưa nói với người yêu...và Yến Lan như thêm nhí nhảnh.

- Vậy em cho anh biết một tin mừng đây. Tuần sau em sẽ xin nghỉ hai ngày thứ năm và thứ sáu và như vậy em có 4 ngày để đến với anh. Có được không anh?

Đức ngạc nhiên:

- Ủa, sao em lại xin nghỉ hai ngày?

Lan như nũng nịu:

- Nhớ chàng sang thăm không được sao?

Đức cười:

- Dĩ nhiên là được quá đi chứ! Anh chỉ hơi ngạc nhiên thôi! Em nên nhớ rằng anh luôn nhắc em là hãy nghỉ học ở bên đó, sang đây ở với anh và đi học bên này kia mà!

Lan cười trong điện thoại:

- Gớm, anh nói sao nghe dễ dàng quá đi! biết bao nhiêu chuyện em phải làm xong ở bên này mới tính được chuyện qua bên đó anh ạ! Sở dĩ em muốn gặp anh gấp vì có chuyện quan trọng muốn bàn với anh.

- Chuyện gì vậy cưng?

- À, em chưa muốn nói trong điện thoại đâu. Khi gặp anh em mới bật mí!

- Gớm, bà xã bây giờ lại cứ úp úp, mở mở. Anh cũng chịu em rồi đó! Vậy em muốn anh mua vé máy bay cho em vào ngày giờ nào?

- Tối thứ tư tuần tới, chuyến bay lúc 8 giờ tối anh ạ. Em không muốn bay sớm hơn vì buổi sáng thứ tư ngày hôm đó có hai bài trắc nghiệm trong lớp. Hơn nữa đợi bố đi học về, ăn tối xong đưa em ra phi trường là vừa.

- O.K! O.K! Nhớ em quá!

Yến Lan đã nói thực với người yêu. Hôm trước bác sĩ đã thử nghiệm báo cho biết là nàng đang có thai hai tháng. Nghe bác sĩ nói vậy, nàng đã chứng hứng, những ý nghĩ đầy mâu thuẫn đã dày vò Yến Lan. Một mặt nàng thấy sung sướng vì biết tình yêu thắm thiết của nàng và Đức trong bốn ngày ở Chicago đã có kết quả cụ thể! Mặt khác Yến Lan như bối rối trước hoàn cảnh mới, vì dù có làm đám hỏi, nhưng có bầu trước ngày cưới quả tình thật khó coi.

Việc Lan sợ nhất vẫn là mẹ nàng sẽ biết chuyện đó. Bà Hưng đã liên tiếp dạy con gái là phải biết giữ gìn đừng để xảy

ra chuyện “Tiền dâm, hậu thú”. Ăn ở với nhau có con rồi mới làm đám cưới khiến họ hàng, thân hữu biết được sẽ cười chê! Vì thế Yên Lan muốn bay đến ngay với Đức, trước nhất để nàng chia xẻ nỗi vui đã có đứa con với chàng. Điểm chính vẫn là bàn với Đức để làm đám cưới càng sớm càng hay.

Yến Lan đã sống trong căng thẳng: Vừa mừng, vừa lo lắng! Hai ngày trước hôm đáp máy bay đến với hôn phu, nơi Yến Lan ở bị mưa to, gió lớn. Từ mấy tuần qua, mưa lớn cuối thu đã làm mực nước trong con lạch gần nhà dâng lên cao. Đúng hôm thứ tư đó, buổi sáng, trong cơn mưa bão, lúc lái xe qua cầu, Yến Lan đã thấy những lớp nước lăn tăn tràn ngang qua mặt cầu.

Hôm đó, Lan có hai bài thi trắc nghiệm khá dài. Nàng phải làm test liên tiếp. Trong sáu giờ đồng hồ, Yến Lan đã để hết tâm trí làm bài. Lâu lâu nàng mới cảm thấy những hạt mưa nặng hột và gió từng cơn đập vào cửa kính chung quanh phòng thi. Đám sinh viên khác nhau là đang có bão lớn thổi vào bờ biển vùng New York và Virginia...

Làm xong bài trắc nghiệm lúc 3 giờ trưa, bấy giờ Yến Lan mới lo đến các việc khác phải làm trước khi ra phi trường.

Tối hôm trước, nàng đã lo chuẩn bị quần áo đem theo. Yến Lan đã tính toán, sau khi thi xong nàng sẽ về nhà ngay để nấu một vài món Đức vẫn thích ăn. Vì dự định chỉ đến với Đức chỉ 4 ngày, Yến Lan không muốn hai người phải mất công đi tìm tiệm ăn như lần trước. Nàng muốn có nhiều thì giờ yêu thương và tâm sự với người yêu. Nếu nấu ăn trước, nàng và Đức tối thứ tư và sáng thứ năm sẽ có những món ăn ngon lành, chẳng cần phải đi ra ngoài. Yến Lan biết, nếu nấu đồ ăn bỏ vào hộp plastic rồi đóng vào trong thùng, không xách ở tay thì thùng đồ ăn sẽ không bị xét ở phi trường. Thật vậy, những cô chiêu đãi viên hàng không chỉ yêu cầu khách hàng không nên đem đồ ăn trong xách tay. Họ sợ mùi đồ ăn sẽ làm khó chịu cho các khách hàng khác.

Trên đường vội vã về lại nhà, cơn bão vẫn tiếp tục, từng đợt mưa lớn theo gió đập ào ào vào kính xe hơi. Cây gạt nước xe của Yến Lan phải làm việc tối đa. Khi từ xa lộ quẹo xe ra đường nhỏ dẫn về khu nhà mobile home, Yến Lan hồi hộp thấy

một vài cây lớn ở hai bên đường đã bị bão thổi ngã rạp. Đường phố đầy cành, lá, rác rưởi... Nước mưa chảy dồn dập, cống tháo nước không kịp, nhiều chỗ nước tràn qua cả mặt đường. Yến Lan lo ngại nghĩ đến việc phải đi qua cây cầu gần nhà. Cầu không có thành che hai bên! Nàng đoán rằng, mưa bão như vậy mực nước chảy qua cầu phải lên cao hơn buổi sáng.

Nỗi lo sợ của Yến Lan đã thành sự thực. Khi Yến Lan quẹo vào con đường nhỏ để chạy qua cầu thì thấy mực nước trong lạch đã dâng lên như một con sông nhỏ. Cây cầu bị ngập ít nhất hơn một gang tay. Chiếc xe của người hàng xóm gần nhà đang đậu ngay trước mặt xe nàng. Có lẽ ông ta cũng vừa về tới đó. Mưa vẫn còn rơi từng đợt nhẹ hạt. Từ trong xe Yến Lan thấy con lạch đã cuốn theo rác rưởi và cành lá liên tiếp chảy qua trên mặt cầu. Tầm báng: "Đừng lái xe qua khi có nước trên mặt cầu" nhát nhòa trong mưa! Ông hàng xóm sau một hồi suy nghĩ, ông ta vẫy tay gọi Yến Lan, rồi giơ tay lên trời tỏ dấu hiệu đầu hàng! Thấy Yến Lan không có phản ứng gì, ông ta ra hiệu cho Yến Lan lùi xe lại để dành chỗ cho ông ta vòng xe trở lại.

Còn lại một mình xe của Yến Lan trước cây cầu nước ngập mênh mông. Mưa đã bớt dần, nhưng nàng biết, nước vẫn tiếp tục từ các nơi chảy vào đó. Nước hồ cũng đã đầy và dâng cao từ mấy tuần qua. Đợi nước rút đi cũng phải vài hôm. Lúc đó dù trời mưa bão ướt, lạnh, nhưng trong lòng Yến Lan lại nóng như lửa đốt. Nàng chỉ còn rất ít thì giờ để nấu ăn và chuẩn bị mọi thứ để ra phi trường. Nhìn đồng hồ đã hơn bốn giờ rưỡi. Yến Lan càng nóng ruột. Nàng tính toán rất mau. Nàng thấy mực nước tràn qua cầu, nhưng mặt cầu vẫn còn nhìn thấy rõ, như vậy nước không quá cao để ngập máy làm cho xe chết máy!

Đột nhiên Yến Lan thấy bức tức. Nàng thầm trách bố mẹ đã chọn nhà ở chỗ có những rủi ro như vậy. Nhưng rồi nhớ lại những ngày tháng êm đềm, Lan thấy không nên trách bố mẹ nữa. Vấn đề là làm sao về tới nhà càng sớm càng hay. Yến Lan bạo gan nghĩ rằng, trực dưới xe nàng khá cao nên nước khó có thể ngập làm chết máy xe. Nhìn dòng nước cuốn theo rác rưởi chảy qua mặt cầu, Yến Lan tính rằng nàng có thể lái xe ôm sát

lề bên phải cầu, phía trên dòng nước, nếu bị nước cuốn thì dù có bị trôi xe chút đỉnh vẫn còn khoảng rộng của ít nhất một cái xe nữa ở phía bên trái để nàng có thể trả tay lái lại được. Hơn nữa, cây cầu đó không dài lắm, chỉ dài bằng ba chiếc xe nối liền nhau mà thôi, dư sức cho xe của nàng qua cầu!

Yến Lan tính tới, tính lui xem có nên qua cầu lúc đó hay không. Nàng vẫn sợ xe sẽ bị trôi theo dòng nước nếu qua cầu như ông Mỹ bảo trợ nàng và cả gia đình đã cảnh giác khi qua cầu. Yến Lan nhớ lại rằng, khi anh Quý hỏi ông Mỹ, trong trường hợp nước ngập cầu quá cao không thể qua cầu được thì phải làm sao? Ông Mỹ lúc đó đã nháy mắt với Quý và trả lời: “Phải trở lại khu downtown của Patchogue mà thuê phòng ngủ đợi nước rút hết hãy về nhà”.

Nhưng hôm đó, không cách gì Yến Lan có thể thuê phòng ngủ mà đợi được. Yến Lan thấy nước ngập không cao lắm, nàng nảy ra ý định cho xe chạy chậm chậm qua cầu, nếu bị nước cản không chạy được nàng sẽ gài số cho xe lùi lại! Nghĩ vậy, Yến Lan thực hành ý định ngay, nàng không thể chần chờ được nữa vì giờ ra phi trường đã gần tới và còn quá nhiều việc nàng phải làm trước khi lên máy bay. Yến Lan rồ máy, nàng kéo cần số xuống chữ D2 để máy kéo xe đi mạnh như khi lên dốc. Yến Lan dự trù, xe phải chạy mạnh mới có thể thắng được sức cản của dòng nước...

Khi Yến Lan lái xe vào trọn trong dòng nước chảy qua cầu thì nàng có cảm tưởng như xe của nàng nhẹ hẫng đi, nổi lên một chút và xe từ từ dạt qua phía trái! Yến Lan hết hồn, nàng cố bẻ tay lái trả về phía phải, nhưng xe vẫn từ từ trôi theo sức nước về phía trái. Hoảng hốt, Lan nghĩ đến việc gài số de để lùi xe lại... Nhưng tất cả đã quá trễ, quá muộn! Xe vẫn bị cuốn mau theo sức nước qua lề trái rồi tụt hẫng vào trong con lạch!... Khi đó, chắc chắn Yến Lan chỉ còn có một phút ngắn ngủi để nghĩ đến việc làm quá táo bạo, quá dại dột của nàng! Có lẽ nàng đã nhớ đến mẹ đang đợi giúp nàng nấu ăn ở nhà! Nàng nhớ tới Đức, người yêu đang đợi nàng đến Chicago! Không biết nàng nhớ được những gì...? Và nàng đã hãi hùng như thế nào khi xe

của nàng từ từ... chìm và cuốn theo dòng nước lũ?!

Nước ngập toàn xe! Nước ép bốn bề! Nàng mở cửa xe, cố hết sức bình sinh đẩy cửa xe, xuống kính xe, nàng cố tìm chỗ hở để thoát ra ngoài tìm lẽ sống... Nhưng tất cả đều tuyệt vọng! Nỗi kinh hoàng đã đến với nàng như thế nào, có ai hay?!

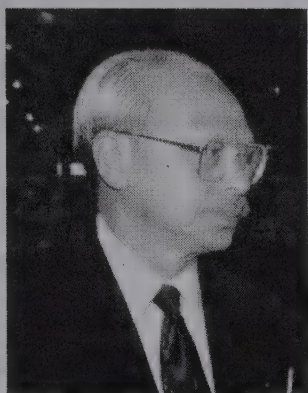
Nửa đêm hôm đó, Đức kinh hoàng nhận được tin Yến Lan bị chết tức tưởi khi nàng vội vàng vượt dòng nước lũ tràn trên mặt cầu! Một người khác tới sau đã chứng kiến chiếc xe của Yến Lan bị cuốn trôi và chìm dần trong con sông nhỏ đó! Ông ta đã gọi 911 cấp báo ngay! Sở chữa lửa đã đến gấp để tìm chiếc xe. Họ hy vọng cứu sống được Yến Lan, nhưng sau hơn 3 giờ họ mới tìm thấy được chiếc xe đã bị nước cuốn trôi đi khá xa! Trong xe, một cô gái gốc Á châu đã bị chết ngộp!...

Đức đã không thể tin được lời báo của anh ruột Yến Lan vì quá bất ngờ trong nỗi đau của hung tin! Chàng muốn khóc thật to! Chàng muốn gào lên và gọi tên của Yến Lan trong nỗi thống khổ tột cùng, nhưng không được!

Đức vội dàn xếp để có thể về lại Patchogue bằng chuyến bay sớm nhất. Khi chàng có mặt trong nhà xác bệnh viện Patchogue thì thấy gia đình của Yến Lan và bố mẹ chàng đang đứng vây quanh xác Lan. Bà Hưng và em gái của Đức đang đứng khóc kể ở ngay bên cạnh người thân. Yến Lan vẫn nằm đó, trên chiếc giường sắt có bánh xe. Toàn thân nàng được phủ bằng tấm khăn trắng chỉ để hở khuôn mặt. Tóc nàng dù đã được chải lại nhưng vẫn còn dính bùn và khô trắng ở một vài chỗ. Mặt nàng tái nhợt. Đôi mắt nàng khép kín một cách bình thản như đang ngủ hoặc như đang sống với thế giới riêng của nàng...

Thật vậy, Yến Lan đã đi đến một thế giới khác mang theo mầm sống của Đức mà không một người nào hiện diện trong nhà xác hôm đó biết được!

Đức đã nhào tới ôm lấy thân xác người yêu khóc nức lên!...



Phạm Quang Trình

- Sinh tại Thái Bình, tốt nghiệp Đại Học Luật Khoa Sài Gòn.
- Trước năm 1975, tham gia Phong Trào Ấp Chiến Lược, giáo sư Trung Học, cựu sĩ quan Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, phục vụ trong ngành Tư Pháp và Lập Pháp.
- Sau 1975: hoạt động Phục Quốc (vụ nhà thờ Vinh Sơn), thành lập Mặt Trận Quốc Gia Thống Nhất 1978 ở quốc nội, bị Việt Cộng bắt biệt giam ở khám Chí Hòa tức T30 (tháng 8/1978) và Z30D tức Hàm Tân (5.1980), vượt ngục 23.08.1980, vượt biên 8.1982.
- Tại hải ngoại: sáng lập viên và Chủ tịch Văn Bút Bắc Cali (Tây Bắc Hoa Kỳ) 1992- 1998. Trưởng Ban Tổ Chức Đại Hội VBVNHN kỳ 4 (1993), Chủ tịch Ban Chấp Hành VBVNHN nhiệm kỳ 2003-2005.
- Tác phẩm: Trên Núi Thánh (1987), Nợ Máu (1989), Người Cán Bộ Cách Mạng (1990), Đấu Tranh Cách Mạng, Giữa Lòng Cuộc Chiến, Chiến Đấu (1978-2002), Việt Nam Mến Yêu (1996-1999), Văn Chương Dỏm, Văn Chương Bình Dân Phản Kháng, Bên Cầu Thị Vải...

CUỘC VƯỢT THOÁT

Phạm Quang Trình

Tù nhân buồng 7 đang ngủ ngon lành thì bỗng đâu có tiếng xào xáo gì đó ở đầu buồng ngay lối cửa ra vào. Rồi có ánh đèn bật lên. Tôi giật mình thức dậy quay qua hỏi Đức:

- Cái gì vậy?

Đức dè dặt:

- Chắc tụi nó bắt chuột.

Tù nhân ở buồng 7 nằm giường đóng bằng ván hai lớp. Lớp trên thì sát mái lá, ban trưa rất nóng. Lớp dưới đất thì mát hơn, nhưng những con chuột cống to bằng bắp vế, lông rụng trụi nhủi trông rất ghê sợ! Ngày cũng như đêm, chúng sục sạo rình mò giành giật đồ ăn của tù. Hình như chúng cũng đói như tù. Trong mùng tù nhân ngủ nhưng còn để đồ ăn ở mấy lọ keo được gia đình tiếp tế như đường, cá khô, hột vẹt muối. Chúng chui đại vô, cắn bẻ lọ keo ăn đồ của tù. Có tù nhân bắt được, đập chết lột da, chờ sáng hôm sau đem nướng ăn thịt chuột. Nó ăn của mình, mình ăn lại nó, thế là huề cả làng!

Nhưng tiếng xào xáo hôm nay khác với mấy lần tù nhân bắt quả tang được chuột ăn trộm. Đội trưởng Nguyễn Văn Xuân nói với Trưởng buồng Mạc Đức Ninh:

- Phải báo cáo làm sao chứ?

- Thì cứ báo cáo cán bộ đi đã!

Tiếng “báo cáo cán bộ” vang ra với giọng điệu hốt hoảng làm tất cả tù nhân trong buồng giật mình thức dậy. Tôi lại bảo Đức:

- Chắc lại có anh em nào đau?

- Có lẽ.

Từ cửa, trưởng buồng Mạc Đức Ninh lại la lớn:

- Báo cáo cán bộ, nhà 7 có việc cần, xin cấp cứu!

Tiếng “báo cáo” vừa vang ra thì tên công an vũ trang chạy lại phía buồng 7 hỏi lớn:

- Cái gì? Cái gì?

- Báo cáo cán bộ, có tù nhân trốn trại.

Nghe thấy vậy, các trại viên bàng hoàng cả người. Công an ở ngoài chạy rầm rập tủa về nhà 7. Chúng vừa chạy vừa sục sạo, dùng đèn pin soi đủ ngõ ngách và hàng rào. Rồi từ cửa buồng có tiếng khóa mở lách cách. Một tên công an ra lệnh:

- Tất cả phải nằm im tại chỗ. Thằng nào nhúc nhích bắn bỏ!

Trưởng buồng được gọi ra cho biết tình hình và lý do. Qua báo cáo của trưởng buồng Mạc Đức Ninh kiêm đội trưởng đội 34, trại viên Nguyễn Văn Phương nằm ở tầng dưới đã lén rút ba cây tre chui ra ngoài trốn mất. Hai trại viên nằm cạnh Phương run lập cập, không nói nên lời. Công an vũ trang vô buồng dùng đèn pin soi từng người để kiểm danh, thấy vắng mặt Phương. Ngay phía đầu giường, Phương đã rút ba cây tre, để lại một lỗ hổng lớn. Công an ở ngoài vẫn sục sạo, đầy vẻ căm tức. Các tù nhân cầu mong cho Phương thoát nạn. Nếu hắn bị bắt lại thời tính mệnh sẽ nguy to! Giữa lúc tù nhân hoang mang như vậy thì có tiếng la lớn từ trong buồng:

- Báo cáo cán bộ.

- Cái gì?

- Tôi đề nghị với cán bộ dùng chó hít vì chó đánh hơi rất tài.

- Im cái mồm mày lại!

Tên công an quát lớn. Cả buồng, tù nhân chúng tôi muốn cười um lên mà không dám há miệng vì đó là tiếng của trại viên Trần Thọ Sâm. Sâm bị bắt vì tội âm mưu tổ chức vượt biên. Thời Việt Nam Cộng Hòa, Sâm là giáo chức và đã có thời ra ứng cử Nghị viên đô thành Sài gòn nhưng thất bại. Sâm khoe rằng họ hàng bà con hắn đã đi Mỹ từ lâu, chỉ còn lại ở Việt nam gia đình

vợ con hấn. Hình ảnh Sâm đưa ra cho anh em coi ai cũng phải khen thời trước Sâm rất đẹp trai. Tưởng người mập mập oai vệ như một ông Bộ Trưởng. Vậy mà chỉ sau có mấy năm ở tù, người hấn trở nên thân tàn ma dại! Hấn mặc quần áo rách rưới, thùng dít lòi cả thịt mỡ ra. Mặt mũi hốc hác, da dẻ xanh xao gầy còm. Suốt ngày Sâm nhặt toàn những thứ dơ bẩn ở đồng rác mà ăn như một thằng điên. Trại viên chẳng biết hấn điên thật hay giả điên giả khùng để Việt Cộng sớm tha cho hấn về. Ban đêm Sâm sục sạo khắp buồng, nói chuyện lằng nhằng trên trời dưới biển, điều cốt cả với cán bộ và công an. Nhưng rồi lại có những lúc Sâm ăn nói rất là khôn ngoan, nên khó mà đoán xét. Ngày Sâm được thăm nuôi, vợ hấn đến, nhìn thân hình chồng muốn rớt nước mắt. Vậy mà hấn điềm nhiên bảo vợ:

- À, anh cởi cái quần này ra cho em để em đưa về làm kỷ niệm.

Rồi hấn tụt cái quần cụt thùng dít ra ngay trước mặt mọi người, nhưng bị công an cấm ngay.

Sâm mang đồ thăm nuôi về phòng và chia cho anh em dùng chung. Sau đó, ban giám thị trại nghĩ hấn giả điên liền nhốt hấn vô phòng biệt giam hai tuần. Ở phòng biệt giam, Sâm đã chịu cực khổ, đói khát và có lần khát quá, hấn uống cả nước tiểu hấn đái ra.

Nhưng đâu chỉ có mình Sâm mà còn một tù nhân khác nhất định không chịu làm công tác lao động, đó là Nguyễn Đức Tân. Tân cứ kiểu bệnh nằm lì ở nhà. Rồi nhằm lúc được cán bộ mở cửa buồng cho trại viên ra ngoài sân, hấn bạ đầu gối ngồi đấy, tụt quần ra gãi ghe ở mỡng dít. Có lúc hấn lẩn thẩn đi một mình, vừa đi vừa lẩm bẩm:

- Tôi đâu có thích Cộng sản. Tại sao bắt tôi vào tù?

Công an cho giấy viết thư về thăm gia đình thì Tân đã đặt bút viết một câu rất ngon lành:

“Em thương mến.

Anh đâu có thích Việt Cộng mà tụi nó bắt anh vào đây. Nhớ gửi cho anh một gói thuốc chuột để anh uống chết cho rồi.

Ký tên: Nguyễn Đức Tân.”

Lá thư đã đến tai ban giám thị trại và họ tỏ ra rất khó chịu. Trong lúc sinh hoạt với đội, quản giáo Lương đã cảnh cáo:

- Các anh không được dùng những từ ngữ hỗn láo phản đối chế độ cách mạng. Đây là chế độ xã hội chủ nghĩa chứ không phải Việt Cộng ác ôn.

Các trại viên hiểu hẳn ám chỉ trường hợp của Tân, con người hay cáo bệnh nằm lì ở nhà. Nhưng một tù nhân âm thầm khác, xung phong làm chân quét nhà đổ thùng phân cho anh em đi vệ sinh ban đêm ở buồng 7 thì lúc này trốn biệt làm cho cả buồng phải tá hỏa tam tinh lại là Phương. Anh em tù nhân chúng tôi hết sức thăm phục Phương đã vượt ngục một cách tài tình giữa một đêm tối trời không mưa rào sấm chớp. Chính tôi và Đức đã tính chuyện vượt ngục bằng cách rút mấy cây tre, lén chui ra rồi vượt qua hàng rào trong một đêm tối trời mưa bão. Thời gian chưa cho phép, và chúng tôi vẫn chưa nghĩ làm thế nào có thể vượt qua được lớp hàng rào thép gai concertina ở giữa hai lớp hàng rào cây cao gấp rưỡi đầu người? Bây giờ chúng tôi mới hiểu Phương có một lối tính toán hết sức tài tình. Phương xung phong ở nhà đổ phân cho anh em chính là dịp để quan sát địa thế đồng thời nghĩ cách vượt trại. Sau khi đã nắm vững tình hình, Phương đã thực hiện kế hoạch bằng cách rút ra ba cây tre để thành cái lỗ hổng vừa đủ chui ra ngoài. Sau đó, Phương chạy lẹ đến nhà vệ sinh, sát bờ rào, lấy một tấm gỗ ở nhà vệ sinh bắc ngang qua hàng rào làm thành một cây cầu vượt qua nhảy xuống đường, lội qua suối và chạy vào rừng mất dạng. Chỉ tội cho hai bạn tù nằm hai bên cạnh Phương, ngay sáng hôm sau bị đưa vào phòng biệt giam vì tội đã để cho Phương trốn thoát mà không biết!

Sự việc Phương vượt ngục làm cho kỷ luật nhà 7 thêm phần gay gắt. Ngay ngày hôm sau, lúc trại viên đi làm lao động trở về thì nhà 7 đã được công an dùng dây kẽm gai rào bao khắp chung quanh trùm luôn cả mái. Do đó, ý định vượt ngục bằng cách khoét gạch của tôi và Đức bị bỏ hoàn toàn. Đội 33 đi làm bị canh phòng cẩn mật hơn. Làm ở đâu thì trại viên phải ở yên một

chỗ, cởi trần, mặc quần cụt, có ba tên công an chĩa súng vào canh gác. Thật ra việc Phương trốn trại đâu phải là lần đầu. Đã có nhiều tù nhân vượt trại từ trước, bằng nhiều cách kể cả cách dùng cuốc bở vào đầu cán bộ công an cho chết rồi trốn chạy vào rừng. Có người thoát, có kẻ bị bắt trở lại và bị hành hạ một cách thâm hiểm. Mới nhất tại Hàm Tân là vụ Nguyễn Quang Thái. Thái là một trung úy địa phương quân từng trấn đóng tại vùng Đà Lạt, Lâm Đồng, có vợ hai con. Từ khi ra trình diện học tập cải tạo, Thái không còn biết tin tức gì về gia đình. Mãi sau này cha của Thái đi thăm vô tình cho Thái biết vợ Thái đã bỏ đi lấy chồng khác, để lại hai con cho ông bà nội nuôi. Thái buồn rầu rồi nhân cơ hội được sinh hoạt cả trại ở ngoài sân banh, Thái đã nhanh chân luồn trốn vào rừng khiến công an đuổi không kịp. Nhưng lại không may cho Thái, hai tuần sau khi công an ở ngã ba ông Đồn đã bắt lại và giải giao về trại. Thái bị biệt giam hai tuần và sau đó được trả về đội 27.

Một đêm kia, giữa lúc tù đang ngủ ngon giấc thì từng tràng súng nổ liên hồi. Tiếng công an chạy rầm rập ở ngoài hàng rào. Các tù nhân đoán là có anh em âm mưu vượt ngục, nhưng không ngờ người ấy lại chính là Thái. Thái đã trở nóc nhà trốn ra tới bờ rào. Tên công an ở trên chòi canh đã nhìn thấy, cố tình nả cho một tràng súng vào người Thái chết thâm hiểm. Những viên đạn AK đã ghim nát vào đầu, vào ngực Thái khiến các trại viên nghe đến phải súc động rùng mình. Thân xác người tù bất hạnh được liệm sơ sài trong một cỗ quan tài làm bằng cây ván mỏng của xưởng mộc. Rồi ngay sáng hôm sau, một đám ma âm thầm đưa kẻ xấu số về nơi yên nghỉ đèo heo hút gió giữa khu rừng trơ vơ hiu quạnh.

Cái không khí mát dịu buổi sáng làm cho tù nhân dễ chịu bao nhiêu thì cái nắng gay gắt ban trưa lại làm cho tù nhân ủ dột bấy nhiêu. Giữa sân rộng của trại, bầu trời không một áng mây, không gian không một gợn gió, mặt trời chói chang trên từng không đồ cái nắng gay gắt như muốn thiêu đốt cái hỏa ngục trần gian. Hàng ngàn tù nhân ngồi chễm chệ rải rác quanh sân theo đội của mình để chờ lệnh đi làm công tác lao động. Quần áo

rách rưới được khâu bằng những bao cát vá chằng vá chịt. Thân thể tiêu tụy vì cháy nắng được che bằng những cái nón lá bị thời gian soi mòn đã trở thành mầu bạc phếch. Trưa nào cũng thế, một giờ tập hợp, cả trại ngồi phơi nắng đợi lệnh gọi. Mấy ngàn tù nhân xếp hàng ra đi qua cổng. Mọi tù nhân phải ngả nón chào cán bộ rồi theo sự hướng dẫn của công an vũ trang đến chỗ làm. Năm giờ chiều, đoàn tù nhân lại lưng thưng xếp hàng ra về. Trước khi vào trại, tù nhân được công an dẫn ra bờ suối Hàm Tân tắm. Dòng suối mùa nắng nước cạn chảy lờ đờ, trơ ra những đụn cát. Đoàn tù nhân cởi truồng nhảy ào xuống dòng suối vọc nước tắm, thân thể khắng khiu đen đúa như một bầy vượn. Trên bờ hàng chục công an đứng chung quanh cầm súng chĩa về phía tù nhân canh chừng.

Rồi mùa mưa đến, dòng suối lại ngập tràn nước lũ, đục ngầu. Cây cối hai ven bờ xanh um. Chiều chiều đoàn tù nhân sau khi đi lao động trở về lại được dẫn ra suối, nhảy xuống tắm truồng, bơi lội thỏa thích. Xa xa là cái chuồng heo của trại ngay ven bờ suối thỉnh thoảng lại xả ra những cục phân mà trại viên khu chăn nuôi quên không gấp bỏ vào thùng phân hữu cơ, nổi lênh bênh trên mặt nước. Tù nhân đang tắm ngó thấy vợi lấy tay té nước cho nó giạt trôi đi. Tù nhân Nguyễn Văn Luật nói đùa tù nhân Nguyễn Quang Minh:

- À, cái này của thằng Minh.

Cả đội cười âm ỉ. Trên bờ, toán công an hô:

- Lẹ lên! Đi về trại!

Tù nhân vợi nhảy lên bờ, bận quần áo lại. Phía trên cầu, mấy cô bộ đội gái đi ngang qua, vợi lấy tay che mắt khiến đám công an cười ngật ngheo.

Trên đường về, tôi hỏi Đức:

- Em xem ở bờ suối có cái gì lạ lạ không?

Đức đưa mắt dò hỏi.

- Em thấy không? Chung quanh bờ suối, cây cối mọc um tùm.

Đức nêu ý kiến:

- Nếu mình luôn ra được đám lùm cây quanh chuồng heo thì có thể trốn dễ dàng.

Tôi nhấn mạnh:

- Anh đang định nói với em về chỗ đó. Nhưng cần phải thật lẹ vì mấy thằng công an mà thấy mình đi hơi xa đội một tí là chúng gọi lại.

Hàng ngàn tù nhân vẫn đứng tập hợp ở trước cổng trại cho công an trực điểm danh. Đội nọ đứng sát đội kia hỏi thăm sức khỏe và tình hình bên ngoài. Chỗ này, tôi nhận ra được một vài nhân vật quen thuộc như ông Nguyễn Văn Ca, cựu dân biểu Phật Giáo Hòa Hảo thuộc đơn vị Châu Đốc thời VNCH. Ông gầy đi nhiều, nhưng sắc diện còn tốt. Ông búi tóc củ hành y hệt một cụ già miền Nam, da dẻ hồng hào xen lẫn chút nắng cháy khác hẳn với ông Hồ Hữu Tường mập ú vì bị bệnh phù thũng. Ông này sau khoảng một tháng kể từ khi tôi gặp đã phát bệnh nặng và được Việt Cộng tha về nhà để chết! Và Paul Nur, nguyên Bộ Trưởng Sắc Tộc thì may mắn hơn, được xuống làm bếp, nên người có vẻ khỏe mạnh.

Đội trưởng lần lượt kiểm danh trại viên trong đội và báo cáo với công an trực trước khi vào sân trại. Đội 33 và 35 đầy đủ. Riêng đội 34 thiếu hai trại viên khiến đội trưởng Mạc Đức Ninh chạy nhốn nháo đi tìm khắp sân cỏ ngoài cổng trại mà vẫn không thấy. Tất cả được lệnh vào sân trại và đứng biệt riêng ra. Đội trưởng và cán bộ quân giáo kiểm danh lại lần nữa thấy thiếu hai anh em trại viên Biển và Khai. Hai trại viên này bị kết tội phản động chống cách mạng ở Bình Đông Chợ Lớn, từng bị nhốt ở Thoại Ngọc Hầu hai năm rồi mới được chuyển ra trại Z30D. Lúc ấy công an được lệnh báo động, bắn ba phát súng và chạy tóa ra đi lùng khắp bờ suối. Một lần nữa anh em ở buồng 7 lại hồi hộp bàn tán, chỉ sợ Biển và Khai bị bắt lại thì nguy to!

Đức bảo tôi:

- Bây giờ em mới nhớ ra, trưa nay hai anh em nó bận đồ khác hơn mọi ngày. Không ngờ tội nó trốn hay thiệt. Em tính chỉ

cần 5 phút là có thể vô rừng.

- Nhưng em có nghĩ tội nó lặn bờ suối như anh em mình bàn lúc nãy không?

- Không hẳn là như vậy. Em đoán tội nó lợi dụng lúc lộn xộn đi tắm, nên lặn qua đội khác rồi chạy qua phía chuồng heo có nhiều lùm cây và vườn bắp đã mọc xanh um.

Như vậy là chưa đầy một tháng đã có hai vụ trốn trại. Kỷ luật nhà 6 và nhà 7 thêm chặt chẽ. Quần áo trại viên đều được lòi ra đóng dấu bằng sơn đen hoặc sơn đỏ trở lại chữ Z30D ở hai đầu gối và sau lưng. Đồ dùng đi làm đều bị khám xét kỹ càng, cấm tuyệt đối không mang hai áo, hai quần. Một bộ bà ba trắng rộng thùng thình được phát riêng cho đội 35 của người Hoa, đi đâu cũng như một đám ma. Anh em nói đùa là bộ đồ tang. Đội làm lao động ở chỗ nào thì phải ở gọn vào một chỗ. Ba tên công an đứng ở ba góc chia mũi súng canh chừng. Thế là kế hoạch vượt ngục của tôi và Đức lại bị bỏ qua một lần nữa.

Trưa nay đội 33 làm “thông tầm”, lật bắp ở sân hội trường. Trại viên ngồi quay quần ở ba gian nhà trống vừa lật bắp vừa nói chuyện vui vẻ. Cán bộ quản giáo và công an cho phép tù nhân được lấy bắp đem nướng ở chỗ nấu nước uống. Trưa, cán bộ cho hai trại viên về nhà bếp lấy cơm mang ra cho cả đội ăn. Ăn xong nằm nghỉ trưa. Đức và tôi nằm xa xa ở phía đầu gian nhà, canh bếp nấu nước uống cho cả đội rồi bàn nhau về cách vượt thoát. Đã bao lần toan tính nhưng đều đã có người làm trước mình một cách tài tình. Chỉ tội nghiệp cho Thái, cái số chết đau thương không tránh được. Cả tuần nay, Đức và tôi lại bàn nhau về kế hoạch vượt thoát. Đức bảo tôi:

- Thăng Nguyễn Kim Sơn tội vượt biên được quản giáo cho ra gánh rau muống. Vậy mà nó không lợi dụng. Mình mà được như nó thì hết sảy.

- Mình cần phải kiên nhẫn, em à.

Tôi nói vậy chứ thật ra đến lúc đó tôi vẫn chưa nghĩ ra được cách nào khác, ngoại trừ phải chuẩn bị luôn những thứ cần thiết

để khi gặp cơ hội là tính liền. Những gì chúng tôi nghĩ thì đã có những bạn khác làm trước mình cả rồi. Đã một lần tôi sợ ý khi đi lao động ngang qua cổng trại quên bỏ nón đã bị tên công an trực chặn lại tịch thu cái nón lá và cặp kiếng cận. Cái nón lá thì không đáng gì nhưng cặp kiếng cận là thứ tối kỵ đối với công an. Hình như họ mang sẵn ấn tượng xấu về những người quốc gia mang kiếng trắng, một thứ “trí thức tiểu tư sản xấu xa”? Trưa hôm đó, Đức và tôi quyết định hành động, nhưng khi bị thu nón và kiếng thì kế hoạch của tôi phải ngưng lại. Cái giác quan thứ sáu mà tôi có được quả là hiệu nghiệm lạ lùng. Trước khi bị tên công an chặn lại, tôi thấy mí mắt giật đùng đùng dễ sợ. Linh tính báo cho tôi biết có điều gì hiểm nguy, bởi vì tôi mang trong mình những thứ chuẩn bị cho cuộc vượt thoát. Giữa cơn nguy khốn tôi chỉ còn biết kêu cầu đến Chúa, Đức Mẹ và thánh cả Giuse. Quả nhiên sau khi tên công an tịch thu nón và kiếng, rồi đẩy tôi về đội đi lao động thì mí mắt tôi hết giật. Chuyện vượt ngục càng ngày càng đi vào cảnh khó khăn. Hơn nữa, đội 33 lại vừa trải qua một cơn khủng hoảng lớn. Số là mấy trại viên được quản giáo Lương kêu ra cuốc vườn cho hẩn cạnh vườn một nữ cán bộ. Anh em đói quá đã bới trộm đậu phộng ở vườn cô nữ cán bộ nướng ăn. Cô khám phá ra liền gọi quản giáo Lương mà chửi. Quản giáo Lương bực mình quá liền tập họp cả đội quát mắng âm ỉ rồi quyết định thay bằng mấy anh em trại viên khác trong đội. Hôm nay làm thông tầm, giữa trưa nắng, tôi đang nằm nghỉ ở trên nền nhà xi măng thì Quản giáo Lương thành linh tới gọi:

- Anh Trình chuẩn bị ra cuốc vườn cho tôi.

Quyết định của quản giáo Lương khiến Đức và tôi ngạc nhiên đến sững sờ. Phải chăng đến ngày giờ Chúa cứu? Tôi sức nhớ lại tối hôm trước, tất cả anh em trong đội đã bầu tôi là chiến sĩ lao động xuất sắc nhất trong tuần. Tôi nghĩ bụng: “Xuất sắc gì cơ chứ? Lặt ba cái bắp, cuốc mấy luống khoai...” Chẳng qua anh em bầu bán nhau để có chuyện mà báo cáo theo lệnh của Ban Giám Thị Trại. Mấy tuần trước anh em đã được tôi đề nghị. Bữa nay hết người thì đến lần tôi được anh em bầu. Nhưng biết đâu cử chỉ cùng thái độ lao động tận tình của tôi đã được cặp mắt

xanh của quần giáo Lương chú ý. Có thể hẳn đã tin tôi là người chăm chỉ làm việc đồng ruộng nên mới có quyết định gọi ra cuốc vườn cho hẳn.

Tôi đi theo toán năm người ra bờ suối, xắn quần lội qua suối rồi bắt đầu dọn sạch khu vườn rau lang còn đầy cỏ và gai góc mọc um tùm sau mấy trận mưa. Chiều hôm nay nắng ráo, dòng suối cạn, nước chảy lờ đờ. Cả toán sáu người gồm Trần Đức Dục, Hồ Văn Bắc, Nguyễn Quang Minh, Nguyễn Văn Luật, Nguyễn Văn Bình và tôi hì hục khai quang, đẩy cỏ rồi cuốc vun lên thành luống. Luật chụm củi nấu nước uống cho anh em bằng mấy cái lon Guigoz và lấy ít bắp nướng cho cả toán vừa làm vừa ăn. Quần giáo Lương đứng bên cạnh, cũng xắn tay làm. Vừa làm hẳn tâm sự:

- Các anh thấy đời sống cán bộ chúng tôi cũng thiếu thốn, nào có hơn gì các anh. Phải tần tảo làm ăn thêm mới đủ sống.

- Dạ!

Hắn tiếp tục:

- Đã vậy còn thêm chứng bệnh đau lưng, nằm ngửa không được, chỉ thích nằm sấp...

- Dạ...

Hắn cười, tiếp:

- Mà chẳng lẽ cả đêm nằm úp lên bụng vợ hoài...

Cả toán cười.

- Tôi có mang ra đây thêm cái bao. Anh Luật vật bắp của trại bỏ lẹ vào để tôi mang về nấu cho heo ăn. Nhà nước nuôi mình không đủ thì mình có quyền lấy của nhà nước.

Hắn vừa nói vừa trao cái bao cho Luật rồi cả hai làm thật lẹ, chọn những trái bắp thật to, thật mẩy dồn chặt vào bao. Ăn vừa đầy, hẳn túm miệng bao lại, đưa lên vai vác về không quên ngoái cổ lại dặn cả toán:

- Các anh làm thật sạch. Ngày mai ra cuốc vườn tiếp. Tôi về nhà, khoảng 4 giờ tôi ra gọi các anh về.

Vườn bắt mùa thu hoạch có vẻ nhộn nhịp. Các đội lao động đứng rải rác khắp khu rừng rộng cả hàng trăm mẫu để bẻ bắp mang về cho trại dưới sự canh chừng của công an vũ trang. Nhìn chung quanh xa xa thấy có nhiều thuận lợi nếu trốn vào lúc này. Nhưng chiều nay, trời nóng nực, tôi chỉ mặc một cái quần đen và cái áo thun có đóng dấu chữa Z30D đen ngòm ở sau lưng, rõ thật là trở ngại. Cái ngày chuẩn bị thì không có cơ hội mà cái ngày có cơ hội thì lại không kịp chuẩn bị. Tôi cứ hì hục cuốc và suy nghĩ. Mấy trại viên kia vừa làm vừa nói chuyện. Minh cười bảo Luật:

- Đừng có trốn nghe mầy. Lấy củi nường bắp cho anh em ăn. Mầy mà trốn là tội tao kẹt cả lũ.

Luật cãi lại:

- Sức mầy mà trốn. Mà trốn rồi đi đâu?

Luật bị bắt về tội vượt biên. Nó hy vọng một thời gian nữa sẽ được thả về. Vì tuy tội vượt biên được xếp vào tội chính trị nhưng nhẹ hơn tội phản động chống cách mạng. Cả toán chỉ có tôi là mang tội phản động phục quốc.

Hồ Văn Bắc, cựu sĩ quan Cảnh Sát chuyên bầm tử vi, lên tiếng:

- Tuổi của mình còn kẹt mấy sao xấu, chưa thể qua hạn năm nay được. Chắc là phải năm tới.

Bắc xỏ toàn những danh từ của khoa tử vi mà tôi không nhớ hết lời bàn của hắn. Nhưng mấy anh em kia thì chú ý và đưa tuổi cho Bắc nhẩm đoán. Tôi hơi tức cười định hỏi Bắc: “Cậu đoán xem chừng nào tập đoàn Cộng sản Hà Nội đổ?” nhưng đã kịp bụm miệng lại. Tôi tự nghĩ chỉ có con đường duy nhất là vượt ngục mới cứu được bản thân và công cuộc chiến đấu còn dang dở. Ngược nhìn lên chung quanh, các toán lao động vẫn đứng rải rác xa xa bẻ bắp với sự canh chừng của công an vũ trang. Vườn bắp thu hoạch càng thêm quang đãng trống trải cho nên vượt thoát cũng không hẳn là dễ dàng.

4. Cơm chiều xong, Đức và tôi ngồi riêng ra ở một góc, to nhỏ. Cả buồng 7 vẫn nhộn nhịp tùm năm tùm ba nói chuyện hoặc đánh cờ. Có mấy trại viên già nằm dài trên sàn ván. Nhìn

qua song cửa làm bằng mấy cây tre khô, núi Mây Tào sừng sững ngay trước mặt. Nó như thách thức và nhắc nhở những chiến sĩ cách mạng hình ảnh của chiến khu và chiến trận năm nào. Dấu binh lửa còn ghi đậm nơi ấy. Đức hỏi tôi:

- Trưa nay được gọi ra cuộc vườn, anh thấy thế nào?

- Rất thuận lợi nhưng thiếu chuẩn bị. Vả lại anh em mình đã hứa, đi ở cùng có nhau. Anh chưa hành động nếu không có ý kiến của em.

- Ngày mai anh còn được ra cuộc vườn nữa không?

- Quản giáo hẹn ngày mai ra cuộc vườn tiếp cho hấn và hấn nói sẽ lấy thêm hai người nữa. Là đội trực, anh muốn tìm cách đưa em đi cùng, nhưng không biết có được hay không để anh em mình cùng vượt thoát.

Đức chú ý nghe lòng rất phấn khởi. Nhưng tôi suy nghĩ rồi lập nghiêm hỏi lại Đức:

- Anh muốn hỏi ý kiến em.

- Anh cứ nói.

- Hồi trước anh em mình có hứa là đi, ở cùng có nhau. Đó là điều tốt và là ước nguyện. Nhưng giả sử, ngày mai, nếu quản giáo Lương không lấy thêm người mà anh vẫn được gọi ra cuộc vườn cho hấn thì em có đồng ý cho anh trốn trước không? Anh muốn nói em có sẵn sàng đóng vai trò Lê Lai để anh làm Lê Lợi không? Nhưng anh nghĩ em không phải hy sinh đến độ như Lê Lai đâu. Anh trốn trước, anh sẽ tiếp tục lo cho đại cuộc. Còn em, sẽ tùy cơ tìm cách trốn sau...

Mặt Đức có vẻ buồn buồn:

- Em nghĩ rằng trốn một người thì dễ dàng hơn và em có cảm tưởng rằng anh em mình sắp xa nhau. Mấy bữa trước, tấm áo mưa của anh em mình chia làm đôi, em đã thoáng cảm thấy sự xa cách.

- Không. Đây anh chỉ nêu ra một giả thuyết. Chứ thật tình, anh sẽ cố gắng tìm cách gọi em ra nếu quản giáo lấy thêm người như hấn nói chiều nay. Em đồng ý thì anh mới hành động. Bằng

không thì anh sẽ ở lại. Chẳng nào thuận lợi cho cả hai thì mình mới vượt ngục cùng một thể. Chúng ta phải chuẩn bị từng giờ từng phút. Có cơ hội là phải tính.

- Dạ.

Cả hai chúng tôi chuẩn bị những thứ cần thiết: Một cây kim, một hòn đá lửa, mấy sợi chỉ và một cục xà bông nhỏ để tẩy xóa dấu vết của chữa Z30D trên đầu gối quần và và sau lưng áo. Mỗi lần ra bờ suối tắm, tôi đã lén dùng xà bông tẩy cho nó mờ dần. Đồ ăn vừa hết thì một bạn tù cho tôi thêm một nắm sợi mì vụn đựng vừa nửa lon Guigoz. Đường thẻ không còn một miếng, nhưng còn 10 viên thuốc Ganidan phòng hờ uống cho khỏi đau bụng ỉa chảy. Đêm ấy, tôi không sao chợp được mắt, cứ thao thức suy tư và cầu nguyện. Các bạn tù đã yên giấc, tiếng ngáy đều đều. Chỉ còn một Trần Thọ Sâm là thức dậy sớm đi sục sạo khắp buồng. Hắn đưa tay xé hết các tờ giấy ghi tên từng trại viên gián ở chỗ nằm rồi lại chạy vào nhà xí khua um.

Một đêm không ngủ, nhưng tôi không cảm thấy mệt. Một trận mưa như thác đổ lúc gần sáng đã làm cho không khí mát mẻ dễ chịu. Tên công an trực đến mở cửa buồng cho đội 33 và 34 đi vệ sinh sáng và lấy cơm nước. Đức kéo tôi ra chỗ riêng bảo nhỏ:

- Em đã suy nghĩ kỹ rồi. Nếu anh em mình không thể trốn chung được thì anh cứ tự tiện, gặp cơ hội là trốn trước rồi em sẽ tính kế sau. Vấn đề là là mình phải giữ được tinh thần chiến đấu.

- Cám ơn em. Anh không bao giờ quên điều đó. Có điều anh muốn nhấn mạnh rằng anh em mình phải chuẩn bị những thứ cần thiết để tùy cơ ứng biến.

Giờ đi lao động bắt đầu. Toán của tôi tuần này trực. Trại viên Trần Đăng Khoa, sau khi báo cáo bệnh nằm ở nhà, mọi việc trao cho tôi một cách bất ngờ. Nhiệm vụ của toán trực là đi lấy cơm nước cho đội ở nhà bếp và mang thùng nấu nước cho đội ở chỗ làm công tác lao động. Bấy giờ sáng tập hợp điểm danh đi làm. Đội chính trị 33 bao giờ cũng được gọi ra sau cùng. Sự cáo bệnh bất ngờ của Khoa hôm nay làm cho toán trực quên chưa kịp xuống nhà bếp lấy thùng nấu nước. Được các trại viên nhắc, tôi

quay qua bảo Đức:

- Em chịu khó xuống nhà bếp lấy thùng đi nấu nước.

Tôi muốn dành công tác đó cho Đức vì người nấu nước được thông thả hơn mấy anh em khác và đến chỗ làm có thể đi lại dễ dàng. Nhưng tôi không ngờ công an trực thấy đội 33 đứng lộn xộn nên đã gọi ra trước. Cả đội vội vã đi ra cổng. Đức xuống nhà bếp lấy được thùng nước đang hốt hủ chạy theo đội, vừa mới tới cửa buồng 7 thì công an trực quát tháo âm ỉ:

- Thằng này lè phè, ở lại nhà.

Tôi suy nghĩ, lòng trí rất hoang mang. Phải chăng là định mệnh? Đức phải ở lại nhà, làm sao kéo Đức cùng đi? Cả đội theo lệnh công an tiến ra sân hội trường và hình như hôm nay sẽ làm nền trường học. Trại viên phải dùng vỏ nện cho nền nhà chặt thêm. Quản giáo Lương đã chờ sẵn ở phía đầu nhà ngói, cạnh hội trường. Hắn lên tiếng:

- Mấy anh hôm qua đâu ra đây?

Tôi vội vã nhảy ra cùng năm người kia. Quản giáo Lương dẫn cả sáu trại viên ra bờ suối. Còn đội 33 thì theo ba tên công an tiến về phía trường học. Dòng suối sau trận mưa đêm qua, nước chảy tràn như thác đổ. Mọi người nhìn nhau ái ngại, làm sao có thể bơi qua được. Quản giáo Lương thúc giục:

- Anh em cố gắng xem!

Mọi người cởi đồ để trên bờ. Minh và Luật thử nhào xuống trước. Giữa dòng suối đục ngầu chảy xiết, hai người nương theo chiều nước chảy rồi bơi xéo qua bờ bên kia. Bình thấy dòng suối chảy mạnh quá liền xin trở về đội. Còn lại năm người. Rút kinh nghiệm của hai người trước, mấy anh em và tôi lội ngược dòng theo ven bờ chừng mười mười lăm thước rồi thả mình theo dòng suối, nương theo chiều nước chảy bơi qua bờ bên kia. Tôi không thể ngờ rằng bơi theo dòng nước lại dễ dàng và nhẹ nhàng đến thế. Chỉ có điều, mình phải lội ngược lên để khi nhảy xuống thì dòng nước sẽ đưa mình xéo qua bờ bên kia, chứ không thể bơi bằng ngang qua được. Tới bờ, cả toán lại hì hục làm. Mấy cái

cuốc và mấy con dao giấu ở bụi rậm vẫn còn nguyên. Anh em lấy ra tiếp tục cuốc vun thành luống. Quản giáo Lương dặn:

- Anh em rón làm nhanh. Chín giờ tôi ra gọi về.
- Dạ. Cán bộ yên tâm.

Quản giáo Lương xem ra rất hài lòng về toán này vì ai cũng tỏ ra chăm chỉ. Hơn lúc nào hết, tôi càng tỏ ra làm việc cật lực để lấy lòng quản giáo. Quản giáo về rồi, còn lại năm tên tù vừa làm vừa nói chuyện.

Trần Đức Dục bảo mấy anh em:

- Mình bơi trở lại lấy đồ rồi hăng làm.

Từng hai người luân phiên bơi trở lại lấy đồ một cách nhẹ nhàng. Tôi liền nghĩ cách trốn và âm thầm cầu nguyện để xin ơn trên phù giúp. Trong khi Luật chụm củi nấu nước thì Minh vẫn cái giọng điệu điệu bảo Luật:

- Đừng có trốn nghe mây. Chết cả lũ đấy nghe!
- Mây nói tâm bậy không à.

Luật trả lời một cách hết sức hồn nhiên. Xem ra chỉ có Hồ Văn Bắc, nhà bầm độn tử vi là có vẻ thắc mắc lo âu. Hấn bảo anh em:

- Quái lạ! Sao hôm nay mí mắt nó giựt giựt hoài.

Tôi làm bộ giải thích:

- À, chắc vợ cậu nhớ cậu lắm đấy. Hôm nay ngày thăm nuôi, không chừng chiều về, bà xã đến thăm. Cán bộ cho về ngủ với vợ ở “Buồng Hạnh Phúc” thì hết xẩy!

Bắc làm ra vẻ không tin:

- Bà xã mình mới thăm nuôi hai tuần trước. Mí mắt hôm nay nó giựt mạnh và lạ lắm!

Tôi cố giải thích thêm:

- Thì chắc vợ cậu nhớ cậu nhiều chớ gì!

Có lẽ Bắc cảm thấy điều gì bất ổn có liên hệ tới hấn. Điều này đúng vì trước những gì hiểm nguy, người nào có giác quan

thứ sáu sẽ dễ dàng cảm nhận. Tôi từng có nhiều kinh nghiệm về loại giác quan này trong suốt thời gian bị bắt giam. Hôm nay, tôi lại thấy hơi lạ bởi vì hơn lúc nào hết tôi thấy an tâm. Linh tính báo cho tôi biết mọi việc xảy ra sẽ tốt lành. Chỉ có điều sự việc tôi quyết định trốn trại chắc chắn liên hệ đến toán cuộc vườn. Đó là điều ngoài ý muốn, tôi không thể nói ra và làm ngược lại quyết định của mình. Anh em trong đó có Hồ Văn Bắc có thể bị gọi lên để điều tra.

Đồng rừng hôm nay quang đãng. Chỉ còn mấy toán lao động ở rải rác xa xa. Vườn bắp sau mùa thu hoạch trở nên xơ xác, không còn xanh um, kín đáo như mấy tuần trước. Tôi vẫn chưa biết phải trốn chạy cách nào để không có thể bị bắt trở lại. Đang phân vân và âm thầm cầu nguyện thì đã tới 9 giờ, quần giáo Lương đã lội qua bờ suối từ lúc nào. Người hấn ướt rượt, vừa đi vừa mặc lại cái áo vải kaki bộ đội. Tiến lại thấy anh em làm việc cật lực chăm chỉ, hấn vui vẻ:

- Các anh có thể nghỉ tay, dọn đồ về ăn cơm rồi chiều ra làm tiếp.

- Dạ, cán bộ về trước. Chúng tôi xuống suối tắm sơ một chút rồi về ngay.

Hấn đứng ngó qua rồi thản nhiên đi trở lại, lội qua dòng suối về nhà. Mấy trại viên tự gom dao cuốc giấu vào bụi rậm rồi xách đồ về bờ suối. Dòng nước vẫn chảy xiết, tràn trề như thác đổ. Bốn anh em kia đi trước cầm đồ nhảy xuống suối tắm. Tôi thấy ngứa ngáy cả mình vì đụng phải một tổ kiến bên lùm cây. Luật thấy vậy vội la lên:

- Ô, sao kiến bu đầy mình anh nhiều quá!

- Ủ, để anh tắm một cái cho hết ngứa.

Nói xong, tôi vắt đồ trên bờ rồi nhảy ào xuống dòng nước tắm bì bõm.

Tôi bảo Luật:

- Em lội qua trước. Anh rửa sơ qua rồi lội sau.

Trần Đức Dục, Hồ Văn Bắc, Nguyễn Quang Minh và Nguyễn

Văn Luật đã bơi ra được giữa dòng. Nước chảy cuốn trôi họ về phía tay mặt. Họ cứ nường theo dòng nước mà bơi. Tôi liếc nhìn thấy họ còn cách bờ bên kia chừng mười thước thì nhanh như cắt, tôi nhảy phắt lên bờ, tay vợ lẹ bộ quần áo và lon mì khô rồi chạy giạt vào phía ruộng bắp, tai còn nghe văng vẳng tiếng kêu thất thanh của Trần Đức Dục:

- A, Trình nó trốn. Trình nó trốn!

Tôi lấy sức chạy cật lực, tưởng chừng như không còn sức nào chạy nhanh hơn như thế. Tim đập thình thình. Vừa chạy tôi vừa liếc nhìn vào bụi bụi rậm để tìm con dao nhưng không thấy con dao đâu vì tôi muốn lấy làm vũ khí hộ thân khi vô rừng. Tôi vừa chạy vừa luồn dưới vườn bắp trống trải. Cánh đồng mùa thu hoạch đã quang lờ. Chạy được chừng hai trăm thước, tôi ngừng lại quý mọp xuống vừa nghỉ mệt vừa lấy cái áo màu xanh mặc lại. Thật trong đời chưa có lúc nào mệt dừ như lúc này. Không gì diễn ta nổi được nỗi lo sợ sen lẫn sự vui sướng của một con chim vừa thoát ra khỏi lồng. Con chim ấy bây giờ là tôi vừa thoát khỏi cái mạng lưới kiềm kẹp hãi hùng. Ngược mắt lên nhìn, cách đó khoảng hai trăm thước, chòi canh của trại bên bờ suối nhô lên cao. Một tên công an ngồi đó lơ đãng nhìn xa xa. Quý xuống mặc áo xong, tôi tiếp tục luồn dưới vườn bắp, vượt qua một con đường mòn về phía K2. Tôi muốn chạy vô rừng mà không thể vô được vì cánh đồng quang đãng trống trải quá sau mùa thu hoạch. Đang lúc phân vân, bỗng nhìn thấy cái giàn bí mọc trùm lên một gốc cây đổ từ lâu, tôi chui đại vô. Gốc cây ngã xuống có dòng suối nhỏ chạy qua soi mòn hườm vào như một cái hang vĩ đại. Tôi chui xuống hang ngồi khuất sau gốc cây như một con ếch, lấy bình tĩnh và âm thầm cầu nguyện. Tôi nhắm tính anh em ở giữa dòng suối không thể đuổi theo vì sợ công an bắn. Nếu họ lên bờ trình diện quân giáo cũng mất ít nhất mười phút. Quân giáo trả họ về đội cũng mất ít nhất mười phút và từ đội báo cáo về ban giám thị trại cũng mất mười phút. Như vậy là tôi có đủ thời gian an toàn để chạy trốn.

Có lần ở buồng 7, Đức và tôi bàn nhau chỉ cần năm phút là xong. Nhưng trong thực tế, cánh đồng mùa thu hoạch trống trải

không cho phép tôi làm như dự định. Giờ này nằm trong hốc cây đổ, trên có giàn bí leo, tôi nhắm tính thời gian cũng không sai mấy. Quả nhiên, khoảng nửa giờ sau, có tiếng súng báo động bắn vang khắp trại tù. Tôi nghĩ bọn chúng bắn cho có lệ bởi lẽ cũng tin chắc là tôi đã chạy vào rừng tự đời kiếp nào rồi. Chúng đâu biết rằng tôi đang nằm trong một cái hang cách trại chưa đầy năm trăm thước. Ngồi trong hốc cây đổ, tôi dùng xà bông tẩy sạch các dấu vết chữ Z30D rồi tiếp tục cầu nguyện xin ơn trên. Nhìn lên bầu trời sáng tươi thật đẹp mắt. Một con chim nhỏ đang nhảy nhót trên giàn bí leo, kêu chiêm chiêm tìm sâu. Nó nghiêng mỏ nhìn tôi một cách ngỡ ngàng rồi vỗ cánh bay đi. Tôi nghĩ đến quần giáo Lương và cảm thấy tội nghiệp anh ta vì nhờ anh ta mà tôi có cơ hội vượt ngục. Tôi thầm cầu nguyện xin Chúa chúc lành cho quần giáo Lương khỏi cảnh tù tội vì để tôi trốn thoát.

Mười hai giờ trưa, nghe tiếng keng trại báo hiệu tù nhân vào buồng ngủ, tôi liền bò ra khỏi gốc cây, luồn qua mấy bụi rậm định trốn vô rừng, nhưng cánh đồng trống trải quá, đành nằm chịu trận. Tôi đưa tay với bẻ được mấy cái bắp vôi nhét vô túi rồi lẩn qua đám bụi cây khác nằm chịu trận ở đấy đến khoảng ba giờ chiều. Từ lùm cây rậm rạp ngó lên, chòi canh của trại bên bờ suối vẫn đứng trơ vơ gần đó. Tên công an vẫn ngồi lơ đãng như ngái ngủ. Bỗng có tiếng cồng keng của cái xe bò xa xa vọng lại xen lẫn tiếng chó sủa ăng ẳng. Tôi giật mình tự nghĩ chả lẽ trại giam cho chó đi tìm. Tiếng cồng keng mỗi lúc một gần. Tôi định thần nhìn cho kỹ. Một cái xe bò đang chở những bao bắp từ K1 về K2 ngay trên đường mòn cách chỗ tôi nằm khoảng một trăm thước. Tôi đành nằm chịu trận ở đó cho đến sáu giờ chiều khi nghe tiếng keng của trại báo hiệu tù nhân vô buồng dùng cơm tối và nghỉ đêm thời tôi mới đường hoàng tiến ra khỏi bụi rậm. Trời về đêm, trăng mười ba hiện ra sáng vàng vạc. Khí trời thật mát mẻ. Tôi nhắm hướng tay mặt đi về phía quốc lộ. Sau khi vượt mấy con suối, dòng nước vẫn chảy mạnh như thác đổ, tới một căn nhà để đồ làm của toán lao động tự giác, tôi gặp một con đường cắt ngang đi về K1 và K3. Tự dưng tôi cảm thấy rợn

tóc gáy và phản ứng chạy giật lùi trở lại nằm rạp xuống định thần. Hình như một bóng người đứng cạnh căn nhà rình chằng? Không! Tôi nín hơi thở và quan sát. Kìa không xa, ngay trên con đường chắn ngang trước mặt, một tên công an đi chơi đêm đang thung thảng bước từ K2 về K1 cách chỗ tôi nằm không tới hai chục thước. Tôi hoàn hồn cảm ơn bề trên đã gìn giữ tôi một cách lạ lùng.

Chờ cho tên công an đi khuất thật xa, tôi lại tiếp tục băng qua đồng rừng, vượt thêm hai con suối và đám ruộng lang của trại, nhưng không may, tôi lại bị lạc vào khu rừng gai mắc cổ tây. Loay hoay và lúng túng mất cả giờ mà không tìm được lối thoát. Tôi đi trở lại, gặp ngay một nhánh cây khô dùng làm gậy gạt ngang và thoát khỏi được cánh rừng gai này. Xa xa nghe có tiếng chó sủa từ trong nhà đồng bào. Tôi nhắm hướng quốc lộ Sài gòn - Phan Thiết mà tới, định bụng vượt qua bờ rừng bên kia. Nhưng coi chừng công an đi tuần tra. Trời tối om. Tôi vượt qua đường nhưng lại đụng vô nhà đồng bào địa phương, bước phải vũng nước kêu lồm bồm khiến đàn chó sủa vang. Tôi vội lui trở lại ven đường bên này. Một cái xe vận tải chở hàng từ Phan Thiết về Sài gòn pha đèn sáng lóa. Tôi vội chui vào bụi rậm cách lề đường chừng hai chục thước, nằm chịu trận và chờ sáng.

Trời mưa lất phất ướt hết cả thân mình. Muỗi vo ve lượn. Tôi không sao chợp được mắt, cứ thao thức cầu nguyện cho tới khi nghe tiếng keng của trại đánh thức tù nhân dậy ở phía xa xa và chờ cho tới lúc có người đi trên đường, rồi mới vùng lên và tiến về căn cứ 4. Tôi vào nhà thờ cầu nguyện, dự Thánh Lễ, cảm tạ Thiên Chúa đã cứu thoát tôi khỏi cảnh ngục tù Cộng sản để tiếp tục công cuộc kháng chiến giải phóng Quê Hương.

(trích trong Chiến Đấu)

PHẠM VIẾT HÙNG

Kẻ thoái hóa.

Phạm Việt Hùng chuyển ngữ

Nếu anh thực sự muốn nghe câu chuyện của tôi kể thì việc đầu tiên có lẽ anh muốn biết nơi chốn tôi sinh ra và thời thơ ấu ghê tởm của tôi như thế nào, còn bố mẹ tôi thì bận rộn ra sao trước khi họ sinh ra tôi cùng với tất cả phần nào vô dụng của anh tôi là David Copperfield. Tất cả những điều như thế đối với tôi chúng thật là tào lao. Nếu anh muốn biết sự thật về chỗ ở đầu tiên của tôi thì nó chán ngắt và buồn tẻ, còn chỗ ở thứ hai thì bố mẹ tôi mỗi người đều có chuyện phiền muộn. Nếu tôi có nói ra bất cứ điều gì thú vị có tính cách cá nhân đến họ thì họ dễ bị động lòng, đặc biệt là bố tôi. Nhưng họ đều dễ thương, dễ mến đối với tôi, cho nên tôi không kể chuyện về họ, nhưng thật ra họ đã bị đụng chạm quá nhiều rồi. Nhân đây tôi sẽ không cho anh biết hết câu chuyện về đời tôi, nhưng tôi chỉ cho anh biết chuyện vợ vẫn về một sự điên rồ đã xảy đến cho tôi vào khoảng Giáng sinh năm ngoái vừa mới xảy ra trước khi tôi lâm vào tình trạng tồi tệ, vì vậy tôi phải đến đây để tìm không khí thanh nhàn để chịu hơn.

Tôi đã kể hết chuyện này cho D.B. biết vì hắn là anh tôi. Hắn ở Hollywood. Thực ra nơi ấy không xa chỗ ở tồi tàn này cho lắm, cứ vào dịp cuối tuần là hắn đến thăm tôi. Có lẽ tháng tới hắn sẽ đưa tôi về nhà. Hắn vừa mới mua chiếc Jaguar. Một trong những chiếc xe thể thao của Anh có thể đạt được tốc độ vào khoảng là hai trăm dặm một giờ. Chiếc xe ấy làm hắn trả gần bốn ngàn đồng. Hắn có nhiều tiền nhưng ít tiêu xài, từng viết văn bình thường khi còn ở nhà. Khi ở nhà hắn viết những truyện ngắn khủng khiếp có tên là “Những con cá vàng bí mật.” Trong trường hợp anh chưa bao giờ biết hắn thì truyện “Những

con cá vàng bí mật” là của hắn đấy. Truyện như thế này, có một cậu bé không muốn cho ai nhìn con cá vàng của mình bởi vì cậu ta mua nó bằng tiền của cậu. Câu chuyện làm cho tôi buồn cười. Bây giờ thì hắn làm đi được ở đường phố Hollywood. Nếu có điều gì tôi ghê tởm thì đó là xi nê. Đừng bao giờ đề cập đến chuyện xi nê với tôi.

Câu chuyện bắt đầu là ngày tôi rời Pencey Prep. Pencey Prep là tên một trường học ở thành phố Agerstown, thuộc tiểu bang Pennsylvania. Có lẽ anh đã từng nghe về ngôi trường đó hay đã nhìn thấy quảng cáo đâu đó, được đăng trên hàng ngàn tạp chí khắp nước Mỹ, anh luôn trông thấy một hình ảnh thật sống động. Đó là một chàng thanh niên cỡi ngựa phóng qua một hàng rào cỏ. Làm như tất cả thanh niên trong trường Pencey suốt ngày cỡi ngựa chơi môn bóng polo. Thực ra tôi chưa bao giờ thấy dù chỉ là một con ngựa trong trường. Dưới bức ảnh chàng trai cỡi ngựa có hàng chú thích là: “Từ năm 1888 đến giờ, chúng tôi đã tạo nên những chàng trai tuyệt vời có niềm suy tư vững chắc.” Nói cho đúng ra thì điều này không được chính xác cho lắm, chưa chắc họ đã đào tạo nhiều thanh niên xuất sắc bằng những trường khác mà tôi cũng không thấy ai được cho là tuyệt vời và có niềm suy tư vững chắc trong thời gian tôi học ở đây. Nếu có theo tôi được biết là hai trường hợp, có thể là họ ở các trường khác đến học ở trường Pencey mà thôi.

Dù gì đi nữa thì đó là ngày thứ bảy, có một trận bóng đá Pencey với Saxon Hall. Trận đấu với Saxon Hall được xem như là một trận đấu ghê gớm, trận cuối năm được xem đó là một trận tự sát hay sẽ có việc gì đó xảy ra sau đó, nếu bọn thủ cựu ở Pencey không thắng. Tôi còn nhớ khoảng ba giờ, vào buổi trưa hôm ấy, tôi đang đứng trên đường lên đỉnh đồi Thomsen Hill, ngay kế khẩu súng đại bác hư nát thời chiến tranh cách mạng. Ở đây anh có thể nhìn thấy được toàn cảnh vận động trường, trong lúc hai đội đang va chạm nhau mạnh. Không thể nhìn thấy được chỗ ngồi chính diện của khán giả vì lúc ấy họ đang sôi nổi, cuồng nhiệt, nhưng có thể nghe được tiếng reo hò của họ vang vọng sâu thẳm, khủng khiếp về phía toàn trường

Pencey, trừ tôi ra. Còn phía bên Saxon Hall thì thiếu vắng tiếng hò reo vì họ không mang được nhiều người theo, còn những cô gái không có mặt nhiều ở vận động trường, chỉ có những học sinh lớn tuổi mới được phép mang bạn gái vào thôi. Thật là khủng khiếp với một ngôi trường như vậy. Dù thế nào đi nữa thì anh cũng nhìn ra nó y như thế đấy.

Tôi muốn được ở một nơi, tối thiểu nơi ấy thảnh thơi có một vài cô gái quanh quẩn. Ngay cả lúc họ có gãi tay hay hỷ mũi, rúc rích cười cợt với nhau hoặc làm một điều gì đó. Có một cô gái quen thuộc tên là Selma, là con gái ông hiệu trưởng, thường xuất hiện nhiều trong những trận đấu. Thực ra cô không phải là mẫu người làm cho tôi điên dại vì yêu. Cô chỉ là một cô gái đẹp thế thôi, có lần tôi ngồi cạnh cô trên chuyến xe buýt đi từ thành phố Agerstown. Chúng tôi nói chuyện linh tinh với nhau, tôi mến cô ấy, cô có cái mũi to quá khổ, còn móng tay của cô thì bị cô cắn cụt lộ màu đỏ trông như rỉ máu ra ở những đầu ngón, còn những sợi lông mi giả cô làm rơi rớt khắp nơi, thật là một điều đáng tội nghiệp cho cô. Điều mà tôi mến cô ta là cô không cho anh biết nhiều tính chất khả kính về một kẻ vĩ đại như cha cô, có lẽ chỉ có cô biết rằng bố cô là một người đạo đức giả mà thôi.

Một lý do nữa mà tôi đang đứng ở trên đường đi về phía đỉnh đồi Thomsen Hill thay vì ở dưới xem trận đấu vì tôi vừa mới từ NewYork trở về với toán đấu kiếm. Tôi là người điều hành đội này. Chúng tôi đi NewYork sáng hôm đó để đấu kiếm với trường McBurney. Nhưng không gặp họ (trận đấu hủy bỏ), mà tôi lại để quên lại tất cả vật dụng và trang thiết bị ở đường hầm xe điện ngầm. Tất cả không phải do lỗi tôi, mà bởi tôi mãi lo nhìn vào tấm bản đồ để biết nơi nào chúng tôi xuống ga trở về Pencey vào lúc hai giờ ba mươi thay vì vào giờ ăn tối. Cả toán, trừ tôi, trên đường quay về trường. Về mặt nào đó thì tôi thấy chuyện này thật là buồn cười.

Thêm một lý do nữa là tôi trên đường đi đến chào từ biệt người thầy cũ của tôi ở trường Pencey, đó là thầy dạy môn Sử. Ông đang bị bệnh cảm cúm và tôi đoán rằng có lẽ tôi sẽ không

gặp ông cho đến thời gian bắt đầu nghỉ lễ Giáng sinh. Ông viết cho tôi một bức thư ngắn đại ý nói là ông muốn gặp tôi trước khi tôi về nhà, vì ông biết là tôi không quay trở lại trường Pencey nữa.

Tôi quên cho anh biết về điều này, họ đã đuổi cổ tôi ra khỏi trường, tôi không được phép quay trở lại trường sau lễ Giáng sinh, vì tôi trượt bốn môn thi mà không thỉnh cầu hay khiếu nại đặc ân gì cả. Họ thường xuyên cảnh cáo tôi hãy bắt đầu làm đơn thỉnh cầu đặc biệt vào khoảng giữa khóa thi, khi bố mẹ tôi đến để bàn bạc với lão già Thurmer, nhưng tôi lại tránh mặt không gặp họ, vì thế tôi bị đuổi. Họ đuổi học sinh thường xuyên ở trường Pencey, một hình thức đánh giá học vấn của trường rất có hiệu quả. Thực sự là như vậy.

Dù sao đi nữa thì tháng mười hai đã đến rồi, trời lạnh lẽo, teo lại như vú bà lão, đặc biệt là đứng trên đỉnh đồi buồn chán này. Điều duy nhất là tôi có thể bỏ ngang lần đi này vì tôi không có bao tay hay bất cứ thứ gì khác. Tuần trước có tên nào đó vào phòng của tôi, nó ăn cắp cái áo khoác lông lạc đà mà tôi để nó ngay trong phòng cùng với đôi bao tay có phủ lông ấm trong túi cái áo khoác ấy. Ở trường Pencey thì đầy những kẻ gian, chỉ có một vài tên xuất thân trong gia đình giàu có thôi. Trường đầy những tên lừa bịp, trường học càng đắt tiền bao nhiêu thì đầy những kẻ gian tham bấy nhiêu. Điều này tôi không nói dối đâu..... Dù gì đi nữa tôi vẫn còn đứng cạnh khẩu súng đại bác hư nát nhìn xuống trận đấu lạnh lẽo một cách ngu xuẩn chỉ vì không muốn được xem nhiều về trận đấu ấy thế thôi. Thật ra tôi muốn đi vợ vẫn là vì muốn tìm đến một cảm giác tạm biệt. Ý nghĩ của tôi là bị đuổi mà không biết là sẽ phải rời đây lúc nào, tôi thật ghét điều này. Không cần biết nếu đó là một cuộc tiễn biệt buồn hay một sự gĩa biệt tẻ bạc, nhưng trước khi rời khỏi nơi này tôi muốn biết cái cảm giác là sắp sửa xa nó như thế nào, nếu không, tôi sẽ cảm thấy tệ hại hơn thế nữa.

May mắn thay, đột nhiên tôi nghĩ về một việc gì đó sẽ giúp tôi biết được tại sao tôi ra đi. Tôi nhớ lại trong thời gian vào khoảng tháng mười, tôi cùng với hai tên Robert Tichener, và

Paul Campbell đang tập liệng banh trước tòa nhà giáo sư nhà trường, hai thằng bạn thật là dễ thương, đặc biệt là Tichener. Việc đó xảy ra trước bữa ăn tối, ngoài trời quá ^{lạnh} đen tối. Nhưng chúng tôi vẫn tiếp tục liệng banh với nhau, mặc dù trời càng tối dần, thật là khó nhìn thấy quả banh mà bắt, nhưng chúng tôi lại không muốn ngừng cuộc chơi. Cuối cùng thì chúng tôi phải dừng, vì thầy Zambesi dậy môn sinh vật học, từ cửa sổ trên cao của tòa nhà, ông thò đầu ra ngoài bảo chúng tôi hãy trở về khu nội trú sửa soạn bữa ăn tối đi. Nếu có cơ hội để nhớ lại câu chuyện vợ vẫn như thế để từ giả khi cần, cũng có thể một ngày nào đó, không lâu điều ấy cũng sẽ phải xảy ra. Tôi quay người lại chạy một mạch xuống phía bên kia đồi, chạy về hướng nhà của thầy Spencer. Ông không sống trong khu nhà trường mà ở đường Anthony Wayne.

Tôi chạy đến cổng chính, ngừng lại một chút để thở vì lúc này tôi gần như hết hơi. Nếu ai muốn biết sự thật thì tôi cũng phải nói thật. Tôi từng là một tên nghiện thuốc lá nặng, mà chuyện hút thuốc đó đã qua rồi. Họ đã từng bắt tôi giảm hút. Còn một điều khác nữa là năm ngoái tôi đã cao lên được một vài phân Anh. Về chuyện hút sách của tôi thường xuyên bị gọi lên văn phòng tái khám về sức khỏe, nhưng sức khỏe của tôi lúc nào cũng tốt.

Chẳng bao lâu thì hơi thở của tôi bình thường trở lại. Tôi chạy ngang qua con đường 204. Trời lạnh làm mặt đường trơn trượt khiến cho tôi sượt ngã. Tôi không biết tôi phải chạy như thế để làm gì. Tôi đoán, tôi cảm thấy thích chạy thể thôi. Sau khi vượt ngang qua những con đường, tôi cảm thấy như hụt hẫng, giống như một buổi trưa diên đại, với cái lạnh khủng khiếp, không có ánh mặt trời hay bất cứ một thứ gì làm cho anh cảm thấy ấm áp, anh sẽ cảm thấy nhẹ hẫng mỗi lần anh chạy ngang qua đường.

Tôi ấn chuông thật nhanh khi tôi đến căn nhà cũ của thầy Spencer. Tôi lạnh như gần bị đóng băng. Tai tôi chóng lạnh buốt cũng như thật khó chuyển động những ngón tay. Tôi lẩm bẩm thật to trong miệng “Nhanh lên! nhanh lên! mở cửa nhanh lên.”

Cuối cùng thì bà Spencer ra mở cửa cho tôi. Họ không có người làm hay ai giúp cả vì thế ông hay bà phải ra làm cái công việc ấy, lý do dễ hiểu là họ không có nhiều tiền thế thôi.

Bà Spencer nói. “Holden đấy à? rất mừng khi thấy con đến, nào vào đi con! Con có bị cồng không?”

Tôi nghĩ rằng bà rất sung sướng khi gặp tôi, vì bà rất mến tôi, ít ra tôi cũng nghĩ được rằng bà như thế. Tôi vội vã bước vào nhà. Tôi nói:

— Chào bà Spencer. Ông Spencer thế nào bà?

Bà ta nói. “Đưa áo khoác đây cho bà con.”

Bà không nghe tôi hỏi ông Spencer như thế nào. Hình như là bà bị lãng tai. Bà để áo khoác của tôi vào trong tủ áo. Trong lúc tôi đang dùng những ngón tay vuốt tóc lại cho ngay ngắn. Vì tóc tôi cắt theo kiểu húi cua nên tôi thường dùng tay hơn dùng lược. Tôi nói lại lần nữa thật to để bà có thể nghe được lời tôi nói. “Bà có khỏe không?”

- Cũng thường thôi con. Rồi bà hỏi lại tôi:

- Còn con thì sao?

Bà vừa nói vừa đóng cửa tủ lại. Cách thức của bà nói chuyện với tôi, là tôi biết ngay lão già Spencer đã nói cho bà biết là tôi đã bị đuổi học. Tôi nói:

— Con cũng vậy. Còn ông Spencer thì sao? Ông đã hết bệnh cảm chưa?

— Hết rồi Holden! Thấy gần như hồi phục. Bà cũng không biết thế nào. Ông ta đang ở trong phòng đấy, hãy vào đi.

Cả hai họ ở phòng riêng biệt. Họ cùng tuổi với nhau vào khoảng bảy mươi hay có thể hơn. Trong lúc đi vào tôi nghe có tiếng va chạm, biết âm thanh ấy muốn nói lên điều gì nhưng tôi không quan tâm lắm. Tôi thường nghĩ là tôi hay suy nghĩ về lão già Spencer hơi nhiều. Và nếu tôi đã nghĩ về lão quá nhiều tôi tự nhủ xem cái địa ngục nào lão đang sống, ý tôi muốn nói là lão ta lúc nào cũng hạ mình xuống, bộ tịch thật là thậm tệ. Ở

trong lớp mỗi lần trên bảng đen, lão rút mẩu phấn xuống đất, những tên ngồi ở bàn đầu phải đứng dậy nhặt mẩu phấn lên đưa cho lão. Đối với tôi thì đó là một điều thật kinh sợ. Còn nếu người ta nghĩ về ông ta vừa đủ, không nhiều, thì có thể luận ra rằng lão không muốn làm điều gì tệ hại cho lão cả. Thí dụ có lần vào ngày chủ nhật khi tôi cùng các bạn đang đứng uống sữa sô cô la nóng thì lão xuất hiện cho chúng tôi xem một cái chăn Navajo mà lão có được là nhờ cho tiền những người Da đỏ ở công viên Yellowstone. Anh có thể bảo rằng lão Spencer được giá hời khi mua nó cũng được. Đó là ý của tôi muốn nói về lão già như thế đấy, là nếu có ai đi cùng với một người nào đó như lão già khú đế Spencer, thì lão ta sẽ mua cho người đó một tấm chăn với giá hời.

Cánh cửa phòng của lão mở, nhưng tôi cũng cảm thấy choáng váng, nhưng tôi tạo cho mình có tí lịch sự đứng thẳng người để có thể trông thấy được lão ngồi ở đâu, lão đang ngồi gọn trong một cái ghế da to lớn, trùm tấm chăn mà tôi vừa mới kể cho anh nghe đấy. Tôi chuẩn bị gõ cửa thì lão đã nhìn thấy tôi. Lão hỏi.

- Ai đấy?

Rồi lão kêu to lên.

- Caulfield, vào đây con.

Ở lớp học, lão thường kêu to lên như thế đấy, đôi khi làm anh giật mình đấy. Không dẫn đo tôi bước vào, cảm thấy phần nào hối hận khi đến đây. Lão đang đọc tờ nguyệt san Atlantic, chung quanh đầy những viên thuốc, còn trong phòng có mùi bốc lên như là thuốc Vick dùng để nhỏ mũi. Thật là chán nản, dù sao đi nữa tôi cũng không có quá điên dại để gần những người ốm. Điều tệ hại tạo nên sự buồn rầu như vậy, đó là lão mặc trên người một cái áo choàng tắm cũ như kẻ mới sanh ra hay áo gi đó giống như vậy. Thực ra tôi không thích nhìn những lão già trong bộ đồ ngủ hay áo choàng tắm như thế, vì luôn cho tôi thấy được những cái bộ ngực xương xẩu của họ. Còn các bộ giò của họ thì thật thảm nảo, trắng xanh, trơ trụi như anh nhìn thấy ở bãi

biển hay ở nơi nào đó. Tôi nói:

- Chào thầy. Con đã nhận được lá thư của thầy. Con cảm ơn thầy rất nhiều.

Trong thư lão viết là hãy gặp lão chào từ già trước khi kỳ nghỉ hè bắt đầu, vì có lẽ lão biết tôi sẽ không quay trở lại trường nữa. Tôi nói tiếp.

- Thầy không cần phải làm thế, vì con nhớ sẽ thăm thầy trước khi con rời trường.

Lão nói:

- Ngồi xuống đi con.

Ý lão muốn nói là tôi hãy ngồi xuống cái giường cạnh lão, nên tôi ngồi xuống và hỏi.

- Bệnh cảm của thầy thế nào rồi?

Lão nói. “Nếu thầy không bớt thì phải đi bác sỹ thôi.”

Điều lão vừa nói ra như muốn đánh gục lão, lão bắt đầu chắc lưỡi như người điên. Rồi cuối cùng thì lão cũng vào thẳng vấn đề:

- Sao con không có ở dưới kia xem trận đấu? Thầy nghĩ là ngày hôm nay có một trận đấu lớn đấy.

- Đúng thế, con vừa mới trở về đây từ New York với toán đấu kiếm đấy.

Giường của lão như một tảng đá. Lão bắt đầu trở nên nghiêm trọng, tôi đã biết điều đó. Lão nói:

— Như thế là con sẽ rời đây phải không?

— Thưa thầy đúng vậy.

Rồi lão lại bắt đầu gật gù như thường lệ. Trong đời người ta sẽ không bao giờ thấy ai như lão gật gù như thế, người ta sẽ không bao giờ biết khi lão gục gặc cái đầu rất nhiều lần, vì lão đang suy nghĩ một điều gì lung lăm, hay bởi vì lão là một người dễ thương đến nỗi không biết là mình hơi ngu dốt.

- Chuyện gì mà còn nói chuyện với thầy Thurmer thế? Thầy

biết rằng con có nói chuyện với thầy ấy.

- Đúng thế, con đã ở trong văn phòng của thầy ấy vào khoảng hai tiếng đồng hồ.

— Thầy ấy nói gì với con?

— Ô! Thầy chỉ nói cuộc sống như là một trận đấu thể thao. Mà con phải chơi như thế nào cho nó phù hợp với điều lệ. Thầy có vẻ rành rõi về cuộc đời. Ý con muốn nói là thầy không muốn đả động gì đến con cả, thầy chỉ muốn nói cuộc đời như là một trò chơi, thể thao.

— Cuộc đời như một trò chơi, mà kẻ chơi phải phục tùng điều lệ.

— Phải, con biết, con biết.

Trò chơi cái *đếch* gì. Nếu anh chơi trong một nhóm biết điều nghệ, biết luật chơi thì không nói làm gì, còn nếu gặp phải nhóm không biết cách chơi, lúc ấy trò chơi nó như thế nào? Không là gì cả, không luật lệ nếu không nói là luật rừng. Lão gia Spencer tiếp tục hỏi tôi:

- Thầy Thurmer có viết thư cho bố mẹ con chưa?
- Thầy bảo là sẽ viết thư cho bố mẹ con vào ngày thứ hai.
- Con đã nói chuyện này cho bố mẹ con biết chưa?
- Thưa thầy chưa, vì con sẽ về gặp gia đình vào tối thứ tư.
- Con nghĩ thế nào khi họ biết được điều này?
- Chắc họ sẽ phiền hà con lắm.

Tôi tiếp:

- Đây là lần thứ tư con đã dối trường.

Tôi lắc đầu nhiều lần và nói “Trời!” cũng nhiều lần vì với một mớ từ vựng nghèo nàn cùng với tuổi đời non nớt. Tôi chỉ có mười sáu tuổi lúc ấy, còn bây giờ thì tôi mười bảy tuổi rồi, mà đôi khi tôi hành động như một thiếu niên mười ba. Thật là mỉa mai bởi vì tôi cao quá khổ mà tóc tôi đã bạc một nửa về một bên đầu, phía bên phải, trông trắng xóa. Tôi đã nhận ra điều

này khi còn là thằng bé con và giờ đây, đôi khi tôi vẫn còn hành động như tuổi mười hai. Mọi người đều nói như thế, đặc biệt là bố tôi. Tôi nghĩ cũng có một phần đúng, chứ không đúng hết tất cả. Mọi người luôn luôn cho rằng họ đã nghĩ là đúng về tôi, nhất là bố tôi. Tôi cóc cần về việc ấy trừ ra những lúc tôi buồn bực khi có người nói tôi hãy hành động đúng theo cái tuổi của tôi. Đôi khi tôi hành động khôn ngoan hơn cái tuổi của tôi đấy chứ! Tôi đã từng làm như thế nhưng mọi người không bao giờ nhận ra điều ấy.

Lão già Spencer lại tiếp tục gục gặc cái đầu, lão bắt đầu dùng ngón tay ngoáy mũi nữa, lão giả bộ như là hành động gãi mũi thông thường thôi, nên dùng ngón tay ngoáy thật lâu và xem như bình thường vì chỉ có tôi và lão ở trong phòng. Đối với tôi thì không chú ý hành động ấy của lão lắm, trừ phi đó là một sự giả vờ nhìn trộm ai đang ngoáy mũi, rồi lão nói.

- Thấy được giao quyền đến nói chuyện với bố mẹ con sau khi họ nói chuyện với thầy Thurmer vài tuần qua. Họ là những người đáng mến phục.

- Đúng thế ạ.

Kính trọng đó là từ ngữ tôi ghét nhất, nó có vẻ giả tạo thế nào ấy. Tôi muốn mửa mỗi lần nghe nói đến. Rồi đột nhiên, hình như lão có điều gì thích thú thay đổi lối nói của lão với tôi. Lão ngồi ngay ngắn lại trên chiếc ghế da và xoay chung quanh, nó giống như là một sự báo động giả tạo. Lão cố nhấc tờ nguyệt san lên và liệng nó lên đầu giường nằm, cạnh tôi, nhưng nó lại rơi xuống đất. Tôi đứng dậy và nhặt nó lên để trên giường. Rồi đột nhiên tôi có ý tưởng rời khỏi căn phòng của lão vì tôi có cảm giác sẽ phải nghe một bài diễn thuyết khủng khiếp nữa. Tôi không màng về nó lắm, nhưng thực ra tôi không muốn bị giảng một bài đạo đức học làm người cùng với mùi thuốc Vick nhỏ mũi, kèm theo với bộ đồ tắm cũ kỹ mà lão đang mặc trên người. Lão bắt đầu đặt câu hỏi:

- Có chuyện gì với con thế?

Rồi lão lại thêm câu hóc búa:

- Trong mùa này con hoàn tất được bao nhiêu môn?
- Thừa thầy năm môn.
- Thế có bao nhiêu môn con bị trượt?
- Bốn.

Tôi đi chuyển từ từ ra đến đầu giường, ngồi trên cái giường thật là cứng, từ trước đến giờ tôi chưa có thấy cái giường nào cứng như thế. Tôi nói:

- Con qua được môn Anh văn bởi vì con đã đọc Beowulf và Lord Randal My Son khi con ở trường Whooton. Ý con muốn nói là con không phải khó khăn cho lắm với môn Anh văn, trừ khi lâu lâu con mới viết một bài luận văn.

Lão không chú ý lời tôi nói, lão thường không chú tâm khi có ai nói chuyện với lão.

- Thầy đánh hỏng con môn Sử bởi vì con hoàn toàn không biết gì về Sử cả.

- Thừa thầy, con biết điều ấy.

- Phải, hoàn toàn không biết gì cả.

Lão lặp đi lặp lại nhiều lần câu ấy làm cho tôi muốn điên lên được. Sau khi tôi đã thừa nhận lần thứ nhất, lão nhắc lại hai lần, rồi lão lại nói thêm lần thứ ba nữa:

- Hoàn toàn không biết gì cả. Thầy cảm thấy nghi ngờ lắm nếu con đã mở quyển sách ra để đọc, mặc dù chỉ một lần trong khóa học của con có phải vậy không? cho thầy biết sự thật đi.

- Đúng ra thì con có liếc nhìn chúng một hay hai lần gì đó.

Tôi đã cho lão biết như thế để cho lão khỏi đau lòng vì lão muốn điên lên do tôi không thuộc bài trong môn Sử của lão dạy. Lão nói rất mỉa mai, châm biếm:

- Chỉ có liếc nhìn thôi hả? Bài thi của con ở chỗ kia, ở trên nóc tủ của thầy chỗ xấp bài thi, mang hết lại đây cho thầy.

Thật là một ngón đòn thô bỉ của lão. Tôi đi đến nóc tủ và ôm một chồng bài thi đưa cho lão. Tôi không còn sự lựa chọn

nào khác nữa. Rồi ngồi lại cái giường cứng như đá của lão. Trời! không thể tưởng tượng nổi cái buồn bực của tôi khi ghé vào nhà lão để chào từ giả.

Lão bắt đầu đưa tờ giấy thi giống như là đưa một thứ dơ bẩn hay thứ gì ghê tởm như thế:

- Chúng ta học về lịch sử Hy Lạp từ bốn tây tháng mười một cho đến hai tây tháng mười hai.

Rồi lão tiếp:

- Con có quyền chọn đề tài này để viết như là câu hỏi bài thi mà thầy đưa ra cho con. Con có ý kiến gì không?

- Thưa thầy không.

Dù gì đi nữa thì lão cũng đọc, anh không thể ngăn ông thầy khi mà ông ta muốn, hãy để ông ta đọc.

“Người Ai Cập là tổ tiên của giống dân da trắng Cáp Ca, họ cư trú một trong những phần phía bắc Phi Châu mà sau này chúng ta được biết là một lục địa rộng lớn ở phía đông bán cầu.”

Tôi ngồi đấy và nghe những điều thật vô dụng. Thật là ngón đòn thô bỉ.

“Người Ai Cập được chúng ta quan tâm cực độ ngày hôm nay với nhiều lý do, những khoa học gia thời đại bây giờ muốn biết những thành phần thuốc bí mật nào mà người dân Ai Cập đã dùng để ướp xác của những người chết đến mức để những khuôn mặt người chết không bị rửa ra hằng bao nhiêu năm. Điều quan tâm bí ẩn này vẫn còn thách đố đến khoa học gia bây giờ, vào thế kỷ hai mươi.”

Lão ngừng đọc và đặt tờ giấy của tôi xuống, tôi bắt đầu thấy ghét lão.

- Bài tiểu luận của con coi như là chấm dứt ở đấy.

Lão nói với âm điệu mỉa mai, người ta không thể nghĩ rằng một người già như lão lại nói như thế:

- Tuy nhiên, con có viết qua loa cho thầy một mẫu ghi chú ở dưới bài làm của con.

Tôi trả lời:

— Có, con có viết.

Tôi nói thật nhanh bởi vì tôi muốn dừng lão lại trước khi lão đọc ra những lời tôi viết cho lão. Nhưng không kịp nữa vì lời nói của lão cay nồng như mùi pháo. Lão đọc thật to.

“Thưa thầy Spencer, đó là tất cả những gì mà con biết về người Ai Cập. Con không chú tâm đến họ nhiều mặc dù những bài của thầy giảng thật là hay. Mọi việc rất bình thường với con nếu thầy đánh hỏng bài thi môn sử này cùng với những môn thi khác, con chịu thua mọi môn, ngoại trừ môn Anh văn. Kính thầy. Holden Caulfield.”

Lão đặt tờ giấy của tôi xuống rồi nhìn tôi như là lão đánh tôi như đánh quả ping pong hay vật gì giống như thế. Tôi không nghĩ là tôi có thể tha thứ cho lão đã đọc thật to cái bài vô dụng của tôi, về phần tôi, tôi sẽ không đọc thật to nếu lão viết như thế. Ngay ở đầu câu tôi chỉ viết để lão không có cái cảm giác đau lòng để đánh hỏng tôi. Lão hỏi.

- Thế con có trách thầy đã đánh hỏng thi con không?

— Thưa thầy không, hoàn toàn không.

Tôi mong lão ngừng gọi tôi là con vì lúc nào lão cũng gọi thế luôn mồm. Lão cố liệng bài của tôi lên giường khi đọc xong nhưng nó lại rơi xuống đất một lần nữa, tôi lại phải cúi xuống nhặt nó lên để ở trên tờ nguyệt san Atlantic. Thật là chán nản khi phải làm như thế hai lần.

- Con đã làm gì với những bài giảng của thầy, nói thật cho thầy biết đi.

Ai có thể trông thấy lão thật sự đau lòng khi đánh hỏng bài thi của tôi. Vì thế tôi có thể làm dịu tình hình một lúc. Tôi nói cho lão biết rằng thực ra tôi là một kẻ đần độn với mọi thứ. Tôi nói cho lão biết rằng, tôi không thể theo nổi lớp của lão, nếu tôi còn ở trong lớp, và còn có nhiều kẻ không hiểu rõ giá trị khó khăn của người thầy như thế nào. Đại loại như vậy. Lão đúng là một thứ bò già.

Đúng thật là một điều buồn cười, tôi đang suy nghĩ một chuyện gì đó trong lúc đang cố làm cho tình trạng bớt tồi tệ đi. Tôi sống ở New York nên đang suy nghĩ về sự tàn phá ở Central Park, gần dưới phía nam, tôi tự nhủ nếu công viên đó được đóng thành băng khi tôi trở về nhà, nếu thật như vậy thì mấy con vịt trời ở đấy chúng sẽ đi đâu?

Tôi thật là may mắn, cùng một lúc, vừa làm dịu tình hình, vừa suy nghĩ đến những con vịt trời bay đi đâu khi Central Park đóng băng. Thật là buồn cười, khó suy nghĩ dứt khoát một điều gì đó khi đối đáp với thầy giáo, rồi đột nhiên lão ngắt lời tôi. Lão luôn luôn ngắt lời học sinh.

- Con cảm thấy thế nào? Thầy muốn biết được điều đó.

— Thầy muốn biết về việc đuổi học, hay về bài thi của con?

Sau câu trả lời, tôi mong được thấy hấn phủ vào người một cái gì đó để che bộ ngực xương xẩu của lão, vì nó làm xấu đi cái khung cảnh tuyệt đẹp chung quanh đây:

- Nếu thầy không làm thì con cũng gặp khó khăn ở trường Whooton và Elkton Hills phải không?

Lão không có ý châm biếm nhưng kiểu nói chúng có vẻ chế diễu nhiều hơn. Tôi trả lời lão:

- Ở trường Elkton Hills con không gặp khó khăn cho lắm.

Và tôi tiếp:

- Con không bị đuổi mà con tự ý nghỉ học.

— Thầy muốn biết tại sao?

— Ô! đó là một câu chuyện dài, phức tạp, rắc rối.

Tôi cảm thấy không thích kể câu chuyện này cho lão nghe, vì lão sẽ không thể nào hiểu nổi, nó không đơn thuần. Lý do tôi nghỉ học vì ở đây tôi bị vây quanh bởi nhiều tên giả vờ, vô vị, thế thôi, bọn chúng vào trường bằng lối cửa sổ, bọn chúng đây là những tên hiệu trưởng. Thí dụ như lão Hass, hấn là một tên giả vờ, đạo đức giả nhất trong đám mà tôi chưa từng thấy ai như

hắn trong đời tôi, mười lần tệ hơn lão Thurmer. Có một buổi vào ngày chủ nhật, hắn đi một vòng bắt tay phụ huynh học sinh khi họ đến thăm trường, trên người hắn diện một bộ đồ thật đắt, trên môi luôn nở một nụ cười thật lịch sự. Trừ khi hắn gặp phải vài đứa trẻ có cha mẹ không được sáng giá cho lắm thì người ta sẽ trông thấy được cách thức hắn đối xử với cha mẹ của những tên cùng phòng với tôi. Ý tôi muốn nói là nếu mẹ của cậu bé ấy phì béo, hay khuôn mặt trông có vẻ ngây ngô, hay nếu cha của ai đó đang mặc một bộ complet quá khổ hay mang giày có màu trắng đen thì lão Hass sẽ bắt tay họ với một nụ cười thật là giả lả, rồi bỏ đi nói chuyện với những người khác cả tiếng đồng hồ. Tôi không thể nào đứng đây để chứng kiến cái hình ảnh của hắn như thế, làm cho tôi điên tiết, chán nản, vì thế tôi ghét ngôi trường khốn nạn Elkton Hills.

Lão già Spencer hỏi tôi điều gì đó nhưng tôi không nghe rõ vì tôi đang nghĩ về lão Hass. Tôi hỏi lão.

- Gì đấy thầy?

- Con có nổi bần khoản nào khi rời khỏi trường Pencey không?

- Con có một vài điều bần khoản, nhưng không nhiều, hiện giờ chúng chưa làm cho con đau lòng, nhưng con biết điều đó sẽ đến với con sớm hay muộn mà thôi. Còn bây giờ con đang nghĩ về việc trở về nhà vào ngày thứ tư, con nghĩ con là một kẻ thoái hóa.

- Con có cảm thấy điều đó hoàn toàn không dính líu gì đến tương lai của con chẳng?

- Ô! Con cảm thấy có nhiều điều liên quan đến tương lai của con chứ, con chắc như vậy.

Một phút trôi qua tôi đã nghĩ đến, nhưng không nhiều lắm như lời tôi nói với lão. Lão già Spencer nói.

- Con cố gắng đừng nản lòng, đừng để quá muộn?

Tôi không thích lão nói với tôi những lời ấy, âm điệu làm như tôi là kẻ sắp chết hay sự việc tương tự như thế đã làm cho

tôi nản lòng hơn là cố gắng. Tôi trả lời lão.

- Con sẽ cố.

- Thầy muốn gieo vào đầu con một vài ý nghĩ, muốn giúp con, nếu có thể được.

Thực ra thì lão muốn lắm, tôi có thể trông thấy được điều đó, nhưng tôi và lão hai ý kiến trái ngược nhau như hai thái cực, tôi trả lời lão.

- Thưa thầy con biết, con thật là cảm ơn thầy về điều ấy.

Từ cái giường lạnh lẽo của lão tôi đứng lên, tôi không thể ngồi lâu hơn thế nữa, còn một điều chợt loé lên trong óc tôi là tôi phải đi khỏi đây ngay vì tôi để quên một vài thứ dụng cụ tập thể dục trong phòng tập của trường tôi phải quay lại lấy, vì những thứ này tôi phải mang chúng về nhà.

Lão ngược nhìn lên và bắt đầu gật gù, cùng cái nhìn thật nghiêm khắc trên khuôn mặt lão. Đột nhiên tôi cảm thấy hối hận khi đến đây, và tôi cũng chẳng muốn ở đây lâu hơn nữa vì những lý do cá tính xung đột của tôi và lão, cách thức hấn để giấy rơi rớt, bộ ngực xương xẩu, cùng với cái áo khoác cũ kỹ, mùi thuốc Vick nồng nặc trong phòng, tôi nói với lão:

— Thưa thầy, đừng lo lắng về con, mọi việc đối với con sẽ ổn cả, con sẽ vượt qua được mọi trở ngại, mọi người sẽ phải cố vượt qua mọi trở ngại phải không thầy?

— Thầy không biết, thầy không biết.

Tôi rất ghét khi có ai nói ra những điều như thế, tôi trả lời.

— Con quả quyết với thầy điều ấy đúng.

Tôi nói tiếp:

— Thầy đừng quá lo lắng cho con.

Rồi tôi đặt tay tôi trên vai gầy guộc của lão, tôi tiếp:

- Okay?

- Con có muốn một cốc sữa nóng trước khi đi, cô sẽ....

- Con muốn lắm nhưng sự việc không cho phép, con phải

về ngay phòng tập của trường, con cảm ơn thầy, cảm ơn thầy nhiều lắm.

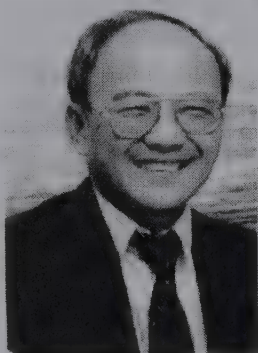
Rồi chúng tôi bắt tay nhau, tất cả chỉ có thế, câu chuyện làm cho tôi buồn tủi.

- Nếu có dịp con sẽ ghé thăm thầy, chúc thầy mau bình phục.

- Chào con.

Tôi đóng cửa đi trở ngược ra phòng khách, tôi nghe được tiếng lão gọi tôi, nhưng nghe không được rõ lắm, có lẽ hẳn cố gào to chúc tôi “may mắn” còn tôi thì không sung sướng khi nghe những lời như thế, vì trong đời tôi chưa bao giờ chúc ai cả, đối với tôi âm thanh ấy nó có vẻ gây nên sự kinh hoàng.

*(Trích trong truyện dài “The Catcher in the Rye”
của J.D. Salinger)*



TRƯƠNG DUY CƯỜNG

- Tên thật: Trương Duy Cường. Bút hiệu: Phương Duy.
- Sinh năm: Bính Tý, tại Hội An Việt Nam.
- Đã theo học tại Institut de la Providence * Học Quốc Học Huế.
- * Đại học Văn khoa Huế. * Học hàm thụ âm nhạc ở Paris Pháp.
- * Hàm thụ hội họa ở Monte-Calo (Monaco).
- * Dạy học tại trường trung học Nguyễn Duy Hiệu, Phạm Hồng Thái và Trần Quý Cáp (Hội An).
- Văn học-Nghệ thuật:
- * Từ 1956 có nhiều ca khúc được trình bày trên các đài phát thanh Sài-Gòn, Huế, Quân Đội. * Sáng tác một số nhạc phẩm được nhà xuất bản Tinh Hoa Huế và Tinh Hoa Miền Nam Sài-Gòn xuất bản.
- * Cộng tác với báo Mầm Sống Huế, Phổ Thông Sài-Gòn (1957)
- Hiện định cư tại Hoa Kỳ từ 1991, theo chương trình (HO.6)
- Viết truyện ngắn đăng trên các báo: Việt Nam, Thời Báo San Jose.
- Cộng tác với: Nguyệt san Trống Đồng, Sài-Gòn Times Nam Cali. Tiếng Vang ở Sacramento. Tự Do ở Houston, Texas.
- Hội viên Văn Bút/VNHN/TT/ Tây Bắc Hoa Kỳ.

*

BIỂN TÌNH

PHƯƠNG-DUY

Được nghỉ mấy ngày phép thường niên, Duy quyết định lái xe sang vùng bán đảo *Baja California* bên Mỹ chơi.

Càng đến gần biên giới trời mỗi lúc càng thêm nóng nực. Một khúc nhạc Nam Mỹ quen thuộc vang ra từ máy radio trong xe làm Duy nhớ Maria, cô bạn gái người Mỹ cũng làm một hăng với Duy.

Từ ngày vào làm ở hăng chuyên môn quét dọn nhà và chùi cửa kính này, Duy được người trưởng toán phân nhiệm làm chung với Maria vì chàng nói được tiếng *Espanol*. Làm chung một công việc chùi kính các dãy nhà, Duy và Maria tuy làm việc đối mặt nhau hàng giờ, hàng ngày, hàng tuần mà không nói với nhau được lời nào. Maria chùi kính phía trong nhà, Duy chùi phía ngoài nhà. Chùi xong một ô kính thì cả hai cùng di chuyển song hành.. Nhiều lúc Maria nghịch ngợm muốn trêu chọc Duy nên nàng ép sát mặt vào kính đối diện với mặt Duy và nhu đôi môi mọng đỏ như muốn hôn Duy. Duy cũng chẳng chịu kém, cũng áp môi mình vào đó. Hai bên mặt kính dày nên âm thanh không truyền qua được nên hai người chỉ ra hiệu mỗi khi muốn diễn đạt điều gì.

Maria rất trẻ, trạc mười chín hay hai mươi tuổi. Thân hình rất hấp dẫn với những đường cong tuyệt mỹ. Nhiều hôm trời nóng nực, nàng mặc áo hở cổ, bộ ngực thanh xuân như phơi bày trọn vẹn trước mặt Duy, làm chàng thêm “trái cấm” nhỏ giải. Trái khế của Duy chạy lên chạy xuống mỗi khi chàng nuốt nước bọt.

Mỗi ngày, chỉ có nửa giờ nghỉ để ăn trưa, đó cũng là dịp để chàng trò chuyện với Maria.

Maria rất vui tính và cởi mở. Nàng ưa thích âm nhạc vui nhộn của Nam-Mỹ với thể điệu *Samba*, *Bolero*, *Chachacha*...

“Ở quê nhà, thỉnh thoảng em vẫn hay trằm mình dưới làn nước biển ấm. Nhưng biển ở Mỹ nước lạnh quá chừng. Nhúng một bàn chân xuống nước là thấy rùng mình. Biển ở bên Mễ rất đẹp và ấm hơn nhiều. Nhưng em không thích biển, mà em lại mê núi. Em ước mong có dịp về Mễ chơi vài ngày.”

Duy lái xe vào *rest area* cuối đường trước khi qua biên giới Mễ để máy xe nguội bớt và chàng cũng muốn nghỉ ngơi chốc lát sau khi lái xe một thời gian quá dài nhọc mệt.

Đang ngồi trên thảm cỏ, chàng giật mình khi thấy một thiếu nữ đi từ đằng xa lại, trông dáng người rất quen. Chàng bật dậy và gọi lớn:

“*Maria ! Maria !*”

Thiếu nữ dừng lại, nở một nụ cười tươi với Duy.

Duy chào nàng và hỏi nàng đi chơi đâu đây. Nàng cho biết:

“Em về *Baja California* tắm biển chừng một tuần lễ. Bạn em đưa em đến đây thôi, cô ấy phải về lại *Milpitas* để đi làm. Em định tìm xem có ai cho quá giang sang Mễ chơi. Không ngờ mà gặp anh ở đây, cũng may thật.”

Thiếu nữ vẫn giữ nguyên nụ cười với hàm răng trắng bóng như ngà và đều như những hạt bắp. Mới có mấy ngày không gặp, mà Duy thấy thân hình nàng có vẻ như đầy đặn hơn, với màu da sậm hơn như màu da của những cô gái hải-đảo. Duy thật mừng rỡ, vì không ngờ đi xa mà còn gặp người quen. Càng mừng hơn khi Duy biết là Maria cũng có ý định về Mễ. Như vậy, chàng vừa có một hướng dẫn viên thành thạo đường sá ở Mễ, lại vừa có một đồng hành xinh đẹp trong suốt cuộc du hành thì không có gì vui bằng. Duy vui vẻ nói với Maria:

“Tôi cũng đi Mễ đây. Nếu được đi cùng cô thì vui quá!”

Maria cũng hớn hở:

“Nếu thế thì anh cho em đi với.”

“Như vậy cũng tiện cho tôi, vì đi với Maria, tôi không sợ bị... lạc!”

Nói rồi, Duy mở cửa xe cho cô gái lên. Chiếc xe có thêm người đẹp, như hăng hái thêm, tăng tốc-độ và chạy như bay trên

đường dài.

Xe đã vào địa- phận của Mễ-Tây-Cơ. Duy không dừng lại ở thành phố Tijuana mà lái đi tiếp đến thành phố Rosarita . Duy bấm nút cho kính xe từ từ hạ xuống. Một luồng gió mát mẻ thổi vào. Duy thấy trong lòng khoan khoái và vui tươi. Một phần vì có Maria ngồi bên cạnh, phần nữa là từ nhỏ, Duy đã học địa-lý và đã yêu đất nước Mễ-Tây-Cơ với những anh chàng đầu bù rùng yêng hùng, với những điệu nhảy múa đầy nhạc tính, với những bản nhạc vang danh thế giới, với bài hát Mexico nổi tiếng do danh ca Cao-Thái hát. Và Duy cũng không thể nào ngờ được thời gian đã đẩy đưa chàng đặt chân đến nước Mễ-Tây-Cơ với một cô gái Mễ chính cống, một đồng nghiệp mà Duy đã có dịp quen biết nhưng chưa được gần gũi. Duy mỉm cười nhìn sang bên cạnh, người con gái mà Duy hằng gặp gỡ mỗi ngày, nhưng qua một bức tường ngăn cách là những tấm kính. Giờ đây đang ngồi bên chàng và như hiểu thấu ý nghĩ của chàng, Maria đưa tay vuốt lại mái tóc đang bay trong gió và mỉm cười. Duy thấy lòng lâng lâng, kỳ thú. Chàng đề nghị với Maria tìm thức gì để ăn đã. Maria mỉm cười:

“Em không đói, nhưng nếu anh muốn ăn, thì đi với em.”

Maria muốn chọc quê Duy nên nàng thăm thì vào tai Duy:

“No comida Vietnamita aqui !” (Ở đây không có món ăn Việt Nam nghe!)

Duy trả lời:

“Si, yo entiendo . Comida mexicana, por favor, amiga ! (Vâng, tôi biết. Thế thì ăn đồ ăn Mễ , cô bạn !) Bây giờ tôi hoàn toàn tuân theo lời chỉ dẫn của Maria. Cô là hướng dẫn viên của tôi từ giờ phút này nhé.”

Maria sung sướng gật đầu ưng thuận. Maria hướng dẫn Duy cho xe vào bãi đậu xe tại một nhà hàng ven biển nổi tiếng về món tôm càng. Rồi rất tự nhiên, cô gái cầm tay Duy ung dung tiến vào nhà hàng La Casa de la Langosta. Người bồi ra tiếp đón và đưa hai người vào một bàn kín, khuất phía trong. Duy còn đang lúng túng thì Maria đã tự nhiên, mở thực đơn và đưa tay nhón một hột hạnh nhân trên đĩa, đưa vào miệng. Bây

giờ Duy mới có dịp nhìn kỹ và thật ngạc nhiên khi thấy mầu son môi tím tím của Maria, mầu mà chưa bao giờ Duy thấy Maria dùng trong suốt thời gian hai người cùng làm việc. Duy liếc môi nhớ đến những lần Maria nhu đôi môi “hôn gió” Duy qua khung cửa kính trong suốt. Chỉ cách một lớp kính dày mà Duy thấy xa vời vợi. Maria nhoẻn miệng cười, hỏi Duy:

“Sao anh nhìn em kỹ như thế? Có gì lạ không?”

Ngượng ngập, Duy khẽ nói:

“Hôm nay, tôi thấy cô hơi lạ, với mầu môi rất tím và... và một nhân dáng chừng chắc, rất người lớn.”

Bỏ thêm một hột hạnh nhân nữa vào giữa hai hàm răng, Maria mím môi không nói. Về im lặng của cô gái khiến Duy ngạc nhiên, vì bình thường Maria rất liến thoắng. Duy chột nhìn quanh và thấy mọi người quanh đây đều là người bản xứ, với nước da ngăm ngăm. Cũng có vài người là du khách, nhưng họ là người da trắng, chỉ có một mình Duy là mầu da vàng rất đặc biệt. Duy chột dạ hỏi Maria:

“Hình như cô ngại gặp người quen?”

“Không. Em không ngại gì. Chỉ lo anh thôi.”

Duy cười:

“Tôi chẳng có gì để ngại cả, vì như Maria biết, “tại đây và lúc này “ tôi độc thân hoàn toàn mà.”

Thức ăn đã dọn ra. Hai người bắt đầu thưởng thức những món ăn Mễ do Maria chọn. Duy ăn rất tự nhiên, vì cũng không có món gì lạ, toàn những món ăn chàng đã quá quen thuộc như tôm, cua, burrito, nacho grande, menudo, chilli verde, papafritas.

Maria nói với Duy:

“Una tequila, por favor ?” (Anh dùng rượu mạnh nhé?)

“Si.” (Vâng)

Sau khi trả lời câu Maria vừa hỏi, Duy mới thấy mình “kém thông minh”. Vì chàng đang ngồi với người đẹp mà uống rượu mạnh thì “ còn làm ăn “ gì nữa.

“Còn em uống gì nào? “

“Una guava” (Cho em ly nước ổi).”

Khi Duy và Maria ra khỏi nhà hàng thì bóng chiều đã phủ xuống vạn vật. Thấy Maria theo mình ra xe, Duy vội hỏi:

“Cô về đâu, để tôi đưa về. Rồi tôi phải kiếm một khách sạn để nghỉ ngơi, ngày mai mới đi thăm phố xá được.”

Maria với dáng đi nhún nhảy khác thường, nói nhanh khiến Duy bàng hoàng:

“Em đi với anh. Biển đẹp quá, về nhà uống lăm. Ta ra biển đi anh. Rồi em sẽ cùng về khách sạn với anh. Cũng gần đây thôi.”

Tay luống cuống, Duy mở cửa xe và cho xe nổ máy. Tay chàng chạm phải bàn tay ấm áp của Maria đang tìm bàn tay chàng:

“Tối nay, em không để anh cô đơn nơi đất Mỹ này đâu. Em sẽ đi với anh và đưa anh trở lại Mỹ đang hoang.”

Duy để im tay mình trong bàn tay Maria. Chàng rung mình nghĩ đến cuộc gặp gỡ kỳ thú với Maria, không biết sẽ còn những gì nữa đây? Duy mơ hồ cảm thấy những gì chàng mơ ước và thèm khát sau tấm cửa kính ngăn cách với đôi môi mọng đỏ của Maria đang trở thành sự thật. Hình như mơ ước đang kề cận chàng.

Bãi biển đông người. Hàng trăm người nằm phơi nắng với đủ màu sắc quần áo tắm. Maria vừa hỏi Duy vừa đi đến hướng có phòng thay quần áo:

“Biển êm quá, anh có xuống tắm không?”

“Anh mới vừa uống tequila nên anh không tắm lúc này. Em đi tắm đi, bơi lội cho thỏa chí kéo lúc về San José lại tiếc...”

Sau khi thay bikibi xong, Maria hôn gió với Duy và đi nhanh xuống biển. Thân hình nàng nổi bật trong bộ áo tắm. Ngồi trên bãi biển Duy luôn nhìn về phía Maria. Nàng bơi lội rất giỏi. Nàng lướt theo những đợt sóng từ ngoài biển đưa vào bờ như nàng nhảy vũ điệu samba.

Mặc dù Maria còn muốn giỡn chơi với nước biển lâu hơn nữa, nhưng thấy bỏ Duy ngồi một mình trên bãi biển, nên nàng vội lên bờ. Nàng trườn thân mình ướt nước bên Duy và nói với Duy :

“Anh chờ em vào thay áo quần rồi chúng mình đi đến chỗ cho thuê ngựa để cưỡi dạo chơi dọc theo bãi tắm. Thú vị lắm!”

Nhiều lần trước đây, Duy đã cưỡi ngựa ở đây . Nhưng lần này cùng đi với Maria nên anh nói dối:

“Anh chưa cưỡi ngựa bao giờ , nên nếu được thì Maria cầm cương, cho anh “quá giang” với em, được không?”

“OK! Anh hãy leo lên ngựa, ngồi phía sau em, và nhớ ôm em cho chắc kéo ngã đấy nhé.”

Duy chỉ mong Maria nói thế rồi chàng thi hành ngay. Thay vì ôm cho khỏi ngã, Duy lại ôm Maria thật chặt. Hơi ấm nơi thân hình Maria chuyển sang Duy mỗi lúc mỗi nhiều hơn. Mùi hương thiếu nữ như quyện trong gió phả vào mũi Duy. Mặc cho Maria thúc ngựa chạy chậm, phi nhanh, nhảy lên, hụp xuống... Duy vẫn không để ý đến ngoại cảnh.

“Thôi chúng mình về khách sạn đi, em cảm thấy hơi lạnh lạnh !”

Khách sạn Oceana – Casa Del Mar như tên gọi là một khách sạn rất đẹp xây dọc theo bãi biển .

Cửa phòng vừa khép lại, Duy chưa kịp đi vào thì Maria đã vít cổ Duy xuống tìm môi chàng và hôn lấy hôn để như nàng thêm nụ hôn đã lâu. Duy đáp ứng ngay vì từ lâu nay chỉ được “hôn gió” thôi, nay được “hôn thật” thì...

“Như em đã nói với anh lúc ban chiều là em không để anh cô đơn nơi đất Mỹ này đâu, thật ra là em không muốn chính em cô đơn mới đúng. Vậy kể từ phút này anh đừng để em cô đơn. Hãy sưởi ấm em bằng tình yêu nồng cháy. Hãy khơi dậy những đam mê, thêm khát giữa đôi ta. Chúng ta hãy tận hưởng... đừng nghĩ chuyện gì khác.”

Không kịp để Duy có phản ứng, Maria đẩy Duy ngã dài

trên chiếc giường rộng, rồi đôi chân khỏe mạnh của Maria kẹp chặt hai bên sườn Duy, cô gái như ngồi hẳn trên mình Duy. Duy bật cười:

“Anh không phải là chú ngựa vàng lúc nãy đó nghe!”

Như bị kích thích, Maria vội vùi Duy xuống mặt nệm bằng những nụ hôn tới tấp. Đôi môi của Maria xoắn lấy đôi môi của Duy. Lưỡi của Maria lùa như đuổi bắt lưỡi của Duy, khiến chàng như ngộp thở. Duy lấn mạnh, vật Maria xuống và chồm lên mình Maria. Cô gái rên xiết như người trúng lạnh và cả thân hình cô run lên, đôi tay ghì xiết thân hình của Duy đang phủ xuống cô những yêu đương cuồng nhiệt. Duy thấy mình như hăng hái thêm, bao nhiêu dồn nén từ lâu nay bên khung cửa kính được dịp tuôn trào. Chưa bao giờ Duy thấy mình mạnh bạo như thế. Maria càng ghì sát Duy hơn, càng rên rĩ những nốt nhạc mê mê không lời. Duy có cảm tưởng chàng đã xuyên qua được những tấm kính dày, để đến với Maria, nhập với Maria thành một và hòa tan trong Maria.

Duy thức dậy bên Maria đang ngủ say. Ngắm nhìn khuôn mặt đầy những đường nét đặc trưng của người Mễ-Tây-Cơ, Duy không ngờ chuyến đi Mễ của chàng lại kỳ thú như Lưu-Nguyễn lạc Thiên-Thai. Duy ngỡ ngẩn tự hỏi vì đâu mà Maria lại có cảm tình với chàng và say đắm, cuồng nhiệt với chàng như vậy? Phải chăng trong khi cùng nhau làm việc, Maria đã ngầm “cảm” chàng, để bây giờ tình cờ gặp lại, nàng đã không ngần ngại trút hết cho chàng những cơn sóng yêu đương ấy? Hoặc nàng thêm khát yêu đương đã lâu, gặp chàng, có cơ hội để nàng trao thân dễ dàng. Dù gì đi nữa, thân thể thanh nữ khỏe mạnh, năng lực dồi dào, nhu cầu sinh lý của Maria tất nhiên phải đòi hỏi nhiều, với cuộc sống buông thả của một dân tộc ham vui và yêu âm nhạc. Duy biết chàng không phải là người đàn ông đầu tiên đến với Maria. Cảm giác thất vọng thoáng qua trong trí Duy khi trước kia, chàng lầm tưởng Maria là một cô gái ngây thơ, tính tình bạo dạn và hay đùa nghịch. Duy say sưa nhìn ngắm Maria và thầm tiếc từ nay những ý nghĩ thánh thiện, những đùa nghịch tự nhiên sẽ không còn khi hai người làm việc bên nhau nữa. Đôi

môi kia đã từng áp sát môi chàng. Thân thể căng cứng kia đã từng run rẩy trong đôi tay chàng. Vùng ngực ấm kia Duy đã từng vui mặt mình trong đó, tạo cho chàng một hám muốn, rạo rực kỳ lạ. Bất giác, Duy cúi xuống hôn lên khuôn mặt của Maria. Cô gái chợt trở mình và mở choàng đôi mắt, mỉm cười với Duy, rồi đưa cả vòng tay tham lam vít đầu Duy xuống. Cả hai lại ngây ngất bên nhau. Duy thấy mình sung sức lạ lùng. Vì sự gọi tình của cô gái hay vì chất men rượu taquila đang ào ạt luân lưu trong máu huyết của Duy? Duy nghĩ rằng vì cả hai. Vì Maria và vì rượu mạnh!

Đêm Mễ-Tây-Cơ thật ấm. Càng ấm hơn khi Duy được vòng tay của Maria ôm chặt. Chàng cảm thấy khát nước. Gỡ nhẹ vòng tay của Maria, Duy đến bên bàn nước, cầm nguyên chai nước, chàng ngửa cổ uống cạn. Có tiếng trở mình của Maria và tiếng nài nỉ như ngái ngủ:

“Anh! Em... đói!”

Duy mỉm cười âu yếm, vỗ nhẹ lên bờ vai trần tròn trĩnh của Maria. Liếc nhìn đồng hồ, Duy nói như dỗ dành:

“Mới ăn đồ biển no hồi chiều mà em đã đói rồi. Bây giờ là nửa đêm. Ngủ đi cho quên đói. Ngày mai anh sẽ đưa Maria đi ăn.”

Cầm bàn tay Duy đặt nhẹ lên gò bồng đảo săn cứng của nàng, giọng Maria nũng nịu, gọi tình:

“Không. Em không đói ăn. Em đói... anh!”

Rồi nàng lại kéo Duy sát xuống bên mình. Cả hai lại chìm trong cơn mê. Đất trời lại một phen nữa quay cuồng. Và chán nệm lại bật tung lên vì hoan lạc.

Trời sáng dần. Qua cửa kính khách sạn trên tầng lầu cao, Duy nhìn ra biển, chỉ thấy một màu xanh mênh mông, không thấy bến bờ. Từng đợt sóng cao trắng xóa vỗ vào bờ cát dài. Tiếng réo gọi ì ầm của trùng dương nghe thật hấp dẫn.

Maria vươn vai từ phòng tắm bước ra, rắn chắc trong bộ áo tắm hai mảnh màu đỏ trông thật khêu gợi. Mặc dù Duy đã biết rõ “những gì chứa đựng phía bên trong” nhưng chàng vẫn nhìn

không chớp mắt nhữ ng chỗ mà đa số phái mạnh muốn nhìn.

“Xuống tắm biển đi anh. Em thèm biển quá ...”

“OK. Đi ngay. Nhưng anh nói với em là anh bơi lội kém lắm đấy. Mất công em phải trông chừng anh đấy thôi.”

“Anh yên chí, em bơi lội giỏi, đủ sức đưa anh vào bờ. Anh khỏi lo!”

Xuống biển, Maria kéo Duy bơi ra xa. Hai người quẩn nhau như sam. Môi Maria chẳng muốn rời môi Duy, dù chỉ để thở một chút. Đôi môi Maria mặn chát nước biển và ướt sũng đam mê. Nhìn Maria trôi lên hụp xuống trong sóng nước, uyển chuyển và thành thạo như một con cá voi. Sóng lớn quá, Duy không dám ra xa nữa, chàng chỉ đứng gần gần bờ, đề phòng nếu gặp cơn sóng lớn, là Duy lủi nhanh vào bờ, trước khi cơn sóng tung bọt trắng xóa trên cao chụp xuống. Sau một hồi hụp lặn, vừa đùa với nước, vừa giỡn với Duy, Maria nghiêng đầu hỏi:

“Anh có muốn lên bờ nằm tắm nắng không? Anh lên trước đi, rồi em lên sau.”

“Ừ, anh lên bờ nằm nghỉ một lát, ngắm người qua lại. Hôm nay biển đẹp, nên cũng có nhiều người đẹp lắm.”

Đưa tay khoát một vốc nước biển ném theo Duy, Maria cười, nói như hét lên:

“Một mình em đã lo nổi chưa mà đòi “nhiều người đẹp” nữa? Anh tham lam xấu lắm!”

Duy chạy vội lên bãi cát và chàng lười biếng nằm sấp trên mặt cát ấm áp, không muốn trở xuống biển với Maria nữa. Cô gái bơi mãi, cười sóng mãi cũng chán nên đến bên Duy, đưa bàn chân ướt nước cào mạnh lên lưng Duy. Những móng chân nhọn cào trên da thịt Duy khiến chàng đau, vùng đứng dậy. Maria ôm chặt lấy chàng. Hai người bước những bước nghiêng ngả, chệnh choạng về phòng, bỏ lại bãi biển mỗi lúc một sẫm lại vì hoàng hôn đã xuống.

Một đêm thần tiên lại đến với Duy trên đất Mỹ-Tây-Cơ. Đêm dài như tiếng ngân Mê-xi-...cổ của nam danh ca Cao Thái, bài hát mà Duy đã mê từ những ngày còn nhỏ...

Đêm dài và vô tận. Trong phòng, chỉ có tiếng rì rầm của máy điều hòa không khí và tiếng rên đầy khoái cảm của Maria...

Đã hai đêm và gần hai ngày trên đất Mỹ, nhưng trái với dự tính, Duy chưa đi đâu ra xa khỏi khách-sạn. Hình như Duy chỉ ngập lặn với Maria và chàng thấy thời gian trôi nhanh quá. Chàng ngao ngán nghĩ đến những ngày hết phép, trở về lại San Jose và ngày ngày nhìn Maria qua khung cửa kính. Rồi sẽ như thế nào? Chuyện của ngày mai, nào ai biết được. Thôi, cứ vui đi, tới đâu hay tới đó. Nghĩ như thế, và Duy khoan khoái tận hưởng lạc thú bên Maria như một phần thưởng của Đấng Toàn Năng ban phát cho chàng.

Buổi chiều, vầng thái dương vẫn rực rỡ trên biển cả, trong khi Duy và Maria vẫn trầm mình trong sóng nước. Biển hôm nay dữ quá, từng đợt sóng cao hơn đầu người phủ chụp lấy hai người. Maria cười sặc sụa khi thấy Duy bị cơn sóng nhồi. Nàng vùng lên, ôm gọn Duy trong đôi tay và úp mặt Duy lên cổ ngực căng cứng của nàng. Nàng tung cả hai trên cơn sóng vừa ào tới, Duy cũng theo đà tung của Maria mà nhảy lên khỏi cơn sóng lớn. Nhưng muộn rồi, chàng mất đà, ngã nhúi về phía trước và hệt chân, chàng nằm ngang trên mặt nước. Vừa một cơn sóng nữa xô vào bờ, cao hơn và hung dữ hơn cơn sóng vừa rồi, cuốn theo những gì nó có thể cuốn được và cả Duy nữa. Chàng chới với, không đứng dậy được trước sự vùi dập của nhiều đợt sóng. Chàng cất tiếng kêu “Maria! Maria!”

Rồi miệng chàng đầy những nước và tiếng kêu tắt lịm trong cổ họng.

Nước trong miệng Duy ộc ra và chàng rên lên như đau đớn. Có tiếng một người kêu lên:

“Tĩnh lại rồi!”

Duy mệt mỏi mở đôi mắt thất thần nhìn những thanh niên Mỹ lực lưỡng vây quanh chàng. Chàng lơ đãng tìm Maria nhưng không thấy.

“Chúng tôi là nhân viên cấp cứu. Ông suýt chết đuối. May

mà cô gái đưa ông vào bờ kịp. Nếu không...”

Duy rùng mình kinh sợ. Chàng cự mình và ấp úng:

“Cô ấy đâu rồi?”

Mọi người nhìn quanh và lắc đầu:

“Chúng tôi không biết. Cô ấy có quen biết gì với ông không?”

Duy thờ thẩn lắc đầu và nhờ họ đưa chàng về phòng. Nằm vật ra giường, Duy có ý chờ Maria xuất hiện. Chắc thấy chàng suýt chết, sợ liên hệ nên Maria đã tạm thời lánh mặt. Nhưng Duy chợt tỉnh, chàng biến sắc khi thấy áo quần và xách hành lý nhỏ của Maria đã không còn nữa. Chàng nhào người mở ngăn kéo bàn, cái ví tay nhỏ bé của Maria cũng không còn. Dưới chân bàn, đôi giày cao gót cũng biến mất. Maria đã đi rồi...

Duy ở nán thêm một ngày nữa và có ý mong chờ sự trở lại của Maria. Nhưng tuyệt nhiên không thấy Maria đâu. Cho là có chuyện bất thường, Duy vội bỏ hết mấy ngày phép còn lại và lên xe trở về San Jose. Dọc đường, chàng có ý chờ Maria, nhưng vô ích. Maria đã biệt tăm.

Tới cổng biên giới Mỹ và Hoa-Kỳ, trong khi xe Duy xếp hàng dài chờ làm thủ tục khám xét, Duy chăm chú nhìn những xe chung quanh có ý tìm kiếm Maria, nhưng chỉ có những người bán hàng dạo xa lạ mời mọc những món quà lưu niệm của Mỹ-Tây-Cơ. Đến lượt xe chàng tiến lên. Thấy chàng da vàng, lại đi một mình nên nhân viên cho chàng qua ngay. Xe Duy lăn bánh, bỏ lại đằng sau những đám bụi mù, mờ ảo như hình bóng của Maria...

Duy trở lại với công việc thường ngày. Gặp Maria, cô gái thoáng ngạc nhiên khi thấy chàng đi làm sớm hơn dự tính. Nhưng cô không nói gì, chỉ chăm chú làm việc như thường, không biểu lộ một cử chỉ thân ái nào. Duy vừa ngạc nhiên, vừa cảm thấy tự ái bị tổn thương quá mạnh. Chờ đến giờ ăn trưa, Duy không nén được tức giận, nên đã giận dỗi hỏi Maria:

“Mấy ngày tôi đi vắng, cô làm việc vui lắm phải không?”

Thần nhiên như không, Maria cười cười chỉ tay ra phía xa và nói:

“Mấy ngày anh nghỉ phép, em làm mệt muốn chết. Sau ông chủ phải cho con Jacky làm phụ với em. Nó kia kia, để em gọi nó cùng ăn cho vui.”

Duy tròn miệng kinh ngạc, nói không nên lời. Càng kinh hoảng hơn khi Duy nghe cô gái bên kia chạy tới tươi cười nói:

“Bữa nay chị có anh này về rồi, không cần em nữa phải không? Em lại trở về công việc quét dọn như cũ, làm một mình, buồn lắm. Mấy ngày làm với chị vui ghê. Thời gian trôi nhanh nên không thấy mệt.”

Duy đang ngạc nhiên về sự lảng tránh của Maria, thì lại kinh ngạc vô cùng khi biết nàng không hề rời chỗ làm và cũng không đi Mễ trong mấy ngày qua. Ú ở hồi lâu, Duy mới hỏi được một câu ngớ ngẩn:

“Sao lại có người giống Maria đến như thế? Maria có tin được không?”

Không ngờ, Maria cười thật tươi mà đáp:

“Từ hồi xưa cơ, khi chị Marisa còn sống, thì ai cũng bảo chị ấy giống em như hai giọt nước. Vì chúng em là chị em song sinh. Nhưng tính tình lại khác nhau, chị Marisa mê biển, còn em chỉ mê núi. Chị ấy bơi lội như hải cẩu, còn em leo núi như vượn. Những buổi đi tắm biển, đạp nước, rẽ sóng là chỉ có chị Marisa chứ không có em. Ngược lại, những ngày đi chơi núi, đi rừng thì chỉ có em chứ không bao giờ có chị Marisa. Vì thế em theo đoàn người di dân lậu sang Mỹ sống, trong khi chị Marisa không xa biển được. Chị ấy vẫn ở lại Mễ sinh sống và hàng ngày đùa giỡn với biển cả. Cách đây ba năm, em được tin chị ấy bị rơi vào vùng nước xoáy và mất tích. Toán cấp cứu và cư dân quanh biển tìm Marisa nhưng không thấy xác chị. Chắc chị đã bị sóng đưa ra xa và làm mồi cho cá mập. Tội nghiệp chị. Em không về được vì không có giấy tờ để qua lại, đành ngậm ngùi thương tiếc chị Marisa thôi.”

Ngưng một lát, nâng ly coca uống một hơi, Maria tiếp:

“Nhưng kể từ ngày ấy, bãi biển này cứ lâu lâu lại có một người bị sóng cuốn mất tích. Người ta nghi rằng chị ấy linh hiển nên bắt người cho có bạn.”

Duy rùng mình ớn lạnh. Nghĩ đến những trận mây mưa ngút ngàn và ân ái cuồng nhiệt với Marisa – giờ đây chàng mới biết là không phải Maria - Duy kinh ngạc thấy mình còn sống. Có lẽ do thấy chàng lắm là Maria, em gái mình, nên Marisa nể tình không bắt chàng chết, mà lại cứu chàng vào cho toán cấp cứu cứu tỉnh chàng. Nhưng vốn lạc quan, Duy cho rằng có lẽ chàng đã đáp ứng nỗi khao khát dục tình của nàng, nên Marisa không nỡ để chàng chết đi. Không những cứu chàng, mà Marisa còn giữ đúng lời hứa “em sẽ đưa anh trở lại Mỹ đường hoàng”.

Bóp nhẹ cái ly giấy trong tay, Duy ngẫm liếc nhìn Maria. Chàng bật cười thích thú khi thấy sự khác biệt giữa hai người con gái: cặp bông đào của Maria nhon nhon và rung rinh sau làn áo, chứ không căng cứng và vun đầy như của Marisa. Đôi môi của Maria lúc nào cũng mọng đỏ chứ không tím tím như của Marisa. Và... nhờ giỏi bơi lội nên tuy thân thể Marisa có đầy đà hơn Maria, nhưng cặp đùi cùng cái eo của Marisa hình như nhỏ nhắn hơn của Maria. Duy đỏ mặt khi nghĩ đến lúc được cùng Maria khám phá những điểm khác biệt giữa hai chị em. Chàng mỉm cười thích thú, lén lút đôi mắt tưởng tượng tới lúc được “bóc” từng mảnh y phục của Maria, như người ta bóc một cái bánh. Trời ơi! nhất định phải giống Marisa lắm, nhưng chắc chắn là phải “ngon” hơn ngàn lần, hấp dẫn hơn vạn lần, và mê mẩn hơn triệu lần.

Tại sao lại “ngon” hơn, thì Duy không thể biết được...

(Trích trong “Một thoáng Liêu-Trại”)



SƠN TÙNG

- Sơn Tùng tên thật là: Nguyễn Minh Ngọc
- Địa chỉ: Fall Church, Virginia, USA.
- Tác phẩm đã xuất bản:
 - * Trừng Phạt (tập truyện, xb 1990)
 - * Vết Thương (tập truyện, xb 1992)
 - * Bầy Thú Nhỏ (truyện dài 1995): Nguyễn Thị Thu Cúc dịch ra Đức ngữ dưới tên Schar Kleiner Tiere.
 - * Làm người, Làm văn, Làm loạn (bút ký, xb 2000)
 - * Lửa Hòa Bình (truyện dài, xb 2004)

RA ĐI

Sơn Tùng

Kế hoạch vượt biên của Lý Thành rất táo bạo. Anh ta đã chọn đúng đêm 30- 4 để ra khơi, sau khi đem vợ con, bạn bè ra Vĩnh Hảo dự tiệc do Giám đốc Huỳnh Điền khoản đãi để kỷ niệm “Đại thắng Mùa xuân” và mừng nhà máy nước suối sản xuất vượt chỉ tiêu.

Huỳnh Điền ngả một con bê để làm tiệc đãi tất cả công nhân viên nhà máy Vĩnh Hảo và cơ sở phân phối nước suối ở Sài-Gòn. Lý Thành đã lợi dụng dịp này để ra khơi vì có lý do đưa nhiều người ra Vĩnh Hảo mà không bị nghi ngờ. Ngoài ra, đây còn là thời gian bề yên sóng lặng nhất trong năm trên vùng Biển Đông. Thêm vào đó, Công an và Biên phòng sẽ lơ là trong việc canh gác vì bận liên hoan, tiệc tùng. Giờ chót Lý Thành còn được tin sẽ có một buổi chiếu bóng ngoài trời tại xã Vĩnh Hảo với cuốn phim tình báo Tiệp Khắc “Trên từng cây số” mà chắc chắn bọn Công an sẽ tụ tập để xem tới khuya.

Lý Thành quyết định sẽ “đánh” sau khi dự tiệc tại nhà máy nước suối và trước khi văn buổi chiếu bóng. Anh ta cũng cảm thấy áy náy cho cảnh ngộ của Huỳnh Điền trước việc sáng mai thức dậy, tất cả các người khách quý từ Sài-Gòn ra đã biến mất trong đêm tối, không một lời từ biệt.

Đây không phải là cách cư xử của những người tử tế, có văn hóa. Nhưng, xã hội này đã biến thành vô văn hóa và hầu như không còn ai tử tế với ai. Các nguyên tắc đạo lý được mọi người tự ý miễn trừ, coi như đang bị đày ải trong một trại tù mà người ta có quyền làm mọi điều để thoát ra. Hay từ trong thâm tâm, người dân miền Nam vẫn phân biệt bạn thù, và có lối cư xử khác đối với kẻ thù. Vì vậy, Lý Thành, một con người rất biết điều, rất biết cư xử, đã âm thầm đánh lừa Huỳnh Điền, một ân nhân của mình, để tổ chức một cuộc vượt biên trước mũi của y.

Huỳnh Điền không hay biết gì cả, bận rộn tổ chức liên hoan chiêu đãi lớn hơn mấy năm trước vì vừa xây cất xong một nhà sinh hoạt cho công nhân viên nhà máy, với một hội trường đủ chỗ cho hai trăm người và một phòng đọc sách ở trên lầu. Ông ta rất hãnh diện với thành tích ấy, và lại nuôi được một bầy bò sáu con để bồi dưỡng cho công nhân viên. Trong cảnh bế tắc và suy sụp của nền kinh tế “quá độ” trên toàn quốc, nhà máy nước suối Vĩnh Hảo là một trong số rất ít cơ sở sản xuất còn tiếp tục hoạt động thu lợi, nhờ nước suối là một sản phẩm thiên nhiên, và cũng do tài xoay xở của Huỳnh Điền.

Khi còn chiến tranh, nước suối Vĩnh Hảo là một xí nghiệp nhỏ nằm trong một vùng mất an ninh của tỉnh Phan Thiết, chỉ hoạt động cầm chừng và bị các loại nước suối nhập cảng đánh bại trên thị trường tiêu thụ. Khi Huỳnh Điền tới tiếp thu, nhà máy đang đóng cửa, chủ nhân bị kết tội “tư sản mại bản” phản động và bị bắt giam. Các nhân viên lâu năm người địa phương cố giúp phục hồi nhà máy nhưng không thể sản xuất, dù nước suối có sẵn dưới giếng để được bơm lên. Huỳnh Điền được công nhân cho biết muốn làm thành một chai nước suối để cung cấp cho thị trường, còn cần phải có chai, có nắp khoén, cần có hơi CO₂ để nước suối xủi bọt khi mở ra, và cũng được các công nhân chỉ vẽ nên vào Sài-Gòn tìm Lý Thành, thay vì báo cáo cho Bộ Công Nghiệp Nhẹ ở Hà-Nội. Hơn ai hết, Huỳnh Điền biết rằng Đảng có rất nhiều AK- 47, B- 40...nhưng không có chai, nắp khoén... và không biết gì về việc sản xuất nước suối.

Khi ấy, Lý Thành đang thất nghiệp ở Chợ Lớn và được Ủy ban Nhân dân phường khuyến khích đưa vợ con đi vùng kinh tế mới. Được đồng chí giám đốc nhà máy nước suối Vĩnh Hảo ngồi ô-tô con hiệu Peugeot 404 bất ngờ tới thăm và mời hợp tác làm ăn, Lý Thành có cảm tưởng như đã gặp một ông tiên với cây đũa thần trong truyện cổ tích. Ngay ngày hôm sau, anh ta đã chễm chệ ngồi xe cơ quan nhà nước với cán bộ cách mạng ra Phan Thiết mà không cần xin phép Công an. Và chỉ trong vòng hai tuần lễ, cái máy đóng chai nước suối già 20 năm lại tiếp tục sản xuất mà chính Lý Thành nắm quyền phân phối đi toàn quốc.

Dĩ nhiên là đồng chí Huỳnh Điền rất hãnh diện báo cáo lên thượng cấp thành tích khắc phục khó khăn của mình, và đã được nhiệt liệt khen thưởng. Lý Thành cũng rất vui mừng vì không những khỏi bị đi vùng kinh tế mới mà còn có công ăn việc làm, kiếm ra tiền, và được làm bạn với cán bộ cách mạng. Anh ta tặng Huỳnh Điền một chiếc xe Honda gắn máy, và được tin cậy như người trong nhà. Lý Thành rất khôn ngoan. Anh ta đầu tư vào tình bạn với Huỳnh Điền hơn là tiêu xài tình bạn ấy. Anh ta để Huỳnh Điền mắc nợ mình hơn là lợi dụng hay nhờ cậy những việc không đáng nhờ.

Huỳnh Điền đã ngoài 50 tuổi nhưng vẫn còn độc thân, và sống trong một căn phòng ở ngay tại khu vực nhà máy. Đôi khi trong lúc nói chuyện tâm tình với Lý Thành, Huỳnh Điền thú thật chưa học hết “lớp ba trường làng” vì nhà rất nghèo và nhờ theo cách mạng mà có ngày hôm nay. Ông ta đã bỏ một làng quê thuộc tỉnh Bình Định vào Sài-Gòn làm công kiếm sống và đã được móc nối vào Đảng từ năm 16 tuổi, đã sống sót qua hai cuộc chiến tranh với quân hàm thượng úy. Huỳnh Điền được cử tiếp thu nhà máy nước suối Vĩnh Hảo có lẽ vì số kỹ sư ít ỏi ở miền Bắc không đủ để cung cấp cho cái xí nghiệp nhỏ ở nơi khỉ ho cò gáy ấy, và có lẽ cũng vì Huỳnh Điền có chút kinh nghiệm về sản xuất nhờ trước kia có súc chai ở nhà máy bia tại Sài-Gòn và có làm việc tại xí nghiệp thuốc lá Thăng Long ở Hà-Nội một thời gian khi tập kết ra Bắc. Chính Huỳnh Điền cũng cười, thú thật với Lý Thành “chẳng biết mô tê” gì cả về nước suối, nói gì đến điều khiển một nhà máy sản xuất nước suối. Nhưng Đảng chỉ đâu thì đánh đấy.

Thật ra, Lý Thành cũng cảm thấy có một tình bạn nảy nở với Huỳnh Điền nhưng đồng thời anh ta vẫn thấy rõ bức tường ngăn cách giữa hai người, mặc dù nó vô hình. Lý Thành linh cảm việc hợp tác làm ăn với cách mạng sẽ không kéo dài và chiếc máy đóng chai nước suối nhập cảng từ Tây Đức năm 1956 đang chạy ì-ạch không biết sẽ nằm liệt lúc nào. Vì vậy, sau khi tổ chức ra đi “bán chính thức” thất bại, Lý Thành đã quyết định lợi dụng lòng tin của Huỳnh Điền để âm mưu một cuộc “đi

chui”. Anh ta đã móc nối được với một người có chiếc ghe đánh cá ở Phan Rang – một chiếc ghe gỗ dài 15 thước có gắn máy Yanmar “ba đầu bạc” có thể chạy tới Phi-Luật-Tân. Hàng ngày, chiếc ghe này vẫn được đi biển đánh cá nhưng chỉ được cung cấp dầu đủ chạy trong một ngày và bị kiểm soát chặt chẽ mỗi khi ra khơi mà chỉ có các ngư phủ được phép lên tàu. Muốn dùng chiếc tàu này để vượt biên sẽ phải có một kế hoạch với những chi tiết tỉ mỉ mà quan trọng nhất là một bãi đáp bí mật để chôn dầu và bốc khách. Sau mấy tháng nghiên cứu, Lý Thành đã chọn cái bờ biển được gọi là Vực Suối ở ngay trước mặt nhà máy nước suối để làm bãi đáp.

Điểm lợi của Vực Suối là nó vắng vẻ, xa các xóm nhà, ít người lui tới và chưa có ai dùng nơi này để làm bãi đáp, có lẽ vì nó nằm khá xa quốc lộ và đường ra bờ biển khó khăn, phải đi bộ khoảng một cây số băng qua một khu rừng cây thấp. Nhưng đây lại chính là yếu tố khiến Lý Thành chọn địa điểm này vì không ai ngờ, nó lại không xa với nhà máy nước suối và anh ta đã thuộc đường sau vài lần giả vờ ra tắm biển. Lê Sang, người chủ chiếc ghe đánh cá, đồng ý với kế hoạch của Lý Thành, kể cả ngày giờ xuất quân. Thế là kế hoạch được âm thầm tiến hành. Ngày 29- 4, Lý Thành đưa vợ con và khách Sài-Gòn ra Vĩnh Hảo, gồm có gia đình Lâm và một số người bạn thân đã quyết tâm làm một chuyến ra đi không bao giờ trở lại. Họ được Huỳnh Điền tiếp đón niềm nở và không nghi ngờ gì về sự có mặt của mấy đứa trẻ, khi Lý Thành giải thích: “Mấy đứa nhỏ muốn nhân dịp này để được tắm nước suối. Để gì, trước đây chỉ có các quan lớn mới được vô đây ngâm mình trong nước suối Vĩnh Hảo. Bây giờ đúng là nhân dân làm chủ.” Huỳnh Điền đáp lại bằng một cái cười hãnh diện, phô ra mấy chiếc răng vàng mới làm.

Hồ tắm nước suối nằm về phía trái trong khu vực nhà máy từ cổng vào, và được lát gạch men như hồ bơi của một nhà giàu, nhưng đây là một bể bơi duy nhất tại Việt Nam với nước suối khoáng chất thiên nhiên ấm khoảng 40 độ được bơm thẳng từ mạch ngầm dưới lòng đất lên. Ngâm mình trong hồ, người ta cảm thấy sáng khoái, phục hồi sinh lực và nghe đồn chữa được

bệnh phong thấp. Ngoài bể bơi lộ thiên còn có mấy phòng tắm riêng biệt với bồn chứa nước suối để ngâm mình hàng giờ cho cơ thể được mơn trớn với làn nước ấm và khoáng-chất thấm sâu vào những tế bào. Quả thật trước đây, ngoài công nhân viên nhà máy, chỉ có vua chúa, quan quyền mới được ngâm mình trong hồ tắm ở nhà máy nước suối Vĩnh Hảo, nên đám thuyền nhân tương lai đã không bỏ lỡ cơ hội thưởng thức thú tắm nước suối để tăng cường sinh lực trước khi mạo hiểm làm một cuộc viễn du đi tìm tự do.

Mấy đứa trẻ thích thú vừa tắm vừa chơi đùa trong hồ nước suối mà không biết rằng đêm mai chúng sẽ bỏ đất nước này để ra đi vào một nơi vô định. Người lớn thì ngâm mình trong những bồn nước suối, thả hồn theo giấc mơ tự do pha lẫn những băn khoăn mà cuộc vượt biên đang chờ đợi họ.

Riêng Nhàn đã không xua đuổi nỗi ra khỏi đầu những hình ảnh khiếp đảm của cuộc vượt biên thất bại mà cô đã đưa hai đứa con ra đi với Thái. Sau chuyến đi kinh hoàng ấy, Nhàn đã sợ hãi không dám nghĩ đến chuyện vượt biên nữa, nhưng cô không còn nơi nào để sống trên đất nước này và không có khả năng để quyết định làm một điều gì khác, ngoài việc ngoan ngoãn đi theo chồng. Lâm không khác nào một cứu tinh đã xuất hiện đúng lúc để cứu ba mẹ con Nhàn ra khỏi đường cùng, nhưng cô cũng nhận thấy rõ đã có một xa cách không thể lấp đầy giữa hai người. Cô bị ám ảnh, dày vò nặng nề về việc ăn ở với Thái và về cái chết của Thái, dù Lâm tỏ ra rất hiểu biết và không bao giờ nhắc lại giai đoạn ấy trong cuộc đời của Nhàn. Cô thường tránh, không dám nhìn thẳng vào mắt chồng vì bị đè nặng bởi mặc cảm có tội.

Ngâm mình trong bồn nước suối ấm, Nhàn cảm thấy thật dễ chịu và ước gì được nằm đây mãi, trong bốn bức tường phòng tắm nhỏ bé này, trút bỏ mọi thứ trên người, thoát khỏi những bi lụy của cuộc đời quá nhiều bão tố. Cô lim dim mắt mơ màng thả hồn theo những ý nghĩ mông lung. “*Phải chăng ta đang có thứ tự do tuyệt đối trên đất nước đọa đày khi trốn vào căn phòng nhỏ hẹp này, với làn nước trong xanh ấm áp, với thân thể trần*

truông, thoát khỏi mọi áp bức, tàn bạo... Và, ngày mai xuống thuyền ra khơi với bao bất trắc, ta sẽ có thứ tự do nào? Ôi, Tự Do! Mi là gì? Hình thù mi ra sao?..”

Nhàn trốn thân thể mình trong làn nước ấm, nhưng cô không cảm thấy những rạo rực trên làn da đáng lẽ còn phải tràn đầy sức sống ở tuổi gần bốn mươi. Dường như mọi tế bào đang chai lạnh dần sau cái chết của Thái. Từ ngày trở lại sống với Lâm, mỗi khi ăn nằm với nhau Nhân chỉ coi như một hành động chiều chồng. Cô không cảm thấy thích thú trong việc chăn gối mà cô nghĩ rằng mình đang đi dần đến tình trạng lãnh cảm. Nhân lo sợ nghĩ đến cuộc sống chung với Lâm trong những ngày còn lại trên đất lạ quê người, nếu may mắn đi thoát.

Đã có quá nhiều biến động xảy đến với gia đình nhỏ bé của Nhân từ ngày được gọi là hòa bình. Nhân tự hỏi việc trở về của Lâm, cái chết của Thái, phải chăng là sự sắp xếp của một bàn tay vô hình nào đó cho một câu chuyện “gương vỡ lại lành”, mở đầu cho một cuộc đời khác trên một đất nước khác tốt đẹp hơn; hay cũng chỉ là khởi sự cho một thảm kịch khác? Nhân sợ hãi và thẳm khấn nguyện cho việc ra đi được bình an.

Thật ra, Nhân không lo sợ nhiều cho bản thân mình. Nếu phải chết trong cuộc vượt biên gian truân này, cô cũng không có điều gì phải ân hận. Nhưng hai đứa con là những báu vật mà cô đã quyết định đưa chúng vào một cuộc mạo hiểm may ít rủi nhiều. Nếu có sự bất hạnh nào xảy ra cho những đứa trẻ ngây thơ này, ai là người chịu trách nhiệm? Cha mẹ chúng, hay những kẻ đã tạo ra tấn bi kịch cho cả dân tộc này? Nhân nghĩ đến mấy triệu người đã chết trong cuộc chiến dài gần ba thập niên, đến hàng trăm ngàn người đã bỏ xác trên rừng sâu, trong lòng biển sau khi chiến tranh chấm dứt. Đây không phải là những bi kịch cá nhân mà là bi kịch của một dân tộc. Một bi kịch rất dài và chưa có màn chót. Cả một dân tộc đang là những con chuột để thí nghiệm cho một học thuyết viển vông được du nhập bởi những tên học trò ngu dốt nhưng quỷ quái và điên.

Trên đường từ Sài-Gòn ra Phan Thiết, Nhân đã được nghe những câu chuyện của từng người đồng hành trên xe. Những

câu chuyện khác nhau, nhưng họ đều giống nhau một điều: bỏ lại tất cả gia tài, của cải để đi tìm tự do trong gian nguy. Tự do quý hơn tài sản, hơn sự an toàn. Người duy nhất trên xe không nói gì là Phượng, nhưng Nhân đã biết rõ tấn bi kịch của cô gái này do Lâm kể lại trước ngày ra đi và muốn Nhân coi như người trong gia đình. Lâm không yêu cầu thì Nhân cũng đã thực sự coi Phượng như người ruột thịt khi gặp nhau lần đầu và nghe Phượng nói: “Cuộc đời của cháu đã mất rồi, cô ạ. Cháu ra đi là vì người khác.”

Đêm hôm ấy, mọi người ngủ trong căn nhà nằm bên ngoài nhà máy do Lý Thành xây cất dưới danh nghĩa là cơ sở của “Tổ Sản xuất Cát Lồi”, một phó sản của nước suối Vĩnh Hảo, được phép hoạt động do sự đỡ đầu của Huỳnh Điền. Công an địa phương không kiểm soát những người tới lui căn nhà này vì nó nằm trong khu vực xí nghiệp Nước suối Vĩnh Hảo, và Huỳnh Điền không bao giờ thắc mắc về những người từ Sài-Gòn ra mà Lý Thành giới thiệu là tổ viên Tổ Sản xuất Cát lồi. Hôm nay Huỳnh Điền càng không thắc mắc vì họ là khách được ông ta mời và càng không thể ngờ đây là đêm cuối cùng của họ trên đất nước này.

Tối 30- 4, sau mấy ngày bận rộn tổ chức tiệc tùng, Huỳnh Điền đi ngủ sớm. Lý Thành nói cho bảo vệ nhà máy biết sẽ chở những người khách Sài-Gòn ra xã Vĩnh Hảo xem chiếu bóng. Tới giờ xuất quân, mọi người lên hai chiếc xe vận tải nhẹ của cơ sở phân phối nước suối chạy ra Quốc lộ 1, quẹo trái về phía xã Vĩnh Hảo, nhưng đi được một đoạn thì rẽ vào con đường mòn đưa xuống Vực Sút. Lý Thành lái chiếc xe đi trước, Lâm lái chiếc xe kia thận trọng theo sau. Tối đoạn đường không còn dùng xe được, họ giấu hai chiếc xe vào một lùm cây, gỡ bỏ bảng số để công an mất đầu mỗi điều tra, và mọi người xuống xe đi bộ.

Trời đêm tối đen không trăng sao. Đoàn người mò mẫm đi, người nọ sau người kia. Đàn ông xách những thùng đựng nước ngọt và thực phẩm ăn đường, phụ nữ dắt hay bồng bế trẻ em. Đường dốc và khó đi, có người trượt ngã nhưng không một tiếng kêu la. Mọi người đều im lặng bước đi như những bóng ma. Mặt

biển mênh mông đen ngòm hiện ra lơ mơ trước mặt không làm những người đi tìm tự do sợ hãi nhưng lại có sức quyến rũ mãnh liệt khiến họ hăng hái thêm.

Tối gần bờ biển, Lý Thành dừng lại và chỉ dẫn cho mọi người ẩn núp vào những lùm cây rồi lấy ra một chiếc đèn pin, hướng ra bờ biển bấm hai chớp ngắn và hai chớp dài. Từ một lùm cây cách đó không xa có ánh đèn pin đáp lại bằng hai chớp dài rồi hai chớp ngắn - mật hiệu đã đồng ý trước để nhận ra nhau. Đây là toán khách người địa phương, trong đó có vợ con Lê Sang, chủ tàu. Lý Thành nhanh nhẹn tới gặp những người này rồi huy động vài người đàn ông khỏe mạnh đi lấy dầu. Mấy tuần trước, anh ta đã chờ lúc vắng người chôn giấu dần mười hai can dầu trong những bụi cây kín đáo. Theo kế hoạch, dầu phải được đào lên sẵn sàng trước khi tàu đến để có thể ra khơi nhanh chóng.

Mọi việc có vẻ diễn ra lớp lang đúng theo kế hoạch. Nhưng không mấy chốc, Lý Thành đã phát hiện một điều khủng khiếp. Tất cả những thùng dầu mà anh chôn giấu đã biến mất. Anh ta cảm thấy hai bàn chân như nặng ngàn cân, không xô dịch được, còn thân thể thì nhẹ như hơi và đã bay vào không khí cùng với cái đầu rỗng không. Anh ta chỉ kêu lên được hai tiếng “Trời ơi!” rồi không biết nói gì thêm. Lâm bình tĩnh hơn, hỏi:

- Anh có chắc đã chôn ở đây không. Có thể trời tối mình lầm chỗ chăng?

- Không. Không lầm được. – Lý Thành trả lời, giọng lạc hẳn đi. – Tôi có làm dấu đây này.

Lý Thành chiếu đèn bấm vào một cành cây được bẻ gãy để làm dấu, và lắc đầu một cách tuyệt vọng:

- Tiêu hết rồi! Cách đây vài ngày tôi có kiểm soát, chúng còn đây...Bây giờ...không những mất dầu không đi được mà còn có thể bị bẫy, công an tới hốt hết ngay bây giờ nếu không rút lui cho kịp...

Tuy nói vậy, Lý Thành cùng mọi người vẫn còn đứng yên tại chỗ, chưa biết hành động ra sao. Bỗng, không biết từ đâu,

một thằng bé xuất hiện trước mắt mọi người.

- Bọn chặn bờ lấy dầu của các chú đem bán rồi.

Mọi người dương mắt nhìn thằng bé khoảng hơn mười tuổi với chiếc quần xà-lỏn và chiếc áo thun sờn rách trên tấm thân gầy còm. Không ai biết phản ứng ra sao, và cũng không hiểu thằng bé có mặt tại đây với mục đích gì. Dường như thấy đã đến lúc giải đáp thắc mắc của đám người đi vượt biên, nó đưa đề nghị:

- Cháu đã đem giấu chỗ khác được năm can dầu. Các chú cho cháu đi thì cháu chỉ.

Lý Thành nghiêng răng, găm giữ:

- Năm can dầu thì đi tới đâu?

Thằng bé làm ra vẻ thành thạo:

- Ba can người ta cũng đi được. Cứ ra đến hải phận quốc tế là có tàu vớt mà.

Mọi người im lặng suy nghĩ. Đã ra tới đây, không ai muốn trở về, và trở về cũng không phải là không nguy hiểm. Nhưng ra khơi với năm can dầu là một mạo hiểm liều lĩnh. Thằng bé thúc giục:

- Các chú chịu không? Ở đây lâu coi chừng công an tới bắt cả đám. Phải lấy dầu lên sẵn sàng, “cá lớn” tới là đi ngay. Cháu không đánh lừa các chú đâu. Tên cháu là Bẩy Tèo. Nếu cháu nói dối, các chú ném cháu xuống biển...

Bẩy Tèo chưa nói hết, chợt dừng lại vểnh tai nghe.

- Thấy chưa, các chú có nghe tiếng máy tàu không?

Quả thật có tiếng động cơ từ ngoài khơi vọng vào. Lý Thành hướng đèn bấm ra biển làm mật hiệu và nói với Lâm:

- Hay mình cứ lấy dầu lên rồi bàn lại với chủ tàu?

Lâm gật đầu, quay sang nói với Bẩy Tèo:

- Được rồi. Cho chú mày đi. Dầu đâu?

Bẩy Tèo đi trước:

- Cháu phải giấu khá xa, không thì chúng nó tìm ra.

Lý Thành ở lại để hướng dẫn tàu vào bến. Những người khác đi theo thằng bé lấy dầu. Nó đi thoăn thoắt, những người khác cố bám theo. Khi họ lấy được năm can dầu vác trở lại bãi thì chiếc tàu đánh cá cũng vừa dừng lại ngoài xa, không dám vào gần bờ, sợ mắc cạn. Họ phải lội trong nước biển lên đến ngang ngực để ra tàu.

Lê Sang, người chủ tàu có gương mặt chữ điền xạm đen, thở dài khi nghe tin chỉ có năm can dầu để đi vượt biên:

- Đành phó mặc cho trời chữ biết sao. Giờ này chưa thấy tôi về và vợ con lại biến mất, bọn công an đã biết rồi. Tôi trở về chỉ để đi tù và mất tàu.

Thế là họ ra đi trong đêm tối. Một chiếc thuyền gỗ với năm can dầu vượt biển khơi đi tìm tự do. Tin tưởng ở ý trời và ở tình người của phần nhân loại may mắn hơn. Trên tàu có tất cả 44 người. Đàn ông. Đàn bà. Cụ già. Trẻ em. Trí thức. Bình dân. Và thằng bé Bảy Tèo, không biết con cái nhà ai. Tất cả đều chen nhau, ngồi thu mình dưới hầm tàu để tránh bị lộ nếu gặp tàu biên phòng. Họ bị nhốt trong khoang con tàu nhỏ, nhưng cảm thấy như những con chim được tháo cũi sổ lồng. Họ hít thở không khí hôi tanh mùi cá dưới hầm tàu chật chội mà tưởng như không gian lồng lộng của tự do.

Lê Sang mở hết tốc lực chạy về hướng đông. Vài tiếng đồng hồ sau, mặt trời nhô lên khỏi chân trời trên đại dương mênh mông. Mặt trời của ngày tự do đầu tiên đẹp vô cùng. Mọi người xôn xao chui ra khỏi hầm tàu để nhìn ngắm. Lê Sang la lớn:

- Bà con ráng ở yên dưới đó. Chưa ra tới hải phận quốc tế đâu.

Tàu tiếp tục chạy trên mặt biển phẳng lặng, không có bóng một con tàu nào khác. Mọi người vui mừng vì coi như đã thoát, không bị bắt lại. Tàu tiếp tục chạy suốt ngày cũng chỉ có trời và nước. Một tự do không bến bờ!

Trước khi mặt trời lặn, Lê Sang nói với Lâm:

- Bây giờ ông lái đi. Tôi hết biết đường rồi. —Và, anh ta chỗ mồm xuống cửa hầm tàu la lớn - Bà còn nào chịu được gió thì có thể lên trên này được rồi. Tự do rồi! Không sợ Việt cộng nữa!

Có nhiều tiếng vỗ tay, tiếng cười và tiếng hoan hô. Một số người theo nhau chui lên khỏi hầm tàu, ngồi nhìn ngắm cảnh hoàng hôn trên biển cả. Họ có những cảm giác kỳ lạ. Một phi hành gia lơ lửng giữa vũ trụ còn lệ thuộc vào một cái gì – một chấm nhỏ quê hương trên quả đất đang quay cách xa hàng vạn dặm. Những thuyền nhân này không thuộc vào một cái gì cả. Quê hương mà họ đã rời bỏ không còn chấp nhận họ, và với thế giới chung quanh họ là những kẻ hoàn toàn xa lạ, không đâu là nhà. Cảm xúc con người như bị đốt bùng lên giữa nỗi vui mừng và nỗi lo sợ ập đến cùng một lúc. Họ nhận thức rõ rệt sự nhỏ bé mong manh của thân phận mình giữa cảnh trời nước bao la. Phụ nữ bắt đầu cầu nguyện. Kẻ lẩn tránh hạt, người cầm thánh giá.

Lâm xem hải bản, điều chỉnh tàu chạy về hướng đông nam, hướng anh tin là bờ biển Phi Luật Tân. Nửa đêm, một chùm sáng xuất hiện trên mặt biển tối đen. Qua ống nhòm, Lâm thấy một con tàu đang lớn dần ở cuối chân trời. Anh mừng rỡ báo cho mọi người biết và đổi hướng chiếc thuyền gỗ chạy về phía con tàu. Mấy chục người cùng reo hò, chen nhau nhìn về hướng chùm ánh sáng trong màn đêm mịt mù. Người ta có cảm giác đang sống trong một giấc mộng, hay một truyện cổ tích với đoạn kết thần tiên.

Chùm ánh sáng lớn dần trong đêm nhưng cho đến lúc bình minh người ta mới có thể nhìn thấy con tàu bằng mắt thật, và tới giữa trưa mới tới gần đủ để nhìn thấy tên chiếc tàu, những lá cờ treo trên tháp. Rồi một hàng người đứng trên boong nhìn về phía chiếc thuyền của những người tị nạn. Có lẽ họ ngạc nhiên về sự xuất hiện của chiếc thuyền gỗ tí hon này giữa đại dương.

Từ chiếc thuyền nhỏ nhìn lên, chiếc tàu trông vĩ đại như cả một thành phố làm bằng sắt thép. Nó tạo nên những đợt sóng

manh ở phía sau và hai bên khiến con thuyền nhỏ chòng chành. Nó đi thẳng về hướng đông, bỏ mặc những thuyền nhân vừa rồi rít vẫy tay vừa kêu gào tuyệt vọng.

Đêm hôm ấy và ngày hôm sau, có năm chiếc tàu nữa đi qua, nhưng không chiếc nào dừng lại để tiếp cứu những người tị nạn. Có chiếc chạy ngang thật gần, đủ để thấy rõ những phụ nữ và trẻ em đang kêu cứu, khóc lóc, và vái lạy nữa trên chiếc thuyền gỗ mong manh. Từ trên boong chiếc tàu sắt to lớn có vài người đưa máy ảnh lên chụp trong lúc con tàu tiếp tục chạy qua.

Những chiếc thương thuyền này đang trên đường hải hành từ Tây Âu sang Nhật hoặc Nam Hàn. Chúng không dừng lại để cứu những người đang gặp nguy hiểm trên biển cả có lẽ vì những người trên tàu đã biết về làn sóng người Việt Nam vượt biển ra đi tị nạn và những chiếc tàu cứu vớt họ đã gặp rắc rối khi cập bến. Người tị nạn là những món hàng vô giá trị và mang theo phiền nhiễu, vi trùng độc hại, không ai muốn nhận.

Những người đi tìm tự do và tình thương nhân loại trên con thuyền gỗ mong manh chỉ nhận ra điều ấy khi đã quá muộn. Họ không còn dầu để tiếp tục đi xa hơn, và thực phẩm, nước uống cũng cạn dần dù bị hạn chế gắt gao. Mọi người bắt đầu sợ hãi trước cái chết khủng khiếp không tránh khỏi giữa biển khơi. Họ không biết làm gì hơn là cầu nguyện, vợ xích lại gần chồng, cha mẹ ôm lấy con cái. Chờ đợi. Chờ đợi thần chết, hay một phép lạ. Họ chỉ cử động và nói khi cần thiết để tiết kiệm năng lượng, và tránh làm mất nước trong cơ thể. Người ta sẽ chết khô trên một biển nước mênh mông. Hình ảnh ấy là một ám ảnh khủng khiếp của mọi người.

Lê Sang, Lý Thành và Huỳnh Lâm ngồi ở mũi tàu, bàn nhau tìm cách tránh khỏi cái chết ghê rợn ấy. Lâm đề nghị:

- Nếu gặp một chiếc tàu nữa, tôi sẽ nhảy xuống biển bơi tới nó. Hy vọng những người trên tàu sẽ vớt tôi, và tôi sẽ thuyết phục họ cứu mọi người, hay cùng lắm thì cũng cho dầu để mình tiếp tục đi.

Lý Thành hỏi:

- Nếu họ không vớt anh?

Lâm lúng túng:

- Ờ...ờ...không lẽ vô nhân đạo đến như vậy... Nhưng dù sao cũng phải thử... Chẳng lẽ ngồi đây chờ chết?

Ba người cùng im lặng. Câu trả lời của Lâm cho thấy số phận bi thảm của mọi người. Mặt trời đang lặn. Mặt trời đỏ. Bầu trời màu đỏ. Nước biển cũng biến thành đỏ. Con thuyền chòng chành, lắc lư như một chiếc lá sẵn sàng lật úp bất cứ lúc nào. Cảnh hoàng hôn trên biển cả ngày mới ra đi đẹp bao nhiêu, hôm nay trông rùng rợn bấy nhiêu. Mọi người chỉ ước mong được ở một nơi nào khác.

- Hay là gom quần áo cây ván lại, khi gặp tàu nữa mình đốt lên kêu cứu? - Lý Thành nói nhỏ.

Không có tiếng đáp lại. Họ nhìn rõ sự tuyệt vọng trong mắt nhau. Họ không tin đốt lửa hay bơi sang tàu sắt sẽ làm thay đổi trái tim con người. Họ đã phạm một lỗi lầm chết người khi liều lĩnh ra khơi dù biết không đủ dầu để tới nơi định đến - vì mang ảo tưởng về trái tim con người.

Lâm chui xuống hầm gặp vợ con lần cuối cùng. Nhìn nhìn Lâm với đôi mắt trống rỗng mà anh chưa thấy bao giờ. Lâm đã nhiều lần cọ sát với cái chết ngoài chiến trường nhưng đây là lần đầu tiên anh nhìn thấy nỗi sợ hãi trong đôi mắt của một người thân trước cái chết đang đến từ từ. Nhưng, Nỗi sợ hãi trước cái chết của hai đứa con hơn là của chính mình. Ba mẹ con ngồi sát bên nhau như tìm sự che chở lẫn nhau, không nói một lời. Một ý nghĩ khủng khiếp chợt đến trong óc Lâm: ba mẹ con sẽ ôm nhau chặt hơn nữa khi cùng nhau chìm xuống đáy biển.

Bỗng có tiếng kêu khóc của một người đàn bà từ trong một góc:

- Ông ơi, tại sao không đủ dầu mà các ông cũng đi để đưa cả lũ vào chỗ chết như thế này?

Mọi người nhốn nháo. Khóc lóc. Kêu la. Lâm nói lớn để át giọng mọi người:

- Tình thế chưa phải là tuyệt vọng. Ngày mai sẽ còn gặp nhiều tàu nữa. Thế nào cũng có chiếc vớt chúng ta. Xin bà con bình tĩnh. Kêu khóc không ích lợi gì cả.

Quả thật sáng hôm sau có hai chiếc tàu nữa xuất hiện nhưng cả hai đều đi thẳng, dù những người trên chiếc thuyền nhỏ đã nổi lửa làm khói cầu cứu. Gần cuối ngày, một chiếc tàu nữa lại xuất hiện. Khi nó chạy cách chiếc thuyền gỗ khoảng ba trăm mét, trong lúc những người khác lại lo đốt quần áo, Lâm cởi bỏ chiếc áo sơ-mi và cái quần dài rồi nhảy xuống biển bơi về phía chiếc tàu sắt. Những người trên chiếc thuyền gỗ đứng nhìn theo Lâm ngập lặn, cố chống chọi với những đợt sóng để tới gần chiếc tàu. Nhưng Lâm càng cố bơi thì chiếc tàu càng đi xa và sóng càng lớn. Lâm vẫn cố bơi theo trong lúc khoảng cách với chiếc tàu càng xa hơn cho đến lúc anh mất hút trên mặt biển trước sự hãi hùng của những người đứng nhìn theo.

Lý Thành quay mặt lại, chợt nhận ra thằng Bầy Tèo đứng phía sau, anh ta túm lấy nó, gầm gừ:

- Cũng tại mày. Không có mày với năm can dầu thì chúng tao đã ở lại.

Thằng bé vặn mình, ú ớ cố thoát khỏi hai bàn tay Lý Thành đang siết quanh cổ nó trong cơn điên loạn. Khi anh ta buông nó ra thì thân mình nó mềm nhũn. Hết thở. Lý Thành ngồi phịch xuống sàn tàu, đưa hai tay ôm đầu.

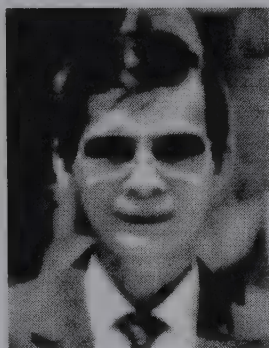
Từ phút ấy, chiếc thuyền gỗ của nhóm người tị nạn thực sự trở thành một địa ngục nổi trên mặt biển. Thức ăn hết, nước ngọt không còn. Để sống sót, người ta đã phải uống nước tiểu của chính mình và ăn thịt người chết trước...

Mười ngày sau, thuyền trưởng Ron Miller của chiếc tàu Pacific Explorer nhận ra chiếc thuyền gỗ trôi nổi trên mặt biển, ông cho tàu bỏ neo từ xa và thả xuống một chiếc xuồng nhỏ với ba thủy thủ tới xem xét chiếc thuyền. Ba người này bị một phen khiếp đảm trước những gì họ đã chứng kiến. Họ không biết có bao nhiêu người sống sót, vì tất cả đều nằm liệt, thân mình lở lói, và một số đã hôn mê. Xác một thiếu niên bị lóc thịt gần hết

bỏ trong phòng lái. Một đứa bé thở thoi thóp trong lòng người mẹ, miệng còn ngậm một ngón tay với những vết máu khô của người đàn bà đã chết. Một mùi hôi thối nồng nặc không chịu nổi xông lên khiến các thủy thủ phải nôn ọe. Họ trở xuống chiếc xuống, gọi máy báo cáo với Miller. Ông ta liền phái hai y tá và một toán thủy thủ đem theo thuốc men tới cứu những người còn sống đem về tàu.

Chiếc thuyền gỗ với những xác người chết được rưới xăng thiêu hủy trên biển.

Trích từ truyện dài "Lửa Hòa Bình"



THANH-THANH

- Tên thật: Lê Xuân Nhuận
- Ngày sinh: 02- 01- 1930.
- Quê nội: Hà-Nội: Quê ngoại: Huế.
- * Các bút hiệu: - Kiều Ngọc (văn) - Nguyệt Cầm (kịch).
Người Thơ (bình luận) - Tú Ngông (trào phúng). v.v...
- * Chủ trương Thi Văn Đoàn và nhà xuất bản "Xây Dựng".

TRƯỚC 1975:

- * Có tác phẩm đăng trên các báo "Truyền Bá"
và "Tiểu Thuyết Thứ Bảy" ở Hà Nội từ năm 1943.

*Đã xuất bản:

- Ánh Trời Mai (thơ, Xây Dựng, 1949).
- Ánh Trời Mai (thơ, tái bản, Xây Dựng, 1950).
- Ánh Trời Mai (thơ, Xây Dựng, 1951).
- Kiếm Xuân Thu (thơ, Xây Dựng, 1951).
- Nhạc Ngày Xanh (thơ, Xây Dựng, 1952).
- Quán Bên Sông (kịch thơ, Xây Dựng, 1953).
- Gươm Chính Nghĩa (kịch thơ, Hội Quảng Trị, 1955)
- Tuần Trăng Mật (thơ, Xây Dựng, 1960)
- Với Thượng Đế (thơ, Xây Dựng, 1964)
- Ray Rút (truyện ngắn, Xây Dựng, 1965), v.v...

- * Được “Đại hội Văn hóa Toàn quốc” của VNCH tại Thủ Đô Sài-Gòn công nhận thành quả hoạt động là một cành trong “Cây Đa Văn Hiến Việt Nam” vào cuối thập niên 1950.

SAU 1975:

- * Chủ trương sáng tác và phiên dịch thơ bằng tiếng Anh.
- * Hiện là Hội Viên Văn Bút Mỹ (PEN Center USA West).
- * Đã xuất bản:
 - Về Vùng Chiến Tuyến (hồi ký văn nghệ, nam California 1996)
 - Cơn Ác Mộng (thơ, Xây Dựng, Bắc Cali, và Thế Giới Mới, TX 1998)
 - “Cảnh Sát Hóa”, Quốc sách Yếu Tử của VNCH (hồi ký, Xây Dựng, Bắc California 2002).
- * Sắp xuất bản:
 - This Land of Promises” (thơ tiếng Anh).
 - Poems by Vietnamese Refugees (thơ dịch tiếng Anh).
 - Tuần Trăng Mập (thơ tái bản)...

BỤI ĐẤT và HƯ VÔ

Thanh Thanh Lê Xuân Nhuận

Bác Nam cai trường tiểu học xã Lộc Mỹ thuộc một quận khá “dữ”, quận Đại Lộc, Quảng Nam tỏ vẻ e ngại khi nói chuyện với viên thiếu tá cảnh sát đặc biệt. Bác trả lời:

- Tôi nghĩ ông nên hỏi mấy thầy cảnh sát an ninh quận, xã chứ tôi đâu có rành chuyện an ninh, tình báo. Viên thiếu tá cảnh sát mặc thường phục cười:

- Không, tôi không hỏi thăm bác về chuyện đó đâu, tôi chỉ muốn biết chuyện hai người Mỹ với ông thiếu tướng và ông trung tá của mình thôi.

- Tôi đã kể với ông hôm nọ rồi mà!

- Đúng, nhưng tiện có mấy ông ngoài tỉnh vào, phiền bác kể lại với đầy đủ chi tiết hơn

- Vâng, đầu đuôi thế này...

Khoảng 11 giờ trưa đúng ngày lễ Nô-en năm 1974 đột nhiên tôi nghe có tiếng máy bay trực thăng bay đến thật gần. Tôi nghĩ bụng, ngày lễ ngày tết sao lại có máy bay rà đến, chắc tại Việt Cộng lại giở trò gì rồi đây. Nhưng rồi nghe rõ tiếng cánh quạt lạch xạch ngay trên đầu, tôi ngạc nhiên vô cùng. Con cá lóc sất lượn vòng rồi đậu ngay xuống giữa sân trường. Ông trung tá nhảy xuống trước rồi đến một ông có đeo hai sao đen trên ve áo bước xuống theo sau là một người đàn ông Mỹ và cuối cùng là một phụ nữ Mỹ. Ông trung tá thấy tôi đứng trên hiên trường vẫy tôi lại. Sau những phần giới thiệu họ nhờ tôi một việc hơi kỳ lạ là chôn một cái hộp sắt nhỏ. Thấy tôi có vẻ e ngại, ông trung tá vỗ vai tôi cười:

- Có ông tướng phó tư lệnh quân khu đây bác đừng ngại.

Tôi đã nói rồi, đây là chuyện riêng của ông Sam và cô Diệu Hương, bác biết rõ rồi mà. Rồi ông nói đùa: Chúng tôi không là chúng nó xúi bác chôn mìn giật xe đồ đầu mà ngại!

Theo đúng lời chỉ dẫn của người đàn ông Mỹ, tôi lấy xẻng đào một cái lỗ ngay giữa hàng rào phân chia khoảng sân bên hông trường với đường hương lộ bên ngoài, họ bỏ xuống đó một cái hộp sắt rồi lấp đất, nện chặt và đúng như ý họ là tôi phải san bằng đất như cũ.

Họ bắt tay cảm ơn tôi rồi leo lên trực thăng bay về hướng biển. Tôi hiểu câu chuyện giữa ông Sam và cô Diệu Hương, nhưng vì câu chuyện có dính líu đến mấy sĩ quan nên tôi có báo cáo cho an ninh xã biết ngay sự việc. Sau này tôi mới hiểu hai người Mỹ này là đại diện cho một văn phòng chống khủng bố Mỹ, thi hành di chúc của một người tên Sam. Theo di chúc để lại thì sau khi ông Sam qua đời, thi hài được thiêu đi và bằng mọi cách phải được đem sang Việt Nam chôn đúng chỗ đã chỉ định. Ông thiếu tướng đi theo vì chính ông đã có lần gắn huy chương khen tặng người chết, đại úy Sam.

Đầu năm 1971, toán dân sự vụ thủy quân lục chiến Mỹ làm việc tại quận Đại Lộc có thay đổi trưởng toán. Người mới đến là đại úy Sam, người ta gọi thế tôi cũng gọi vậy, không biết rõ tên họ rõ ràng. Ông ta là một thanh niên đẹp trai, hiền lành, nhã nhặn và tỏ ra rất gần gũi đồng bào Việt. Tóc ông vàng hoe và cặp mắt màu xanh trong như ngọc. Tôi thấy ở ông ta một vẻ thực thà chân thành, chứ không lộ nét giả tạo, đóng kịch. Công tác ông Sam làm nổi bật là lần đầu tiên lập được một hội Việt- Mỹ cho quận. Không phải ông Sam chỉ thuyết phục mời vào hội các viên chức chính quyền mà mời được cả các viên chức các ngành, giáo sư, phụ huynh học sinh, nhà nông, dân đánh cá, làm rừng, các tu sĩ nữa. Nói chung đại úy Sam vui vẻ, tạo được cảm tình được với dân quận hơn là viên trưởng toán tiền nhiệm. Ông tặng quà và tham gia sinh hoạt với trẻ em vào cuối tuần, dịp nghỉ hè, Tết Trung Thu. Rồi đưa toán y tế Mỹ đến săn sóc từng cụ già, cứu trợ từng nạn nhân bị Việt Cộng pháo kích, giật mìn. Nói chung ông tích cực có khi còn hơn cán bộ của mình nữa.

Ông Sam đề nghị và được phía Việt Nam đồng ý, dùng một phòng học của trường quận làm nơi trao đổi văn hoá, mở lớp dạy tiếng Anh buổi tối. Đây là nơi thuận tiện đi lại cho mọi người. Phòng học này nằm đầu dãy, bên hông là một cửa sổ nhìn ra hàng rào che khuất tầm mắt người qua đường. Bên kia hương lộ có một cây đa lâu đời cành lá xum xuê, rễ gốc cây nổi gồ lên cao hơn mặt đường hơn nửa mét. Nếu có ai vốc cao lớn tò mò đứng trên đám rễ gồ đó có thể nhìn vào cửa sổ nhìn thấy sinh hoạt trong lớp học.

Ban ngày phòng học này dành cho lớp năm, lớp cô giáo Diệu Hương trách nhiệm. Cô Diệu Hương, hoa khôi toàn quận. Nói đến người đẹp Đại Lộc là phải nói đến sắc đẹp của cô Diệu Hương. Cô biết mình đẹp nhưng vẫn dịu dàng, lịch thiệp, đứng đắn nghiêm trang. Năm đó cô khoảng hai mươi tuổi, mái tóc kẹp buông lơ như một nữ sinh trung học hay sinh viên ở Đà Nẵng hoặc Huế. Diệu Hương có cặp mắt đen láy nhưng hơi buồn với hai hàng mi cong vút. Vóc mình cô hơi mảnh khảnh, nhưng rất cân đối với dáng đi khoan thai. Đặc biệt là da cô trắng nõn nà, kể cũng lạ, ở một xã rầy nhiều hơn ruộng, gần rừng núi, khá xa thành thị, nước da trắng trẻo đó dễ khiến mọi người chú ý sắc đẹp của cô đã khiến nhiều thầy giáo và cán bộ quận lao đao vất vả vì cô. Buổi tối, từ khi có hội Việt-Mỹ, Diệu Hương đến làm việc với tư cách thư ký hội, cô học thêm tiếng Anh, dạy tiếng Việt cho người Mỹ. Chính cô cũng đang tự học chương trình đại học. Tôi biết rõ gia đình Diệu Hương, cha mẹ cô thuộc bậc trung nông, sùng đạo Phật và chịu ảnh hưởng đạo Nho.

Sự giao tiếp giữa Diệu Hương với Sam, giữa một người da trắng Âu Mỹ với một cô giáo trẻ đẹp, tuy bề ngoài là chuyện tự nhiên, nhưng qua những cái bắt tay, vỗ vai đã khiến cho cha mẹ cô lo ngại. Ông bà đã nhờ tôi theo dõi canh chừng giùm, nhưng các ông biết đấy, trai tài gái sắc làm sao tránh khỏi, nhất là ở trong khung cảnh chiến tranh và ở một nơi hơi xa thành phố. Lửa gần rơm không cần lâu ngày mới bén, mà bén ngay. Thoạt đầu chỉ là những ánh mắt, những nụ cười, rồi ngày càng sâu đậm hơn. Tôi giữ chân liên lạc viên cho hội, sau mỗi buổi tối hai

người gặp nhau, hầu hết tôi đều có mặt trong phòng. Do đó tôi theo dõi được những bước tiến của cuộc tình này.

Thú thật thì tôi phải nhận là không làm tròn nhiệm vụ ông bà bạn giao phó. Đứng ra thì tôi thấy không nên ngăn cản, nếu có muốn ngăn cản cũng không được. Khi người ta thương nhau, mình ngoài cuộc ngăn cản sao được. Ngoài ra tôi biết hai người thương nhau thật tình, muốn xây dựng lâu dài. Không có những cử chỉ lời nói chường tai gai mắt mọi người. Do đó tôi không cho cha mẹ Diệu Hương biết chuyện gì đã diễn ra. Tôi không khuyến khích, nhưng cũng không tỏ ý bức bối, khó chịu. Đặc biệt là Sam được dân trong xã ngoài quận ly thương mến. Sam đi lễ chùa cùng với Diệu Hương, tìm hiểu đạo Phật. Học hỏi phong tục tập quán Việt Nam. Anh ăn bún bò Huế cay chảy nước mắt, vẫn gật gù khen ngon. Sam thích ăn nhất món mì Quảng, biết rằng mì phải bóp nghệ tươi vào ăn mới thơm, mới đúng điệu.

Một điều tôi biết rõ là Sam tôn trọng người yêu, tôi không hề bắt gặp những hành vi cử chỉ sỗ sàng như đa số người lính Mỹ khác. Sam có thú thật với tôi là anh ta sẽ xin chính thức cưới Diệu Hương. Tôi thầm nghĩ nếu báo cho cha mẹ cô ta biết, ông bà sẽ cấm hãm cô lui tới với hội Việt- Mỹ. Không có cô thì hội tất nhiên sẽ tan, tuy chỉ là thư ký, nhưng gần như cô điều hành mọi chuyện. Tới đây tôi cũng xin thú thực là nếu Diệu Hương vì kính sợ cha mẹ, một gia đình lễ giáo, buộc phải chia tay với Sam có thể hội sẽ tan hoặc Sam sẽ rời hội đến nơi khác. Trụ sở hội rời vào quận tôi sẽ mất việc làm và mất hẳn đi phần lương cao và tiền lời bán đồ giải khát, bánh kẹo.... buổi tối. Mãi đến hôm nay, giữ đúng lời hứa với hai người, tôi vẫn không nói gì với cha mẹ Diệu Hương. Tôi không tiết lộ, nhưng nhiều người nói đến tai họ. Họ nhấn trách tôi, nhưng tôi biết nói sao bây giờ?

Đại uý Sam về nước từ Nô-en năm ấy, còn Diệu Hương cũng đã bỏ đi biệt tích từ sau Nô-en năm ngoái, năm 1973. Khoảng cách hai năm trời đó Sam vẫn đều đặn gửi thư cho người yêu, qua địa chỉ của tôi, Diệu Hương không muốn cha mẹ cô biết. Tôi vẫn chuyển thư, nhưng Diệu Hương khóc và nói với tôi

là sẽ không trả lời thư. Cuối năm 1971 Diệu Hương có lẽ chịu không nổi khung cảnh cũ, xin đổi về dạy ở Tam Kỳ, cuối tuần về nhà, trường ghé thăm tôi. Diệu Hương lộ vẻ buồn, lại thêm nước da hơi xanh. Vẻ buồn náo nức, nước da xanh xao đó lại càng khiến cho nhiều thanh niên Tam Kỳ và Đại Lộc săn đón cô, nhưng tất cả đều như đã va vào một tảng băng lạnh lẽo.

Các ông xem bức thư này viết cho Sam vào dịp Nô-en năm ngoái. Diệu Hương dặn tôi: “Nếu đến hết ngày Nô-en năm nay, mà Sam vẫn không trở lại gặp bác, thì xin bác hãy giải dùm lời thề, bằng cách đốt lá thư này ở gốc đa, là nơi Sam đã đứng đó nhiều lần hướng về cửa sổ phòng lớp năm để được nhìn cháu. Cháu xin đội ơn bác” Thư viết bằng Anh văn có chêm thêm vài câu chữ Việt, sức tôi đọc không hiểu nổi, mời các ông đọc:

Lộc Mỹ, ngày 25-12-1973

Anh Sam yêu dấu,

Đây là bức thư đầu tiên và là bức thư cuối cùng em gửi anh, người yêu đầu tiên cũng là người yêu cuối cùng trong đời em. Vẫn chỉ là câu Em yêu anh, nhưng câu chuyện không đơn giản như ba tiếng thương yêu đó. Anh là người Mỹ học thức, cha mẹ giàu có, khỏe, trẻ, anh can đảm, cần cù, nhân ái, vị tha, hào phóng. Những quân nhân như anh, ngoài các cuộc hành quân còn dành thêm tâm trí, công sức để làm công tác xã hội, thật là hiếm quý. Trong cương vị anh, anh thật xứng đáng tiêu biểu cho một dân tộc nghĩa hiệp, vượt đại dương hy sinh xương máu để bảo vệ, kiến thiết Việt Nam quê hương đau khổ của em.

Anh là một thanh niên lịch thiệp, đẹp trai, yêu đời, yêu người, biết kính già quý trẻ, biết tôn trọng những giá trị tinh thần, nhất là anh biết tôn trọng em, người yêu của anh. Em cũng không hiểu tại sao em lại yêu anh, một thanh niên khác chủng tộc, khác văn hoá, tiếng nói, trong khi đó có khá nhiều thanh niên địa phương xin được em để ý đến họ.

Anh ơi! Anh đã cho em biết thế nào là mãnh lực ái tình, thế nào là tình yêu không phân chia chủng tộc, màu da. Đối với em

một mối tình ngang trái, với cha mẹ em là chuyện không chấp nhận được. Anh vừa lãng mạn phác họa một cảnh gia đình hạnh phúc tràn trề, vừa thực tế là sẽ học thêm để lấy bằng Ph. D., dọn đường cho sự nghiệp tương lai. Anh đặt kế hoạch cho tiền đồ của hai chúng ta, cho con chúng ta. Anh đã cho em niềm tin trong tình yêu.

Em khổ lắm anh ơi, một bên là anh, người em yêu nhất đời, một bên là cha mẹ, đại gia đình chòm xóm, dư luận ác độc. Em cố giấu cha mẹ, giấu mọi người. Yêu nhau mà phải lén lút, còn gì bực bội và xấu hổ bằng, anh nhỉ?

Hy vọng duy nhất của em là chờ đến ngày em hai mốt tuổi, em có thể tự quyết định hôn nhân, nhưng không phải để được tự do làm giấy hôn thú với anh, còn là để dễ thuyết phục song thân em chấp nhận mối tình của chúng ta. Em không thể làm một đứa con bất hiếu, làm cha mẹ mất mặt với xóm làng, họ mạc. Nhưng nếu cha mẹ em vẫn không đồng ý thì sao? Đó là điều mà em không dám giải đáp. Em đã nghĩ đến chuyện nhờ bác Nam cai trường hay ông chú, bà dì thuyết phục. Chỉ nghĩ đến là em đã thấy ngại rồi, cũng như nhiều lần anh đòi em đưa anh về để xin thưa chuyện với cha mẹ, nhưng em sợ lắm, em sợ mất anh.

Rồi người ta nói đến chuyện Việt Nam hóa chiến tranh, anh phải về nước. Càng gần đến ngày về anh càng hối thúc em, nhưng em không có lối thoát. Chuyện anh phải rời bỏ em tạm thời làm em có linh tính là em sẽ mất anh. Trời ơi có lý nào tình đôi ta chấm dứt ngang đây sao?

Anh đã trấn an em. Em tin lời hứa của anh, nhưng không hiểu anh có thể trở lại đây với tư cách một thường dân, một nhân viên dân chính được không? Anh ạ, qua năm 1972 hội Việt-Mỹ của anh lập ra đã rời đi nơi khác. Đã xa anh lại không còn gần những khung cảnh sinh hoạt thân quen, đầm ấm do anh tạo nên, em cảm thấy cuộc sống trống vắng, lạt lẽo vô cùng. Dù anh vẫn gửi thư về đều, nhưng em nản quá đã xin chuyển vào Quảng Tín. Về đây tưởng xa được cây đa cũ, lớp học xưa để đỡ nhớ anh hơn, nhưng càng cố quên lại càng nhớ thêm.

Anh yêu, cuộc đời không chiều lòng người. Cuối năm 72 anh chưa trở lại được, nhưng em còn ôm hy vọng, vì chiến tranh vẫn tiếp diễn. Nếu Nô-en năm nay anh không trở lại được, đâu còn hy vọng gì nữa! Em thật mâu thuẫn muốn có thanh bình nhưng vì nhớ mong anh lại muốn chiến tranh kéo dài cho đến khi anh trở lại đón em.

Em có một quyết định mới. Em bỏ cha mẹ, bỏ việc làm, em thử ... tìm về hư vô, đi vào một cõi Sắc Không Không Sắc. Như anh đã nghiên cứu rồi đó, cuộc đời là bể khổ, phải đi tìm lối thoát. Mới đây, song thân em ép buộc em phải kết hôn với một người em không hề yêu. Em đã có lý do để thoát ly gia đình, không ai có thể đổ lỗi cho anh được.

Thời hạn ba năm trong lời thề xưa vẫn còn đó. Anh còn trọn năm nữa để giải lời thề trước gốc đa trường cũ. Em cố tình không viết cho anh một dòng chữ nào cho anh từ hai năm qua, trừ lời nhắn miệng với các người bạn mà anh nhờ gặp, rằng em trọn đời yêu anh và sẽ trung thành với anh, là để giúp anh trải nghiệm tình cảm anh. Nếu anh trở lại được, anh sẽ tìm được em. Tình Yêu sẽ hướng dẫn anh. Phương cách cuối cùng là vào ngày 24 sang năm, năm 1974 em sẽ có mặt tại nhà thờ xã Lộc Mỹ. Đúng đêm đó chúng ta trốn mọi người và đi nhau ra gốc đa để sống lại những giây phút thần tiên tái ngộ. Em chỉ chờ anh đến 12 giờ khuya thôi, giờ các chuông nhà thờ reo vang xa gần đồng loạt. Vì nguyên nhân nào anh vắng mặt, em đã nói rồi: Em trở về nơi tìm yên tĩnh tâm hồn.

Gốc đa đó nơi anh thường đứng trên đám rễ gồ gề để nhìn trộm em. Em còn nhớ mãi cặp mắt trong xanh của anh nhìn em đắm đuối. Cũng tại đó, em đã đón nhận nụ hôn đầu tiên của anh, đó là lần trao hôn đầu đời người con gái, em ngây ngất, là lần đầu tiên em sẵn sàng chết đi trong vòng tay anh siết chặt. Ôi nụ hôn ngọt ngào như lời thề nguyện buổi sáng mùa xuân cuộc đời, cũng là nụ hôn đắng cay mùi vị chia ly chúng mình dành cho nhau, trước ngày anh tạm xa em.

Anh và em đều không sợ ma, nhưng gần hết dân xã đều sợ ma. Nhờ họ sợ ma nên họ đã để yên cho chúng mình gặp nhau

giữa khuya bên gốc cây nhiều đêm. Những lần ấy, anh đâu có biết, em lo sợ vô cùng, không phải là sợ có người biết được mối tình chúng mình giữ kín, em chỉ sợ Việt Cộng tìm cách ám hại anh. Chúng đã hơn một lần muốn nhờ tay em. Nhưng chuyện đó em sẽ kể anh nghe sau. Bây giờ anh đã hiểu rồi phải không. Nụ hôn biểu hiện lời thề. Đời em chỉ hôn một người, người đó theo đạo lý đã là chồng em. Em còn nhớ mấy câu Kinh Thánh đã giảng: "Không được thề dối" và "không được phạm tội ngoại tình" và "hễ ai ly dị vợ mà không phải vì có vợ mình gian dâm tức là khiến cho nàng ngoại tình"

Em không phạm hai tội đó, em chỉ yêu một mình anh. Nếu không có anh, em coi đời là hư vô và em chỉ là hạt bụi. Đây cũng là một cuộc thử thách vô cùng quan trọng và tối hậu về phần em: do nơi anh và do lời anh hứa hẹn, em sẽ trở về sống với hạnh phúc trần gian, hoặc sẽ tiếp tục đi tìm giải thoát và vĩnh viễn là Sắc Không, là cát bụi.

D.H.

Nghe đọc xong bức thư dài mọi người im lặng, bầu không khí như lắng đọng, bác Nam thở dài.

Một viên sĩ quan cảnh khác rút ra từ tấm bì cứng, nói :

- Đây là 12 lá thư của Sam, nhưng "không có người nhận" bác Nam nộp cho tôi.....

Viên sĩ quan cấp trên khoát tay:

- Thôi không có gì quan trọng về mặt an ninh, nhưng cứ đọc lên bức thư cuối cùng cho mọi người cùng nghe:

New York, December 1974

Diệu Hương, người yêu duy nhất của anh,

Suốt ba năm nay em không viết thư cho anh, anh không nghĩ

là thư bị thất lạc. Anh chấp nhận, vì đó là ý muốn của em, em đã nói cho anh biết trước rồi, nhưng trong thâm tâm anh bao giờ cũng mong ước được đọc thư em. Giờ đây anh không còn trông đợi thư em nữa, em có gửi anh cũng sẽ không bao giờ đọc được.

Ngay khi gặp em là anh đã yêu em. Đồng thời sau khi đã ở quê em một thời gian, đã hiểu người Việt Nam, là anh yêu luôn đất nước và đồng bào em. Anh về nước không phải chỉ để vận động trở lại Việt Nam, chính là còn để nói lên tiếng nói lương tri, chống lại phong trào phản chiến, kêu gọi tinh thần khủ bạo phò nguy vốn là truyền thống dân tộc Hoa Kỳ cao đẹp. Thế nhưng kết quả ngược lại, nhóm các anh là thiểu số, yếu ớt. Ma quỷ đang hồi cực mạnh. Tinh thần đa số dân Mỹ mệt mỏi, bạc nhược. Thôi chẳng qua đó là vận nước là một chu kỳ đi xuống.

Bây giờ nước Mỹ đã bỏ cuộc rồi, ngay cả họ cũng bác đơn xin được trở lại phục vụ như một nhân viên dân chính. Trong khi đó hạn chót lời thề tình ái sắp đến rồi. Nhưng anh không còn đủ sức nữa, như trong những thư trước anh đã kể, cục u quái ác trong óc anh, hành hạ anh nửa năm nay sắp thắng anh rồi. Anh đành bất lực, anh phải chấp nhận, cũng như đã phải chấp nhận sự im lặng của em. Anh phải vâng theo lời Chúa, ngài muốn cắt anh đi, anh vâng theo.

Em ơi, trong đêm cuối cùng, bên gốc đa, em lịm người trong vòng tay anh, phó mặc hoàn toàn cho anh. Nhưng anh kính trọng tinh thần văn hoá đông phương. Anh đã giữ tròn danh tiết cho em, nên anh hãnh diện ngẩng cao đầu. “Khối tình này mang xuống tuyên đài khôn tan”. Văn chương Việt có câu như thế phải không em?

Thôi anh cảm thấy mệt quá.

Anh rất tiếc là đã không giữ tròn lời thề với em, nhưng đó không phải do lỗi của anh. Em cứ tin rằng đến tận hơi thở cuối cùng, anh vẫn chỉ biết một lòng yêu em. Tình yêu thuần khiết là sinh khí cho hình hài này, vốn là bụi đất sẽ trở về với bụi đất.

Và rồi em sẽ hiểu, anh sẽ có cách trở về nằm ngay ở gốc đa tràn đầy kỷ niệm.

Vĩnh biệt em!

Sam.

Vào khoảng bốn năm giờ chiều ngày 24, Diệu Hương xuất hiện dưới bộ bà ba đen, nhưng đội nón và trùm khăn kín đầu. Bác Nam tìm gặp cô nhưng cô ra dấu im lặng và lảng tránh bác trước ngõ nhà thờ. Bác Nam cầu Trời khẩn Phật ra một phép thần thông sao đó cho Sam cười trực thăng đáp xuống sân trường như chuyến trực thăng buổi sáng. Cô cố giữ kín sự trở về đột ngột, nhưng cũng không thể qua mắt được những người tinh ý, có vài người phát hiện ra cô. Cô tránh nói chuyện với bác Nam, nhưng không giấu được một nữ đạo hữu người làng vốn là thân nhân của sư bà chủ trì ngôi chùa sư nữ nổi tiếng ngoài Huế. Bà này ngầm tiết lộ cho bác Nam là Diệu Hương đang tu tại chùa ngoài đó, mang pháp danh mới và cố chôn vùi tung tích.

Đêm Nô-en khu sân nhà thờ đèn đuốc sáng trưng, còn ngoài gốc đa cạnh trường, cây đa tiếng đồn có nhiều ma quỷ hiện lên vẩn âm u, lạnh lẽo tối như mực. Vài con quạ đang yên giấc trên vòm cây xào xạc bỗng cất cánh bay vụt lên. Bóng dáng một người đàn ông luống tuổi lẫm lũi xuất hiện, đầu ông ta cứ cúi xuống, cúi xuống mãi. Ông ta lấy từ trong túi ra một tờ giấy, xòe diêm đốt. Mùi diêm sinh và mùi khét giấy thoảng qua. Ông ngồi bệt xuống rễ đa gỗ cao, một luồng gió lạnh nửa khuya thổi qua bốc theo tàn giấy, ông rung mình. Đúng lúc đó có ai phải đi qua gốc đa chắc chắn phải té chạy vì đã mục kích thấy ma hiện lên ngồi bên gốc.

*Diệu Tân chuyển thể thành truyện ngắn, trích trong
Hồi ký: “Cảnh sát hoá, quốc sách yếu tử” của Thanh Thanh.*



TRẦN THIÊN TƯỜNG

- Tên thật: Trần Minh Khôi
- Bút hiệu: Trần Thiên Tường, Lệ Hồng, Trần Lạc Nhiên, Thiên Vũ.
- Sinh quán: Phú Yên.
- Trú quán: Sài-Gòn.
- Trước năm 1975: Cựu Sĩ quan QL/VNCH.
- Sau 30/4/1975: Tù Việt Cộng 6 năm.
- Định cư tại Hoa Kỳ 1995, theo chương trình HO.
- * Tác phẩm đã in thành sách với bút hiệu Trần Thiên Tường:
 - Ngũ Hoàng Biên Trấn (truyện kiếm hiệp 6 cuốn, xb 1975).
 - Giang Hồ Hiệp Lữ (2 cuốn) - Hiệp Hành Dục Sư.
 - Thiên Nam Đại Hiệp (3 cuốn) - Độc Chiêu Kỳ Nữ.
 - An Cừu Thiên Thư. - Ngũ Tuyệt Kỳ Nhân (8 cuốn).

- * Sau 1975: - *Ảo Ảnh Tình Đời* (2 cuốn).
- * Tại Mỹ cho đăng lại nhiều bộ tiểu thuyết kiếm hiệp tình cảm mới viết.
- Di sản Người Chết - Một Cõi Tình Yêu. Bút hiệu: Trần Minh Khôi.
- * Về thơ: Trong “Việt Nam Thi Nhân Đường Đại” của Mộng Bình Sơn đã chọn thơ của Trần Lạc Nhiên làm tiêu biểu cho dòng thơ triết học của miền Nam Việt Nam thời 1965.
- * Về nhạc: Trước 1975, viết nhạc cho 3 cuốn phim:
 - Như Hạt Mưa Sa
 - Như Giọt Sương Khuya
 - Chiều Hôm Gió Cuốn.

Bút hiệu Thiên Vũ.

NHỮNG PHO TƯỢNG

Trần Thiên Tường

Vừa viết xong chương thứ ba của tập hồi ký, ông Trần liền buông cây bút lặn trên bàn viết rồi ngửa người tựa vào thành ghế cho được thoải mái. Vừa lúc đó chiếc đồng hồ cũ kỹ treo trên tường gõ vang một tiếng. Ông Trần nhìn về phía đồng hồ, khẽ thốt:

- Một giờ đêm rồi sao?

Dáng tư lự, dăm chiêu một lúc lâu, ông Trần vụt đứng lên đi đến kệ sách, kéo một học nhỏ lấy ra một cái hộp, nhẹ nhàng mở ra và cẩn thận lấy một pho tượng rồi trở lại bàn viết, để pho tượng nhỏ cao chừng một tấc lên bàn, rồi lại ngồi vào ghế, tay chống vào cằm nhìn chăm chăm pho tượng như đang nhớ về dĩ vãng...

Pho tượng này là tác phẩm của Hoàng, cháu của ông Trần, sinh viên năm cuối của trường Mỹ Nghệ Thực Hành Gia Định, ngành điêu khắc.

Từ khi điêu khắc gia Nguyễn Thanh Thu hoàn thành tượng “Thương Tiếc” và đặt nơi nghĩa trang Quân Đội ở Biên Hòa, là một tác phẩm rất giá trị về nghệ thuật và ý nghĩa mà người dân miền Nam Việt Nam đều biết. Người làm mẫu cho pho tượng này là Hạ sĩ Nguyễn Văn Hai và với bàn tay của Nguyễn Thanh Thu đã tạo nên bức tượng người chiến binh ngồi dăm chiêu “thương tiếc” là vậy.

Hoàng rất ngưỡng mộ, chiêm ngưỡng pho tượng “Thương Tiếc” và từ đó, Hoàng ấp ủ, âm thầm tự mình hoàn thành một pho tượng “thương tiếc” nhỏ nhắn, cao chừng một tấc được đúc bằng chì như bản sao pho tượng của Nguyễn Thanh Thu.

Cho đến khi miền Nam Việt Nam bị mất vào tay Cộng Sản

miền Bắc thì bao nhiêu sự mất mát to lớn khác đã đến với người miền Nam, đất miền Nam và cả pho tượng “Thương Tiếc” ngồi ở Nghĩa Trang Quân Đội Biên Hòa cũng bị Cộng Sản phá hủy.

Hoàng cũng nổi gót theo những người vượt biển tìm tự do, dầu không biết được có thành công hay không. Hoàng đến gặp ông Trần để tâm sự rồi lấy pho tượng nhỏ trong người đưa cho ông Trần và nói:

- Tối nay, cháu đi vượt biển, chứ không chịu nổi bọn Cộng Sản được...

Ông Trần chận lời:

- Cháu đã nghĩ kỹ chưa?

Hoàng gật đầu, giọng cương quyết:

Dạ! Cháu nghĩ kỹ lắm rồi và trước khi đi, cháu muốn tặng cho cậu pho tượng nhỏ này mà cháu đã bỏ tâm huyết y sao pho tượng “Thương Tiếc” của điêu khắc gia Nguyễn Thanh Thu.

Vừa nói Hoàng vừa trao pho tượng cho ông Trần.

Cầm lấy pho tượng, nhìn thật kỹ, ông Trần nhìn Hoàng nói:

- Có phải đây là pho tượng mà có lần cháu nói với cậu?

- Dạ phải.

- Sao cháu không mang theo?

- Vượt biển không biết may rủi như thế nào, nên cháu muốn tặng cho Cậu vì cháu thấy Cậu cũng thích sưu tầm những pho tượng có ý nghĩa tiêu biểu.

Ông Trần chăm chăm nhìn pho tượng lần nữa, nói:

- Giống hệt! Tuyệt hảo!

Đêm hôm đó Hoàng đã vượt biển và từ đó đến nay hơn một năm rồi mà vẫn không có tin tức gì về Hoàng cả.

Ông Trần đang thả hồn suy tư, chợt có tiếng gõ cửa nhẹ. Ông Trần thoáng chút giật mình quay nhìn ra cửa thì cánh cửa phòng cũng vừa mở và vợ ông bước vào mỉm cười khê nói:

Anh ơi! Gần hai giờ rồi, anh đi ngủ đi nghen...

Giọng vui vẻ ông Trần đáp:

- Được rồi! Anh sắp xếp một chút rồi ngủ ngay.

Bà Trần khẽ gật đầu rồi quay bước ra và khép cửa phòng lại.

Ông Trần tư lự một thoáng rồi kéo hộc bàn lấy ra một miếng nhung màu đỏ lớn bằng hai bàn tay, nhìn pho tượng của Hoàng, khẽ lẩm bẩm:

- Từ nay cậu để kỷ vật của cháu cùng với hai pho tượng nhỏ của cậu nơi bàn này để mỗi ngày nhìn thì thích thú hơn.

Trên chiếc bàn rộng, kê sát với cửa sổ để được ánh sáng và gió mát đã có hai pho tượng cao chừng một tấc. Một pho tượng là anh lính khố ngày xưa đúc bằng đồng, trong tư thế xông trận, tay trái nắm chặt cái khiên, tay phải giơ cây đao dài, chân trước chùn tới, chân sau với bàn chân nhón lên để lấy sức lao tới. Đầu đội chiếc nón nhọn để lộ nét mặt cương quyết, hăm hở, quyết chiến. Pho tượng nhỏ này đã được đặt trên miếng vải nhung màu xanh lục, chừng hai tấc vuông.

Pho tượng nhỏ thứ hai, được đặt trên miếng nhung màu hồng phấn là tượng một vũ nữ trong nội triều thời vua chúa ngày xưa của nước ta được chạm trổ khá công phu, tỉ mỉ, mái tóc xõa dài, đầu đội một vòng hoa, một cánh tay đưa lên, một cánh tay bỏ xuống với những ngón tay thon thả. Y phục nhiều màu, có dây thắt ngang lưng. Đôi bàn chân chụm lại nhón lên trong tư thế của một vũ điệu. Nhìn nét mặt tươi tỉnh, rạng rỡ của người vũ nữ cũng thấy được tài nghệ của điêu khắc gia tạo nên pho tượng này.

Một thoáng suy nghĩ rồi ông Trần để tấm nhung màu đỏ phía trái của tượng vũ nữ, đặt pho tượng “thương tiếc” nhỏ lên đó và gục gặc đầu nói một mình:

- Hoàng ơi! Kỷ vật của cháu, cậu không cất giấu nữa, cậu để ra đây để từng ngày ngắm nhìn, thưởng thức và tưởng nhớ...

Nói xong, ông Trần tắt đèn đi về phòng ngủ...

Hơn một tháng nữa trôi qua, vẫn không có một tin tức nào

về Hoàng. Còn ông Trần vẫn theo nghiệp văn chương viết lách. Ngoài ra ông ta cũng biết chơi khá hay vài nhạc cụ cổ nhạc như đàn tranh, tỳ bà và cả guitar tân nhạc nữa. Ba cây đàn này, ông Trần không treo lên tường mà để trên cái bàn, cũng cạnh một cửa sổ khác trong phòng viết của ông ta.

Có những ngày không viết lách, ông Trần chơi đàn, ngồi hút thuốc ngắm nhìn ba pho tượng thật lâu. Rồi những ngày tiếp theo nữa, có lúc ông ta nhìn lên trên mặt bàn viết của mình hình như có sự sắp xếp từ cây bút, cái gạt tàn, bao diêm... có vẻ có thứ tự gọn ghẽ hơn. Ông ta có dọ hỏi bà vợ, nhưng bà ta trả lời là không có vào phòng lúc vắng ông Trần. Tuy nhiên không phải ngày nào cũng có sự sắp xếp như thế, nên ông Trần chỉ để ý việc này chứ không nói ra.

Có một đêm, sau khi chung vui với bạn bè, uống mấy chung rượu thuốc nồng nàn, khi về nhà, ông Trần đi thẳng vào phòng viết, ngồi bật ngửa vào thành ghế ngủ thiếp. Chợt, có tiếng động nhẹ, có tiếng nói nhỏ nhỏ đầu đây. Ông Trần như chợt tỉnh, hé mắt nhìn và thấy ba pho tượng trên bàn đang di động.

Cô vũ nữ giờ đây bước nhẹ nhàng đến trước pho tượng “thương tiếc” vui vẻ nói:

- Từ khi có anh đến đây, chúng ta ba thế hệ càng vui vẻ hơn...

Anh lính khố chặn lời:

- Cô suốt đời nhảy múa vui vẻ nơi cung điện, nơi sang giàu, còn chúng tôi...

Anh chiến binh “thương tiếc” cười nhẹ tiếp lời:

- Tạo hóa tạo nên con người thì hẳn nhiên tạo hóa cũng đã an bài cho mỗi con người một số kiếp, khó thay đổi lắm...

Vừa lúc đó, bên ngoài có ngọn gió thổi mạnh đánh ập cánh cửa sổ vang “ầm” một tiếng cùng hòa lẫn tiếng la thất thanh của cô vũ nữ làm ông Trần hoàn toàn tỉnh hẳn.

Chớp mắt hai ba lần, ông Trần nhìn ba pho tượng vẫn yên vị trí nên lắm bảm:

- Đây là mộng hay thực?

Đêm hôm sau, ông Trần đưa chiếc ghế xếp vào sát tường, một vị trí có thể nhìn rõ ba pho tượng trên bàn, để đèn ngủ lơ mờ, mở rộng các cánh cửa sổ cho ánh sáng bên ngoài lọt vào. Đến hơn mười giờ đêm, ông Trần nằm trên ghế xếp với ý định khám phá những bí ẩn của đêm trước. Song, chờ đợi mãi vẫn không thấy gì rồi ông ta lại thật sự đi vào giấc ngủ. Nhiều đêm liên tiếp nữa cũng không có gì lạ, nhưng sáng ra, ông ta cứ ngỡ ngợ trên mặt bàn có chút gì thay đổi mà ông không nhớ được!

Từ hôm đó, có đêm, sau khi viết xong, ông Trần đi về phòng ngủ và cũng có đêm mệt mỏi nằm ngủ trên chiếc ghế xếp nơi phòng viết.

Bề bộn công việc nên ông Trần quên đi những hiện tượng về ba pho tượng...

Một đêm, chiếc đồng hồ trên tường gõ một tiếng, báo một giờ sáng, ông Trần uể oải buông cây bút, mở rộng mấy cửa sổ vì trời nóng quá. Chỉ để đèn ngủ lơ mờ và nằm luôn trên ghế xếp để suy tư, đầu óc lẫn lẫn, mơ màng...

Chợt có tiếng anh lính khố:

- Tại sao tạo hóa tạo cho đất nước Việt Nam chúng ta thời gian chinh chiến quá nhiều từ ngàn xưa cho đến ngày nay?

Anh chiến binh gật nhẹ:

- Điều này tôi đồng ý với anh mà không giải đáp được. Song, trong cái khổ nạn vì chinh chiến, người Việt Nam chúng ta đã ghi bao chiến công lừng lẫy, dẹp tan những cuộc xâm lăng của ngoại bang... chỉ nhằm bảo vệ đất nước thoát khỏi nô lệ, tìm cuộc sống tự do thật sự cho mọi người...

- Trong lịch sử đã ghi lại bao nét vàng son về sự bảo vệ đất nước. Nhưng than ôi! Đến ngày nay, trong lịch sử phải ghi đậm nét ô nhục là chế độ Cộng Sản hiện tại ở đất nước ta lại dâng hiến đất và biển cho Trung Quốc là một quốc gia luôn luôn có ý đồ xâm lược nước ta từ mấy ngàn năm qua nhưng không thể thành công được.

Người chiến binh giọng buồn buồn:

- Biết bao nhiêu người đã bỏ nước ra đi tìm tự do. Họ vượt biên, vượt biển và cũng vô số người đã chết, thật thảm thương vô cùng.

Cô vũ nữ khẽ tăng hẳn, cất tiếng nhỏ nhẹ:

- Một anh là người lính khố, một anh là chiến binh, còn em là một vũ công trong cung điện vua chúa. Chúng ta cùng họp ở nơi này cũng là duyên kỳ ngộ. Không biết tạo hóa xoay vần cho nước ta mai này sẽ ra sao? Cầu mong cho con người còn tồn tại trên thế gian được an cư lạc nghiệp, tự do và hòa bình.

Rồi người vũ nữ đi đến cạnh anh lính khố, nhìn anh thân mật:

- Khi các anh xông pha ngoài trận địa, thì phận nữ nhi chúng em canh cánh lo âu, nhưng nhớ vô vàn. Tình cảm, tình yêu không thể thiếu được giữa nam và nữ mà chắc anh đã thấy, người chinh phụ bỗng con trông chồng hóa đá và ngay cả em là vũ công trong cung điện cũng ước mong có được một tình yêu, một người yêu...

Anh chiến binh cười khẽ rồi nói vui vẻ:

- Cũng biết người yêu mình trông ngóng, nên khi có chút thông thả liền kê ba lô viết thư gửi ngay. Đó là điều mà trái tim chúng tôi rao rục vô cùng. Nhiệm vụ với đất nước, tình yêu cho người yêu rất quan trọng và dễ thương phải không anh lính khố?

Anh lính khố chỉ khẽ cười nhìn cô vũ nữ:

- Em nghĩ thế nào?

- Dĩ nhiên là đúng rồi

- Đúng rồi thì làm sao?

- Là những lời anh đã nói với em ở nơi này trước lúc anh lính chiến đến nơi đây.

- Như vậy nghĩa là...

- Nghĩa là chúng ta có thể yêu nhau.

Vừa nói, cô vũ nữ nắm tay anh lính khố, song song bước đến trước mặt anh lính chiến và anh lính chiến cười thật vui, nói ngay:

- Đẹp đôi lắm! Tôi sẽ chứng kiến cho anh và chị.

Chợt, ngoài trời có những cơn gió mạnh thổi lốc nhẹ vào phòng và có tiếng nhạc vang lên phát ra từ ba cây đàn của ông Trần để trên bàn cạnh cửa sổ.

Tiếng nhạc mỗi lúc một réo rắt. Cô vũ nữ cùng anh lính khố đang ôm nhau lả lướt trong một vũ điệu theo tiếng nhạc nhặt khoan tình tứ.

Giữa lúc đó, có ánh chớp lóe lên ở phía cửa sổ, tiếp theo là tiếng sấm nổ cùng lúc với cơn gió mạnh và mưa trút xuống từng cơn.

Mấy cánh cửa sổ ập mạnh gây tiếng động lớn cùng với gió lốc vào phòng làm ông Trần bừng tỉnh thì thấy trời cũng đã gần sáng.

Vội vã đi đóng chặt các cửa sổ rồi ngồi vào ghế, trước bàn viết nhìn chăm chăm vào ba pho tượng đã ngã nghiêng với mấy tấm nhung lót cuộn vào, ông Trần lẩm bẩm:

- Ta đã mơ hay ta đã thực sự chứng kiến?

Vừa sắp xếp đồ vật trên bàn vừa nói một mình:

- Anh lính khố và cô vũ nữ cùng ngã nằm cạnh nhau, đúng là họ đang nhảy múa. Còn anh chiến binh ngã nơi này là chỗ anh ta đứng nhìn lúc nãy. Sao lạ vậy cà?

Sau khi sắp xếp các thứ trên bàn và ba pho tượng vào chỗ cũ, ông Trần trầm ngâm thật lâu rồi khẽ nói:

- Thực và mộng vẫn lẫn lộn thật khó hiểu... (Hết)



HOÀNG LONG HẢI

- Hoàng Long Hải. Bút hiệu: Tuệ Chương.
- Ngày sinh: 08/02/1937 (27/12, năm Bính Tý)
- Học tiểu học ở trường tiểu học Quảng Trị.
Hai năm trung học ở trường Nguyễn Hoàng Quảng Trị.
- Tiếp tục học ở Huế cả trung học và đại học.
- Nhập ngũ trường Sĩ quan Thủ Đức năm 1968.
Phục vụ ngành Thiết Giáp và Chiến Tranh Chính Trị.
- Đóng tiền để đi ở tù VC 7 năm 7 tháng.
- Vượt biên năm 1989. Định cư tại Mỹ năm 1993.
- * SÁCH ĐÃ SOẠN:
 - Lịch sử Việt Nam (lớp đệ tứ)
 - Lịch sử thế giới (lớp đệ tứ)
 - Công Dân Giáo Giục (lớp đệ tứ)
 - Văn Chương Bình Dân Việt Nam (lớp đệ tứ)
 - Vietnam Popular Literature (Anh ngữ)
 - Anh Em Thù Địch
(dịch Brother Enemy của Nayan Chandu).

* *

Những Thiên Thần

Gãy Cánh

(Thư gửi cho một người không quen
năm mươi năm trước)

...

“... đi sâu vào tỉnh Quảng Trị, ghé vào La Vang xem nhà thờ công giáo cổ đã đổi thay đến đâu. Chúa mẹ ơi vừa dừng xe lại là một phái đoàn bà già con nít thanh niên xúm lại tưởng chúng tôi là người nhà trời hiện về, bu quanh mời mọc đủ thứ. Mua tượng đi cô. Mua hoa đi cô. Chụp ảnh đi cô. Thấy cảnh tượng như những lông nhím tự nhiên mọc tua tủa lên từ thánh địa, ai cũng ớn không muốn xuống xe.

“Một mình tôi làm thánh nữ xuống xe đi băng băng về hướng cung thánh. Tôi chú ý thấy rất nhiều nhi đồng các thánh áo quần rách rưới phần phật theo gió chạy theo tôi, cầm những bịch cao su dơ bẩn vàng sì bên trong chứa những chiếc lá khô queo gió Lào. Tôi vừa hỏi em bán cái gì trong đó vậy. Thế là cả bầy thiên sứ nhao nhao lên đồng thanh: lá chổi Đức Mẹ La Vang hiện ra. Lá này uống vào chữa bá bệnh. Hay lắm cô. Cô mua dùm cho em đi cô... Những người con Quảng Trị đứng bầu quanh tôi là những bà già ốm o mặt đen đúa xòe năm ngón tay hoa ra van vái: Cô cho xin vài đồng đi cô. Là những đứa bé trai bé gái đi chân trần áo quần rách rưới ngửa cong bàn tay năn nỉ: Cô cho em xin ít đồng đi cô. Cảnh tượng còn thảm thê hơn đoàn quân ăn mày Chùa Hương ở Hà Tây ngày nào tôi đến. Dù sao ăn mày Chùa Hương còn có vẻ gì đó chuyên nghiệp truyền thống trân tráo. Còn ăn mày La Vang Quảng Trị sao mà nó hiện thực cọng sản chủ nghĩa mới mẽ quá đi. Trong đời tôi chưa bao giờ thấy một lực lượng ăn xin người Việt Nam hùng dũng tận đáy bản cùng như lần này.

“Mất tôi bỗng bừng mờ. Tai tôi bỗng ù. Chân tôi không còn đứng vững. Tôi cố dạt hết bọn người cái bang ra và đi trở lại chỗ xe đậu phía ngoài kia. Đám quần thần nghèo khó bám theo chân tôi reo hò không bỏ cuộc. Tôi leo lên xe và bảo người tài xế chạy. Tôi mở ví mở rương ra và vợ vét hết tất cả những xấp bạc 200, 500 mang theo dự trữ cho chuyến đi dự tính từ Bắc vô Nam. Tôi làm một chuyện chưa bao giờ làm trong đời: tôi thả tung tóe theo gió những xấp giấy bạc qua cửa kính xe. Điều làm tức khắc này khiến tôi liên tưởng đến cảnh những thánh cô thánh cậu lên đồng ở Phủ Giầy Nam Định. Những người lên đồng ở những buổi hầu đồng lúc họ phát lộc, họ vút tiền, vút trái cây, vút tung xòe mọi thứ ra một cách hỉ hả. Họ uống tí rượu, họ ngâm tí trầu. Họ say thân thánh. Họ tưng say trong tiếng nhã nhạc. Còn tôi trong phút giây này thì đau trào nước mắt. Nước mắt tôi nhạt nhòe theo tiếng kêu lên thẳng thốt của đứa con trai nhỏ, mẹ, mẹ sao mẹ làm cái gì dzậy.”

Tôi trích đoạn văn này trong ở Người Việt, Giai Phẩm Xuân Giáp Thân- 2004, ở bài Qua Đèo Ngang, ở trang 117 Đèo Ngang. Tác giả là bà Lê Thị Huệ, hiện là Giáo Sư Hướng Dẫn tại Đại Học Cộng Đồng Evergreen Valley College, tác giả một số tác phẩm thơ văn và bút ký. Bài bút ký trên đây thuật lại một chuyến hành trình xuôi nam của bà từ phía Bắc Việt Nam.

BS Nguyễn Thị Thanh thân mến!

Cũng như tác giả, đọc xong đoạn văn này, tôi đặt tờ báo xuống chiếc bàn con trong bệnh viện, mắt tôi mờ đi vì nước mắt, mặc dù lúc đó tôi vừa mới trải qua một cuộc giải phẫu, thân thể còn đau đớn vì vết mổ.

Tôi bỗng nhớ thời niên thiếu ở Quảng Trị và nhớ Kiệu La Vang năm 1953.

Buổi sáng hôm đó, khi tôi đang ngồi trước bàn học mà chẳng học hành gì cả, bỗng nghe tiếng trống tiểu, trống đại từ xa vọng lại: “Cắc, cắc, tùm... Cắc, cắc, cắc; cắc tùm...”. Tôi sức nhớ rằng hôm nay có “Kiệu La Vang”. Người dân thành phố Quảng Trị rất quen với “Kiệu Lang Vang” ba năm một lần. Đó là một dịp “đại hội” của người theo đạo Thiên Chúa mà những người ngoại đạo

như chúng tôi cũng có dịp vui lây. Tôi thay áo quần chờ đi xem Kiệu. Đoàn Kiệu từ làng Trí Bưu sẽ theo đường cửa Hậu (*) ra tới bờ sông Thạch Hãn, (nhà tôi gần bờ sông)*, theo đường bờ sông để ngược lên phố. Tới “Ngã Tư Mụ Viên Bốn” (*) đoàn kiệu theo đường ga để vào Quốc lộ 1. Quá “ngã ba Long Hưng” họ đi theo con đường La Vang mà lên nhà thờ. Trước 1945, đoàn Kiệu thường đi xuyên qua Cổ Thành Quảng Trị, vào thành ở cửa Tả, ra thành ở cửa Hữu, thẳng tới bến Thuế (*), rồi theo đường bờ sông mà ngược lên phố.

Khi đoàn Kiệu bắt đầu đi ngang nhà tôi thì tôi đã mặc quần áo sẵn sàng đi theo đoàn Kiệu “coi chơi”. Năm ấy, tôi là thằng bé ham chơi hơn ham học.

Đoàn Kiệu bao giờ cũng trang trí khá đẹp với những cái kiệu trang hoàng hoa lá và giấy màu rực rỡ, tén hữu các bà có lẽ mặc những bộ quần áo đẹp nhất của họ mà người ta chỉ có thể thấy họ mặc trong các dịp lễ Tết. Các ông già thì khăn đóng áo đen, hoặc “sơ-mi” trắng quần tây. Ông nào “văn minh” hơn chút nữa thì thắt “cà-vạt”. Nhưng rất ít thấy người thắt “cà-vạt” như vậy. Toán trống kèn bát nhã rộn ràng với những bản nhạc xưa thường chỉ nghe trong các dịp lễ tết trong Đại Nội như Đăng Đàn Cung, những bài trong cung cấm tấu lên khi rước vua, v.v... và đẹp nhất là các em bé thiên thần của... chị. Năm ấy chị đang học ở Jeanne D’arc, Huế, có đứa nói với tôi chị đang chuẩn bị thi Bacc 1. Chị về đi Kiệu năm ấy, chỉ huy một bầy mấy chục em bé trên dưới mười tuổi làm “thiên thần”.

Có lẽ đây là lần đầu tiên các em được đánh phấn và tô hồng hai má. Các em không cần phải đánh son. Chúng nó còn ngây thơ, tâm hồn còn trong trắng, môi chưa từng nói ra những lời dối trá, lừa gạt ai, nên, nói như nhà văn Võ Thu Tịnh, môi các em còn hồng, chưa cần phải tô son cho đỏ như người lớn tuổi để che đậy những lời dối gian. Các em mặc những chiếc áo đẹp nhất: màu thiên thanh, màu hoàng yến, màu hồng nhạt, đầu quần một vành hoa tươi như trong hình Đức Mẹ và vai các em mang đôi cánh chim. Khi bước đi, đôi cánh lay động, tưởng các em như là những con chim thật, sắp sửa vươn cánh bay lên trời cao, trên cõi

Thiên Đường, là xa cuộc đời dương thế. Tuy nhiên, đường đi đã khá xa, nhiều em má đã lấm tấm những giọt mồ hôi long lanh như giọt sương mai. Bước chân các em ngấn, đi chậm nên đôi khi các em bị toán đi trước bỏ một quãng xa. Các em vội vàng rủ nhau chạy theo cho kịp toán đi trước. Cảnh tượng vừa buồn cười vừa dễ thương! Tôi thường đi trên vệ cỏ, trên lề đường, bên cạnh các em đi giữa đường. Thỉnh thoảng chị bắt nhịp cho các em hát, trong đó có một bài hát rất quen: *“Mẹ ơi! đoái thương cho nước Việt Nam, trời u ám chiến tranh điêu tàn. Mẹ hãy giơ tay ban phút bình an, cho Việt Nam qua phút nguy nan.”*

Riêng về chị, bọn học trò Quảng Trị chúng tôi nhiều người biết. Hồi ấy chị đã nổi tiếng đẹp và học giỏi!

Cụ thân sinh chị, ông Thông Bình là người giàu có ở Quảng Trị. Ông có một dãy phố dài nằm ở đường Trưng Trắc, hồi chiến tranh Pháp-Việt, ông cho Tây mượn làm Attendance. Sau hiệp định Genève 1954, ông cụ lên làm ăn trên Pleiku nhưng dân Quảng Trị thì cho rằng ông cụ khôn. Biết Quảng Trị thuộc vùng giới tuyến nên ông bỏ đi di tản trước để sau này khỏi chạy giặc như đồng hương của ông. Thời Ngô Đình Diệm, ông cụ đắc cử dân biểu trên ấy.

Năm 1970, tôi là huynh trưởng Hướng Đạo Sinh Quân Đội, đến Cục Xã Hội liên hệ công tác, gặp anh Nguyễn Văn Diễn, em của chị đang phục vụ ở đấy. Chúng tôi thăm hỏi nhau vì chúng tôi biết nhau từ nhỏ, trong đoàn “Sói Con” của đoàn Hướng Đạo Ái Tử, Quảng Trị. Hỏi thăm chị, tôi mới biết chị đã ra bác sĩ và chồng chị, GS Trần Văn T. là Viện Trưởng Viện Đại Học Saigon. Anh Diễn biểu tôi đến nhà chơi trên đường Phan Thanh Giản Saigon. Chưa kịp đến thăm thì tôi bị đổi về miền Tây, lưu lạc tận Cà Mau, Hà Tiên cho đến sau 30 tháng Tư/75 thì tôi đi “tù cải tạo”.

Nhắc tới Kiệu La Vang, ít khi tôi không nhớ đến chị đạo 1953 ấy. Tôi tự nhớ lại tôi, hồi ấy là một thằng bé ăn mặc khá ngộ nghĩnh. Đầu đội mũ chóp hướng đạo, áo màu lam, quần kaki xanh đậm dài vì tôi đã biết mặc cỡ, sợ bày hai cái chân như hai ống sậy, giày “sandalle”. Tôi theo đoàn kiệu suốt cả buổi sáng

đến quá trưa hôm ấy. Chị cũng thật ác, khi thấy tôi xuất hiện bên cạnh đoàn nhi đồng thánh thể thì chị lại bắt nhịp cho các em hát một bài. Dĩ nhiên những bài hát ấy để ca ngợi Thiên Chúa hay Đức Mẹ Đồng Trinh chứ chẳng phải để chào đón tôi. Vậy mà tôi thắc mắc hoài, từ đó cho tới bây giờ; tại sao mỗi lần tôi xuất hiện bên cạnh các em thì chị lại bắt nhịp cho các em hát một bài ca?

Tôi theo đoàn kiệu lên tới Quốc Lộ 1, qua khỏi ngã ba Long Hưng, khi đoàn kiệu bắt đầu rẽ vào con đường lên La Vang thì tôi đứng lại nhìn theo mà không đi theo nữa.

Tôi cũng muốn nói với chị rằng theo cuốn sách “Mùa Hè Đỏ Lửa” của Phan Nhật Nam thì “Hùng Móm”, em út tôi “hy sinh” ngay tại chỗ gặp của con đường lên La Vang và đường xe lửa xuyên Việt. Chỗ ấy, thời ông Ngô Đình Thục đã cho xây một cây cầu xe hơi vượt lên trên đường xe lửa, người dân Quảng Trị gọi nó là “Cầu Lòn”. “Hùng Móm” chỉ huy Đại Đội Dù 112 của nó, đánh từ sông Mỹ Chánh ra tới “Đồi Đức Mẹ” phía sau nhà thờ La Vang, chiếm nhà thờ này, rồi phá một “trận địa pháo” của địch ở chỗ đầm ruộng nhỏ phía trước nhà thờ. Đến Cầu Lòn này thì Hùng tử trận, để lại cho mẹ tôi và các anh chị em chúng tôi một nỗi tiếc thương vô cùng về một đứa em út không chịu sống bình thường như nhiều thanh niên cùng thời.

Các em gái nhi đồng trong đoàn Kiệu La Vang năm đó, có lẽ bây giờ, nếu còn sống thì họ cũng đã thành những bà cụ lão cả rồi; nhưng đối với tôi, hình ảnh các em bé thiếu nhi thánh thể đó không bao giờ thay đổi. Những hình ảnh trẻ thơ ấy nằm sâu trong đáy tiềm thức cùng với những hoài vọng một thời niên thiếu ở quê ngoại, khi tôi còn sống bên mẹ và các anh chị em. Cho tới lúc này đây, khi viết cho chị những dòng chữ này, hình ảnh “nhi đồng các thánh” đó vẫn sống động như một cuốn phim đang diễn ra trong tâm tưởng của tôi. Do đó, tôi rất ngỡ ngàng khi đọc đoạn văn của bà Lê Thị Huệ: *“Còn ăn mày La Vang Quảng Trị sao mà nó hiện thực cộng sản chủ nghĩa mới mẻ quá đi. Trong đời tôi chưa bao giờ thấy một lực lượng ăn xin người Việt Nam hùng dũng tận đáy bản cùng như lần này.”*

Đọc đoạn văn này chị nghĩ gì?

Tôi thì hiểu rằng người dân Quảng Trị có lòng tự trọng, không “quen” đi ăn mày. Sở dĩ các bà già (Có ai trong các bà già đó là thiếu nhi thánh thể của chị ngày xưa?), các em bé trai gái ngửa tay mở miệng xin tiền du khách đến thăm “Vương Cung Thánh Đường” La Vang là họ đã ở cái thế tận cùng của cuộc sống, là ở “tận đáy bần cùng” như nhận xét của bà Lê Thị Huệ. Họ không còn con đường nào khác để sống! Vô phương kiếm miếng ăn, dù khoai sắn, nói chi đến cơm, cá. Các thiên thần ngày xưa của chị có phải bây giờ là *“nhi đồng các thánh áo quần rách rưới phần phật theo gió chạy theo tôi, cầm những bịch cao su dơ bẩn vàng sì bên trong chứa những chiếc lá khô queo gió Lào”*. Đó chính là cảnh tượng *“sao mà nó hiện thực cộng sản chủ nghĩa mới mẻ quá đi”*.

Tôi thương họ quá. Tôi thương các em bé đó. Không một ranh giới nào làm tôi cầm lại được mỗi xúc cảm xót xa phát xuất từ đáy lòng tôi. Và tôi biết làm gì cho họ bây giờ, nói gì với họ bây giờ? Không lý tôi khuyên các em hãy chờ một phép lạ như cha ông chúng ta có được phép lạ của Đức Mẹ hiện ra ngày xưa khi họ vào La Vang để trốn tránh vua quan nhà Nguyễn. Thời đại chúng ta, “phép” lạ là do tự con người tạo ra nó chứ không từ một đấng thiêng liêng nào cả. Thời đại “duy vật” là vậy. Tôi không thể nói với các em rằng Đức Mẹ sẽ hiện ra chiều nay hay ngày mai, đem lại cho các em một chén cơm trắng, trên mặt có một vài con cá cấn, cá bự nhỏ xíu, là loại cá rẻ mạt người ta thường đánh bắt được trong những ngày lũ lụt trên sông Thạch Hãn. Tôi cũng chẳng thể nói với các em về “triết lý sống” của đạo Phật, hãy từ bỏ “Bến Mê”, về với “Bến Giác”. Biết đâu có em sẽ hỏi tôi nếu về với “Bến Giác”, chiều nay em sẽ có gì cho no bụng sau những tháng ngày đói rách triền miên.

Điều tôi muốn nói là nói với đồng bào Quảng Trị hải ngoại. Người dân Quảng Trị ở Mỹ, không giàu có thì cũng dư ăn dư mặc. Không ít người nghĩ tới và giúp đỡ đồng bào nghèo khó, tàn tật ở quê nhà, nhưng cũng không ít người còn “xa lạ” với đồng bào ruột thịt Quảng Trị. Có người nói thẳng với tôi rằng

chế độ mới tạo ra những cảnh nghèo đói ấy thì chế độ chịu trách nhiệm. Lời nói ấy không phải là không có lý nhưng nó xoáy động trái tim nhân ái biết bao người. Thấy người đói rách mà không thương thì nghịch với “Gia Huấn Ca” của Nguyễn Trãi (*). Cho nên tôi không đành lòng mà nghe theo họ được. Tôi thường nhớ câu ca dao mẹ tôi thường nói khi tôi còn nhỏ:

Dù xây chín bậc phù đồ

Không bằng làm phúc cứu cho một người.

Thời đại chị đã văn minh, chị học y khoa, với lòng nhân ái là để xoa dịu vết thương những người đớn đau thân xác. Cha mẹ chúng ta thì vui mừng vì con cái mình làm nghề “Cứu nhân độ thế”.

Nhưng rất nhiều khi tôi tự hỏi lòng rằng chúng ta đã làm được gì cho những người bà con gần gũi, cho đồng bào Quảng Trị nghèo khó, cho các em thiếu nhi thánh thể một thời theo chị đi Kiệu và lú lo ca hát mà hiện thân là những người như bà Lê Thị Huệ đã gặp ở nhà thờ La Vang nói ở trên. Than ôi! Những em bé ngày xưa ấy, có phải bây giờ hóa thân qua hình ảnh: “*Chúa mẹ ơi vừa dừng xe lại là một phái đoàn bà già con nít thanh niên xúm lại tưởng chúng tôi là người nhà trời hiện về, bu quanh mời mọc đủ thứ.*”

Họ không phải là những thiên thần gãy cánh trong đoàn kiệu ngày xưa của chị và tôi đó hay sao?!

Những ngày tuyết muôn ở Mass

(*) Sau này có tên là đường Lê Văn Duyệt

(*) Sau này là ngã tư Quang Trung Trần Hưng Đạo. Đường Trần Hưng Đạo hồi xưa gọi là đường lên ga.

(*) Sau này là đường Trình Minh Thế

(*) *Thấy người đói rách thì thương*

Thấy người tàn tật lại càng trông nom

(Gia huấn Ca)



THUÝ SƠN

- Tên thật: Hoàng văn Thuý; Bút hiệu Thuý Sơn
Sinh năm: Tân Dậu (1921), tại An Lập, nay thuộc xã Hồng Giang, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.
- Đi học: Còn nhỏ học chữ Hán và Đông Y.
Năm 15 tuổi học qua chữ Pháp.
- Năm 1954 Di cư vào Nam, làm công chức, ngạch Tham sự Hành chánh tại Bộ VHGD, học thêm Trường Luật Saigon.
- Năm 1980: Cùng con gái vượt biên sang Hoa Kỳ và định cư tại San Jose đến nay.
- Sở thích: Làm thơ chữ Hán, và viết truyện ngắn.
- Tham gia: Hội Văn học Nghệ thuật - Thi Đàn Lạc Việt
Hội thơ tài tử Sacramento. Chủ tịch Văn Bút/VNHN/Trung Tâm Tây Bắc Hoa Kỳ (Nhiệm kỳ 2002 - 2004)
- Cộng tác: Nguyệt san Làng Văn Canada
Việt Nam Nhật Báo San Jose.
Cụm Hoa Tình Yêu 6,7,8. Một Phía Trời Thơ...
- Đã xuất bản: - Khúc Nhạc Tương Tư (Truyện 2003)
- Viên Thi (Thơ 2004)

CÔ TƯ BẦU

Tặng con: Hoàng Thu

Thúy Sơn

Người ta quen gọi cô là “Cô Tư Bầu”, để phân biệt với cô Tư Oanh, là chủ nhân của cái nhà Bảo sanh này. Hai cô cùng ở vào cái tuổi xuýt xoát đôi mươi cả. Người nào cũng có cái nhan sắc không đến nỗi nào. Kể tám lạng, người nửa “pao”. Nói theo văn chương Kiều lấy, thì gọi là: “Mỗi người một vẻ, mười phân vẹn mười...”. Tuy nhiên, cô Tư Bầu thì hơi đậm đà người một tí, vì cô đang mang trong người cái sứ mạng cao cả chờ ngày khai hoa. Cô Tư Oanh thì người “mình dầy”, khá hơn một tí, đặc biệt là có cái răng vàng ở khóe miệng. Khi cô cười thật là có duyên hết sảy. Đúng là một cô gái miền Nam chính hiệu con nai vàng, chớ người miền Bắc thì quả thật rất hiếm, hay chẳng bao giờ thấy một cô gái nào có cái răng vàng cả. Không biết có phải người miền Bắc nghèo không?

Hai cô Tư này là bạn thân từ ngày còn để chỏm. Hai người cùng học chung một trường, một lớp từ Tiểu học đến Trung học ở Bình Dương, đến khi lên Đại học họ mới chia tay.

Lê Kim Oanh thì học Y nhưng dở dang vì cha già mẹ yếu nên phải bỏ học. Cô xoay qua học Điều dưỡng để mở nhà Hộ sinh mà sinh sống. Cô mua được hai căn nhà ở gần cuối nhà thờ Thăng Long. Khu chợ Phú Thọ lúc đó còn thưa thớt dân cư. Ngoài một ngôi chợ chồm hổm, còn lác đác vài dãy nhà lá. Nhưng từ năm 1954, có người Bắc di cư “dô” vào Nam (Ấy người Bắc mới học nói tiếng Nam nên cứ kèm hai chữ đi với nhau cho chắc ăn) thì đất này trở nên trù phú thịnh vượng. Cái lối suy nghĩ thông thường củ ta là: Ở đâu mà đông dân cư là ở đấy phải có chợ búa, bán buôn, thuốc men, ăn uống, và có người thì phải có sinh đẻ, nên cái nhà Hộ sinh của cô Tư có nhiều phát triển.

Khu đất Thăng Long này thuộc xã Phú Thọ Hòa, nằm ở

phía Tây Nam trường đua ngựa Phú Thọ. Năm đó, chính phủ cho xây những dãy nhà lợp “tôn” để bán rẻ cho đồng bào di cư. Gọi là khu kiến thiết Phú Thọ. Một ngôi nhà thồ của người Bắc lập nên lấy tên là nhà thờ Thăng Long. Có lẽ họ nghĩ đến câu: “Thăng Long thành hoài cổ...” Vì thế người ta quen gọi khu này là khu phố Thăng Long. Ở đi cái gì rồi cũng quen hết. Đi xe cộ, hay hỏi thăm đường sá, mà cứ hỏi đến khu nhà thờ Thăng Long thì ai cũng biết. Con đường chính chạy từ cạnh trường đua Phú Thọ, cho tới khu nghĩa trang mà người ta quen gọi là khu “Nhị từ”, hai bên đều là gia cư, hoặc cửa hàng buôn bán. Tạp hóa có, thuốc tây có, thuốc ta có, nhà may, tiệm ăn... đủ cả.

Nhà Bảo sanh của cô Tư Oanh nằm quay mặt ra con đường chính, và gần xế trước cửa nhà thờ. Một cái bảng màu vàng kẻ chữ màu đen: “Nhà Bảo sanh Chiêu Nghi”. Không biết cô lấy hai chữ “Chiêu Nghi” ở đâu ra, mà mấy bà già cứ đọc là “chiều nghi”. Có bà khôi hài nói: “Nếu ai có đi sanh, thì phải đi buổi sáng, không có thì buổi chiều họ nghi”.

Một buổi chiều gần cuối năm. Mây trời chẳng kín, lại có gió đông phất phới làm rung động những ngọn cây ẻo lả mới trồng hai bên đường. Cô Tư ngồi nói chuyện với bà mẹ đang làm bếp ở sân sau, thì cô Tư Bầu đến. Hai người gặp nhau mừng rỡ. Cô Oanh chạy vào trong nhà bê ra một chiếc ghế để cho bạn ngồi. Bà Bầu thu dọn mớ củ cải đã thái rồi đựng vào cái mẹt để lên mái “tôn” nhà bếp. Bà nói:

- Hai đứa ngồi nói chuyện với nhau. Tao chạy ra chợ có gì mua về ăn cơm chiều.

- Thôi! Dì ơi! Đừng đi chợ. Con có mang theo ít thức ăn và trái cây xuống đây. Má

con lại gửi cả khô cá thiều biếu Dì. Má con bảo Dì thích ăn lắm.

Vừa nói cô vừa mở giỏ đồ ăn ra. Nào là trái cây, vịt quay, thịt chà bông, cá khô, cá chiên, đủ thứ linh kinh hết. Lúc ra đi, bà Quần có bảo:

- Má làm sẵn mấy thứ này cho con. Có thể là lâu lắm má

mới xuống thăm con được. Nếu cần tiền con cứ mượn con Oanh tiêu tạm, rồi má gửi xuống cho sau.

Trong lúc chia tay, bà ngâm ngùi than thở “Âu cũng là số phận cả”. Người ta bảo: “Lửa gần rơm, lâu ngày cũng bén”. Câu châm ngôn này áp dụng vào thời điểm nào, hoàn cảnh nào cũng đúng cả. Cũng chỉ tại vợ chồng bà mà thôi. Nuông chiều con gái, không đề phòng nên bây giờ mới xảy ra cơ sự. Ngay từ lúc chồng bà nhận cho thằng đó làm thư ký cho ông, bà đã có cái ấn tượng không tốt, vì bà nhạy cảm. Bà thấy thằng này dễ thương, ăn nói lễ phép, lại là con người Bắc cờ nữa. Bà nghe người ta nói: “Con trai Bắc thì lẳng mạn lắm, lại giỏi o mèo tán gái”, nên bà e ngại. Những lần thấy con gái thân thiện với thằng thư ký của chồng, bà đem bày tỏ nỗi lòng của bà với ông chồng, nhưng ông còn nạt bà và bảo:

- Sao bà cứ lo xa quá vậy? Nó mà dám đụng đến con gái tôi, tôi bắn bỏ tía nó!

Nhưng mà tình yêu nó là một thứ keo sơn khó gỡ. Nó dính vào người nào thì chỉ có sông chết mà chịu trận thôi. Có người bảo: “Ái tình là một thói nam châm, chỉ có hút vào mà không có nhả ra”. Có lẽ cũng đúng đấy chứ? Bây giờ con gái mình cũng đã lỡ làng rồi, biết làm sao? Gả thì ông chồng không chịu. Một hai bắt con phải phá, nên bà phải tính, chớ không lẽ giết con gái sao? Bà định giấu con đi một thời gian, khi “trơn lông, đổ da” rồi cho nó về. Nào ai biết!

Hai mẹ con cứ thở than, bịn rịn mãi, không muốn chia tay. Mặt trời đã vượt lên khỏi núi đồi, mờ mờ ẩn hiện sau làn sương dày đặc, tròn xoe như một cái đĩa bạc khổng lồ lơ lửng trên không. Chim rừng xào xạc bay nhẩy trên những ngọn cây cao vút như đón mừng ánh nắng muộn màng của một ngày cuối đông. Những cơn gió heo may thỉnh thoảng lại vút qua khung cửa, làm cho mẹ con bà Quân đang lo lắng hoang mang càng cảm thấy lạnh lẽo hơn.

Khi chiếc xích lô máy đậu trước cửa, bà Quân mới giục con gái:

- Thôi con đi đi! Không lẽ ba con về bất tử thì lại có chuyện. Con nhớ lời má dặn. Nếu cần gì thì biên thư về cho má. Nhớ lấy địa chỉ của Di tám ở Thị Nghè, đừng lấy địa chỉ nhà con Oanh. Và nhớ đừng có hở chuyện này cho ai biết. Cứ coi như là con đi học thôi. Con hiểu chứ?

- Dạ! Con hiểu. Cảm ơn má, con đi!

Cơm nước xong, hai chị em rủ nhau đi ra phố chơi. Trên con đường Thăng Long, tuy không được rộng rãi cho lắm, nhưng đã được tráng nhựa phẳng phiu. Hai bên đường, đèn đuốc từ những cửa hàng hắt ra, sáng choang, chẳng khác gì một thị trấn nhỏ. Người đi lại tấp nập ồn ào. Gánh hàng phở quen thuộc của một ông già người Bắc lắc lư đi qua. Những bà bán bún ốc, khoai lang, bắp nướng, khô mực, bày biện dàn ra ở cuối nhà thờ. Trong sân nhà thờ, các thanh thiếu niên tụ tập lại từng nhóm, học những bài thánh ca, rất là hào hứng và vui vẻ. Những giọng ca cất lên từ một nhóm thiếu nữ ở một góc sân: “Mẹ ơi! Đem con lên trời... Là nơi lòng con những ham mê... Đời nay dường sống giữa trời... “Cô Tư Bầu cảm thấy như tâm hồn mình được sưởi ấm, và đón nhận một niềm vui vô biên. Cô muốn chạy đến quỳ dưới chân tượng Đức Mẹ Hoà Bình, sùng sững ở cuối nhà thờ, mà than thở, mà van xin. Khi cô bạn đi bên cạnh, lấy tay đập vào vai cô hỏi, cô mới sức tỉnh:

- Mà đang suy nghĩ gì đấy Khấn? Nhớ nhà hả? Hay là nhớ cái thằng “chết tiệt” ấy?

- Không! Tao có nghĩ gì đâu? Mà cũng chẳng còn nhớ nhà nữa. Được ở đây với mày là tao vui rồi. Có điều mày giữ bí mật vụ này cho tao nghe!

- Yên trí đi! Tao với mày là bạn thân mà! Niềm đau thương, nỗi thống khổ của mày, tao hiểu, tao biết, tao thông cảm được mà. Mày cứ coi như là một “tai nạn” xảy đến cho mày. Niềm vui và nỗi bất hạnh, thường đến với con người một cách không thể lường được. Rồi như muốn an ủi vỗ về một cô bạn thân, Oanh tiếp:

- Giờ mày đừng có lo nghĩ gì cho tổn thọ. Cứ ở đây với tao.

Coi như là mày làm phụ giúp tao. Tao có ăn thì mày cũng có ăn. Oanh nhìn xuống cái bụng bạn:

- Mới có ba tháng hả? trông còn gọn ghẽ chán. Người ta bảo: “Gái một con, trông mòn con mắt”. Mày mà đẻ rồi, lại có vô số con mắt mòn cho nà coi.

Khẩn đấm vào lưng cô bạn một cái. Cả hai cùng cười. Oanh hỏi:

- Mày chưa kể câu chuyện “ăn vụng, ăn trộm của mày” cho tao nghe? Mà cái thằng “chết toi” đó tên là gì?

- Nó tên thằng Quỳ, người “Bắc cờ” di cư. Mồ côi cha, theo mẹ và bà con đến đây làm đồn điền cao su của ông già tao làm quản lý. Nhân lúc ông cần một thư ký kế toán, ông vợ ngay được nó. Mày biết đó, dân “Rau muống, uống cả nước” rất là lẳng mạn. Người hiền khô, như con nai vàng ngơ ngác, ăn nói lại có duyên. Con trai mà lúc nào cũng chải đầu bóng loáng. Ăn nói rất lễ phép. Gọi tao cứ một điều cô hai, hai điều cô hai. Cô hai nhờ việc gì cũng sẵn sàng đáp ứng hết. Có hôm đã khuya, cô hai muốn ăn phở Bắc cũng phải chờ ra phố, xa 5, 6 cây số cũng vui vẻ đi ngay. Thế rồi cái nghề đời, mày biết đấy “Được đăng chân, nó lẩn đăng đầu”. Trước còn chuyện trò, chờ đi đây, đi đó. Rồi nắm tay nắm chân. Người Bắc họ có câu: “Lửa gần rơm thì...” sao mày?

- Thì lâu ngày cũng bén. Nó bén từ lúc nào mày?

- Hôm đó cũng vào một buổi chiều hè. Có nắng vàng nghiêng đổ xuống những khu rừng âm u rậm rạp. Tao nhờ anh chàng chở tao đi Bình Dương mua trái cây cho má tao. Khi về đến nửa đường thì gặp trời mưa. Chúng tao phải tấp vào một cái quán vắng bên đường để trú ẩn. Cơn mưa quá ác, cứ lộp độp kéo dài cho đủ thời gian một cuộc tình nảy nở. Chàng cầu xin tao ban cho chàng một ân huệ, để biết đường làm một người đàn ông. Thế là Oanh ơi! Sao lúc đó tao nhẹ dạ quá. Chẳng còn biết gì đến trinh tiết, đến gia phong, lễ giáo. Cả đến những sự trừng phạt của ba tao nó cũng biến đi đâu mất. Tao lúc đó như người vào mê hồn trận của tình yêu. Tao tặc lưỡi một cái. Để mặc cho

biết “mùi đời”. Rồi mày biết đấy. Nhịn thì không quen, chớ ăn thì quen. Người ta bảo: “Quen mũi, thấy mùi đánh mả”. Cái nhà kho của đồn điền là nơi... dừng chân của con đường tình... ta đi. Nó là cửa động thiên thai của hai mái đầu son trẻ khi biết yêu nhau. Sau hai tháng tao mất... nên sợ quá! Tao phải thú thật với má để má tính toán cho.

- Thế thằng Quỳ không đến xin cưới mày hay sao?

- Có chớ! Anh nhờ người đến lạy van ông già tao. Nhưng ông không chịu. Nhất quyết bắt tao phải phá thai. Ông đánh anh chàng một trận nên thân, rồi đuổi hai mẹ con ra khỏi đồn điền ngay đêm hôm đó. Thế là đời tao kể như “tàn một giấc mơ”. Cứ ôm khối tình con mà than thở, mà khóc lóc. Sau má tao quyết định cho tao đi lánh nạn. Giờ tao đang lo, không biết lúc sinh thì làm sao? Không có cha, có được không? Và đặt tên nó là gì? Mày nghĩ hộ tao đi!

Bà Bẩy thấy con có bạn, lại có người giúp đỡ, nên bà cũng yên lòng bỏ về nhà để trông coi nhà cửa ruộng vườn nữa chứ. Lúc ra về bà còn dặn dò:

- Hai đứa ở lại vui vẻ nhé! Trông coi giúp đỡ nhau. Má về ít lâu má lại xuống thăm.

Nhìn thấy cô Tư Bầu có vẻ băn khoăn suy nghĩ, lo lắng điều gì. Bà Bẩy hiểu ý dễ dàng:

- Con cứ ở đây với em. Lo giữ gìn sức khỏe, nhất là cái thai trong bụng. Dì sẽ giữ kín cho, không nói với ai đâu mà sợ.

- Con cảm ơn Dì nhiều lắm. Nếu Dì có gặp ba con, ông có hỏi thăm, Dì nói con ở nhà cậu Tám ở Thị Nghè, để đi học cho tiện. Dì đừng nói con ở đây.

Chiếc xe taxi rồ ga rồi chạy vút về phía trường đua. Hai người đứng nhìn cho đến khi chiếc xe khuất bóng mới thôi.

Rồi thời gian trôi qua, năm tháng để lại. Con người cô Tư Bầu càng ngày càng phát triển, nở nang. Nhất là cái bụng! Khi cô không còn nhìn thấy mười đầu ngón chân mình nữa, là lúc cô lo lắng, sửa soạn cho đứa con gái sắp ra chào đời. Cả ngày chỉ đi

ra, đi vào, lo sắp sẵn quần áo, tã lót cho con.

Một hôm, mới banh mắt ra, đã thấy một bà bầu vác cái bụng tới cầu cứu hộ sinh. Bà là vợ một sĩ quan cảnh sát, nhà ở đầu phố. Bà cũng người Bắc, sinh con “ra” nên cũng mau lắm. Chỉ có mấy tiếng đồng hồ thôi mà đã cho ra được một thằng nhỏ nặng gần 4 kí. Đến trưa, người chồng đi làm về, nghe con gái lớn báo tin là lật đật chạy qua thăm vợ liền. Anh chàng này, nhiều lần qua lại nhà Bảo sinh, gặp cô Tư Oanh cũng làm quen chào hỏi và giở trò “đá lông nheo” mấy lần rồi. Nay có dịp vợ đẻ, như mở cờ trong bụng. Cứ đi làm về, là bỏ sang thăm vợ con. Nhưng gặp vợ thì ít, mà đấu hót với hai cô Tư thì nhiều. Cô Oanh biết tình, biết ý thân chủ mình, nên chịu đựng đủ thứ. Cô ném hòn đất dò đường:

- Ông “sếp” ơi! Tôi có chuyện này, muốn nhờ ông một tí mà ngại quá. Biết mình là người lối xóm, gặp nhau hằng ngày nên mới dám bày tỏ.

- Có gì cô Tư cứ nói. Tôi sẵn lòng mà. Có điều đừng gọi là “sếp” nữa, nghe nó xa lạ quá. Cứ coi nhau như anh em trong nhà cho tiện việc sổ sách.

Oanh cười, để lộ chiếc răng nanh bật vàng ra:

- Da! Em có con bạn thân. Sắp đến ngày sinh, mà nó thì... thú thật với anh, không có chồng. Hay đúng ra là kết quả một mối tình vụng trộm. Cô kể đầu đuôi câu chuyện này cho anh nghe, rồi cô tiếp:

- Giờ em chỉ xin nhờ anh một việc là lúc khai sinh cho con nó. Anh nhận làm cha đứa nhỏ. Đặt tên trong khai sinh, để sau này gia đình nó khỏi mặc cảm.

Ngẫm nghĩ một lát, Hoàng nói:

- Như thế là khi không cô bắt tôi phải có một đứa con nữa à?
Rồi anh nham nhở:

- Mà cũng chưa biết mặt mũi vợ nhỏ ra làm sao?

Cô Oanh gọi với vào trong nhà:

- Khẩn ơi! Ra mình nói chuyện này!

Từ trong phòng, cô Tư Bầu vác cái bụng ra, nghiêng đầu chào khách, rồi ngồi xuống chiếc ghế bên cạnh. Cô Oanh giới thiệu hai người và nói tiếp:

- Mình đã nhờ anh Hoàng giúp đỡ, “ảnh” đã nhận lời. Như thế từ nay mày khỏi lo về vấn đề “con vô thừa nhận” nữa nhé. Tao đã ngỏ ý mời anh Hoàng đi ăn với tụi mình một bữa để cho “cha con” nhận nhau. Anh ấy trả lời:

- Được chứ! Rất có lý đấy! Nhưng có điều “thực phí” phải để tôi thanh toán nhé.

Cô quay sang hỏi bạn:

- Khẩn ơi! Mày đã nghĩ đặt tên cho con mày chưa? Hay nhờ anh Hoàng đặt cho.

Hoàng cầm ly nước ngọt xoay xoay, rồi hỏi: “Mà con trai hay con gái?”

- Con gái anh ạ! Chỉ còn hai ngày nữa... Thôi anh nghĩ cho nó một cái tên gì hay hay đi anh!

Hoàng trả lời:

- Để anh nghĩ: Thăng con trai anh, anh đặt tên là Thanh. Vậy nó con gái, đặt tên là Mai được không? Trần Hoàng Mai. Nghe cũng vui tai đấy chứ!

Ách giữa đang, nó quàng vào cổ. Tự dưng, anh có hai đứa con một lượt: “Thanh - Mai!”

Anh nghĩ bụng: “Sau này lớn lên, chắc chúng nó lấy nhau được. Con trai nó giống anh, chắc là đẹp trai và thông minh rồi. Còn con nhỏ này, nếu giống mẹ nó, thì cũng không đến nỗi nào. Anh quay sang hỏi cô Oanh:

- Bà xã anh bao giờ về được?

- Nay mới được ba ngày. Anh cứ để “bả” ở đây vài ngày nữa. Còn trống nhiều giường mà. Anh khỏi lo, nhà gần đây. Lúc nào chị muốn về, chúng em đưa về cho.

Hai hôm sau, lúc chiều anh đi làm về, đã thấy vợ đang ôm đứa con ngồi trên giường.

Anh chạy lại thăm con và làm bộ kêu lên:

- Trời ơi! Không phải đứa này, con gái cơ mà! Chắc cô Tư Bầu, cô ấy đổi con cho mợ mày rồi!

Hai đứa con gái đang ngồi bên cạnh mẹ, giãy nảy người lên. Đứa thì nói: “Không phải đâu! Cậu nói chơi đấy”. Đứa thì bán tín, bán nghi, nó la: “Con không chịu đâu! Mợ đem trả lại cho cô ấy, mình đem em mình về, con thích con gái cơ”. Mẹ chúng còn phụ họa:

- Thôi lờ rồi con ạ! Con nào cũng là con. Nhà mình hiếm con trai, mình nuôi con trai cho nó vui.

Hai đứa nhỏ khóc lăn ra, bắt đền... Sau chúng hỏi người lớn và ông bà nội. Ai cũng đều nói là: “Cậu con nói chơi đấy”. Bà nội còn bảo:

- Sao các con khờ thế? Nói thế mà cũng tin được! Ai người ta lại đổi con trai cho mình để lấy con gái! Con trai quý như vàng ấy. Các con không nghe người ta nói à!

- Người ta nói sao cơ?

- Người ta nói: “Nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô”. Nghĩa là chỉ một đứa con trai cũng kể là có con. Còn mười đứa con gái cũng kể là không có con.

Con chị lớn phụng phịu:

- Suy ra, mười đứa chúng con, không bằng một mình nó hả? Để xem sau này nó có làm được cái vương rường gì không?

Từ đó, mấy con chị dường như cũng quên đi cái vụ: “Thằng em nó là con cô Tư Bầu”. Cho đến 5, 6 năm sau chị em cãi nhau. Chúng nó lại khơi chuyện cũ ra. Con chị bảo:

- Mày là con cô Tư Bầu, không phải là em tao!

Làm thằng nhỏ cứ tủi thân, khóc hoài. Cho đến một hôm. Hoàng chở vợ con lên Thị Nghè thăm ông cậu vừa từ Hồ Nai dọn về định cư tại đây. Đang khi ngồi nói chuyện, anh trông sang

căn nhà xế trước cửa. Một tiệm tạp hóa, có người con gái mặc bộ đồ bà ba, đang đập máy may. Khi cô ngừng đầu lên, anh nhận ra Khấn. Đúng rồi! Cô Tư Bầu đây mà! Anh liền chạy sang, làm bộ mua một bao thuốc lá. Hai người nhận nhau, mừng rỡ, kể cho nhau nghe những năm dài thất lạc. Mà sao hôm nay, tình cờ, trời xui đất khiến, lại gặp nhau ở đây. Cô giới thiệu bà mẹ đang ngồi sau quầy hàng. Anh chạy lại chào bà, thăm hỏi mấy câu xã giao và chuyện trò trời trăng, mây gió, nghĩa là những câu chuyện vu vơ, vô thưởng, vô phạt, nếu không muốn nói là vô vị, vô duyên, nhạt như nước lã.

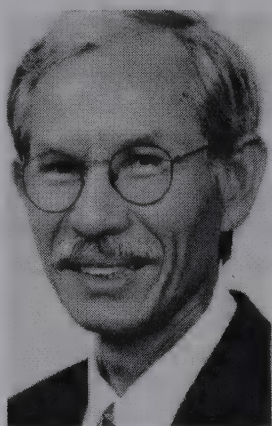
Vừa lúc đó, một đứa bé gái chừng 6, 7 tuổi cắp sách đi học về. Nó chào bà: “Thưa má con đi học về”. Hoàng đang ngỡ ngàng, vì nghĩ nó là con Hoàng Mai, con... của mình. Nhưng sao nó lại chào má của Khấn là má. Như hiểu ý anh, nàng liếc mắt nhìn anh, ra hiệu cho anh lại gần, nàng nói nhỏ: “Em để cho má em nhận nó là con. Anh đừng nói gì nhé”. Con nhỏ cắp sách vở rồi chạy lại chỗ Khấn nũng nịu:

- Em đói rồi, chị có gì cho em ăn không?

- Có bánh trôi, chị để trong tủ lạnh đấy, lấy mà ăn. Mà con chưa chào bác Hoàng đi này! Bác là anh của má con đấy.

Nó cũng chẳng cần biết má là má nào. Con bé lặng lẽ cúi đầu chào, lí nhí mấy tiếng: “Chào Bác ạ”, rồi chạy ù vào trong nhà mở tủ lạnh lấy chè ăn.

Mặt trời đang chìm dần xuống chân trời phía tây. Cây cối, nhà cửa nhuộm một màu vàng ối. Xe cộ đã lác đác đổ về xóm nhỏ. Hoàng chờ vợ con về và định hôm nào sẽ đem thằng Thanh lên đây. Nói rõ cho nó đầu đuôi câu chuyện “thật” này để cho nó khỏi mặc cảm, và khỏi có cái ấn tượng là: “Con Cô Tư...Bầu”.



TRÚC GIANG

- Họ và tên: Cao Gia. Bút hiệu: TrúC Giang
- Nguyên quán: Quảng Ngãi, Việt Nam.
- Nghề nghiệp trước 30/4/1975: Gs Triết
- Gia nhập Văn Bút VNHN/TT/TBHK 1998.

* SINH HOẠT VĂN HỌC:

- Một Phía Trời Thơ 2, 3, 4, 5
- Hương Thơ hải Ngoại
- Bút Hoa (VB/TTTBHK)

* TÁC PHẨM:

- Vùng Trời Ký ức- Những Chiếc Bông Hồng
- * Nhiều truyện ngắn và ký sự đăng trên các báo
- Sài-Gòn Nhỏ- Chiến Hữu- Làng- Làng Văn- Văn Nghệ Tiền Phong- Văn Nghệ Utah từ 1991.
- * Hiện ở: Stockton, California.

VÙNG TRỜI KÝ-ỨC

Trúc Giang

Florida những ngày vào hạ, đại-dương thổi về những làn gió mát rượi. Rải rác trên khung trời những áng mây trắng lênh-đênh như hẹn hò với cánh hải-âu cũng tìm về phương Nam nắng ấm.

*Florida mùa gió lộng
Khung trời vào hạ nắng xanh trong
Xôn xao hoa sóng mừng du khách
Bỗng nhớ cố-hương thoáng chạnh lòng. !*

Florida được mệnh danh là Cung-Điện Mùa Hè trắng-lệ, hoa lá xanh tươi khoe sắc thắm, những cánh hồng đông-đưa rồi bẽn-lẽn nép mình sau cơn gió về hôn nhè nhẹ.

Qua những ngày Đại-Hội VII của lực-lượng CTNCT dành cho quê-hương, tổ-quốc. Sáng nay Nguyên thấp-tùng cùng các bạn Biên, Thành, Thiên-Sơn, Quốc-Hải, Thùy-Trang, Lệ-Thu, Lệ-Xuân, Lệ-Hằng, Lê-Lệ..v.. v. đi tắm biển và thăm mũi Kennedy căn-cứ NASA phóng hỏa-tiến du hành vũ-trụ thăm các tiên-ngà kiều-diễm ở miền Thiên-Thai sao Kim, sao Hỏa. Nguyên thầm cảm ơn anh Phạm-Ngọc-Cửu, chủ-tịch khu-hội CTNCT Florida, chị nhạc-sĩ Linh-Phương và cô Lệ-Xuân gốc Nha-Trang sơn-thủy hữu tình quê em cảm-tứ, qua nhiều ngày vất vả tổ-chức đại-hội và đón tiếp anh em một cách nồng-hậu.

Orlando, Florida thành-phố mộng-mơ nổi tiếng trên bờ đại-dương thơ mộng thu hút nhiều du-khách. Chúa-nhật đẹp trời, mây trắng như bông dệt nắng biếc, sóng khơi xô nhau vào bờ nở hoa trắng xóa như chào đón khách du tấp-nập đổ về mỗi lúc một đông trên bãi. Cư dân ở đây phần đông là sắc tộc Cuba lánh nạn Fidel Castro. Dân hải-đảo da bánh mật, nẩy-nở bề ngang nhưng thiếu chiều cao. Nguyên chăm-chú nhìn giòng người để làm cuộc lượng-giá thành-phần du-khách, bỗng thoáng qua ký-

ức hình bóng thân quen tự thuở nào, hình như chiều qua có dự đại-hội, anh đã cố ý tìm, nhưng mất hút sau đó. Hôm nay gặp lại, cả hai sững sốt nhìn nhau.., Nguyên lên tiếng trước:

Tuấn “Lé” !... không nói năng gì, anh nhẩy bổ lại thụi mấy đấm trên vai Nguyên và hờn hờ kêu lên:

- Thì ra hấn đây “Đường Tăng”, người còn sợ... gái không?”

- Mấy hồi chuyện xưa thật xưa... như trái đất, tất cả đều đổi thay theo dòng thời-gian. Bây giờ là “thiên-hạ đệ-nhất chẳng những yêu.. em mà còn me.”, ai khi mới chớm yêu mà không bền-lên nhiều.!

Giây phút quay về ký-ức thuở trung-học Pétrus Ký, bè bạn và thầy tặng biệt-danh “Ngũ-Tinh, Tứ-Quái” bốn thằng rất tâm-đồng ý-hợp, học giỏi nhất trường, nghịch nhất trường, văn-nghe thể thao nhất trường, đánh lộn cũng nhất trường, vì tụi nó là bạn đồng môn một lò võ-thuật. Thế nên những cánh bướm đa tình trường khác đâu dám la-đà tìm nụ tâm xuân nơi mảnh vườn ngự-uyển này nếu không được bọn nó chấp thuận. Khiến những chàng thư-sinh khác cũng hưởng xái “theo đóm ăn tàn” coi bộ rôm rã lắm!. Thiên-hạ đệ-tứ-đẳng, đệ-tứ-quái, bọn nó chiếm danh hết cả.

Nhân-vật thứ nhất: Tuấn “LÉ” giỏi toán số 1, bảo lé thì hơi ăn gian anh ta một tí, tinh-nghịch thì đúng hơn, nhưng ngật vì cụm-từ tinh-nghịch’ diễn tả bản-chất tâm-lý biến-thiên nên không có chỗ xếp hạng trong tứ-quái. “Lé kim” tí thôi, có lần nghe “Em sinh-viên Văn-Khoa” người đi qua đời anh trong bình-minh đường tình của một sớm thu về trên khung trời đại-học phàn-nàn rằng: Mỗi khi Tuấn nhìn em mà tưởng chừng như len lén liếc nàng nào bên cuối phố !

Nhân-vật thứ nhì: Tú “Lùn” có trí nhớ không ai sánh kịp tưởng như Lê-Quý-Đôn tái thế. Đọc qua quyển sách, anh ta nhớ như thuộc lòng, thế nên những phương-trình, định-lý toán-học anh ta học chơi chơi vẫn nhớ mồn một không khác chi chiếc computer bỏ túi. Chê lùn cũng hơi đi anh ta, thật ra anh nẩy-nở bề ngang, chiều cao có lẽ thượng-đế hạn-chế, nếu không nó sẽ

biết hết chuyện trên trời thì cõi trần gian này không ai chịu nổi. Tự ngàn xưa, quan-niệm dân-gian và các nhà tướng-học cho rằng “lùn” có phúc-tinh, cung-thê thường cư-mệnh số nhờ vợ, trong văn-học dân-gian còn mãi lưu-truyền : “Chồng thấp vợ cao’, Qua sông nước lớn công tao với mây”.

Nhân vật đệ-tam: Khôi “Hô”” giỏi văn nhất trường, được bầu làm trưởng-ban bích-báo. Nói hô hơi xiên-xẹo méo mó nghề-nghiệp văn-chương cho khôi-hài tí thôi! Có lần nghe Khôi kể, dạo lên bảy lên mười, thời 9 năm kháng-chiến ở trong vùng Việt-Minh họ lừa đi tản-cư lên vùng núi rừng trốn Pháp đổ-bộ. Lúc hấn thay răng, phải ăn cháo củ trời chà-là, bị sốt gần chết, những chiếc răng mới chen lẫn nhau mọc lên lởm chởm vô trật-tự từ dạo ấy. Mới đầu, rèm môi trên cứ vén lên thì nó quyết tâm kéo xuống để răng khỏi lạnh nhưng đêm nó không thể thao-thức để cố giữ mãi nên đành chào thua, bị má và mấy chị em gái điều cợt, lớn lên cũng “ế ...” cho coi. Có lẽ vì thế nó cố học giỏi để bù trừ. Sau này đã trở thành giáo sư văn-khoa.

Nhân-vật đệ tứ: Ngô Sún” rất giỏi lý-hóa. (sau là Nha-Sĩ QY). Không còn gì để bào-chữa cái sún của nó, bò-xề ăn mòn quá ba phần tư những chiếc răng. Lắc xắc và tếu đúng nghĩa “bán trời không mời Thiên-Lôi” mỗi lần kể tiểu lâm dù câu chuyện chưa hấp-dẫn kích-động người nghe tức cười, nhưng nó vén môi lên cười tổ tổ như khoe mình là thiên-hạ đệ nhất sún, còn hề và tiểu lâm hơn câu chuyện nó kể, khiến ai nấy cười bò lăn bò lóc. Không biết là thật hay nó phịa ra, má nó kể rằng: nếu không có phúc-đức ông bà để lại thì cả mẹ con đã thành cát bụi quê-hương, trong trận chết đói hàng triệu người tại Miền Bắc vào năm 45, do bọn phát-xít Nhật bắt phá lúa trồng đay. Tinh thần yêu nước của ba nó bị Hồ-Chí-Minh lừa-bịp, hăng-hái gia nhập bộ-đội lên đường chống thực-dân Pháp, chết trận Điện-Biên-Phủ. Má con bữa khoai bữa cháo, bữa cá. Thậm chí thóc lúa của ông ngoại nó đầy kho, cộng sản niêm-phong, bắt gia-đình xay giã thành gạo nạp cho đảng, mình chỉ được phép lấy cám ăn như heo. Những ngày lớn lên của tuổi ấu thơ như vậy, chất calcium đâu mà không sún, và nếu năm 54 không chạy vào

vào Nam, thì chắc gì còn đầu đội trời, chân đạp đất ở Hòn Ngọc Viễn-Đông?

Nhân-vật thứ năm không còn chỗ xếp trong tứ-quái, biệt danh hần là “Đường “Tăng” học trên trung-bình một chút. Rụt-rè nhút-nhát trước những bóng hồng. Có lẽ các tiểu-thư thấy Đường “Tăng” ngô ngố nên hay trêu chọc cho anh chàng bẽn-lẽn để cợt đùa, thế nên hần hay thủ trên tay quyển sách như để chống đỡ khi các nàng tấn công, nên có thêm cái biệt-danh “Tăng một sách”. Thượng-Đế khéo xếp đặt bốn đứa có tên liên-vận nhịp nhàng như con một nhà người bố đặt tên: Tuấn, Tú, Khôi, Ngô, học chung trường, chung lớp, nhưng đều có tài riêng nên khó quên trong ký-ức.

Dĩ-vãng xa thật xa, bỗng trôi về những ngày xưa thân-ái, một kỷ-niệm để đời đến chết cũng không thể quên, cái tính tình-nghịch của Tuấn Lé năm chót Trung-Học. Vào mùa phượng rơi năm ấy, hần lấy kim băng khâu liên-hoàn năm tà áo Ngũ-Long Công-Chúa hoa-khôi của trường là: Tâm, Hằng, Quỳnh, Cúc, Trang. Trong giờ sinh-hoạt, hần bắt đầu được mở rấn nước đã khâu mở cẩn-thận, liền thả ra bỏ lênh-nghềnh vào đám nữ-sinh rồi la lên..rần... rần.. các tiểu-thư hốt-hoảng chạy tán-loạn, xé rách những tà-áo trắng thướt-tha trinh-nguyên. Sau trận tình nghịch nầy, Ngũ-Long Công-Chúa kéo tới mắng-vốn với ông bà nghị-Sĩ Nguyên-Mai, bố Tuấn giận quá, tặng nó mấy cái tát tóe lửa đom đóm trên mắt.

Lên đại-học, mỗi thằng đi một ngành: đứa đi Sư-Phạm, đứa học Y-Khoa, đứa ngồi Quốc-Gia Hành-Chánh, đứa vào Thủ-Đức hoặc Võ-bị Đà-Lạt..v.. v..., và từ ấy bắt đầu chia xa, rồi chìm theo dòng thời-gian của thế-sự thăng-trầm qua những biến-cố dâu bể, cuối cùng dẫn tới thảm-họa 30 tháng Tư đổ xuống đầu.

Bốn mươi năm như giấc mơ

Chiều nay viễn-xứ ai ngờ gặp nhau ..!

Buổi tối, hai thằng hàn-huyên, tâm-sự trong khách sạn Hyatt, ngoài hiên bóng nguyệt cũng nép mình bên khung cửa kính như len lén nghe... Trải qua một cuộc bể dâu - Những điều trông

thấy mà đau đớn lòng về thân-phận cuộc đời, thân-phận con người như áng mây trôi trên nền trời bạt gió. Từ khi dòng người Việt ra đi tỵ nạn CS, bỏ lại sau lưng mảnh quê-hương bao kỷ-niệm dấu-yêu. Hành-trang mang theo là con tim nòi giống Việt, là cánh chim lìa đàn qua cơn giông-tổ. Hành trang vào đời là gót hài bảy dặm giẫm sồn free way vạn-lý, là mảnh nghị-lực chấp nhận mọi đớn đau để hy-sinh cho thể-hệ con cháu tiến thân. Đặc biệt con em những thành phần ưu-tú học hành thành-đạt con số kỷ lục trên khung trời Đại-Học. Tuy nhiên cũng ngổn ngang, xô-bò những cái xấu bắt nguồn từ văn-minh vật-chất làm đảo lộn mọi giá-trị tinh-thần. Không ít những gia-đình sụp đổ ly-tan; khiến Nhạc-sĩ Lam-Phương cũng chạnh lòng trắc-ẩn thốt lên nỗi ngậm-ngùi xót xa qua nhạc-phẩm “Anh đã lầm đưa em sang đây”.

Tuấn lên tiếng hỏi:

- Mấy nhận ra tao qua cái đặc-trưng nào trong cỏi xa xăm ấy?

- Lé “kim” trên ánh mắt mày đó !

- Mấy tưởng trên đời này, chỉ mình tao là thiên-hạ đệ nhất “lé”! – Tất-nhiên là không thể chiếm độc quyền cái danh-vị ấy, tuy-nhiên thấp-thoáng dự phần tí thôi! Khi mày nhìn tao mà ngỡ đá lông nheo với bóng hồng yêu-dấu xứ anh-đào Florida nào đó!. Bốn mươi năm như khoảnh-khắc mong-manh, ngọn gió thời-gian có tàn phá tẩm hình hài mày già đi. Nhưng vẫn cái dáng tao-nhã, phong-lưu đa-tình hào hoa còn nguyên đó, ai mà không nhận ra! Đùa một tí cho vui để tìm lại những dấu vết ngày xưa thân ái, mày đừng giận nha!

- Còn tao thì sao?

- Vẫn cái dáng tao-nhã, phong-lưu đa-tình hào hoa còn nguyên đó, ai mà không nhận ra! Hôm qua mày đọc Tham-Luận Chính-Trị, tao bỗng hất-xì ba bốn bận bởi vì nghe phảng phất mùi “mắm cái xứ nẫu” hơn là cái dáng “ĐườngTăng” đã biến màu thời gian qua nét “Tiên Ông”, nhưng tao một thoáng băng-khuâng. Hồi ấy nghe mày du-học Tây, tưởng rằng ở luôn bên ấy dạy ở Sorbone, đá lông nheo mấy em sinh-viên mắt

xanh, hái hoa tím rắc lên đôi bờ tóc mềm màu hung hung, dịu dàng ngấm hoàng-hôn rải vàng sông Seine. Rồi xây lâu-đài tình-ái bên vườn Luxemburg thơ-mộng quyến rũ; được dịp trốn quân-dịch như Tổng-Thống Bill Clinton, ngờ đâu lại mò về. Có phải Dương-Văn-Minh kêu về tham chính nội-các mối với y chẳng? trí-thức bhoa-bảng như cụ Nguyễn-Văn-Huyền lại chịu đứng chung làm Phó-Tổng-Thống kể cũng lạ.

Khi tàn cuộc chiến, tao cố ý tìm mây, nhưng anh ấy lại vớt tao đi, tuy nhiên mình có cơ duyên tái-ngộ thì cũng gặp thôi!

- Tao dài dòng kể cho mây nghe hai câu chuyện tình lê-thê trong mối liên-hệ giữa tao và anh ta :

- Chẳng là anh ấy với tao là anh em cô, cậu, tao vai em nhỏ hơn vài ba tuổi, tên cúng cơm anh là Đức. Lúc nhỏ tao hay chọc... “Đức-Cống” hoặc “Thiện-Đức” khi lớn thỉnh thoảng vẫn còn chọc, nhưng anh không hề giận, mà còn cười hi... hi...như triết-gia. Anh ấy ra đại-học sư-phạm về dạy Trường Quốc-Gia Nghĩa-Tử và sau đó làm hiệu- trưởng. Tao ra trường y-khoa sau vài năm. Ông Tư bà Nguyệt các-có dùng sợi tơ-hồng buộc hai thằng tụi tao vào một gia-đình nhà gái được mệnh danh là “Tứ-Linh Tiên-Nữ” vì bố mẹ sinh bốn gái, không trai. Cô đầu là Nguyệt-Nga, cô kế là Hằng-Nga, cô thứ ba là Thu-Nga, cô út là Quỳnh-Nga.

Nguyệt-Nga tốt ngành y, ra trường làm nữ Hộ-Sinh, Hằng-Nga ra sư-phạm, để giúp bố điều-hành một trường trung-ọc tư-thục do ông làm chủ và kiêm hiệu-trưởng, còn hai Nga em Thu và Quỳnh, còn đang học trung học, không học trường bố bởi vì : “Bụt chùa nhà không thiêng” .

Hồi mới ươm mầm cây si ở vườn hồng, Đức dọa dẫm..:

- Chú mây chọn Nguyệt hay Hằng ?

- Còn phải hỏi lôi-thôi, cả hai là Trăng thì Trăng nào chẳng là Trăng, cứ theo thứ-tự cho thuận buồm xuôi mái. Đức nói” Nghề thì có phần treó cẳng ngỗng, nhưng tình thì như áng mây bay, êm xuôi như dòng sông hồ-hững vào thu”.

Hai thằng Ngự-Lâm Pháo-Thủ trầm-trồ, cảm ơn và thăm

khen song thân hai nàng khéo sinh cho đời những tố-nữ diễm-lệ, tính nết đoan-trang thùy-mị, mắt mơ màng gợi cảm làm ngẩn-ngơ không biết bao nhiêu những chàng si chết đuối trong ấy, tự hãnh-diện mình là kẻ diễm-phúc được công-chúa “giao cầu”. Đặc-biệt cả hai, dung nhan hao hao giống nhau như sinh đôi. Giả sử một cuộc thi hoa-hậu, chắc-chắn ban giám-khảo sẽ vô cùng bối rối không biết cách nào để chấm ai hơn ai.

Đức làm đám cưới trước, rồi mới tới tao để có thời gian và khoảng cách, tổ chức thật linh-đình và rôm rã. Cả hai cặp vợ chồng tụi tao mỗi lúc một tăng thêm tình yêu quý, lẫn kính trọng, bởi hai nàng trưởng-thành trong một gia-đình vọng-tộc quý-phái.

Dòng thời gian êm-ả trôi, Đức và Nguyệt-Nga xây tổ uyên-ương đúng nghĩa tào-khang của cặp vợ chồng theo nếp mô-phạm. Đã cho chào đời một bé trai kháu khỉnh đỉnh-ngộ, vầng trán và mũi cao giống bố, mắt ươn mơ-màng, giống má và chắc cho chào đời thêm bé gái xinh đẹp để làm tiểu-thư, Riêng tao và Hằng-Nga như cặp tình-nhân, yêu-đương đắm đuối trên dòng sông đam mê. Cứ cuối tuần dất nhau ra Cáp, ngắm trời mây non nước bao-la bát-ngát kéo dài những ngày thanh-xuân êm ái, nghe đời thật nhẹ đẹp như thơ. Thế nên cả hai đều thỏa-thuận thũng-thẳng có con, để cùng đắm-say trong tháp-ngà hương-phấn tuyệt vời này cái đã.

Thế rồi, trong say đắm nào mà không hối-hận sau đó! Có khác gì đường parabol khi triệt-tiêu. Mấy biết không?! chưa tàn cuộc vui thì bỗng những biến-cố dồn dập như cơn lốc đổ xuống cuộc đời: Những cuộc đảo-chánh nội loạn do bọn ngoại-nhân thao-túng. Nào thù trong giặc ngoài, cộng sản xua quân chiếm nông-thôn miền Nam với chiêu-bài giải-phóng dân-tộc. Những ngày thanh-bình chợt biến, lý-tưởng sống cũng chợt tắt, ngọn lửa chiến tranh bùng lên. Lệnh động-viên bắt đầu trưng-tập những ngành chuyên-môn thi hành nghĩa-vụ quân-sự, tao nhập-ngũ phục-vu tại liên-đoàn quân-y Vùng I. Giá lúc đó có đứa con, thì Hằng-Nga cũng với đi phần nào cô-đơn khi tao rời xa. Đức may mắn hơn chưa có lệnh gọi nhập-ngũ, sau đó tập quân-sự học-

đường theo luật động-viên tại chỗ. Bình-chân như vậy, Đức và Nguyệt-Nga hạnh-phúc bên nhau, họ lo lắng cho tụi tao. Hằng-Nga tiêu-tụy, đờm nét buồn. Viết thư nàng kể: đêm đêm không ngủ, thỏn-thức cầu-nguyện, ngồi đếm sao trời, nàng hỏi vào hư không: khi nào tàn cuộc chiến để sao Ngưu-Lang về với Chức-Nữ ? Nàng mơ màng rồi khẽ nhắm mắt lại mỗi lần nhìn cánh sao rơi . Đọc thư, thương nàng quá không ngủ được, tao cũng hao gầy hẩn đi !

Chiến tranh mỗi lúc trở nên tàn khốc, thương binh dồn-dập tải về đây áp quân-y-viện, tụi tao làm việc không kể giờ giấc để cứu sinh mạng anh em. Mấy thử tưởng-tượng, tao không còn thì giờ để mơ mộng hoặc tìm lại trong ký-ức những dư-ảnh tao và nàng yêu nhau rả-rích. Mấy năm sau, tao chuyển về Vùng II, xứ cao-nguyên “Buồn Muôn Thuở”. Mỗi năm về phép một vài lần, hoặc đi công-tác về Tổng-Y-Viện Cộng-Hòa nhận thuốc men được sống với vợ vài ngày.

Nàng đến thăm tao trên đất cao nguyên và ở lại trong mùa phượng rơi. Tao dụ khi nàng ra bệnh xá, lúc đầu nàng xủ khi thấy những ca giải-phẫu dã-chiến cắt tay, cưa chân. Khi xong, tao phải vất-vả vuốt ve âu-yếm nàng, gọi tính can-đảm lòng nhân-ái hoặc kể chuyện tiểu lâm, tìm kiếm cho nàng những nụ cười để xua tan ám-ảnh. Dần-đà, rồi nàng cũng thành tiên-cô phụ-tá tiên ông cứu-nhân độ-thế qua những mùa hè kế.c Đồi lúc, tao cũng thăm phục sát đất cái tiểu-lâm, nịnh đầm của tao khiến ánh mắt của nàng lúc nào cũng long lanh hiền dịu nhẹ như hồ thu.

Hiệp-Định Paris ký-kết, cuộc chiến lắng dịu, thương binh giảm, tuy-nhiên không kém phần lo ngại những gì sẽ xảy ra. Mấy thấy không? hai thời Tổng-Thống Mỹ đã sai-lầm nghiêm-trọng. Mỹ đã thua từ sau cuộc đảo-chánh.....Những đảo chánh, chính lý xảy ra liên miên.....Nhưng hãy quên đi chuyện chính-trị tồi tệ kia, trở về chuyện tình lê-thê của tao: Nàng có trực-giác thông-minh nhạy cảm; đọc được tư-tưởng tao, mặc dầu không hề bày tỏ mối ưu-tư. Một hôm nàng đề-nghị: - Em sẽ nhờ ba nói với thiếu-tướng quân-y thuyên-chuyển anh về Tổng

Y-Viện Cộng-Hòa. Sau bao nhiêu năm anh phục-vụ chiến-trường cũng quá đủ rồi, hơn thế nữa, đứa con của chúng ta sắp chào đời, em không muốn thiếu vắng anh. Chẳng lẽ anh muốn em phải ẵm con leo lên leo xuống phi-cơ lặn-lội tới cái xứ “buồn muôn thừa” thăm anh mãi sao? Lần đầu tiên trong đời, tao nghe nàng hờn dỗi, tao ngập-ngừng vì thấy bận tâm đến bố vợ phải ân-nghĩa với người ta. Nàng buồn tao rất đúng, nàng đã vì tao quá nhiều, tao cũng muốn chính mình chăm sóc an-ủi nàng khi đứa con chào đời. Tao bèn nói: Em có lý...!

Đêm ấy rằm trung-thu, trăng rừng từ từ vượt qua những đỉnh đồi chập-chùng, rồi như treo lơ-lửng giữa mênh-mông bát-ngát, trải xuống đời muôn ngàn dải sáng lung-linh như lụa. Phố núi thấp-thoáng bừng lên với ngàn xanh cỏ nội hứng ánh trăng ngà. Tao tổ chức mừng sinh-nhật cho nàng, đã chuẩn-bị đầy đủ trong chuyến công-tác về Sài-Gòn tuần qua. Tao hú mấy thằng bạn: BS Thuận, BS Cường phó giám-đốc, và mấy thằng BS trưởng khoa cùng tất cả anh em quân-y trong liên-đoàn.

Bọn họ trêu chọc: đêm nay Hằng-Nga là công-chúa thiên-cung đẹp lộng-lẫy giáng trần để xây lâu-đài tình-ái, với Hoàng-Tử Tuấn xứ cao-nguyên mở hội hoa-đăng để nghinh-đón tiên-nương.” Ô kìa ! những chú nai vàng ngơ ngác giẫm lá thu xào-xạc sắp hàng mừng Hằng-Nga.... chúng ta hãy cho nổ những tràng pháo tay để chúc mừng Quân-Vương cùng Hoàng-Hậu..

Vợ tao cũng văn hoa thỏ thẻ:

- Cám ơn các anh, đêm nay nơi núi rừng cao-nguyên hoang-sơ thâm-u còn phảng-phất mùi khói lửa chiến-chinh. Trăng Thu lại về ghi thêm một mùa thu vào ký-ức, hằn lên mái hiên đời lớp phấn bụi thời gian đọng trên màu tàn úa của quê-hương trải bao mùa khói lửa. Các anh tới tham-dự chia vui với vợ chồng em ngày sinh-nhật, thật là xúc-động gợi nhớ trong em những mùa trăng thanh-bình thuở học-sinh, sinh-viên, Tuấn và em mới quen nhau “Cái thuở ban đầu lưu luyến ấy” hò-hẹn dưới trăng bài thơ em còn nhớ mang máng... Không biết ngâm nga, chỉ đọc cho các anh nghe thay lời khai-mạc, em sửa câu đầu của tác-gia để hợp với đêm nay .

Đêm nay cao-nguyên Trăng đẹp quá
Ánh sáng tuôn vàng khắp lối đi...
Tôi với người yêu đêm hò hẹn
Im-lìm không ai nói năng chi !
Bâng-khuâng chân bước nhẹ lên vàng
Tôi sợ đường Trăng bỗng dậy vang
Ngơ ngác hoa duyên còn núp lá
Đừng làm sai lỗ nhịp Trăng đan
Dịu dàng đàn những ánh thơ xanh
Cho gió du-dương điệu múa cành
Cho gió lặng buồn thôi náo-động
Hai người say đắm dưới trăng thanh... .

Hằng đọc xong, bọn họ vỗ tay khen ngợi ríu rít và trêu tao.
Thuận hỏi :

- Tuấn ! mấy dám can đảm như anh chàng thi-sĩ Hàn-Mặc-Tử rao lên :

Ai mua Trăng tôi bán Trăng cho ?

Trăng vương trên cành liễu hẹn hò .

chắc chắn thiên-hạ chạy vội vàng tranh nhau mua Trăng, giẫm lên nhau vào nhà thương Chợ-Quán không ít, và trong đó, tất-nhiên là có bọn này.

Tao đùa phụ-họa:

- Trăng mình không đại chi bán, nhưng có Trăng khác để bán, tụi bây yên chí lớn..., hãy hối-lộ cho Hằng-Nga đi! Nhà Trăng của nàng còn hai mảnh: một trăng tròn lẽ, một trăng lưỡi liềm, ngày mai hãy vội vàng lên đệ đơn cho lệ. Còn tao thì... khó nói quá! tụi bây có nghe người xưa nói: không phải tao phịa đó nha! Gả một em vợ xoàng xoàng thì nghèo ba năm, hai em thì nghèo sáu năm. Đàng này hai em xinh đẹp như tiên, không kém Nga-Hằng thì tao nghèo biết đến chừng nào. Đứa nào khôn, liệu mà toan-tính, kỳ-đà này mới không cản mũi.

Nàng cắt ngang :

- Đừng đùa nữa ! Em muốn các anh ngâm thơ, hoặc hát

những bài về mùa trăng thanh-bình, trong đó bùng lên cái tình-tự hiên-hòa, nhẹ nhàng của tình người, tình vạn vật,. Các anh có buồn không ? Nếu không bị cộng sản xâm lăng thì Tuấn và các anh, các thế-hệ thanh-niên đâu phải rời gia-đình, học-đường, những người thân yêu-dấu, ngày ngày dính máu những người bạn phải hy-sinh một phần thân-thể, hoặc ra đi biên-biệt trong lòng đất quê-hương. Đau xót hẳn lên cuộc đời qua những cảnh vợ lìa chồng, cha lìa con, những vành tang trắng quần vôi lên đầu nàng thiếu-phụ, con thơ. Trong tận cùng thương đau ấy, biết đâu lại chẳng đến lượt em dự phần, nếu Tuấn khư-khư bảo-thủ tính anh hùng theo kiểu quân-tử Tàu.

Các bạn chen vào :

- Hằng-Nga có lý.. ! Độc-thân như tụi tao không nói chi, nhưng bất cứ ai đã có “Nàng tiên đi bên cạnh cuộc đời” thì bất buộc “Ái-ân không lạt lẻo cũng lôi thôi” ! Nếu tụi tao được diễm-phúc nầy, thì nàng đâu phải đem tấm thân lá ngọc cành vàng lẫn lộn đến tận chốn sơn-khê cùng-cốc “phố núi cao, phố núi đầy sương buồn muôn-thủa” nầy Tuấn ơi! Mấy tề vừa thôi chứ! bây giờ mấy lắng nghe, tụi tao đưa ra hai đề-nghị: một là theo giải-pháp Hằng-Nga, hai là mấy ra dân-cử kỳ nầy, có tụi tao hết mình vận-động chắc-chắn chín mươi chín phần trăm thắng lợi. Hơn nữa có ông bố vợ làm tổng-trưởng văn-hóa, thăng Đức trong quốc-hội được sự hỗ trợ của tôn-giáo, hãy dựa vào lớp hào-quang đó mấy còn lừng-khùng gì nữa !?.

- Tụi mấy đừng xúi dại, tao không có máu chính-trị và không đi bằng đầu gối, hoặc làm phỗng đá, hoặc gia-nô nghị gât. Thôi tạm gác chuyện đó bên lề cuộc đời! cảm ơn tụi bây, tao chọn giải pháp thứ nhất, ngay giờ phút nầy là ngoan-ngoãn theo mệnh-lệnh Hằng-Nga yêu-dấu của tao!. Thuận nói:

- Hãy trả lại cái không khí mừng sinh-nhật Hằng-Nga và đáp lễ qua sự yêu-cầu, Tuấn là hoàng-tử của đời em mở-màn trước đi!

- Tao lấy ống nghe nhịp đập con tim thì được, chứ hát cho tao chào thua và xin uống một ly rượu phạt. Rồi tụi bây nghe

đây! - Tao chấm điểm đậu “gả em vợ cho đứa nào xung-phong hát trước” chưa dứt lời thì Thuận và Phong giơ tay cùng lúc, năm bảy thẳng giờ sau....

- Nói tới người đẹp, tụi mây mắt sáng rõ như sao và tranh thủ nhanh lắm, nếu không thì đồ đứa nào chịu giờ tay, để được công bằng, hai đứa bắt thăm và Thuận đã trúng số!

- Hằng-Nga ơi! Vì mãnh Trăng tròn lẻ của chị, mà Thuận phải gồng mình làm con ểnh ương Hằng-Nga nhớ, thương hại cho nha ! Xin hát tặng chị nhạc phẩm “Nếu có Em”. Thú thật, trong thời sinh-viên xa thật xa ấy Thuận chỉ nghêu-ngao hát nhạc “đứt” và chưa một lần nào dám hát cho thiên-hạ nghe, chỉ ca len lén một mình, thấy ai thì im-bặt, nhưng hôm nay rất hăng-hái chị có biết cái sức mạnh nào thúc đẩy không ?! Ểnh-ương bắt đầu.., tụi bây vỗ tay cho tao lên tinh-thần đi chứ?! .

*Nếu có em chiều nay, ta sẽ lên đôi sim...
Anh hái hoa tím rắc lên đôi bờ tóc mềm
Nếu có anh nhìn môi em đẹp thêm
Màu hoa trên má xinh thêm
Gió then thường lay áo em....
Có những đêm buồn, anh luôn nhắc tên người yêu
Tha-thiết như tiếng chim non gọi đàn cuối chiều
Em ơi ! khi nào qua cơn lửa khói
Mình như đôi én song đôi
Bước vào mùa xuân ngóng chờ...
Nếu có anh dịu em trên lối qua trường xưa...
Mưa nắng thơ ấu hai ta chung một bóng dừa...*

Bài hát chưa dứt, thành linh những loạt đạn đại-pháo 130 ly của địch pháo dồn-dập mở màn cuộc tấn-công vào Buôn-Mê-Thuột, tao chỉ kịp ôm nàng vào lòng chạy vội, không nghe nàng nói một lời nào, máu nàng thấm đỏ cả ngực tao, hốt hoảng tao hét lên: Hằng-Nga ơi!

Tao đưa nàng về Sài-Gòn bằng chiếc trực-thăng cấp-cứu, chuyển tàu định-mệnh nầy đã đưa nàng về bên kia thế giới vĩnh-

hằng không một lời trời trăn. Tao đau xót tột cùng như rơi tận đáy địa-ngục của thương đau hối-tiếc. Gục đầu trên ngực nàng, tao nghe trời đất quay cuồng, nước mắt ràn rụa chảy xoáy vào tim. Tao như kẻ cuồng điên than-trách thượng-đế sao không lấy mạng tao một thằng gàn, bướng mà lại cướp đi Hằng-Nga hiền dịu nhất cõi đời. Tao vùi mặt trên ngực trên má nàng, nắm bàn tay nhỏ nhắn, tao van xin và hôn lên mắt nàng: Em hãy khép làn mi tha thứ cho anh trăm lần sai, vạn lần sai. Em đã sống cho tình yêu và chết cho tình yêu. Những lời em nói đêm qua còn văng vẳng đâu đây! “trong xót xa tột cùng đó, biết đâu lại chẳng đến lượt em dự phần” tưởng rằng em khuyến-cáo tính gàn của anh, có ngờ đâu là lời báo trước sự chia-ly vĩnh-biệt.. !.

Nàng chết, đời tao như có xác không hồn, chẳng thiết-tha gì nữa. Thâm sâu tao không muốn hiểu, vợ tao mất đứa con chưa chào đời cũng mất, tất cả những gì cao-quý thân yêu của tao đều mất, cuộc sống giữa cô-đơn hoang tàn vô nghĩa.. Tao chuyển suy-tư qua thuyết nhân-quả nhà Phật: chính cái nhân tao gieo tại sao nàng phải gặt?

- Thôi đừng nóng, hãy quên đi, tao thường tâm-niệm câu nầy của Triết-Gia Pháp Henry de Monther Lant: “La vie devient délieuse dès qu’on décide de ne plus la prendre au sérieux”. Đời sẽ trở nên cõi an-lạc, khi người ta nhất quyết không thêm xem nó là quan-trọng nữa.

- Mấy rời đất nước dạo nào, cuộc sinh-hoạt mới ra sao, và thê tử ở đâu chưa nghe mấy kể ?

- Tao rời quê-hương khi Dương-Văn-Minh đầu hàng dâng miền Nam cho cộng sản mấy thằng bạn hải-quân có tàu bắt cóc tao đi luôn, tới Guam có mấy tên ngu ngốc tin theo chính-sách 10 điểm, 07 khoan-hồng gì đó VC lừa, quay về mới tới Đà-Nẵng bị tổng cổ vào tù. Rồi tao định-cư tại Boston, thời gian đầu rất dễ dãi, tao thi lại và học vài năm lấy license hành nghề cũ, tuy nhiên không tránh nhục lây do đám bạn ở Cali qua vụ Medical làm bẽ mặt quá!. Năm 1980 hai chị em Thu-Nga và Quỳnh-Nga vượt biên. Thu-Nga bị VC bắn chết trên bãi, Quỳnh-Nga thoát chết trốn được vào nhà ngư dân, qua Mỹ năm 1982. Ông bố vợ

sốt rét chết trong tù, bà già vợ từ trần sau khi tên hung-thủ Đỗ-Mười cầm đầu đám đồ đảng vào Sài-Gòn đánh tư sản, cướp của, cướp nhà, đuổi dân đi lao-động vùng rừng núi. Thảm-họa đổ xuống gia-đình nhà vợ tao và dân miền Nam vô tội.

Tao bảo-lãnh Quỳnh-Nga về Boston, nàng chăm chỉ học, tốt-nghệp ngành xã-hội-học và báo-chí. Nàng có mục-dịch, tham-gia cứu người vượt biển, làm công tác thiện-nguyên tại các trại ty-nạn-cộng sản và viết cho thế-giới biết, đồng thời làm sáng mắt bọn trí-thức phản-chiến Mỹ. Một hôm nàng rủ tao đi thăm trung-tâm thương mại quốc-tế tại New York cùng với bốn cô bạn thân vừa tốt-nghệp Đại-Học. Cô nào cũng kiều-diễm xinh đẹp như đoá hồng phơi phới trong nắng xuân, tính-tình hiền dịu rất là Việt-Nam, phẩm cách của những gia-đình gia-giáo rất hiếm trên xứ này. Riêng Quỳnh-Nga từ dung-nhan, tâm-hồn giống hệt Hằng-Nga, mỗi lần nhìn nàng hoặc trò chuyện, tao nhớ Hằng-Nga như điên dại.

Sau ngày đi chơi về, nàng dò hỏi tao: - Trong bốn nàng tiên nữ hôm qua, em rủ đi chơi để anh chọn lựa, chấm được nàng nào? Tao ngập-ngừng !nàng gợi ý:- Cô tóc bồng bồng lúc nào cũng nở nụ cười trên môi là Kiều-Dzinh tốt-nghệp ngành thẩm-mỹ, trước học Quốc-Gia Nghĩa-Tử, học trò anh Đức, anh thấy thế nào? - Kiều-diễm dễ thương ! - Cô tóc xõa bờ vai vui tính là Thu-Thủy được sĩ, thế nào? - Xinh đẹp, vui vẻ ! - Cô tóc như mây lênh-đênh trên lưng và chảy bồng-bềnh trên ngực hát hay như ca-sĩ, có ánh mắt mơ-màng là Thùy-Trâm tốt-nghệp nha-sĩ, thế nào? - Khả-ái, dễ thương ! - Cô tóc ngắn ôm đôi má tròn như khuôn trăng, trầm trầm ít nói tốt-nghệp y-khoa cùng ngành với anh, là Huỳnh-Anh, nhiều cây si tới trồng nhưng nàng chưa chấm, cô ấy thế nào? - Ừ, dễ thương, diễm-kiều ! - Vậy thì chánh chủ-khảo phải chấm hoa-hậu để trao chiếc vương-miện chứ? Chàng lắc đầu, nàng bật cười: -Kiều-diễm. Xinh đẹp. Khả-ái. Dễ thương, bốn hoa-hậu đồng hạng, anh chọn hết bốn cô à! Liệu có kham nổi không đó Hoàng-Đế?

Câu chuyện tưởng như đùa. Hôm sau nhân lúc ăn sáng, nàng nghiêm trang nhắc lại:

- Anh trước sau gì cũng phải chọn một cô chứ?
- Nhưng anh không thể chấm cô nào được!
- Tại sao ? – Tại họ không giống hình ảnh chị Hằng-Nga !
- Thế thì em có giống chị Hằng-Nga không ?

Thoáng ấp-úng một giây chàng nói, không khác tí nào! Ánh mắt hiền dịu nàng nhìn trù mến và hỏi: Vậy anh thấy em thế nào? Chàng thẳng-thốt kêu lên: Em quá đẹp, quá hiền.

Đôi mày lá liễu đáng trăm quan tiền, nàng neho lại như đôi hờn :

- Rồi sao? Anh cũng chê em luôn à !

- Quỳnh-Nga ơi! không phải vậy đâu, em là cành vàng lá ngọc, giả-dụ không là anh em, thì anh làm sao xứng với em, hơn nữa em nhỏ hơn anh đến hai mươi tuổi kia mà, từ lâu anh xem em như đứa em gái út của anh, để anh cưng chiều cũng với đi nổi cô-đơn, bên em, anh có cảm giác như bên Hằng-Nga là đủ rồi. Vì anh mà Hằng-Nga chết, Anh đã thề không yêu ai nữa. Anh yêu em anh sẽ có lỗi với những người đã nằm xuống, nhất là với Hằng-Nga.

Nàng lắc đầu, nói :

- Tình yêu không biên-giới, không tuổi tác và theo em, tình yêu phải có sự đồng cảm qua trực-giác, trực-giác tác-động lên sự rung-cảm của tâm-hồn qua cảm-xúc cảm-nhận được cái phong cách thanh-tao, bản-ngã của người mình chọn lựa. Anh là mẫu người lý-tưởng em đi tìm kiếm chọn lựa.

Nàng nhìn vào xa xăm và nói tiếp:

- Về khái-niệm luân-lý đạo-đức, anh ái ngại chăng? Nhà văn-hào Shakespeare và Mauridonnay đã xây dựng những nhân vật trong tác-phẩm văn-học của họ cũng tương tự tác-phẩm Kim Vân Kiều của thi-hào Nguyễn-Du, một kiệt-tác bất-hủ vượt thời gian và không gian. Cuộc tình tam-giác, Vân và Kiều yêu chung một Kim-Trọng, họ chia xẻ tình-yêu cho nhau. Bối cảnh của em vượt trên bối cảnh của Vân và Kiều. Khi xưa chị Hằng-Nga

còn sống, không có cái gì mà chị không tâm-sự chia-xẻ với em, kể cả những khúc mắc tâm lý và bí-mật ân-ái phòng the để em có ý-niệm tình yêu và hôn-nhân. Từ khi quả Mỹ, trong giấc mơ tỉnh-thoảng chị hiện về căn-dẫn em nhiều lần, hãy thay thế chị chăm sóc anh và sinh cho anh những đứa con xinh đẹp thông minh. Gia-đình chúng mình đều là nạn nhân của cộng sản, của chiến tranh. Chính anh cũng là người sống sót, nhờ người cô đưa vô Nam năm 54, sau khi bố mẹ bị lũ cướp ngày đầu-tổ chết. Thời gian trôi qua anh vẫn ở vậy, em tưởng anh chờ đợi em sau khi tốt-nghiệp xong, em vẫn thương anh vô-hạn và cố học để đạt những hoài-bảo ước mơ. Anh vô tình quá!

Hôm qua em làm cuộc trắc-nghiệm để thử lòng anh đó thôi!

Tao bối-rối lẫn xúc-động, chưa biết phải cư-xử thế nào. Nàng ôm choàng lấy tao, gục đầu trên ngực khóc nức nở và nói: Nếu anh không yêu em thì ngày mai từ-giã anh, em vào tu-viện chẳng thiết-tha gì cuộc đời phù-du này.

Tao ôm nàng vào lòng, vuốt tóc, vỗ về an-ủi và hứa sẽ làm theo lời Hằng-Nga căn dặn em trong giấc mơ. Nàng vít cổ tao xuống và khẽ nói : - Em đã toại-nguyện, hãy hôn em đi, và hôn nhiều... thật nhiều nha anh!

Trong say đắm tuyệt-vời đó, ánh mắt mơ màng quyến-rũ, hương tóc trinh-nguyên phảng phất trên làn da thơm tho tươi mát, đôi má ửng hồng, làn môi ngọt ngào của nàng như suối mật cuốn trôi tao.... Trong khoảnh-khắc mê-đắm ấy, tao chết lịm trong giấc mơ, một vùng trời ký-ức bỗng hiện về đêm tân-hôn hoa-chúc của tao và Hằng-Nga thuở nào trên quê-hương yêu-dấu.

Viết trong những ngày trời vào thu,

Thung-Lũng Hoa Vàng 2001



VI KHUÊ

- Tên thật: Trần Trinh Thuận.
- Bút hiệu: Vi Khuê, Nguyễn thị Bình Thường, Đào thị Khánh, Đoàn Văn...
- Chánh quán: Huế.

* Trước năm 1975 tại Việt Nam:

- Tốt nghiệp: Cử nhân Văn chương Việt Hán
- Công chức Bộ Thông tin Văn hóa VNCH
- Hiệu Trưởng Trường trung học tư thực Văn Khoa Đà Lạt.
- Giọt Lệ (tập thơ xb 1971)

* Sau Năm 1975 tại hải ngoại:

Tác Phẩm:

- Cát Vàng (tập thơ xb 1985)
- Ngựa Hồng Trên Đồi Cỏ (tập truyện xb 1986)
- Tặng Phẩm Tình Yêu (tập thơ xb 1991)
- Những Ngày Ở Virginia (tập truyện 1991)
- Vãn Chờ Xe Thổ Mộ (tập truyện 1993)
- Hoa Bướm Vườn Thơ Tôi (tập thơ 1994)
- Thơ Vi Khuê (băng và CD 1985, 1995, 1997)

- Thơ Trong Mưa và Hoa (tuyển tập thơ tam ngữ Anh-Pháp-Việt xb 2001).
- Có thơ, truyện ngắn và kịch đăng trong 15 tuyển tập thơ văn hải ngoại.
- Đã cộng tác hầu hết các tạp chí Văn học Nghệ thuật tại Hoa Kỳ, Úc...
- Một cây bút chủ lực của tạp chí Diễn Đàn Phụ Nữ từ 1982 đến 1996.
- Hiện định cư tại Virginia Hoa Kỳ

NHỚ MỘT THỜI BIỂN LẶNG SÔNG YÊN

Vì Khuê

- Hello Bà Nội! *Happy New Year!* Hai đứa con đã về ăn Tết với bà đây. Bấm chuông không thấy cửa mở, nên tụi con tự mở lấy bằng chìa khóa của mình. Ô bà nội! Sao bà nằm trên giường? Bà không dậy được? Bà vẫn khóc hoài thôi sao? Nu tới đỡ bà dậy đi, để Anh còn *pick up* va ly vô nhà.

- Hu... hu... cháu! Cháu đã về tới nơi rồi à. Bác Tự lãnh ra phi trường đón mà, không gặp tụi bây sao?

- Thưa bà nội! Đâu có biết bác Tự đi đón đâu, có ai nói đâu, *nobody*, thì hai đứa con cứ *rent a car* để về thẳng nhà thôi. *As usual*, tụi con tự lo được mà.

- Ô mà sao bà ơi, Bà khóc nhiều quá! Nô lại đây với bà đi. Bà nội khóc như vậy là đã *ba-tháng-đủ* rồi đó nghe. Từ ngày cháy cái nhà Trung Tâm Thương Mại gì đó, ờ ờ, cũng World Trade Center thành phố Sài Gòn, bây giờ là ba tháng rồi...

- Ba tháng *even* rồi đó bà, sao bà cứ khóc hoài! Bây giờ bà lại khóc to quá, tùm lum tà la! Bà, *you are getting tired, very tired, grand'ma!* Tụi con về ăn Tết với bà, cũng chán quá. *Oh! My God!* Nô ơi! Nói gì với bà đi – gọi là *consolation* đó – Nói đi, để bà hết khóc, được không?

- Bà nội à, thưa bà nội, để Nô nói bà nội nghe: hôm nay là ngày Tết Việt Nam bắt đầu mà, trong nhà mình nói hoài là không ai được khóc, xui xẻo, *bad luck* hết cả *year* mà. Ngày mai là *first day*, mong một; tối nay 12 giờ là cúng *Giao Thừa*, phải không bà, phải vậy không bà?

- Ủa... Ủa... *Giao Thừa*, chớ không phải *Giao Thừa* đâu,

Nô. Hu... hu... con ơi, cháu ơi! Bà buồn quá!

- Thưa Bà Nội, để Nô nói bà nghe. Là ngày Tết, nên tụi con đi học xa phải về ăn Tết với bà, chúc bà: *Ân Khang, Hạng Phúc*. Phước Lộc Thọ tâm toàn... Cháu nói đúng không, bà?

- Ủ ừ... cháu nhớ tiếng Việt, giỏi lắm, có trật chút xíu thôi.

- Nhưng mà Tết, bà không nghỉ khóc sao? Thôi, nếu bà không *stop crying* đi, thì tụi con nói thiệt, tụi con bỏ về Trường, và bỏ đi luôn thôi. Thấy bà khóc buồn quá. *We can't stand it anymore*. Bà chịu không, thưa bà nội?

- Hơ... hơ... Bà không nín được, cháu ơi. Bà khổ quá, đau lòng quá. Tết, bà càng nhớ hơn thôi, nhớ gia đình xưa kia sum vầy, vui vẻ. Chắc bà khóc cho tới khi bà chết!

- O.K. như vậy, bà không còn thương tụi con, Nô Nu cứng của bà nữa. Được rồi. Thôi tụi con xách va li đi ra, kêu xe trở về Trường luôn, bà nội chịu không?

- Không, không mà. Bà buồn bà khóc thôi, chớ bà vẫn thương cháu, Nô Nu của bà, chớ. Ngồi đây với bà. Nói gì cho bà vui đi!

- Để con nói bà nghe. Hết cái *school year* này là Nô ra Trường, tốt nghiệp *College* rồi, thưa bà. Con có được biết nhiều chuyện quan trọng, để con nói bà nghe: Thứ nhất là... có một ông Notradamus Việt Nam, ông đã có *predict* từ mấy trăm năm trước, là khi nào có con *Horse* phóng ra, và con *Goat* cũng nhảy vọt tới, vào cái *year* nào đó, thì tất cả những ai là *heroes* trên thế giới này đều phải chết hết cả, để cho được cái *Peace and Joy* cho những người còn lại. Bà nội có nghe nói vậy không?

- Ủ... ừ... cháu ơi! Đó là Sấm của ông Trạng Trình Việt Nam: Mã đề... mã đề, dương cước... Mã đề dương cước anh hùng tận – Thân Dậu niên lại kiến thái bình. Bà đã nghe từ khi bà còn bé xíu. Thì, năm con dê bây giờ là năm này đây: Quý Mùi 2003. Ô mà, trời ơi, ai mà bày cho cháu tôi vậy nè! Học trường Mỹ mà cũng biết sao? Ôi, thái bình có thấy gì đâu, chỉ thấy càng ngày càng loạn lạc. Khổ quá đi thôi....

- Rồi, bà nội à, bà không nghe Radio T.V. nói đó sao, nói

hằng ngày mà – Kể từ sau cái *falling down* của hai tòa nhà sinh đôi ở Nữ Ớc, thì mỗi ngày trên trái đất càng có nhiều người chết hơn. Mỗi lần nhiều trăm nhiều ngàn người chết, chết vì ông Trời làm, làm mưa, làm lụt, làm *lightning*, làm *thunder*, làm cháy nhà, làm cháy rừng. Và khủng bố phá hoại nhiều nơi. Chỗ nào không có *terrorists* thì ông Trời làm đủ thứ, *everything*! Mới đây thôi, chỉ có chọc tức nhau *chúc chúc* thôi trên báo, *about* cái vụ thi Hoa Hậu *universal, around the World*, tại Phi châu, mà người ta đã nổi điên đâm đá nhau chết cả vài trăm người.

- Kể từ sau khi nước Mỹ để tang ba ngàn người chết cháy vào buổi sáng hôm đó – *never forget* – đời đời nhớ mãi – trong cái vụ World Trade Center tại New York *nine one one, 2001*, thì... thì... bà ơi, Ba và Má tụi con ... *unfortunately*... mà bị chết cháy tại World Trade Center Saigon, Vietnam, ngày 29 October, 2002, thì mình cũng phải chịu thôi! Đâu có phải riêng nhà mình phải chịu tai nạn. Đó là mình *bad luck* thôi!

- Thôi, thôi, đừng nói nữa, chao ôi. Trời ơi! Nhắc làm chi để càng thêm đau lòng. Con trai tôi, con dâu tôi, tự nhiên mà kéo nhau về thăm quê hương làm chi, để rồi đi dự tiệc cưới, để rồi chết cháy thảm thương ở cái Trung Tâm Thương Mại Thế Giới của Sài Gòn, thiệt là oan khiên, thiệt là thảm khốc. Trời đất ơi! Tôi làm sao quên được đây!

- Bà nội ơi! Con cố gắng nói để bà nín thôi, và con xin nói thiệt một lần nữa: bộ ba má tụi con chết, tụi con không *suffer enough* rồi sao? Nếu bà không chấm dứt khóc, thì tụi con không chịu nổi nữa, thì hai đứa con phải bỏ đi, đi bụi đời, đi lang thang thôi, còn học hành gì nữa! Người ta nói: Lúc này, mọi người đều phải đứng dậy để mà đi, không ai nên khóc cả. Người ta nói: Biến cố 11 tháng 9 phải làm cho nước Mỹ thay đổi, và Biến cố 11 tháng 9 đã làm thay đổi nước Mỹ! Bà nhìn lên T.V. mà xem, tất cả mọi người đang phải làm việc của mình đó, có ai được ngồi khóc đâu! Ông Tổng Thống Bush thì phải chạy qua *East*, chạy qua *West*, có phút nào được *relax* đâu, phải không, bà? Ai cũng phải đứng dậy để lo việc của mình, vì... *everybody in the world* đang gặp khó khăn! Cháu của bà cũng đang gặp khó khăn,

buồn khổ. Vậy, xin bà đừng khóc nữa, có được không?

- Trời ơi! Cháu Nô của bà ơi! Ai bày cho cháu nói mà hay vậy? Bà cứ tưởng cháu còn bé lắm, như xưa! Tội nghiệp cháu tôi quá. Bà xin hứa: bà sẽ cố gắng quên, để mà sống với hai cháu, để mà ăn cái Tết này cho vui vẻ với hai cháu. Thôi, bà cháu mình phải sửa soạn đi cúng Giao Thừa đêm nay. Bà không khóc nữa đâu! Cháu ơi!

* * *

- Dạ thưa Bác. Con chào Bác Năm Mới!

- A, Tự. Chào con Năm Mới. Ngồi chơi, con.

- Con thấy Bác vui vẻ hẳn ra, con mừng quá. Hai đứa cháu đã trở về Trường rồi? Tụi nó càng lớn càng khôn ngoan dễ thương quá. Mới đó mà Nô đã sắp ra đại học rồi, mau quá, thưa Bác. Con nghĩ Bác cũng nên khuây khỏa đi, có hai đứa cháu nội như vậy cũng hạnh phúc lắm rồi. Bác chẳng nên tiếc thương khóc lóc nữa, Bác ạ.

- Ủ thì bác cũng biết phải quên đi để mà sống chứ. Nhưng... con trai bác, con dâu bác, cháu biết hơn ai hết, đó là vàng là ngọc của bác, bác phải mất bao nhiêu là công, bao nhiêu là của, phải đi lễ Chùa cầu Phật mới có được Tài, còn An Nhi thì...

- Cháu biết hơn ai hết, bác nói đúng. Bởi vậy hôm nay cháu mới cầm tới đây cái bài báo năm xưa người ta đã viết, về câu chuyện “bà Tường Phát đi kén chọn nàng dâu” đã một thời xôn xao dư luận để Bác đọc lại cho vui.

- Ờ ờ, hồi đó Bác có nghe mà đâu có được đọc. Ai viết vậy cháu?

- Thịnh, em họ của cháu đó. Cô ta hay đem chuyện đời trước mất ra viết thành tiểu thuyết, truyện ngắn, gửi đi đăng báo Xuân. Những truyện như thế cháu cho là đã ghi lại được hình ảnh của thời thế, một giai đoạn sống của Cộng đồng Tị nạn chúng ta, chẳng hạn. Nghĩ lại, thời điểm 84-95 thật là vui: Cộng đồng Người Việt tị nạn hô hởi hăng say hòa nhập vào cuộc sống mới, thật tưng bừng quá, phải không bác?

- Thì bác vẫn cứ nghĩ: Đó là một thời của bể lặng, sóng yên... có những câu Sớ Táo-quân người ta đăng trên báo hồi đó, bác còn nhớ mãi. Như là:

*Còn ở hải ngoại
Thì đồng bào ta
Ăn nên làm ra
Người người hôn hờ
Gái trai phớn phở
Già trẻ xum xuê
Nhà cửa đề huề
Đô la rủng rỉnh*

- Dạ, bác nói phải. Thời đó, cứ mở tờ báo ra là thấy tin về những người trẻ Việt Nam học thật giỏi, đỗ thật cao, thành đạt về vang tại Hoa Kỳ, thật là nở mà y nở mặt... và cũng là niềm hy vọng, niềm hạnh phúc của người Việt Nam được hội nhập vào thế giới văn minh của loài người khắp năm châu bốn biển... Thật là ngàn năm một thuở Trời thương dân tộc mình....

- À, thế còn bài báo gì cháu mới nói đó, người ta nói chuyện gì trong đó?

- Thì cháu đã nói là cô Thịnh, em họ cháu mà, cháu chỉ kể lại cho Thịnh nghe mà cô ấy viết thành truyện thật đầy đủ chi tiết. Chuyện kể lại hồi đó, vào chiều 28 Tết âm lịch năm 86, cháu hộ tống bác đi tới vũ trường C., để bác ngồi một nơi kín đáo, ngắm nhìn mấy cô gái mà Tài đã có dính líu chuyện tình cảm, để xem có cô nào xứng đáng hay không... Bác bảo cháu: gia tài của bác trai suốt đời kinh doanh để lại, trước 75 đã gửi tại ngân hàng Thụy Sĩ, cũng khá lớn. Mà hai bác chỉ có duy nhất một mình Tài là con trai cầu tự, nên bác rất lo anh ấy không chọn được người xứng đáng để làm dâu nhà bác, bởi vậy, bác bảo cháu giúp bác một tay trong vụ “kén chọn nàng dâu” này. Hồi đó, bác tin cậy cháu lắm.

- Tự à, hồi nào tới giờ, bác vẫn coi cháu như con! Cháu là bạn thân nhất của Tài mà!

- Dạ, rồi cuối cùng cháu giới thiệu đến bác người con gái

đức hạnh mà lại khôn ngoan – cũng là em họ cháu - hồi ấy đang đối khổ ở quê nhà cùng với gia đình đang sa sút thảm hại là An Nhi đó. Hồi đó, cổ chỉ mong vượt biên! Rồi bắc gửi ngay cho gia đình Nhi số tiền 20 ngàn đô, và thêm nữa...

- Ồ, thì chuyện của bác, bác nhớ rõ chứ. Cũng nhờ cháu làm mối mà bác kiếm được dâu hiền mà lại khôn ngoan, sinh cho bác hai đứa cháu nội dễ thương như vậy đó. Chỉ tức cười là tụi nó nói chuyện với bác pha tiếng Anh tùm lum tà la, may mà bác cũng hiểu được, không đến nỗi nào!

- Hai đứa nói tiếng Việt như vậy là giỏi lắm rồi, thưa bác. Có nhiều người lớn hơn mà ở nước ngoài lâu năm, còn không phát âm tiếng Việt được nữa kia.

Thôi đây, cháu gửi bác bài báo năm xưa để bác đọc lại rồi giữ làm kỷ niệm với An Nhi, ghi nhớ một thời, như bác đã nói, gọi là “Thời Sông Yên Biển Lặng”. Nhưng mà rồi, sóng gió nhất thời rồi cũng qua đi thôi. Các nhà lãnh đạo trên thế giới ngày nay họ tài giỏi lắm. Cháu tin chắc rằng họ sẽ cùng nhau ổn định được tình hình để loài người cùng nhau chung sống hòa hợp trên trái đất là hành-tinh-duy-nhất-có-người ở nên vui nhộn nhất trong vũ trụ này!

- Ôi chao, Tự à! Cái truyện ngắn họ đặt nhan đề là “Con dâu bà Tường Phát”! Gọi ngay cả tên bác ra! Kỳ quá à! Nhưng vui! À, mà sao cháu nói là chỉ có trái đất mới là hành tinh duy nhất có người ở thôi?

- Thật mà, thưa bác. Chính các nhà khoa học đã nói thế, bởi vì khi lên tận mặt trăng để thám hiểm thì họ chỉ thấy toàn là sỏi đá, không có cây cối, không có sự sống và lẽ dĩ nhiên chẳng có Chú Cuội và Hằng Nga gì ráo trọi, nghĩa là chẳng có người. Chỉ có quả đất của chúng ta mới có người ở mà thôi. Cho nên cháu cũng nhớ có một câu thơ về sự kiện này của một thi sĩ đương đại rất là hay, thật là đầy ý nghĩa:

Ở xa, tận cuối Ngân Hà

Vời trông, thấy địa cầu ta sáng ngời

Hỏi rằng: Trái Đất sao tươi?

Thưa rằng: Trái Đất... có Người... nên vui!

* *

- Hello! Thưa Bác, cháu là Tự đây mà, cháu là Tự đây!

- Ủa, trời đất! Tự đó à? Cháu đi đâu biệt tăm biệt tích, đến cả năm trời; ở ở, đến cả hai năm đó chớ, bây giờ mới nhớ tới bác?

- Dạ thưa, cháu mới về đây. Về tới nơi là gọi thăm bác liền. Nhưng chưa qua thăm bác được, tính để tới tết sẽ qua chúc mừng Mãn Mới bác luôn.

- Ủ, cũng gần tới Tết rồi, Tết Ất Dậu 2005! Nhưng mà bác hỏi: Mấy lâu nay cháu ở đâu mà không liên lạc? Nói bác nghe.

- Thì, thời gian qua, công việc làm ăn trở nên khó khăn quá, cháu phải đổi chỗ làm, khi thì tiểu bang này, khi thì tiểu bang khác, thật là vất vả. Sau bầu cử Tổng Thống, tình hình đã ổn định hơn, dễ chịu lắm rồi, nên cháu đã trở về được với việc làm cũ, gần bác đây thôi. Bác ơi, hai cháu Nô, Nu hiện nay ở đâu, Tết có về không ạ?

- À, Nô thì đã ra Đại Học từ năm đó, tốt nghiệp rồi, cũng đi làm xa. Nu thì vẫn còn đi học và ở luôn trong trường, nội trú, nhưng Tết sẽ về cả.

- Thế thì mọi người sẽ gặp lại nhau, tốt quá rồi. Bây giờ, cháu muốn thưa với bác chuyện này quan trọng lắm: Bác còn nhớ năm trước, cháu có đọc mấy câu thơ cho bác nghe không? Câu thơ nói về chuyện quả địa cầu đó mà!

- À à, nhớ nhớ. Tưởng có chuyện gì quan trọng chớ, thơ mà quan trọng chi? Nhưng bác cũng nhớ: Ông thi sĩ nào đó nói rằng: “Quả đất mà chúng ta đang ở đây là hành tinh duy nhất có người, có loài người sinh sống nên mới vui nhộn nhất khắp thế giới này, vui hăng nhứt đa”!

- Ôi chao! Không ngờ bác của cháu lại nhớ được đến như vậy, thật là đáng phục. Nhưng mà người viết ra câu thơ ấy là một bà thi sĩ, bây giờ bà ấy thấy là mình nói sai, nên đã sửa lại rồi. Cháu đem chuyện ấy ra “bình” với bác là cháu cũng sai!

Cái gì mình nói sai, làm sai, thì phải sửa lại cho đúng, phải không bác?

- Là một bà thi sĩ à? Đàn bà... “bước không qua ngọn cỏ”, mà nói chi cái chuyện trên trời dưới đất cho mệt rửa cháu? Nhưng mà thôi, chuyện văn chương chữ nghĩa bác không rành, để Tết gặp nhau là bác mừng rồi. Thôi, để Tết gặp nhau rồi nói chuyện nhiều, nghe con!

Virginia, trước thềm năm mới Ất Dậu 2005.



VŨ QUANG TRÂN

- Sinh năm: 1956 tại Đà Lạt, Việt Nam.
- Bút hiệu: Đăng Vũ, Hải Trình, Cán Sự Điện , Ký Dỏm.
- Định cư tại San Jose, CA từ 1981. Hiện làm việc trong ngành điện tử.
- Chủ nhiệm tuần báo Thời Sự (91- 93).
- Từng cộng tác với các báo Nhân Bản (Paris), Khánh Anh (Paris) Nhân Văn và Thăng Mỗ (San Jose), Tập San Y Sĩ (Canada).
- * Tác phẩm:
 - Nói chuyện với đầu máy (tạp ghi).
 - Tuyển tập truyện ngắn (truyện dịch).
 - Phụ trách tuyển tập Bút Hoa của TTVB Tây Bắc Hoa Kỳ.
 - Truyện dịch của nhà văn Gustav Morin (Slovak), đăng trong sách của tác giả).

BÃO XUÂN

Mori Yoko

Vũ Quang Trân chuyển ngữ

Ngon đèn nhỏ màu cam trên tường hành lang cho thấy thang máy vẫn còn kẹt trên lầu bảy. Natsuo nhìn đăm đăm vào nó.

Tim nàng đập rộn lên từng chập một, đến độ hơi lúc nàng có cảm tưởng nó đập trật nhịp. Nàng đang điên lên vì xúc động.

Nàng thầm nghĩ sự sung sướng tốt độ gần giống như một cơn đau vậy. Hoặc như sự kích xúc. Cũng lạ, nó không khác sự đau khổ bao nhiêu. Cảm giác nghèn nghẹn trong lồng ngực khiến nàng gần như không chịu đựng nổi.

Thang máy vẫn chưa rời khỏi lầu bảy.

Cầu thang khẩn cấp chạy dọc theo tường ngoài của cao ốc, hoàn toàn không có gì che phủ cả. Thật không may cho Natsuo, lúc này trời lại đang mưa gió.

Một trận bão xuân. danh từ, dù có vẻ lãng mạn, diễn tả một cách trung thực cơn mưa nặng hạt, giọt mưa còn bị ngọn gió thổi hơi lạnh tiết đông thổi bạt về đủ mọi hướng. Nếu Natsuo lần theo cầu thang lên lầu sáu, nàng sẽ ướt đầm nước mưa.

Nàng lấy một điếu thuốc từ xách tay ra và mồi lửa.

Nàng tự nhủ, lạ thật, chưa bao giờ mình hút thuốc khi chờ thang máy. Không những vậy, nàng chưa từng hút thuốc ngay cả trong khi đứng.

Phà khói thuốc từ trong buồng phổi ra, nàng dậm ra tư lự.

Kể từ nay mình sẽ phải chạm trán với biết bao nhiêu điều mới lạ. Mình vừa bước lên một nấc thang thật cao. Không những một, mà có thể đến mười nấc một lần. Mình đã hạ toàn bộ ba mươi bốn đối thủ.

Tất cả ba mươi bốn người kia đều là những diễn viên nhà nghề. Một người là vũ công điêu luyện hơn nàng rất nhiều. Về nhan sắc cũng không nghiêng về phía nàng. Họ đa số đều là những phụ nữ với eo thon và chân dài, đẹp như người mẫu. Một cô hai dòng máu Âu-Á có dáng dấp hấp dẫn đến nỗi ai cũng phải trầm trồ khen ngợi. Ngoài ra còn có cả những nghệ sĩ đang xuất hiện trên sân khấu nữa.

Tuy vậy, Natsuo lại là người được trúng tuyển.

Thoạt tiên, khi văn phòng tuyển lựa gọi để báo tin cho nàng biết, nàng cứ ngỡ là đang bị họ chọc ghẹo.

Nàng đã trả lời với giọng bức bối, “Ông đừng có giỡn nghe”. Lúc ấy nàng thực sự nghĩ, đó chỉ là một trò đùa ác ý. “Ông đừng có lừa tôi nữa vậy. Tôi không tin đâu”.

Người vẫn giữ vai trò ông bầu cho nàng đáp: “Vậy thì cho tôi hỏi một câu”: Bằng giọng nửa đùa nửa thật, ông tiếp: “Cô có giỡn chơi khi đến dự cuộc tuyển lựa không”?

“Lẽ dĩ nhiên là không”! Nàng quát lại. Hôm ấy nàng thật sự rất nghiêm túc, và mặc dù nàng không muốn, nhưng nàng đã tha thiết muốn dành được vai trò đó. Vì thế, trong buổi tuyển lựa, nàng đã tận dụng khả năng mình.

“Có điều chắc chắn là tôi không lấy được vai đó”, nàng nói với ông bầu. “Lúc phỏng vấn, mặt tôi đỏ như gấc”.

Mỗi khi cố tìm cách diễn tả trước mặt người khác là nàng lại bị máu dồn lên mặt khiến cho khuôn mặt mềnh đỏ bừng lên.

“Cô có vẻ rụt rè”? Một người trong ban giám khảo đã phê bình như vậy. Giọng điệu người này mang tính cách khách quan hơn là lời thăm hỏi thông cảm.

Một giám khảo khác hỏi: “Cô có nghĩ mình có tính nhút nhát không”?

Natsuo trả lời: “Tôi quả là có hơi nhát”, đồng thời với cái cảm giác tê tái là nàng đang đổ mặt tía tai và bàn tay đang ướt đầm mồ hôi.

Tay giám khảo thứ ba thêm vào, “Nhân vật chính rong kịch bản là một phụ nữ cương nghị cùng một ý chí sắt đá. Hẳn là cô biết điều đó”.

Natsuo biết được sự e ngại đang len lỏi trong ban giám khảo. Bảo đảm nàng sẽ thất bại nếu không làm ngay cái gì. Nàng ngược mặt lên.

“Sự thực là tôi không giỏi tự diễn đạt, hoặc tự biện hộ cho riêng cá nhân tôi trước mặt mọi người. Nhưng khi thủ diễn một vai đào, lại là một chuyện khác. Hoàn toàn khác hẳn. Nàng cố vớt vát: “Tôi rất rụt rè”. Nhưng tôi có thể thủ vai người khác một cách dễ dàng”.

“Khi tôi cần diễn tả cảm xúc của một nhân vật khác, tôi không thấy có lý do gì phải e ngại cả. Nàng quả quyết: “Tôi có thể bình tĩnh giữ trọn vai trò đó”.

“Thế thì tốt lắm, vậy bây giờ cô sẵn sàng diễn thử vai một người khác chưa”? Giám khảo chính vừa nói vừa nghiêng đầu làm hiệu về phía sân khấu.

Natsuo bước vào sau phía cánh gà, cố gắng tự trấn tĩnh. Khi nàng bước trở ra sân khấu, đối diện họ với sự tự tin, nàng đã không còn là một phụ nữ nhút nhát, đổ mặt tía tai nữa.

Tuy vậy, không thể nào đoán được sự lượng định của ban giám khảo về khả năng diễn xuất của nàng. Họ gần như không để lộ một tí tình cảm nào cả. Khi màn diễn thử vừa dứt, người ta chỉ nghe lí nhí một loạt những tiếng cảm ơn. Thế thôi!

Ông bầu của nàng vẫn còn bên kia đầu dây. “Tôi không rõ các nghệ sĩ hạng ba thì thế nào, nhưng tôi có thể đoán chắc với cô rằng hầu hết các nghệ sĩ giỏi đều là những kẻ nhút nhát, ngại thơ và thường xuyên bị hồi hộp”.

Đoạn ông thêm: “Nếu cô không tin, cô cứ lên văn phòng kịch đoàn để đọc kết quả tận mắt đi”.

Natsuo quyết định thực hiện ngay điều đó.

Về phía một hành lang tối đèn, một nhóm người nam lẫn nữ đang chăm chú nhìn vào tấm bảng đen lớn. Mặt bảng còn đầy vết phấn viết đã bôi xóa, nhưng trên đầu bảng có ghi danh sách nhân vật cho vở nhạc kịch, với tên các nam nữ nghệ sĩ được tuyển lựa cho mỗi vai trò.

Tên Natsuo đứng hàng thứ nhì trên bảng. Nét chữ to và bay bướm. Tên trên đầu hết là nam diễn viên đồng thủ vai chính với nàng. Ông này là một nghệ sĩ nổi tiếng trong ngành nhạc kịch.

Natsuo lặng người đi khoảng mười phút. Mắt đắm đắm nhìn vào tên mình trên bảng. Tên nàng, nhưng nàng có cảm tưởng nó thuộc về người khác. Mắt dán chặt vào cái tên, nàng lui lại vài bước, đoạn quay người lại bước vội ra cửa. Nàng quên bẵng cả việc ghé qua văn phòng cảm ơn mấy người làm việc trong đó.

Một lúc sau niềm vui mới ập đến với nàng.

Trời đang mưa và gió. Nàng có đem theo dù, nhưng nàng bước đi mà không nghĩ đến việc mở dù. Cuối cùng khi chợt nhận ra điều đó, nàng ngừng lại để mở cây dù.

“Tôi thành công rồi!” Nàng reo to. Vận may đã tới với nàng. Một niềm vui khôn tả bắt đầu dâng lên trong nàng, chẳng khác nào đám bọt chen nhau xối lên miệng chai sâm-pan, và không riêng gì hạnh phúc, cả sự đau khổ cũng kéo đến, dâng lên, hạ xuống, theo ngọn triều của sự day dứt (?) nào đó. Khoảnh khắc chiến thắng nàng đang hưởng nó là như vậy.

Khi bình tĩnh trở lại, nàng thấy mình đang đứng trong hành lang căn chung cư của nàng. Người đầu tiên nàng muốn báo cái tin vui ấy, lẽ dĩ nhiên là Yusuke, chồng nàng.

Thang máy có vẻ bị hỏng. Nó chẳng nhúc nhích gì cả. Nàng đợi thang đã bao lâu rồi? Mười phút, đôi ba phút? Nàng không có một ý niệm nào cả. Giác quan của nàng dường như bị tê dại đi. Chiếc đồng hồ tròn treo trên tường chỉ 9 giờ 25. Cuối cùng Natsuo chờ không nổi đành quay lưng đi.

Cầu thang khẩn cấp tréo qua tréo lại với bậc thang thật dốc và chỉ vừa đủ rộng cho một người đi nên Natsuo không trường dù ra được. Nàng phải chạy thật nhanh lên lầu.

Khi lên tới lầu sáu, tóc nàng đã sưng nước vì không có áo mưa, quần áo nàng cũng ướt đẫm. Nhưng Natsuo vẫn nở nụ cười. Mặc dù ướt mềm, hơi thở hổn hển, nàng vẫn rạng rỡ với niềm hạnh phúc ngập tràn khi bấm chuông cửa phòng của nàng ở.

“Việc gì mà em cười thế? Làm cả anh sốt ruột”? Yusuke nói khi mở cửa cho nàng vào. “Em cũng ướt như chuột.”

“Thang máy không chạy”.

“Ai lại đi dùng cầu thang dưới trời mưa thế này”?

“Chỗ ở này dở quá, thang cái kiểu đó”! Nàng tươi cười nói. “Thôi mình dọn đi chỗ khác đi anh

“Em làm như đơn giản lắm”. Yusuke xệch miệng cười và ném cho nàng cái khăn lông.

“Nhưng điều đó đơn giản lắm anh”.

“Đào tiền đâu ra mà dọn”?

“Anh kiên nhẫn đi. Mình sắp có tiền rồi.” Natsuo vừa thay áo vừa vui vẻ nói.

“Em vừa trúng tuyển phải không”? Yusuke vừa nói vừa nhìn Natsuo một cách xoi mói.

Natsuo giương mắt nhìn lại Yusuke. Anh chàng có vẻ sốt ruột, nín thở chờ đợi câu trả lời của nàng.

“Natsuo, em có trúng tuyển không”? Anh hỏi lại lần nữa mà vẻ mặt bí xị, hai vai xệ xuống, trông thật tội nghiệp.

Nàng thốt lên! “Làm...làm sao mà em trúng được? Em nói đùa cho vui thôi”!

Yusuke nhú mày lại. “Em trượt hả”?

“Thì anh biết đó, em phải tranh tài với đám nhà nghề, toàn những nghệ sĩ dày kinh nghiệm diễn xuất. Làm sao em thắng nổi họ”? Natsuo đọc tên vài nữ nghệ sĩ đã đến dự tuyển.

“Em không trúng tuyển”? Yusuke lặp lại, những đường nhăn càng đậm thêm. “Em làm ơn trả lời anh một cách rõ ràng đi. Em vẫn chưa cho anh biết là em có trúng tuyển hay không?”

“Cái anh này ác thật” Natsuo lấp bắp. “Đáng lẽ ra anh đã phải đoán ra rồi. Đằng này anh buộc em phải nói toạc hẳn ra. “Ánh mắt chàng chạm phải tia nhìn của chồng. “Em không được chọn”, nàng vừa nói vừa nhìn tránh đi chỗ khác. “Em trượt một cách thê thảm”.

Im lặng, Natsuo dùng khăn lau tóc, nàng thấy khó hiểu và kinh hãi lời nói dối của mình.

“Không có gì chơi phải không”? Yusuke vừa nói vừa dậm bước xuống bếp. “Quả thực trong một phút nào đó anh có cảm thấy ngỡ ngàng thật”.

“Sao vậy? Bộ anh chắc là em rớt đài phải không? Natsuo lên tiếng sau lưng Yusuke, giọng thử thách sự thành thật của Yusuke.

“Thì em độ sức với dân nhà nghề”. Giọng Yusuke chẳng có gì an ủi cả. “Biết làm sao hơn. Mai một lại có dịp khác”.

Mặc dù Yusuke tỏ vẻ thông cảm, sự sung sướng dường như tỏa ra khắp người anh.

“Em thấy như anh có vẻ sung sướng khi em thất bại và để vuột mất cơ hội vậy”.

Trong khi chải đầu, Natsuo quan sát vẻ mặt trong cái gương soi nhỏ treo trên tường. Nàng thầm nói với hình ảnh của mình trong gương, mi là đồ nói láo! Bây giờ làm sao thoát khỏi cái mớ bòng bong mi tự bày ra cho mình đây?

Yusuke đặt ấm nước lên bếp rồi bảo nàng, “Anh đâu có vui được khi thấy em thất bại”. Lời nói của anh đượm vẻ hối lỗi. Có điều em có biết là cũng không hẳn là tốt cho em nếu bất thành lĩnh em được chọn diễn một vai trò quan trọng như vậy.”

“Tại sao không?”

“Bởi vì em trở thành một minh tinh. Một đại minh tinh.”

Giọng Natsuo chùng xuống, “Anh chỉ vẽ chuyện thôi.”

“Khi sự kiện đó xảy ra, chồng em trở thành giống như Judy Garland phu quân. **Asai Yusuke** sẽ hoàn toàn biến mất, và thay vào đó sẽ chỉ tuyên là phu quân của **Midori Natsuo**. Anh không ham điều đó.”

“Anh chỉ khéo tạo nên vấn đề cho mình,” nàng nói: “Anh là anh. Anh là một soạn giả tên là **Asai Yusuke**.”

Một soạn giả mà có lẽ trong thời gian sắp tới đây sẽ phải soạn nhạc kịch.”

“Nhưng soạn nhạc kịch không phải là ước mơ của anh à”? Natsuo dụ giọng. “Giả sử, giả sử thôi, là em thành công ngay trong bước đầu vào nhạc kịch. Khi tiếng nói của em trở nên có ảnh hưởng và người ta bắt đầu nghe em. Em sẽ để cho anh soạn lời cho một vở nhạc kịch.”

“Yusuke bắt bẻ lời đề nghị của Natsuo.” Chàng nói: “Để cho anh soạn lời hả”? Em giả sử nếu em nói cái giọng đó là thật thì sẽ thế nào”?

Cái ấm nước bắt đầu sôi. Yusuke tắt bếp, cho cà phê bột vào hai tách nước rồi rưới nước sôi vào đó.

“Em có biết chuyện của Ingrid Bergman không”? Yusuke hỏi, ánh mắt xa xăm. Ông chồng thứ ba của bà ấy là một ông bầu kịch đoàn nổi tiếng. Một ông bầu tài nghệ.” Chuyển tách cà phê cho Natsuo, Yusuke tiếp. “Một hôm bà Bergman hỏi ông chồng bầu kịch đoàn của mình, “Tại sao anh không tìm cho em một vở kịch hay hay để em trình diễn”? Ông này trả lời, “Bởi vì em là con ngỗng đẻ trứng vàng. Bất cứ vở kịch nào có em thủ diễn trong đó đều sẽ thành công cả. Bảo đảm sẽ bán hết vé. Đối với anh, điều đó quá dễ đi.” Yusuke chậm rãi nhấp từng ngụm cà phê. Đoạn qua làn hơi nước, anh nói thêm. “Anh hoàn toàn thông cảm với ông ta.”

Natsuo tư lự, “Như vậy có nghĩa là em sẽ phải giữ một vai trò phụ suốt đời hay sao”?

“Biết đâu được, một ngày gần đây có thể anh sẽ trở nên nổi tiếng. Yusuke thở dài. “Hoặc em sẽ nổi tiếng trước”.

“Thế anh sẽ làm gì, nếu điều sau xảy ra”?

Yusuke nhìn vào tách cà phê, “Thì, nếu điều ấy xảy đến, mình sẽ phải ly dị nhau. Đó là giải pháp tốt nhất. Như vậy cả hai đứa mình đều sẽ không phải bận tâm vì những vấn đề vật vãn”.

Natsuo bước về hướng cửa sổ, nàng hỏi: “Anh thật tình muốn vậy hả”?

Yusuke tiến đến bên nàng, “Ừ! Đó là cách xử sự duy nhất trong hoàn cảnh này. Như vậy anh mới có thể thật tâm mừng cho em được”.

“Một người chồng không thể nào mừng cho sự thành công của vợ mình được hay sao”?

“Người chồng thứ nhì của Ingrid Bergman là ông Roberto Rossellini. Em biết ông nói lời từ biệt như thế nào không? Ông bảo “Anh đã quá mệt mỏi phải sống cuộc đời của ông Ingrid Bergman. “Ông Rossellini mà còn thấy như vậy”.

“Nhưng anh không phải là Rossellini, em cũng không phải là Bergman”.

“Tình cảnh của mình còn tệ hơn thế nữa kia”!

Từng chớp, nước mưa hắt vào cửa sổ.

Yusuke thì thầm, “Khi trận bão xuân này qua đi, anh mong chờ hoa đào sẽ bắt chợt nở rộ”.

“Trận bão khác lại đến, hoa đào sẽ rơi rụng, rồi mùa hè sẽ tiếp theo sau đó”. Lấy tay vuốt ngược mái tóc còn ướt ra đằng sau, Natsuo quay lại nhìn một vòng căn phòng quen thuộc của họ.

“Từ này đến giờ cứ đứng mãi, em không mỏi chân à”?

Yusuke dịu dàng hỏi. Nàng lắc đầu.

Yusuke nhìn nghiêng khuôn mặt vợ nói “Em nhìn căn phòng của mình giống như em mới thấy nó lần đầu vậy. Hay là em nhìn nó một lần cuối”?

Sững sờ với câu nói này của Yusuke, Natsuo bất giác cho tay vào túi sách lấy điếu thuốc lá ra đưa lên môi. Yusuke rút cái

bạc lửa trong túi ra, châm lửa cho nàng.

Nàng hỏi: “Anh không tiếp tục làm việc tối nay à”?

“Thôi! Thôi không làm nữa”.

“Chuyện gì vậy”?

“Anh không thể nào tập trung tư tưởng nếu có người cùng ở trong phòng. Em biết điều đó cơ mà”.

Natsuo gật đầu.

“Em nên ngồi xuống thì hơn”?

“Chi vậy”?

“Anh thấy có cái gì không ổn khi em cứ đứng đó mà hút thuốc”.

Natsuo trông xuống điều thuốc lá trong tay. “Đây là lần thứ nhì trong ngày em đứng hút”. Những tiếng nói thoát khỏi miệng nàng như có ý chí riêng của nó. Lưng quay về phía Natsuo, Yusuke đang nhặt những mảnh giấy viết nằm vung vãi trên mặt bàn.

“Em đã được họ chọn phải không”? Giọng anh trầm xuống đến độ tiếng cuối cùng trở nên gần như mất hẳn.

“Sao anh biết”?

“Anh biết ngay từ đầu”.

“Từ đầu”?

“Từ lúc em bước vào phòng. Toàn thân em nó reo lên cái câu: “Được rồi, em đã thắng cuộc”! Em run cầm cập như con mèo ướt, nhưng nét mặt em rạng rỡ như cây thông mùa Giáng sinh vậy”.

Natsuo không trả lời.

“Bằng chứng rõ rệt nhất là cách em đang hút thuốc bây giờ”.

“Anh nhận thấy điều ấy hả”?

“Ừ”.

“Em cũng thế. Em chợt nhận ra điều ấy khi đang đợi thang máy dưới nhà. Lúc ấy em nóng ruột quá, em đã hút một điều thuốc trong khi đứng. Em có cái cảm giác thật lạ về em”.

“Em cảm thấy em như một nhân vật nổi tiếng”.

“Em cảm thấy mình đã vượt quá chính mình”.

“Nhưng trông em bây giờ chẳng phải là em tí nào”.

“Không, không phải em”.

“Tốt nhất em không nên đứng hút nữa”.

Vài giây im lặng.

“Anh không mừng cho em à”? Natsuo hỏi.

Yusuke không trả lời ngay.

“Từ một cảm nhận nào đó, anh nghĩ việc sẽ xảy ra như vậy,”Yusuke tiếp. “Anh biết cái phút này sẽ đến”.

Yusuke lại nói tiếp, Em biết không, ông Rosselini này...”

“Mình dẹp chuyện đó đi được không”?

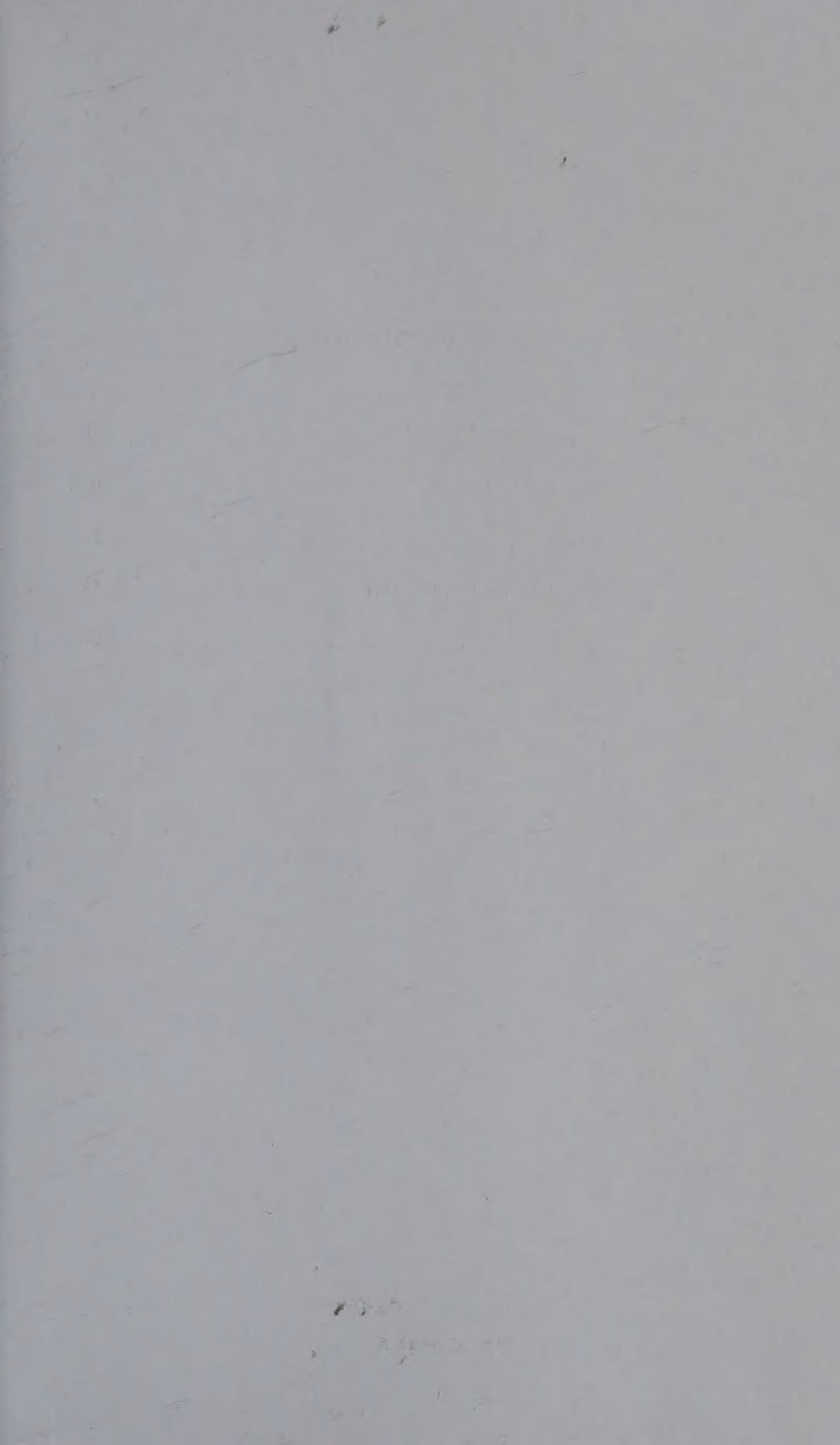
“Em làm ơn nghe anh nói đây. Ông Rosselini rất ghen và ông không muốn thấy vợ mình làm việc cho bất cứ một đạo diễn nào khác ngoài ông ta ra. Ông thường bảo bà, “Em đừng đóng vở kịch đó, vì nó sẽ thất bại nặng đấy”. Rồi một lần, bà Bergman lờ đi không nghe lời cảnh cáo của chồng mình, bà đi thủ diễn một vở lịch. Vở kịch ấy thành công lớn. Ông Rosselini đứng trong cánh gà nhìn ra sân khấu. Khi trở ra chào khán giả, bà Bergman vừa cúi đầu chào vừa liếc nhìn vào trong. Ánh mắt hai người gặp nhau. Ngay giây phút đó, tiếng vỗ tay của khán thính giả vang dội lên ... Hai người cùng hiểu cuộc tình của họ đã chết! Yusuke ngừng lại, đoạn thêm vào, “Anh sẽ đến dự buổi ra mắt vở nhạc kịch của em”.

Từ bên hông phòng, Natsuo lặng nhìn khuôn mặt chồng nàng. Anh cũng nhìn sang phía nàng. Anh mất hai người gặp nhau.

Mục Lục

BẮC GIANG:

Thử so sánh Thanh Tâm Tài Nhân với Thi Hào Nguyễn Du	5
DIỆU TÂN: Dòng sông chia cắt	21
ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG: Nhà Tây Sơn qua ca dao	33
NGUYỄN TẤN ÍCH: 30 năm sau	55
HUYỀN VĂN PHÚ: Nha Trang như một cơn mê	69
KATHY TRẦN: Văn chương	79
KIM VŨ: Chim non	91
LINH VANG: Chiếc bóng bên đường	97
MINH ANH: Tình Yêu	105
NGUYỄN ÁI LỮ: Đóa hồng nhung	113
NGUYỄN PHÚC SÔNG HƯƠNG: Trăng trên sông Hương	123
NGUYỄN TRUNG DŨNG: Cơn Bão Mùa Đông	131
PHẠM NGUYỄN LƯƠNG: Mùa thu khó quên	139
PHẠM QUANG TRÌNH: cuộc vượt thoát	167
PHẠM VIỆT HÙNG: Kẻ thoái hóa	187
PHƯƠNG DUY: Biển tình	205
SƠN TÙNG: Ra đi	219
THANH THANH LÊ XUÂN NHUẬN: Bụi đất và hư vô	235
TRẦN THIÊN TƯỜNG: Những pho tượng	247
TUỆ CHƯƠNG: Những thiên thần	257
THÚY SƠN: Cô tư bầu	265
TRÚC GIANG: Vùng trời ký ức	277
VI KHUÊ: Nhớ một thời biển lặng sóng yên	295
VŨ QUANG TRẦN: Bão xuân	305





BẮC GIANG:

Thử so sánh Thanh Tâm Tài Nhân với Thi Hào Nguyễn Du

DIỆU TÂN: *Dòng sông chia cắt*

ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG: *Nhà Tây Sơn qua ca dao*

NGUYỄN TẤN ÍCH: *30 năm sau*

HUỲNH VĂN PHÚ: *Nha Trang như một cơn mê*

KATHY TRẦN: *Văn chương*

KIM VŨ: *Chim non*

LINH VANG: *Chiếc bóng bên đường*

MINH ANH: *Tình Yêu*

NGUYỄN ÁI LỮ: *Đóa hồng nhung*

NGUYỄN PHÚC SÔNG HƯƠNG: *Trăng trên sông Hương*

NGUYỄN TRUNG DŨNG: *Người đi khò kheo*

PHẠM NGUYỄN LƯƠNG: *Mùa thu khó quên*

PHẠM QUANG TRINH: *cuộc vượt thoát*

PHẠM VIỆT HÙNG: *Kẻ thoát hóa*

PHƯƠNG DUY: *Biển tình*

SƠN TÙNG: *Ra đi*

THANH THANH LÊ XUÂN NHUẬN: *Bụi đất và hư vô*

TRẦN THIÊN TƯỜNG: *Những pho tượng*

TUỆ CHƯƠNG: *Những thiên thần*

THÚY SƠN: *Cô tư bầu*

TRÚC GIANG: *Vùng trời ký ức*

VI KHUÊ: *Nhớ một thời biển lặng sóng yên*

VŨ QUANG TRẦN: *Bão xuân*

www.tuluc.com



0020852

Price: \$15.00

Set: 1 ; Loc: B12